NĂM THỨ TƯ • SỐ 40 • THÁNG TÁM 1992

THẾ KỶ 21

THỜI SỰ • KHOA HỌC • VĂN NGHỆ

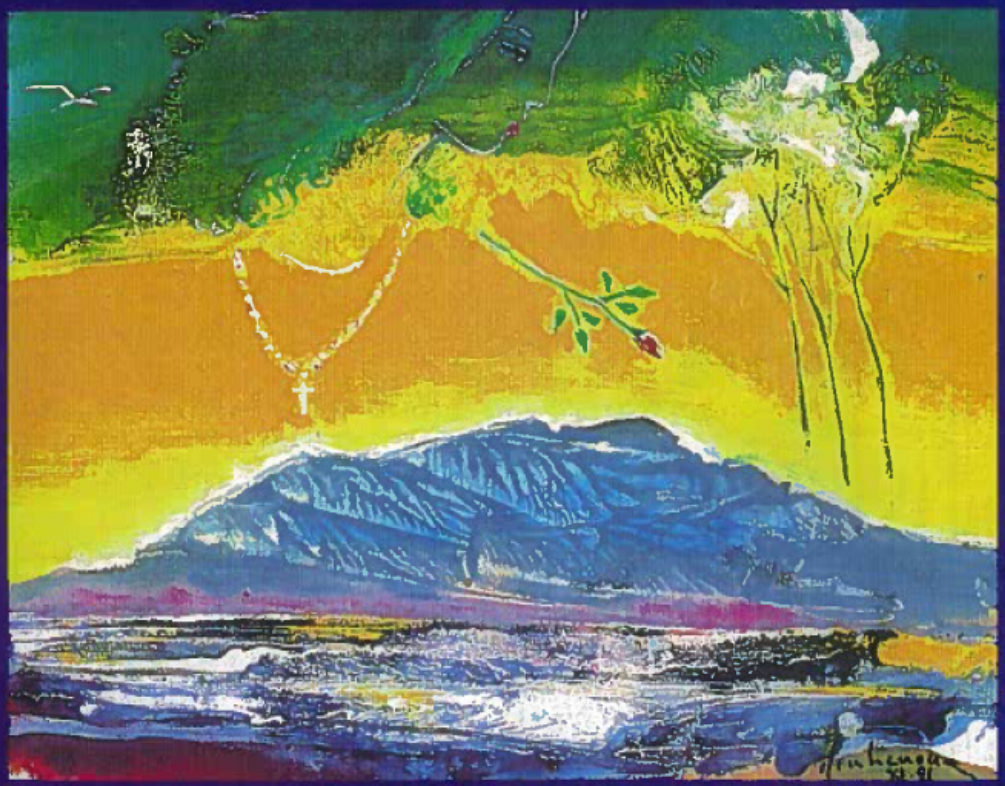

THƯ SAIGON: CHIẾN TRANH NHÀ ĐẤT, của HỨA TRÚC

STASI - NỖI ĐAU CỦA LƯƠNG TÂM NƯỚC ĐỨC, của THẾ GIANG

CỘNG ĐỒNG VIỆT NAM Ở ORANGE COUNTY ĐỔ NHỚT ĐI ĐÂU? của PHAN N. HUYÊN

CÁI CHẾT CỦA MỘT NHÀ VĂN, truyện ngắn TRẦN THỊ NgH.

LITTLE SAIGON
SUPERMARKET
小西貢超級市場

CÁC GIẢI TRÚNG:

Giải Nhất	* Mitsubishi EX45-L Mini Van
Giải Nhì	*Xe gắn máy - Honda Elite 80
Giải Ba	* Máy giặt & Máy sấy - Whirpool
Giải Bốn	* Tủ lạnh - Kennmore
Giải Năm	* Tivi mầu - 27" Mitsubishi
Giải Sáu	* Cassette CD PCX610
Giải Bảy	* Microwave - G.E.
Giải Tám	* 1 nồi cơm điện hâm nóng - Hiệu National SR-SA15N
Giải Chín	* Nồi cơm điện như trên
Giải Mười	* Nồi cơm điện như trên

SALE!

CHỢ LITTLE SAIGON CÓ 10 CÁI NHẤT

- **Chợ lớn NHẤT**
- **Hàng nhiều NHẤT**
- **Thịt, cá, rau tươi NHẤT**
- **Đủ loại hàng thực dụng NHẤT**
- **Giá cả các loại hàng hạ NHẤT**
- **Đã có tặng phẩm nhiều NHẤT**
- **Tiếp đãi ân cần NHẤT**
- **Địa điểm thuận lợi NHẤT**
- **Bãi đậu xe an toàn NHẤT**
- **Và đã được mọi người ưa thích NHẤT**

design by Ngọc Phu

ĐẶC BIỆT MÙA HÈ 92

- Mỗi lần đi chợ là Quý Vị có được một dịp may.
- Mỗi người đi chợ đều có một tấm giấy số.
- Để được dự cuộc xổ số mỗi cuối tuần và một lần độc đắc với nhiều Tặng Phẩm thiết dụng đáng giá như trên.

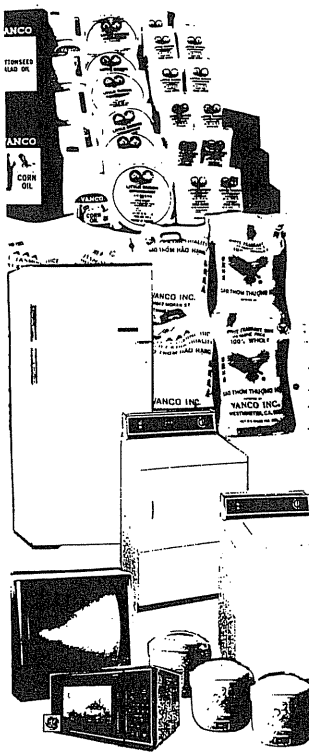

Vé Số của chợ* LITTLE SÀIGÒN *được xổ nhiều lần vào mỗi ngày Chủ Nhật - Cuối tuần vào lúc 5 giờ chiều. Khi xổ xong được bỏ vào trở lại để tiếp tục xổ vào những lần kế tiếp - và sổ Độc Đắc.

LÔ ĐỘC ĐẮC ĐƯỢC XỔ VÀO **NGÀY 31-10-1992**

. Rủ nhau đi chợ **Little Sàigòn** để được dự cuộc Xổ Số hào hứng nhứt của **Mùa Hè 92.**và được mua hàng trăm món hàng SALE khác.

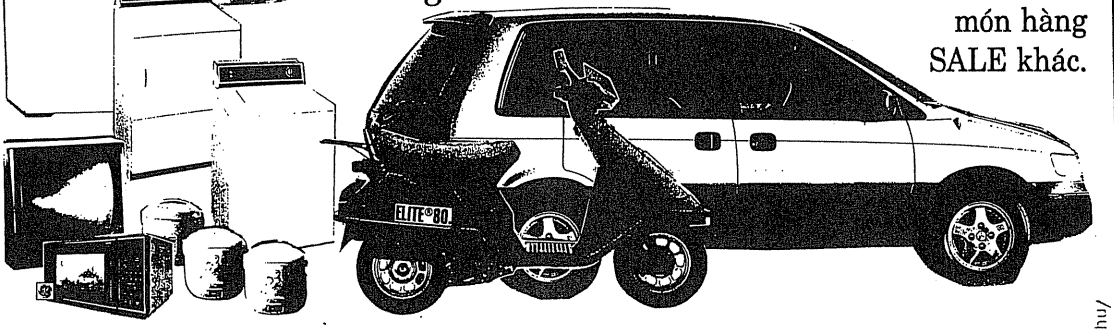

design by Ngọc Phu

100 NGƯỜI NÓI, 1000 NGƯỜI TIN, 100.000 NGƯỜI ĐẾN

9822 BOLSA AVE. • WESTMINSTER, CA 92683 • TEL: (714) 531-7272

KỶ NIỆM ĐỆ NHỊ CHU NIÊN

富麗華海鮮大酒樓

FURIWA

ORANGE COUNTY

CHINESE SEAFOOD RESTAURANT

13826 - 13828 BROOKHURST ST., GARDEN GROVE, CA 92643

Tel. (714) 534-3996 - (714) 534-3997

(trên đường Brookhurst & Westminster, đối diện tiệm TARGET & kế bên chợ THIFTY, trong khu chợ KINH ĐÔ & ĐÔNG LỢI)

BAN GIÁM ĐỐC VÀ ĐẦU BẾP MỚI

LUNCH SPECIAL $3.50 / phần
(46 món ngon tha hồ lựa)
TIỆC SINH NHẬT trên 10 người
sẽ được tặng 1 bánh sinh nhật.

Nhà hàng FURIWA lớn nhất trong vùng Orange County
Sáng: DIM SẤM KIỂU HỒNG KÔNG
Tối: SEAFOOD, TÔM HÙM, CUA,
CÁ SỐNG TRONG HỒ, CƠM PHẦN GIA ĐÌNH

NHẬN: TIỆC CƯỚI - SINH NHẬT - HỘI ĐOÀN - HỘI HỌP
Nhà hàng lớn sang trọng 50 bàn trở lên.
Parking rộng rãi
Nơi lý tưởng
để đặt tiệc cưới
và họp bạn

VISA MasterCard

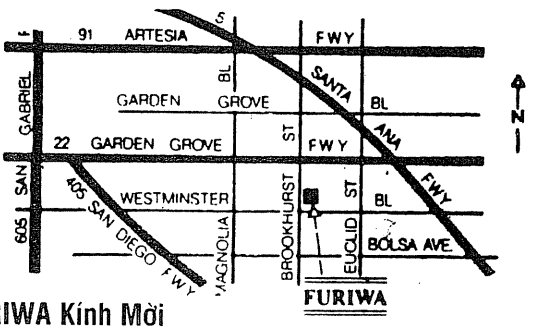

FURIWA Kính Mời

THẾ KỶ 21

THỜI SỰ • KHOA HỌC • VĂN NGHỆ

P.O.BOX 2228-260
Westminster, CA 92683
Đ.T: (714) 894-9021
Fax: (714) 894-2752

Chủ Nhiệm:
Lê Đình Điểu

Chủ Bút:
Vương Hữu Bột

Tổng Thư Ký
Nguyễn Xuân Hoàng

Giám Đốc Trị Sự
Tâm Quyên

• *Giá báo dài hạn:* Bulk Rate trong nước Mỹ: 6 số US$ 15; 12 số US$ 28; 24 số US$ 54. First class trong nước Mỹ 6 số US$ 22; 12 số US$ 42; 24 số US$ 82. Canada: 6 số US$ 23; 12 số US$44; 24 số US$ 86. Các nơi khác: *Âu Châu;* 6 số US$ 32; 12 số US$ 62; 24 số US$ 122; *Á, Úc, Phi:* 6 số US$ 37; 12 số US$ 72; 24 số US$ 142. Gửi phiếu hoặc thư đặt mua báo về P.O.Box 2228-260, Westminster, CA 92683. Đ.T: (714) 894-9021 FAX (714) 894-2752. *Quảng cáo:* Liên lạc địa chỉ nêu trên. Cước phí bulk rate trong nước Mỹ trả tại Santa Ana, California. In tại nhà in riêng Los Angeles, California. *Bài vở:* Gửi cho *THẾ KỶ 21* xin viết trên một mặt giấy; các nhân danh/địa danh xin viết bằng chữ in hoa. Nếu gửi cho nhiều báo xin ghi chú trong bài, để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng không trả lại bản thảo. Tòa soạn dành quyền cắt bỏ hay thay đổi một số chữ, nếu cần: *Tiền nhuận bút:* Tùy theo thỏa thuận giữa tòa báo và tác giả. Bài của cộng tác viên và thân hữu đăng trên *THẾ KỶ 21* không nhất thiết phản ảnh quan điểm của tờ báo. Trích đăng bài *THẾ KỶ 21* phải có sự đồng ý của tòa báo và đề rõ xuất xứ.

ISSN 1056-4640

THƯ TÒA SOẠN

Võ Nhân Trí và Nguyễn Phan Cảnh là hai người đã từng sống và phục vụ trong chế độ cộng sản, ở những chức vụ và phạm trù công tác khác nhau. Hai người gặp nhau ở một điểm: chối bỏ chủ nghĩa cộng sản. Trong Thế Kỷ 21 *số này, hai ông lên tiếng. Võ Nhân Trí cảnh giác mọi người về một thực tế: cộng sản Hà Nội chưa từ bỏ chủ trương chuyên chính vô sản đâu. Nguyễn Phan Cảnh, bằng lý luận sắc bén và dự phóng chắc nịch, cho thấy "kinh nghiệm cộng sản đã thất bại," và "sức dân" sẽ là xu thế tất yếu của lịch sử để thực sự đổi mới nước Việt Nam.*

Sức dân, nói theo ngôn từ của giáo sư thạc sĩ Nguyễn Phan Cảnh thì là "đường phố," phải chăng đã bắt đầu xuất hiện, khi Hoà thượng Thích Huyền Quang, quyền Viện trưởng Viện Hoá đạo Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất, gửi thư cho nhà cầm quyền Hà Nội, đưa ra yêu sách chín điểm về nhân quyền và dân quyền?

Tình hình trong nước đang có những chỉ dấu của một biến động lớn, cùng với vận hành chung của cả thế giới từ nay đến cuối năm "con khỉ" (Nhâm Thân), nhất là ở Mỹ — với cuộc bầu cử tổng thống tháng Mười Một tới đây. Nhà phân tích thời sự Hoàng Linh, từ Paris nhìn về Hoa thịnh đốn, cho thấy nước Mỹ đang khao khát tìm ra một "người hùng" để cứu nguy đất nước. "Người hùng" Ross Perot xuất hiện, nhưng đúng như Hoàng Linh dự đoán, Perot chưa ra đã rút; trong bốn năm tới, ông George Bush sẽ tiếp tục "ở ngôi," chờ cho hai ông Al Gore và Bill Clinton thuộc bài hơn.

Thế Kỷ 21 số này có một đặc điểm nữa là sự cộng tác của những người ở trong nước: nhà văn Trần Thị NgH., nhà báo Hứa Trúc (bút hiệu mới của một cây viết cũ), nhà giáo Phạm Phật Lăng (cũng không phải tên thật). Những sáng tác, tường trình và biên khảo từ trong nước đưa ra đáp ứng được phần nào nhu cầu thông tin và được thông tin giữa hải ngoại và quốc nội, giảm bớt được phần nào sự chia cắt dân tộc về mặt văn hoá, cụ thể là "tiếng Việt ngày nay," như nhà báo lão thành Lê Thái Bằng nhận định (trang 33).

Lê Thái Bằng là một trong số những văn nghệ sĩ vừa rời khỏi Việt Nam, tiếp tục cầm bút. Cũng như Sơn Điền Nguyễn Viết Khánh, Nguyễn Sỹ Tế, Hoàng Ngọc Liên, Huỳnh Hữu Ủy, Duy Lam,...đã và sẽ đến với Thế Kỷ 21 *của chúng ta.*

Để Thế Kỷ 21 *số Tết Quý Hợi (tháng Giêng 1993) được phong phú, hấp dẫn, toà soạn xin mời quý vị và các bạn chuẩn bị gửi bài, ngay từ bây giờ.* Thế Kỷ 21, *kể từ số 39 vừa qua, không còn là một bộ phận của công ty Người Việt — tuy vẫn có những mối giao hảo — cho nên đã có và sẽ có những thay đổi về quản trị và điều hành. Một trong những thay đổi cần được nhắc đến ở đây là mọi liên lạc thư từ, tiền bạc xin đề tên và gửi về* Thế Kỷ 21, *PO BOX 2228-260, Westminster, CA 92683; điện thoại (714) 894-9021; fax (714) 894-2752.*

LÊ ĐÌNH ĐIỂU

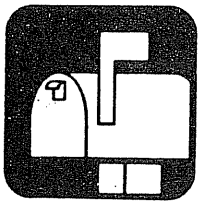

Thư độc giả

Tầm quan trọng của lá phiếu tại Hoa kỳ

Ở Hoa Kỳ có hai yếu tố có thể gây ảnh hưởng đến chính giới cũng như chính sách cả đối ngoại lẫn đối nội: tiền bạc, hoặc sức mạnh chính trị biểu hiện qua lá phiếu. Người Cuba đã biết khôn khéo vận dụng cả hai yếu tố này. (...) Còn người tị nạn Việt Nam chúng ta, tuy đã có mặt trên đất nước này 17 năm, với xấp xỉ gần một triệu người, nhưng vẫn chưa tạo nổi một chỗ đứng tương xứng, một áp lực đủ mạnh, để có thể tạo ảnh hưởng nơi chính giới Mỹ cũng như chính sách của Mỹ, đặc biệt đối với vấn đề Việt Nam. (...) Một thí dụ cụ thể: Ở thị xã Westminster, tuy người Việt chiếm 23% dân số, nhưng chúng ta không có lấy một nghị viên, và số người [Việt] đi bầu chỉ có 3%. Như vậy làm sao chúng ta có thể tạo ra được ảnh hưởng?

(...) Chỉ khi nào cộng đồng đã chứng tỏ cho thấy sức mạnh thực sự của tập thể tị nạn chúng ta, chỉ lúc đó tiếng nói cũng như quan điểm của chúng ta mới được chú ý lắng nghe.

LS Phạm Văn Phổ
(Westminster, CA)

Tương trợ bạn văn

Tôi vừa nhận được thư anh Hoàng Ngọc Liên, mới tới Mỹ, hiện cư ngụ tại Portland, OR. Anh không nói ra, nhưng một vài anh em khác cho biết, anh hiện đang gặp khó khăn. Vậy, tôi tự ý làm công việc kêu gọi tương trợ, để anh em văn nghệ sĩ, tuỳ khả năng, giúp anh Liên. Check hay money-order xin đề Hoàng Ngọc Liên, và gửi về 6528 Ne Til Lamook St. #180, Portland, OR 97213. ĐT (503) 254-4819.

Hồng Dương
(Stockton, CA)

Không nên đăng lại tin tức cũ

Mở đọc tạp chí Thế Kỷ 21 của chúng ta, những số gần đây, tôi nhận ra ngay tờ báo đang có những đổi mới: những cột thời sự xen lẫn những sáng tác văn, thơ, những biên khảo, nhận định...Những đổi mới tất nhiên có cái hay. [Nhưng] tạp chí Thế Kỷ 21 của chúng ta ra hàng tháng, tin tức thời sự tất nhiên là muộn màng (...), không tránh được sự nhàm chán, và tất nhiên giá trị của tờ báo giảm đi. Nếu Thế Kỷ 21 đăng lại tin tức với dụng ý dành cho các độc giả ở các quốc gia thông tin bị bưng bít, nhất là ở trong nước [Việt Nam], thì công bằng mà nói, các độc giả này lại rất ít so với các độc giả ở các quốc gia tiến bộ, tự do.

Đoàn Nhật
(Springfield, VA)

Hội Giáo chức VN tại Hoà Lan

Chúng tôi vẫn nhận được đều tạp chí TK21, kỳ này lại được hai số, chúng tôi sẽ tặng cho một bạn giáo chức khác, thành thật cám ơn. Trong số vừa rồi, bài của Đỗ Quý Toàn rất hay. Hy vọng những kỳ kế tiếp cũng có những bài có chất lượng như thế, để các giáo chức ở Hoà Lan có thêm tài liệu photocopie gởi cho các phụ huynh.

Kính nhờ quý vị đăng tin của Hội Giáo chức Hoà Lan để có thể làm quen với các Hội đoàn khác.

Hội Giáo chức Việt Nam tại Hoà Lan đã chính thức được thành lập ngày 25-1-1992, nhiệm kỳ 1992-94 có ban Chấp hành gồm: Chủ tịch, Bà nguyễn thị Trang; Phó Chủ tịch, Bà Lê thị Ngữ; Thư ký kiêm Thủ quỹ, Ông Trần văn Điền. Địa chỉ liên lạc: V.V.L.N., Erik Satiestraat 11 Muziekuyk, 1323 SL Almere, Holland.

Nguyễn Thị Trang
(Almere, Holland)

Sai một chữ thôi!

Bài thơ của tôi đăng số tháng Bẩy vừa rồi sai một chữ nặng quá.

Hồn dựa vào trang sử
Ta nuôi thân bơ vơ
Gương anh hùng liệt nữ
Lòng thắp nén hương thờ

Chữ liệt nữ đánh ra là liệt sĩ, vừa sai "ý" vừa sai "vận" của bài thơ.

Trần Mộng Tú
(Seattle, WA)

Cần chuẩn hoá nhiều thứ

Mới đây, ông Lương Vĩnh Tước, một chuyên gia tin học, cũng đã đặt vấn đề [chuẩn hoá]. Có đoạn ông Lương viết: "Ngoài trở ngại ngôn ngữ ra còn nhiều khác biệt về văn hoá ảnh hưởng đến việc phát triển nhu liệu. Một vài tiêu biểu: Hệ thống lịch (người Việt dùng cả dương lịch và âm lịch); dạng ngày tháng (ngày/tháng/năm thay vì tháng/ngày/năm như dùng ở Hoa Kỳ); dạng giờ giấc (dùng hệ thống 24 tiếng thay vì AM/PM); dạng số (một ngàn = 1.000 thay vì 1,000 như ở Hoa Kỳ, và 1,3 thay vì 1.3); dạng tiền tệ (đồng là đơn vị ký hiệu là đ thay vì dollar với ký hiệu $ như ở Hoa Kỳ); mẫu tự (ă ă ê, v.v...là những mẫu tự phải có); và còn nhiều sự khác biệt nữa..."

Phan Đình Thìn
(Emerainville, Pháp)

MỤC LỤC

THẾ KỶ 21, SỐ 40, THÁNG TÁM 1992

THỜI SỰ

6 Có thật Đảng Cộng sản từ bỏ chuyên chính vô sản? — *Võ Nhân Trí*

8 Giáo hội Phật Giáo Việt Nam Thống nhất đòi tự do tôn giáo.

9 Những người cộng sản không biết rút lui, đường phố sẽ lên tiếng. — *Nguyễn Phan Cảnh*

10 Đảng Cộng sản Liên Xô ra toà.

11 Vài cảm nghĩ về hiện tượng Ross Perot — *Hoàng Linh*

13 Các ông Lê Hưng và Lâm Quang ứng cử thị xã.

14 Bão "Chuck" gây thiệt hại ở Việt Nam.

15 Tôi không thèm dọn vào căn nhà ở đại lộ Pennsylvania. — *Bùi Bảo Trúc*

17 Mật vụ Đông Đức Stasi . . . — *Thế Giang*

19 Vai trò của Đức quốc trong cộng đồng Âu châu — *Nguyễn Hữu*

21 Thư Saigon: Chiến tranh nhà đất — *Hứa Trúc*

28 Bầu cử quốc hội làm dân Saigon vất vả.

79 Khoá Tu nghiệp Sư phạm 1992.

80 Tự do và khủng bố trong một chuyến đi — *Trương Vũ*

81 Thông cáo của Văn Bút VNHN — *Trang Châu*

82 Nhận định của Trung tâm Văn Bút/Ontario — *Trà Lũ Trần Trung Lương*

KHOA HỌC

24 Từ con cá sấu, con cù . . . — *Lê Văn Hảo, Huỳnh Hữu Uỷ*

39 Cộng đồng Việt Nam ở Orange County đổ nhớt đi đâu? — *Phan N. Huyên*

43 Bước vào thế kỷ 21, không thể không có điện toán. — *Phan Sinh*

45 Kế hoạch hoá gia đình ở Trung Quốc

47 Vấn đề tình dục trên bình diện toàn cầu — *Nguyễn Hữu*

48 Tìm hiểu đặc khu kinh tế tại Trung Quốc — *Trùng Dương Nguyễn Thị Thái*

53 Giặt đồ không cần bột giặt

85 Phi cơ chiến đấu phản lực FSX — *NH*

VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

23 Thơ tình năm hai ngàn — thơ, *Du Tử Lê*

56 Điện ảnh: Người tình không có thật — *Sean French/NĐT*

57 Phạm Duy: Mai sau dù có bao giờ — ký, *Ngô Văn Nam*

60 Quỳnh Giao và Khúc Nguyệt Quỳnh — ký, *H. Ph.*

61 Sasha Alexeev — ký, *Bích Huyền*

62 Những nếp nhăn — thơ, *Erica Jong/Phạm Việt Cường*

63 Về — thơ, *Phạm Duy*
66 Cái chết của một nhà văn — truyện, *Trần Thị NgH.*
69 Chẳng lẽ nào — thơ, *Phạm Cao Dao*
70 Trường thi Thất Bảo Ả Rập — thơ, *Lưu Văn Vịnh* dịch và giới thiệu
72 Nói chuyện với đầu gối — truyện, *Nguyễn Tường Phong*
73 Cho người nằm xuống — thơ, *Nhất Uyên*
75 Nhạc sĩ Hoàng Trọng đến Mỹ.
77 Bạch khuyển tam túc — truyện, *Phạm Xuân Hy* dịch
78 Nhìn qua tình hình tiểu thuyết đương đại . . . — biên khảo, *Phạm Phật Lăng*
83 Nhà văn Nguyễn Sỹ Tế gặp gỡ thân hữu và bạn đọc.
84 Đọc Pulau Bidong Miền Đất Lạ của Võ Kỳ Điền — đọc sách, *Nguyễn Hữu Chung*

ĐẶC BIỆT

29 Khổng Phu Tử dưới nhãn quan Âu Mỹ — *Đàm Trung Pháp*
33 Tiếng Việt ngày nay — biên khảo, *Thái Bằng*

MỤC THƯỜNG XUYÊN

2 Thư Toà soạn
3 Thư độc giả
4 Mục lục
86 Sách báo trong tháng
88 Thư tín
89 Danh sách đại lý phát hành TK 21 trên thế giới

HOẠ

Tranh bìa: *Đinh Cường*
Trình bày bìa: *Nguyễn Đồng, Nguyễn Thị Hợp*
Tranh minh hoạ: *Nguyên Khai, Nguyễn Việt, Thái Tuấn, Ngô Bảo, Ngọc Dũng, Nguyễn Thị Hợp, Nguyễn Đồng*

• *Đón đọc những số tới:*

Ma lộng giữa ban ngày — ký, *Thế Giang*
Suối ơi! Suối ơi! — truyện, *Trần Mộng Tú*
Trong tù, bay theo phi thuyền — ký, *Sơn Điền Nguyễn Viết Khánh*
Nhiệt đới — truyện, *Hồ Đình Nghiêm*
Để đẹp lòng người nghe — Chữ và Nghĩa, *Đàm Trung Pháp*
Cách mạng sinh lý tại Nga — sưu khảo, *Nguyễn Hữu*

CÓ THẬT ĐẢNG CỘNG SẢN ĐÃ TỪ BỎ CHUYÊN CHÍNH VÔ SẢN KHÔNG?

VÕ NHÂN TRÍ

Lời giới thiệu: *Võ Nhân Trí tiêu biểu cho lớp trí thức gốc miền Nam đã phục vụ chế độ Cộng sản vì nhiệt tình yêu nước, và khi biết đất nước bị phản bội đã từ bỏ đảng Cộng sản, vì thế có thái độ cương quyết khi phải vạch rõ các thủ đoạn gian dối của nhóm cầm đầu CSVN. Tốt nghiệp Tiến sĩ Luật khoa tại Pháp, ông về Hà Nội từ năm 1959, và dần dần thấy sự thật về chế độ CS, dù ông đã là một đảng viên. Cũng vì thấy bản chất của chế độ, vợ ông từ Pháp về với ông nhưng nhất định không gia nhập đảng CS. Năm 1981 bà đã tìm cơ hội lánh nạn sang Pháp, và ba năm sau ông được ra đi nhờ sự can thiệp của các thân hữu người Pháp có thế lực. Ông đã làm việc cho các cơ quan nghiên cứu và đại học tại Pháp, Nhật Bản, Singapore v.v... Cuốn sách gần đây của ông là "Chánh sách kinh tế của Cộng sản Việt Nam, 1975 đến 1989", xuất bản bằng tiếng Anh. Bài này ông viết cho* Thế Kỷ 21 *nhân dịp tới thuyết trình tại đại học Quebec, Canada.*

Trong thời gian gần đây một số báo chí Việt kiều và báo chí ngoại quốc cho rằng đảng Cộng sản (ĐCS) Việt Nam đã từ bỏ chuyên chính vô sản rồi, vì từ ngữ đó đã biến mất trong "Hiến Pháp Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam năm 1992" (sau đây gọi tắt là Hiến Pháp 1992) (*Nhân Dân*, 20/4/92) cũng như trong "Cương Lĩnh Xây Dựng Đất Nước Trong Thời Kỳ Quá Độ lên Chủ Nghĩa Xã Hội" (Nhà xuất bản Sự Thật Hà Nội, 1991).

Đúng là trong hai văn kiện quan trọng nầy, ĐCS không dùng danh từ chuyên chính vô sản nữa. "Như vậy có phải là Đảng phủ nhận nguyên tắc chuyên chính vô sản, từ bỏ "hòn đá thử vàng" ấy không?", đó là câu hỏi mà ông Đào Duy Tùng, ủy viên Bộ Chính trị phụ trách về Tuyên Huấn, đặt ra trong lớp nghiên cứu nội dung Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ 7 cho cán bộ nghiên cứu, giảng dạy ở các trường Đảng trong cả nước tại Học viện Nguyễn Ái Quốc; và bài nói nầy được in ra thành tài liệu "*lưu hành nội bộ*" dưới nhan đề: "*Về con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*" (Nhà xuất bản Sự Thật, Hà Nội, 1991).

Sau khi đặt ra câu hỏi nói trên, ông Tùng tự trả lời như sau: "Lê Nin gọi chuyên chính vô sản là một danh từ lớn, mà với một danh từ lớn không thể gói gọn trong một định nghĩa. Vì vậy, trong các tác phẩm của mình, Người đã nêu không biết bao nhiêu là định nghĩa về chuyên chính vô sản (...) Song, tựu trung lại, nội dung, bản chất của nhà nước chuyên chính vô sản là chính quyền; chính quyền đó hoạt động theo đường lối của giai cấp công nhân thông qua đội tiên phong của nó là đảng cộng sản (...) Nếu hiểu đúng nội dung của chuyên chính vô sản thì hoàn toàn có thể diễn đạt nó trong khái niệm "Nhà nước xã hội chủ nghĩa (hoặc) nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân... do đảng Cộng sản lãnh đạo".

"Dù rằng không mang tên nhà nước chuyên chính vô sản, nhưng nhà nước xã hội chủ nghĩa mà chúng ta xây dựng thực chất vẫn mang bản chất của chuyên chính vô sản" *(ibid,* trang 72-73). Như vậy là ĐCS Việt Nam chưa bao giờ từ bỏ chuyên chính vô sản. Sở dĩ gần đây ĐCS không dùng danh từ chuyên chính vô sản trong hai văn kiện nói trên là vì họ muốn tạo ra một cảm tưởng (và một ảo tưởng) "đổi mới" về mặt chính trị. Đó chỉ là một vấn đề chiến thuật (*tactique*) mà thôi! Vả lại, khi cần thiết, ĐCS cũng không ngần ngại nhấn mạnh khái niệm chuyên chính vô sản như ông Nguyễn Văn Linh đã làm trong Báo cáo Chính trị tại

Đại hội Đảng lần thứ 7 (tháng 6/1991). Và gần đây, trong một bài phỏng vấn của *Kyodo News Service* (Tokyo, 28 Feb.1992), ông Linh còn nói rõ "chuyên chính của Đảng hiện nay là còn cần thiết". Ngoài ông Linh ra, ông Đào Duy Tùng, trong bài nói trên, còn nhấn mạnh rằng "Vấn đề củng cố bản chất giai cấp, tính chất nhân dân của nhà nước..., thực hiện... chuyên chính với các lực lượng thù địch... là công việc rất có ý nghĩa để tăng cường sức mạnh và hiệu lực của nhà nước... Những đổ vỡ của các nước xã hội chủ nghĩa vừa qua cung cấp cho [ĐCS Việt Nam] nhiều bài học, trong đó bài học quan trọng là bài học về chính quyền" *(ibid,* trang 72).

Bây giờ, chúng ta hãy phân tích cụ thể một số điều trong *Hiến Pháp 1992* liên quan đến vấn đề chuyên chính vô sản. Định nghĩa của khái niệm này, như ai cũng biết, là một mặt, thực hiện "dân chủ đối với nhân dân" (ai được xếp vào phạm trù "nhân dân" là quyền tối hậu của đảng mà cụ thể là của Bộ Công an), mặt khác, là "chuyên chính đối với các lực lượng thù địch". Định nghĩa nầy thể hiện rất rõ ràng trong các điều 3; 12; 13; 44; 45; 47 và 126 của Hiến Pháp 1992. *Điều 3* nói lên một cách tổng quát hai khía cạnh cơ bản của chuyên chính vô sản: "Nhà nước... phát huy quyền làm chủ... của nhân dân, nghiêm trị mọi hành động xâm phạm lợi ích của Tổ quốc (xã hội chủ nghĩa - VNT)". Về khía cạnh chuyên chính, *Điều 12* ghi rõ: "Nhà nước... không ngừng tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa (...) Mọi hành động xâm phạm lợi ích của Nhà nước... đều bị xử theo pháp luật". *Điều 13* nhấn mạnh thêm: "Mọi âm mưu và hành động... chống lại sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa đều bị nghiêm trị theo pháp luật". Có lẽ cần nhấn mạnh ở đây rằng pháp luật nói trên không phải là pháp luật chung chung, mà là "pháp luật xã hội chủ nghĩa", tức là pháp luật nhằm bảo vệ chính quyền xã hội chủ nghĩa (hay chuyên chính vô sản) hiện nay.

Cũng như tất cả các nước cộng sản khác, nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam dựa vào hai trụ cột chính để thực hiện chuyên chính vô sản: đó là quân đội và công an. Điều nầy thể hiện rõ trong *Điều 44:* "Nhà nước củng cố và tăng cường nền quốc phòng và an ninh nhân dân, nòng cốt là các lực lượng vũ trang nhân dân...", và *Điều 45:* "Các lực lượng vũ trang nhân dân... có nhiệm vụ... bảo vệ... an ninh quốc gia..., bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa...". Đó là nhiệm vụ của quân đội. Còn nhiệm vụ của công an thì được ghi rõ trong *Điều 47* như sau: "Nhà nước xây dựng công an nhân dân... để bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, bảo đảm sự ổn định chính trị" (tức là duy trì sự tồn tại của chế độ xã hội chủ nghĩa hiện nay, bất chấp nguyện vọng của đại đa số nhân dân - VNT). Bộ máy đàn áp của chuyên chính vô sản nầy còn được tăng cường về mặt pháp lý theo *Điều 126:* "Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, có nhiệm vụ bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa..." (Về chi tiết, xem thêm các điều lệ khác trong chương X của Hiến pháp 1992).

Tóm lại, các *Điều* vừa nêu bên trên phản ánh một cách rõ rệt nội dung cơ bản của chuyên chính vô sản trong Hiến pháp 1992. Ông Đỗ Mười, Tổng Bí thư hiện nay của ĐCS, đã nói rõ trong bài diễn văn đọc ở Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 2 vừa qua (29/11/91): "Sửa đổi, cải cách bộ máy nhà nước không phải là thay đổi bản chất của hệ thống chính trị của nhà nước ta..." Nói một cách khác, trong kho tàng danh từ mà ĐCS thường dùng, cái gọi là "Nhà nước xã hội chủ nghĩa", "Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, v.v..." đều đồng nghĩa với khái niệm chuyên chính vô sản. Và điều nầy, trước đây, ông Lê Duẩn cũng đã nói rõ: Trong Báo cáo Chính trị đọc tại Đại hội Đảng lần thứ 4 (tháng 12/1976), ông đã nhấn mạnh rằng: "Nhà nước xã hội chủ nghĩa là nhà nước chuyên chính vô sản", và "để thực hiện quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, nhà nước ta phải là một thiết chế của dân, do dân và vì dân" (L.D., *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IV,* nhà xuất bản Sự Thật, Hà Nội, 1977, tr.133).

Gần đây khi Đỗ Mười, trong bài diễn văn đọc trước Quốc Hội hồi tháng Ba, năm 1992, lập lại *Điều 2* của Hiến Pháp 1992 (lúc đó còn là dự thảo) như sau: "Nhà nước Cộng Hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước của nhân dân, do nhân dân vì nhân dân" thì có một số ký giả ngoại quốc [xem bài của Kathleen Callo, báo *The Nation,* 25 March 1992 (Bangkok) chẳng hạn] cho rằng ông ấy nói giống như Abraham Lincoln vậy! Có lẽ cũng cần nhắc lại ở đây rằng ông A. Lincoln có nói, trong bài diễn văn đọc ở Gettysburg năm 1863, về chế độ chính trị ở Mỹ như sau: "Nhà nước của chúng ta là của dân, do dân, vì dân" ("Our state is of the people, by the people, for the people"). Nhưng ký giả nói trên "quên" rằng, cái nhà nước mà ông Đỗ Mười nói đến (và trước đó, năm 1976, ông Lê Duẩn cũng đã nói rồi) là khác hẳn về *bản chất* với cái nhà nước mà ông A. Lincoln đã nêu ra: Một bên là *chuyên chính,* một bên là *dân chủ,* dù rằng cả hai đều dùng một loại danh từ!

Tranh luận về lý thuyết có lẽ cũng thú vị, nhưng nhìn vào thực tế của Việt Nam để xem coi có còn chuyên chính vô sản hay không thì, theo chúng tôi, còn lý thú hơn! Thực tế ở Việt Nam ngày nay về mặt này ra

sao?

Xin lấy một vài ví dụ: -- Hãng tin *AFP* (4 và 5/3/92) có cho biết là theo tập san *Pháp Luật* (của Hà Nội) một quân nhân chế độ miền Nam cũ tên là Đỗ Văn Thạc và năm người khác đã bị một tòa án ở Hà Tây xử tù vì những hoạt động chống đối chế độ. Và tờ báo *Hà Nội Mới* (4/3/92) cũng đưa tin nhiều người bị bắt vì hoạt động thành lập đảng "Đại Việt Dân Chủ". Tờ báo này kể tên một người bị buộc tội đã "gửi sáu bài cho đài BBC kêu gọi phương Tây can thiệp để lật đổ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam".

-- Báo *Tuổi Trẻ* (5/12/91) cho biết nhà báo Huy Đức, sau khi đăng một bài góp ý về "đổi mới" Quốc Hội bị kết tội là "bôi nhọ chế độ" và bị đưa ra xét xử.

-- Ngoài việc giam lỏng nhiều nhân vật chống đối như Nguyễn Hộ, cha Chân Tín, v.v... chính quyền Hà Nội còn kết án 20 năm tù Bác sĩ Nguyễn Đan Quế (ngày 29/11/91) vì có "hoạt động lật đổ" chế độ và "bôi nhọ chính phủ". Trong "Lời kêu gọi từ trong nước của Cao trào Nhân bản" (11/5/90), bác sĩ Quế yêu cầu "Bộ chính trị ĐCS Việt Nam phải tôn trọng Nhân Quyền, Dân Quyền... cũng như phải chấp nhận sinh hoạt đa nguyên"; và ông chỉ "tha thiết kêu gọi... mọi giới trong nước cũng như quốc tế... yêu chuộng tự do, dân chủ và đa nguyên ủng hộ cuộc đấu tranh ôn hòa, bất bạo động của [nhân dân] để thiết lập tại Việt Nam một thể chế xã hội nhân bản và tiến bộ..."

Những sự kiện kể trên cho ta thấy ở Việt Nam *chuyên chính vô sản đang hành động* như thế nào trong thực tế. Nó còn nói lên một cách rõ ràng những vi phạm trắng trợn các điều đã ghi trong Chương V của Hiến Pháp 1992 về "Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân".

VÕ NHÂN TRÍ

Montréal 15 June 92

NGƯỜI VIỆT TRONG NƯỚC

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VNTN ĐÒI TỰ DO TÍN NGƯỠNG

Ngày 25 tháng Sáu năm 1992, Hòa thượng Thích Huyền Quang, quyền Viện trưởng Viện Hóa đạo Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất, đã gởi một lá thư dài tám trang đến nhà cầm quyền Hà Nội, đòi hỏi Đảng Cộng sản và chính phủ Việt Nam đương thời phải tôn trọng tự do tín ngưỡng của nhân dân Việt Nam, phải chấm dứt ngay mọi đàn áp, từ đây, giết hại các tăng ni và Phật tử Việt Nam.

Ban Tổ chức Đại hội Thống nhất Phật giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ, đã phổ biến đến cộng đồng người Việt khắp nơi, nguyên văn CHÍN ĐIỂM ĐÒI HỎI của Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất, như sau:

1. Trả lại cho Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất quyền sinh hoạt bình thường trong pháp luật nhà nước như trước năm 1975.

2. Nhà nước phải chịu trách nhiệm và trả lời: a) Về cái chết của Hoà thượng Thích Thiện Minh, Phó Viện trưởng Viện Hóa đạo, tại Nha Công an thành phố Hồ Chí Minh năm 1978.- b) Về vụ 12 tăng ni Phật giáo tự thiêu ngày 2 tháng Mười Một 1975, tại Thiền viện Dược Sư ở Cần Thơ.- c) Về các Chùa chiền và tượng Phật bị dẹp bỏ để xây cơ sở khác lên.-

3. Trả tự do cho tất cả tăng ni, Phật tử, các nhà văn, nhà báo, các nhà chính trị, v.v... đã bị giam giữ lâu ngày không xét xử, hoặc xét xử bất công. Tôn trọng tự do tôn giáo và quyền làm người của những ai đã bị tước đoạt, trong đó có tôi và chư vị: Thích Quảng Độ, Thích Đức Nhuận, Thích Tuệ Sỹ, Thích Trí Siêu (Lê Mạnh Thát), v.v... và các tu sĩ các tôn giáo khác.

4. Trả lại tất cả tự viện, các cơ quan, văn phòng, trụ sở, các cơ sở văn hóa, xã hội, từ thiện, v.v... của Giáo hội chúng tôi, từ trung ương đến địa phương, đã bị nhà nước, và Giáo hội do nhà nước dựng lên chiếm dụng phi pháp hơn 11 năm qua. Kể cả các tự viện ở miền Bắc bị nhà nước chiếm dụng sau năm 1945.

5. Phục hồi quyền sinh hoạt của Giáo hội chúng tôi với các chi bộ Phật giáo hải ngoại như trước năm 1975.

6. Yêu cầu Nhà nước đưa nội vụ tôi từ năm 1945 đến năm 1992 ra xét xử trước pháp luật. Không thể nhốt tôi mãi mà không xét xử.

7. Minh bạch hóa việc giam giữ các tu sĩ Phật giáo, trong đó có tôi, để trả lời cho hơn 20,000 lá thư của các tổ chức nhân quyền, dân chủ từ Âu, Mỹ, Úc, Á gởi đến Hà Nội trong thời gian qua.

8. Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất sẵn sàng góp sức mình trong việc xây dựng đất nước theo truyền thống dân tộc. Nhưng không thể thực hiện việc này dưới sự điều khiển của một chế độ còn xem tôn giáo là kẻ thù, và thường xuyên nhúng tay can thiệp, kiểm soát nội bộ tôn giáo.

9. Tôi nguyện sẽ hiến thân này cho đạo pháp và dân tộc, khi thấy rằng sự khổ nhục đã đến lúc không cho phép tôi chịu đựng hơn nữa.

Quảng Ngãi, ngày 26 tháng Sáu 1992

H.T.THÍCH HUYỀN QUANG

Quyền Viện trưởng Viện Hóa đạo Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất

NHỮNG NGƯỜI CỘNG SẢN KHÔNG BIẾT RÚT LUI, ĐƯỜNG PHỐ SẼ LÊN TIẾNG

NGUYỄN PHAN CẢNH

LTS.-Thạc sĩ Nguyễn Phan Cảnh, giáo sư về Ngôn ngữ học tại Đại học Tổng Hợp Hà Nội, và giáo sư chuyên môn về Việt học tại Đại học Tổng hợp Prague, Tiệp Khắc, vừa xin tị nạn chính trị tại Canada.

Nhân dịp này, giáo sư Nguyễn Phan Cảnh đã cho công bố một bản tuyên ngôn lên án nhà cầm quyền Cộng Sản Việt Nam, mà ông cho rằng đang "nghênh ngang giương cao ngọn cờ Cộng Sản, thật quả vô duyên đến khó hiểu, nếu không phải là tội lỗi đến khó tha." Giáo sư Cảnh cũng cho rằng giải pháp duy nhất cho Việt Nam hiện nay, "phải là sự cáo chung của chủ nghĩa Cộng sản trên lãnh thổ này."

Giáo sư Nguyễn Phan Cảnh tốt nghiệp Đại học Sư phạm Hà Nội năm 1957, được giữ lại giảng dạy luôn tại Đại học Tổng hợp Hà Nội, từ năm 1957 cho đến năm 1971. Năm 1971, ông học chương trình Tiến sĩ Ngôn ngữ học tại Đại học Tổng hợp Prague, Tiệp Khắc, và tốt nghiệp năm 1975.

Từ năm 1975, ông được mời làm giáo sư thỉnh giảng, kiêm Chủ nhiệm chuyên môn Việt học, của Đại học Tổng hợp Prague, đến khi xin tị nạn chính trị tại Canada (1992).

Thạc sĩ Nguyễn Phan Cảnh viết bài sau đây, phổ biến như một "tuyên ngôn" về lý do ông từ bỏ chế độ Cộng sản Việt Nam.

Bằng quyết định xin tị nạn chính trị ở năm 1992 này, tôi muốn nói lên lòng phẫn nộ của một người dân trước thái độ ngoan cố đeo đuổi chủ nghĩa cộng sản của nhà cầm quyền Việt Nam hiện nay, và báo trước lời cảnh cáo của một người làm công tác khoa học về hậu quả nghiêm trọng của thái độ thiếu thông minh đó.

1. Có thể là còn cần một thời gian nữa mới đủ lắng để hiểu song một điều chắc chắn là về bản chất của giai đoạn lịch sử này thì giờ đây không ai còn nghi ngờ gì nữa. Kể từ khi thể chế được thiết lập ở Nga vào năm 1917 cho đến khi thực sự tan rã ở Đông Âu năm 1989 và hoàn toàn sụp đổ tại ngay Liên Xô năm 1991, chủ nghĩa cộng sản đã để lại được gì cho nhân loại? Cách diễn đạt có thể khác nhau, "ý nghĩ không tưởng, dấu đẹp" (Boris Yeltsin), "lừa đảo lớn và khùng" (Zbigniew Brzezinski), v.v..., song mọi định giá về chủ nghĩa cộng sản đều mang kết luận quan trọng sau đây: chủ nghĩa cộng sản không đúng.

Rõ ràng là, bất cứ một người nào có chút thông tin tự do cũng đều không thể không thấy rằng, vấn đề chủ nghĩa cộng sản với tư cách là một phạm trù thế giới, quả thực đã được giải quyết dứt điểm từ hàng mấy năm nay: con cháu của chính những người Âu sinh ra cái hệ này, chủ nhân và nạn nhân của ba phần tư thế kỷ vận hành của nó, đã hiểu hơn ai hết tai họa này và đã khôn ngoan đưa nó đến nơi an nghỉ cuối cùng sao cho đỡ tổn thất nhất đối với dân tộc họ và đỡ mang tiếng nhất đối với loài người. Phần thế giới mang đậm dấu ấn này đang khổ sở lo cọ sạch bề mặt hành tinh để đón nhận một thiên niên kỷ mới thật sự tự nhiên cho con người. Bàn về thực hư của chủ nghĩa cộng sản, giờ đây, thật ra là chuyện đã lỗi thời.

Ấy thế mà, ở phần đất mà chủ nghĩa cộng sản vốn đã chẳng phải cha ông gì mình, nhà cầm quyền không những không chịu tận dụng thời cơ này để đưa người Việt ra khỏi bi kịch của thế kỷ sớm ngày nào hay ngày ấy, ngược lại còn nghênh ngang giương cao ngọn cờ cộng sản thì thật quả vô duyên đến khó hiểu nếu không phải là tội lỗi đến khó tha.

2. Cũng có thể là còn cần một thời gian nữa để đủ sâu mà hiểu thấu vì sao Việt Nam lại phải hứng chịu chủ nghĩa cộng sản, song một điều rõ ràng là sự hủy diệt mà thể chế này gây ra thì giờ đây không sao còn chối cãi được. Nền văn minh Việt tự bản thân, với những giá trị tinh thần cố hữu vốn rất xa lạ trước các phạm trù phi nhân

tính của chủ nghĩa cộng sản, không phát sinh tất yếu thể chế đó. Nên ngay sau khi thể chế cộng sản đặt chân được ở đất nước này, Việt Nam đã thành nạn nhân của những cuộc chiến tranh mà thực chất là huynh đệ tương tàn khủng khiếp nhất trong lịch sử dân tộc, 1946-1954 và 1954-1975, Việt Nam đã thành nạn nhân của những cuộc đại di dân mà thực chất là tị nạn chính trị khốc liệt nhất trong lịch sử dân tộc, hai triệu người di cư năm 1954 và hơn hai triệu người di tản từ năm 1975: cắt đôi đất Việt đã thống nhất lại được sau hai trăm năm Trịnh-Nguyễn phân tranh, chia hai nước Việt từng độc lập mười thế kỷ từ Ngô Quyền chiến thắng, và gây hận thù giả tạo đến tận ngày nay giữa những người Việt vốn đồng nhất hàng ba thiên niên kỷ từ văn hóa Đông Sơn!

Và kết quả là một đất Việt đứng vào hàng thứ ba trên thế giới về nghèo đói, một nước Việt mà công dân đến bất kỳ nơi nào ở ngoài nước cũng đều thấy nhục, và một tộc người Việt đang bị băng hoại tận cội rễ nền văn hiến của bao thế hệ cha ông giành giữ.

3. Chẳng phải là ngay từ đầu thế kỷ và liên tục từ bấy đến nay, trí thức và văn nghệ sĩ người Việt, trăm mức nghìn cách, từ tế nhị chỉ ra đến lớn tiếng đòi hỏi, từ báo cáo trong khuôn viên "tổ chức" đến đối lập đấu tranh chết chóc tù đày, đã đổ biết bao gắng công vô vọng với nhà cầm quyền cộng sản trong mong mỏi tránh cho dân tộc khỏi sa vào tình trạng đó sao? Vì thế mà cũng chính trí thức và văn nghệ sĩ hiểu hơn ai hết rằng, tiền đề tiên quyết và duy nhất để đưa ra bất cứ một giải pháp nào cho Việt Nam hiện nay phải là sự cáo chung của chủ nghĩa cộng sản trên lãnh thổ này. Chỉ có trên căn bản đó, đất Việt mới thực sự cải cách được kinh tế để thành giàu mạnh, nước Việt mới thực sự tiến bộ được để có vai trò quốc tế, và người Việt mới thực sự kế thừa và phát huy được truyền thống dân tộc để văn minh.

Là một bản sao lần hai (1930) của cộng sản quốc tế, cộng sản Việt Nam — như các bản sao ngoài Âu châu khác của chủ nghĩa này — không mờ đi cùng một lúc với bản chính và các phiên bản Âu châu khác, vì thế dễ gây ảo tưởng là bản sao dám dạy cho bản chính biết thế nào là "nguyên"! Tuy nhiên tính kỳ chu kỳ xã hội-chính trị của tộc người Việt, không thể không thấy rằng chuông báo kết thúc của chủ nghĩa cộng sản cho địa bàn Việt Nam quả đã điểm rồi; và nay là đang trong độ dung-sai cho phép của thời gian này, trước khi đất nước đi vào kỷ nguyên hậu cộng sản. Kinh nghiệm Đông Âu và Liên Xô đều chỉ rõ rằng, khi các người hiểu biết trong số những người cộng sản không lo kịp cho sự rút lui của thể chế khỏi vũ đài lịch sử được gọn, thì đường phố sẽ lên tiếng cho biết thế nào là thông minh.

Tôi vì thế, xin gửi đi những lời này, vì hiểu đó chính là ý nguyện của mọi người dân, mọi nhà nghiên cứu khoa học hiện nay.

NGUYỄN PHAN CẢNH

QUỐC TẾ

ĐẢNG CỘNG SẢN LIÊN XÔ RA TOÀ

Trong khi diễn ra vụ xử án chính trị chưa từng có qua lịch sử tại Nga, các đảng viên Cộng sản trung kiên đã tìm cách mở cuộc tấn công nhắm vào Tổng thống Yeltsin để nỗ lực tiêu hủy đạo luật đặt Đảng này ra ngoài vòng pháp luật.

Tòa án Hiến Pháp Nga xem xét các sắc lệnh của Yeltsin cấm đảng Cộng Sản hoạt động, tịch thâu tài sản và trừng trị các đảng viên sau vụ âm mưu đảo chính bất thành hồi tháng Tám 1991. Những người bênh vực Đảng nói rằng các sắc luật đó là vi hiến và vượt khỏi quyền hạn của chính phủ. Trong khi đó các luật gia phía chính quyền bác bỏ luận điệu Cộng sản coi đó chỉ là một hình thức tuyên truyền và cho rằng Yeltsin đã "ngăn chặn bệnh ung thư bằng cách phải giải phẫu."

Các cuộc tranh luận rất gay go và nhiều lần Chủ tịch đoàn thẩm phán, Valery Zorkin, đã phải rung chuông yêu cầu giữ trật tự. Bên ngoài tòa án nhiều nhóm biểu tình thân cộng cũng như chống cộng tụ tập bày tỏ thái độ của mình. Tòa án Hiến Pháp Nga là cơ quan pháp lý tối cao có nhiệm vụ đưa ra phán quyết về những sự việc này.

Các đảng viên Cộng Sản nói là cuộc đổi mới do Đảng chủ trương đã diễn ra trong luật pháp và những chuyện sai trái trước kia cũng như sau đó của một số lãnh đạo, của cơ quan KGB và những người chủ mưu đảo chánh không thể xem là trách nhiệm của toàn thể đảng viên và các sắc lệnh của Yeltsin là quyết định độc đoán vi phạm trầm trọng đến nhân quyền.

Mikhail Fedotov, luật gia bênh vực các sắc lệnh của Yeltsin nói rằng những bằng chứng đưa ra trước Toà cho thấy đảng Cộng Sản đã thay quyền cả hành pháp lẫn lập pháp, vượt lên trên luật lệ và quốc gia. Dù có đổi mới, Đảng vẫn còn là một thứ quyền lực bất hợp pháp.

VÀI CẢM NGHĨ VỀ HIỆN TƯỢNG ROSS PEROT

HOÀNG LINH

Không gì tàn phá và tàn nhẫn như thời gian. Với thời gian đi qua, tóc xanh bỗng trở thành đầu bạc, thành quách lâu đài biến ra gạch vụn, và một chính khách vừa mới năm trước còn được bao nhiêu người ngợi khen là vị lãnh tụ anh minh đến nay lại bị đa số chê bai là bất lực, bất tài. Danh vọng thế gian thật là phù du!

Những ý tưởng u uất ấy chắc đang ám ảnh đầu óc tổng thống George Bush, vào lúc nước Mỹ bước vào giai đoạn hai của cuộc bầu cử tổng thống 1992, giai đoạn chỉ định ứng cử viên. Ông Bush có lý do để cay chua và lo lắng. Quả vậy, nếu cuộc bầu cử diễn ra sớm hơn một năm, khi hào quang chiến thắng vùng Vịnh còn rực rỡ và khi sinh hoạt kinh tế chưa đến nỗi còm cõi èo uột như bấy giờ, thủ tục đầu phiếu chắc đã chỉ là một nghi thức chiếu lệ và T.T. Bush chắc đã được ngồi lại tòa Bạch Ốc thêm bốn năm. Nhưng thời gian đã qua, hình ảnh chiến thắng đã tắt hẳn trong ký ức người dân Mỹ, chỉ còn lại hiện thực hàng ngày là đồng tiền khó kiếm, việc làm khó giữ, khung cảnh sống ngày một xập xệ hơn, và xung đột chủng tộc bùng nổ hoặc nhen nhúm khắp nơi. Tất cả những nỗi bực tức lo lắng ấy kết lại thành một tâm lý oán thán người cầm quyền đang tại vị, từ ông trưởng ty cảnh sát đến vị nguyên thủ ngồi ở Bạch Cung. Nếu tâm trạng tiêu cực này kéo dài đến tháng Mười Một, George Bush có thể bị thất cử, cùng với một số đông chưa từng thấy trong tập thể những giới chức dân cử tại chức.

Tương lai chính trị của ông Bush, đã bị vẩn đục bởi thời vận kinh tế và xã hội đen tối, lại còn bị đe dọa hơn nữa bởi một hiện tượng tương đối mới mẻ trong đời sống chính trị Mỹ, hiện tượng Ross Perot. Thực ra, sự hiện hữu của một ứng cử viên "độc lập" -- nghĩa là không do một chính đảng lớn chỉ định -- không phải là chuyện chưa từng xảy ra trên chính trường Hoa Kỳ. Điều mới mẻ trong hiện tượng Perot là ngay trước khi Perot chính thức ứng cử tổng thống, các cuộc thăm dò dư luận đều cho thấy rằng nếu cuộc bầu cử diễn ra bây giờ, số phiếu của Perot sẽ hơn cả số phiếu của đương kim tổng thống lẫn số phiếu của thống đốc bang Arkansas, William Clinton.

Nói khác đi, một nhân vật không có một quá khứ hay thành tích chính trị đáng kể nào, bỗng nhiên ở vào vị thế có thể thách thức và dường như lấn át những chính khách tên tuổi và kinh nghiệm, được hỗ trợ bởi bộ máy chính trị của hai

chính đảng lớn trong nước. Tại sao có hiện tượng kỳ quặc ấy? Về hiện tượng ấy là điềm hay hay điềm dở cho nền dân chủ Hoa Kỳ?

Sự phá sản của định chế và nhân sự cổ điển

Trước hết, chúng ta hãy tìm hiểu vì đâu cuộc vận động ứng cử tổng thống của Perot đã cất cáNh một cách mau chóng và mạnh mẽ như vậy. Có những lý do đặc biệt cho mùa bầu cử năm nay: thoái trào kinh tế dai dẳng và vụ bạo động trầm trọng ở Los Angeles làm cho uy tín của chính quyền Bush bị sứt mẻ nặng. Về phía Bill Clinton, những vấp váp đầu tiên: vụ giao du thân mật với cô ca sĩ G. Flowers; thái độ kênh kiệu và lời phát biểu miệt thị các bà nội trợ Mỹ của vợ Clinton; lịch sử mờ ám củA quyết định miễn dịch để đương sự khỏi phải sang Việt Nam phục vụ... đã gần triệt tiêu lòng tin tưởng của cử tri vào khả năng lãnh đạo của vị thống đốc nhiều tham vọng nhưng ít đạo đức này. Ross Perot ngẫu nhiên được hưởng lợi, nhờ những biến diễn tai hại cho hai đối thủ vị lai của mình.

Tuy vậy, theo ý tôi, đó chỉ là những lý do cục bộ và phiến diện. Có những lý do sâu xa và quyết định hơn, để giải thích hiện tượng Perot. Ít nhất có hai lý do như vậy: *tâm lý nghi kỵ*, chán ghét toàn bộ guồng máy chính trị cổ điển, kể cả đảng Dân Chủ lẫn đảng Cộng Hòa; *tâm lý hoang mang*, lo sợ trước những vấn đề và những đe dọa lớn, ở cả trong nước lẫn ngoài nước, những vấn đề và đe dọa mà người dân Mỹ linh cảm thấy các chính khách tại chức không đủ khả năng ứng phó.

Trước hết, hãy bàn đến tâm lý nghi kỵ, chán ghét, nếu không muốn nói tâm lý khinh miệt và giận dữ. Bao nhiêu biến cố xảy ra trong vòng một chục năm nay đã gieo vào đầu óc người dân Mỹ hình ảnh những chính trị gia thường xuyên dối trá và tham nhũng. Không bực tức, nghi ngờ làm sao được khi chính vị tổng thống đã từng long trọng xác quyết: "Hãy cứ nhìn môi tôi mấp máy: không có thuế mới!", sau đó lại nuốt lời và tăng thuế? Không nghi ngờ sao được khi những cuộc điều tra như trong vụ *Iran-Contras* cho thấy là những người ở cấp cao trong chính quyền cũng coi thường luật lệ và giấu nhẹm những việc làm và những quyết định của mình? Không khinh thị làm sao được khi nhiều vụ nhơ nhuốc được đổ bể, cho thấy nhiều nghị sĩ và dân biểu, những người có chức năng cầm cân nẩy mực cho quốc dân, lại ký chi phiếu không tiền bảo chứng một cách bừa bãi, và can thiệp một cách mờ ám vào những vụ truy tố ban giám đốc mấy quỹ tiết kiệm và tín dụng (Savings & Loans) để đổi lấy hứa hẹn đóng góp tài chính? Còn nhiều, rất nhiều chuyện bê bối khác, chẳng cần kê khai tường tận cũng đủ thông cảm tâm trạng chán chường của cử tri Hoa Kỳ. Họ muốn kén chọn một người mới, một người không lầy lội trong bãi sình chính trị cổ điển, một người không quen nói dối và hứa hẹn hão huyền. Trước mắt họ, vào thời điểm đầu năm 1992 này, người ấy là Ross Perot.

Chờ đợi người hùng

Đối với người quan sát đứng ngoài, sự kiện một phần ba dân Mỹ sẵn sàng giao trọng trách điều khiển nước lớn nhất thế giới cho một người chưa từng cai trị một thành phố, một tiểu bang hay một cơ quan chính quyền nào, thật là một sự kiện không hiểu nổi. Đã đành Ross Perot là một doanh nhân có hạng, một nhà tỷ phú đã từng đương đầu với một công ty khổng lồ như General Motors. Nhưng chính trị và kinh doanh là hai lãnh vực khác biệt, tuân theo những quy luật khác biệt và đòi hỏi những đức tính khác biệt. Người làm chính trị phải biết say mê công ích; người kinh doanh chỉ cần say mê doanh lợi. Người làm chính trị phải tìm cách kết hợp; người kinh doanh phải tìm cách loại trừ để mở rộng phần thị trường. Như vậy, làm sao một phần ba dân Mỹ lại muốn đánh cá sự thành công của doanh nhân Perot ở tòa Bạch Cung?

Câu trả lời có lẽ phải tìm ở một sắc thái đặc biệt của tâm lý quần chúng Hoa Kỳ. Tạm gọi sắc thái ấy là *hội chứng Rambo (Rambo syndrome)*. Đó là tâm lý khao khát sự xuất hiện của một vị anh hùng vạn năng, lòng dạ ngay thẳng và sức mạnh phi thường, chỉ một cử động đủ dẹp tan trở ngại và quật ngã bọn bất lương. Tâm lý lạc quan và phần nào ngây thơ ấy -- tương phản với tính thực tiễn cơ bản của dân Mỹ -- giải thích tại sao những phim ảnh như Superman, Batman... thành công rực rỡ ở Hoa Kỳ mà lại không được hoan nghênh lắm ở Pháp. Ross Perot là mẫu người có khả năng kêu gọi được tiềm thức tập thể ấy: tuy không cao lớn vạm vỡ, dáng dấp không uy nghi, trong quá khứ chưa tác chiến cùng đoàn quân mũ xanh hay ào ạt tiến binh trong sa mạc Trung Đông, Perot cũng đã từng có những hành động mang ít nhiều tính chất Rambo. Chẳng hạn, toan tính thương nghị trực tiếp với chính quyền cộng sản Hà Nội để đòi thả tù binh, mưu đồ đánh cướp con tin Mỹ ở Ba Tư dưới thời Khomeiny, đương đầu với Armitage, nguyên thứ trưởng ngoại giao phụ trách Á Châu sự vụ, về vấn đề điều đình với Hà Nội... những sự việc ấy tuy không có kết quả nhưng cũng đủ tạo cho Perot hình ảnh một người dám làm và dám liều. Sau hết, nhưng không phải ít quan trọng hơn hết, gia sản mấy chục tỷ mỹ kim của Perot vừa giúp ông ta có phương tiện tiến hành một cuộc vận động đề cử qui mô, vừa tạo cho ông một hào quang sức mạnh. Mạnh vì gạo, bạo vì tiền!...

Những khó khăn chồng chất

Tâm lý ruồng rẫy những chính trị gia đã tỏ ra bất lực và bất lương, cùng với lòng khao khát tìm được một nhân vật mới có tài năng siêu việt, càng thêm sâu sắc hơn nữa vì những vấn đề đặt ra đối với nước Mỹ và dân Mỹ đang cao ngất như núi.

Thật là một sự trạng bất ngờ, một bất ngờ khó chịu, vì mọi người đều nói: "*Hoa Kỳ đã thắng!*" Thắng trong cuộc chiến tranh lạnh toàn cầu, thắng trong các cuộc chiến tranh nóng cục bộ. Nhưng những chiến thắng ấy đã chỉ đem lại những trái đắng. Irak thua trận nhưng Saddam Hussein vẫn còn tại chức; Liên Xô không còn đe dọa chiến tranh nguyên tử, nhưng các quốc gia hậu duệ của Liên Xô đã trở thành gánh nặng tài chính cho cả Tây phương; chiến tranh lạnh đã tàn, nhưng lại được thay thế bởi nhiều cuộc tranh chấp đẫm máu giữa những địa phương, những chủng tộc khác nhau, ở Nam Tư, ở miền Nam Liên Xô cũ, ở Nam Phi, ở Ấn Độ, ở những quần đảo nhỏ vùng Đông Hải... bầy ra cảnh thiên hạ đại loạn, trong đó sức mạnh quân sự hiện đại của Hoa Kỳ cũng lạc lõng và vô hiệu như cây gậy lớn trước đàn muỗi.

Trên bình diện kinh tế, khiếm ngạch to tát của ngân sách liên bang và các ngân sách địa phương (nhiều thành phố lớn ở bên bờ khánh tận) cũng như khối nợ lớn lao của các xí nghiệp là một tảng đá nặng lôi kinh tế chìm xuống. Một phần tài nguyên quan trọng phải dùng để trang trải nợ nần không còn tiền để canh tân hạ tầng cơ sở, đầu tư vào giáo dục và tài trợ những kế hoạch nghiên cứu phát triển (R & D) qui mô. Do đó, Hoa Kỳ mất dần địa vị ưu việt của mình trong hệ thống kinh tế thế giới. Theo một cuộc điều tra mới nhất, về mặt khả năng cạnh tranh, Hoa Kỳ nay tụt xuống hàng thứ năm, sau Nhật, Đức, Thụy Sĩ và Đan Mạch. Nạn thất nghiệp gia tăng, đồng tiền xuống giá, và những cố gắng vặn tay các quốc gia Âu Châu và Nhật Bản để đòi ưu đãi nước Mỹ và hàng hóa Mỹ càng ngày càng ít hiệu quả: chiến tranh lạnh tàn lụi khiến cho các quốc gia đồng minh ít cần đến cây dù che chở của Hoa Kỳ hơn.

Về mặt xã hội, tình trạng còn đe dọa hơn nữa. Song song với cuộc khủng hoảng kinh tế -- và phần nào bắt nguồn từ cuộc khủng hoảng này -- những vụ xung đột chủng tộc nổ ra ở nhiều thành phố, từ khu South Central ở Los Angeles đến khu Bronx ở New York. Bạo lực gọi bạo lực, và thù ghét tạo ra thù ghét. Các cộng đồng thiểu số không còn tin tưởng ở sự bảo vệ của bộ máy trị an nhà nước, đã tổ chức những đoàn tự vệ vũ trang để mình bảo vệ lấy mình. Đó là mầm mống của một xã hội sứ quân. Nhiều người phải băn khoăn tự hỏi liệu nước Mỹ có còn là cái lò hòa hợp các sắc tộc khác nhau *(melting pot)* như trong quá khứ hay không, hay sẽ đi vào con đường tan rã của đế quốc Thổ Nhĩ Kỳ thế kỷ trước hoặc đế quốc Liên Xô thế kỷ này.

Trước những vấn đề to lớn và hầu như không giải pháp ấy, diễn từ chính trị cổ điển đã trở nên nhạt nhẽo và vô nghĩa. Thậm chí muốn giành lại phần nào sự chú ý của cử tri, các chính trị gia đã phải sử dụng nhiều tiểu xảo nực cười: phó tổng thống Dan Quayle tấn

NGƯỜI VIỆT HẢI NGOẠI

Các ông Lê Hưng và Lâm Quang ứng cử Hội đồng Thị xã ở Quận Cam

Hai người Việt Nam đầu tiên trong lịch sử tị nạn tại Hoa kỳ vừa nộp đơn ứng cử nghị viên Hội đồng Thị xã ở vùng có đông người Việt cư ngụ nhất thế giới (bên ngoài nước Việt Nam), thường được gọi là "Quận Cam" (tức Orange County, nam California). Đó là các ông Lê Hưng và Lâm Quang.

Ông Lê Hưng ứng cử tại Thị xã Santa Ana, và ông Lâm Quang tại Westminster.

Hội đồng Thị xã là cơ quan có ảnh hưởng đến các qui định, luật lệ trong đời sống chính trị, kinh tế, văn hoá và xã hội của người dân. Các ông Lê Hưng và Lâm Quang ứng cử vào Hội đồng nhằm "nâng cao sự đóng góp của người Việt Nam vào sinh hoạt địa phương, đồng thời có cơ hội dễ dàng tạo ảnh hưởng đến các luật lệ, qui định về sinh hoạt phù hợp với sinh hoạt Á Châu, nhất là sinh hoạt của người Việt Nam."

Ông Lê Hưng nguyên là thiếu úy phi công phản lực trong Không lực Việt Nam Cộng Hòa. Hiện nay, ông là thiếu tá Hải quân thuộc phi đoàn trừ bị quân lực Hoa Kỳ. Ông cũng tham dự nhiều sinh hoạt cộng đồng Việt Nam Nam Cali.

Ông Lâm Quang, một cựu quân nhân (binh chủng Hải quân VNCH), hiện là chủ nhân các nhà hàng có tên "Viễn Đông", hoạt động liên tục và tích cực trong nhiều công tác cộng đồng từ ngày đến Mỹ. Ông cũng là một trong những người đã vận động cho danh xưng, cũng như bảng chỉ dẫn của Little Saigon tại "Quận Cam."

công Murphy Brown, không phải là một người có thực nhưng là một nhân vật TV không chồng mà chửa và ngang nhiên nuôi con đàng hoàng, ngụ ý nhắc rằng đảng mình bênh vực những giá trị cổ truyền. Trong khi ấy, thống đốc Clinton thổi kèn saxo và khẩu chiến với một cô ca sĩ *rap* da đen, vì cô này ca ngợi việc hành hung người da trắng, mục đích cho giới trung lưu Mỹ thấy rằng mình dám đương đầu với những thiểu số cực đoan.

Trước cảnh tượng bi hài ấy, người cử tri Hoa Kỳ lại càng khắc khoải, chờ đợi một nhân vật xuất chúng, quăng mình bay đến chính trường để san bằng những vấn đề Thái sơn của họ. Đó là thời cơ của những "cứu tinh" loại Ross Perot.

Coi chừng, nguy hiểm!

Hiện tượng Perot không phải là điềm hay cho nền dân chủ Hoa Kỳ vì nó làm giảm lòng tin ở quá trình lựa chọn dân chủ qua sự thử thách cần thiết của sinh hoạt chính đảng. Nó cũng che lấp sự thật chát đắng là muốn xây dựng trật tự thế giới mới và tái lập địa vị ưu việt của Hoa Kỳ, dân tộc Mỹ phải kiên nhẫn, nỗ lực và hy sinh, chứ không có phép lạ hay giải pháp tức thời nào cả. Chờ đợi người hùng bách thắng chỉ là chuốc lấy thất vọng hoặc đi vào con đường phiêu lưu chủ nghĩa.

Tới một mức nào đó, hiện tượng Perot có thể là một hiện tượng tích cực và bổ ích, nếu nó gây hiệu quả là đánh thức hai đảng Dân Chủ và Cộng Hòa. Nguy cơ thất bại có thể làm cho lãnh tụ hai đảng này xét lại thái độ, tự vấn lương tâm để rồi vén tay hoạt động thật sự, từ bỏ những bài diễn văn vô thưởng vô phạt và những lời hứa hẹn hão huyền để đề ra những chương trình thực tế và những giải pháp thực sự. Quang cảnh đoàn kết bất ngờ ở Đại Hội đảng Dân Chủ đang diễn ra ở Nữu Ước có thể là một biểu lộ của ảnh hưởng tích cực này.

*

Nghề tiên đoán chính trị là một nghề lắm rủi ro. Từ năm 1948, khi viện Gallup tiên đoán ứng cử viên Cộng Hòa Dewey sẽ đại thắng ứng cử viên Dân Chủ Truman, đến năm 1992, khi tất cả các cơ quan thăm dò dư luận tiên đoán là đảng Lao Động Anh của Neil Kinnock sẽ đánh bại đảng Bảo Thủ của John Major, nhiều nhà tiên tri chính trị đã bị bẽ mặt nhiều lần. Đó là vì không có gì thay đổi mau chóng hơn là thời cục chính trị và tâm lý cử tri đoàn.

Tuy ý thức được sự rủi ro ấy, kẻ viết bài cũng liều lĩnh đưa ra một lời tiên tri về cuộc bầu cử tổng thống Mỹ năm nay. Hiện tượng Perot sẽ như một bánh *soufflé*, nở phồng lên rất mau mà xẹp xuống cũng rất lẹ. Cuộc tranh đua sẽ rất khít khao giữa cặp Clinton - Gore và cặp Bush - Quayle, nhưng kết cục ông Bush sẽ được tái cử.

HOÀNG LINH
Paris, 14-7-1992

NGƯỜI VIỆT TRONG NƯỚC

BÃO 'CHUCK' GÂY THIỆT HẠI Ở VIỆT NAM

Hãng thông tấn nhà nước của Cộng sản Việt Nam VNA, hôm 1 tháng Bẩy, cho biết trận bão Chuck đã gây thiệt hại nặng nề cho miền Bắc Việt Nam, đánh chìm nhiều thuyền đánh cá, phá hủy nhiều nhà, làm bật gốc nhiều cây cối, và có ít nhất ba người thiệt mạng.

VNA cho biết bão Chuck, với sức gió mạnh đến 75 miles/giờ (hơn 110 km/giờ) và kèm theo là những trận mưa dữ dội, đã gây thiệt hại nặng nề cho tỉnh Hải Phòng, ở phía Bắc Việt Nam, đêm 29 tháng Sáu.

Bản tin cho biết:

"Trận bão đã làm chìm một số thuyền đánh cá và làm hư hại cả một phần đê ở vòng ngoài các thị trấn Đồ Sơn và Kiến Thụy."

"Sau đó bão "Chuck" đã thổi về hướng Bắc, bao gồm các tỉnh Quảng Ninh, Lạng Sơn và Hà Bắc."

"Tại Hà Nội, các cơn gió đã thổi bật hơn 500 gốc cây, làm đứt các hệ thống dây điện, làm tắt điện nhiều phần của thành phố trong nhiều giờ liền, và ngập nước các đường phố. Các cây gẫy đổ cũng làm thiệt hại khoảng 140 căn nhà khác."

Bản tin cho biết "Ngay tại Hà Nội có ba người thiệt mạng và ba người khác bị thương, do các hậu quả của trận bão trên."

"Các thiệt hại cũng đã được ghi nhận tại thành phố cảng Hải phòng, tỉnh Quảng Ninh sản xuất than ở kế cận, cũng như tỉnh Thái Bình, của đồng bằng sông Hồng."

Bản tin cũng mô tả là nhiều đợt sóng lớn, đã ập lên các làng đánh cá duyên hải của Huyện Cát Hải.

Hãng thông tấn VNA không cho biết số thiệt hại nhân mạng tại các vùng này, tuy nhiên cho biết các nạn nhân bị cô lập vì trận bão đã được tiếp cứu khẩn cấp.

Ủy ban Quốc gia Phòng Lụt và bão của nhà nước Việt Nam, trong khi đó, loan báo là có bẩy người bị ghi nhận mất tích.

"Con số thiệt hại có phần hạn chế này... là nhờ sự báo động kịp thời cho các thuyền đánh cá sớm trở về bến."

TÔI KHÔNG THÈM DỌN VÀO CĂN NHÀ Ở ĐẠI LỘ PENNSYLVANIA

BÙI BẢO TRÚC

Theo dõi cuộc đại hội đảng Dân Chủ mấy hôm vừa qua và những sinh hoạt vận động tranh cử từ gần một năm nay, tôi càng ngày càng không hiểu được tại sao người ta muốn làm tổng thống Mỹ như thế.

Đang sống yên lành, vừa tiết lộ niềm mơ ước thầm kín ra, lập tức người đó bị hàng mấy trăm ống kính máy chụp hình, máy quay phim chĩa vào, và cuộc đời riêng tư của ông ta bỗng bị đào bới lên ngay lập tức. Không một cục đá nào không bị lật lên để khám xét kỹ lưỡng. Bao nhiêu bộ xương vẫn cất giấu trong tủ áo liền bị lôi ra tức khắc.

Năm 1970, cậu út Edward Kennedy tưởng nước Mỹ đã quên chuyện bánh xe lăng tử ở Chappaquiddick năm 1968, nhưng cậu vừa hé miệng nói ra dự tính tranh cử tổng thống, thì chuyện Mary-Jo liền bị khui ngay trở lại.

Nữ dân biểu Geraldine Ferraro liền sau khi được chọn đứng chung liên danh với Walter Mondale, thì công việc làm ăn của ông chồng bà tức thì bị lôi ra điều tra, và kéo theo không biết bao nhiêu là rắc rối khác cho cả gia đình. Rồi chuyện ông Quayle tránh tham chiến ở Việt Nam, chuyện ông Clinton trốn quân dịch, hút cần sa, giao du thân mật với Gennifer Flowers, cũng lập tức bị bươi móc ra không còn thiếu một chi tiết nhỏ nào.

Tất cả chỉ vì các ông các bà này muốn làm tổng thống và phó tổng thống Mỹ.

Mà sau khi đắc cử vào những chức vụ này rồi thì cũng không phải là được yên thân đâu.

Người ta nói rằng mỗi năm ngồi ở phòng bầu dục của căn nhà số 1600 đại lộ Pennsylvania sẽ làm cho người ngồi ở đó giảm thọ đi từ hai đến ba năm. Như vậy, nếu không dọn vào căn nhà mầu trắng lạnh lẽo ấy, người đó có thể sống thêm được với vợ con ít ra là mười năm. Ngồi hai nhiệm kỳ thì vứt đi của vợ con 20 năm.

Ông Carter, năm 1976, khi dắt tay Rosalyn đi trên đại lộ Pennsylvania sau lễ tuyên thệ nhậm chức, trông còn là một trại chủ đậu phọng... tươi mát. Hết nhiệm kỳ bốn năm, khi trao căn phòng bầu dục lại cho ông Reagan, ông Carter đã già xọm hẳn đi. Tóc bạc trắng, mặt mũi nhăn nhúm như cái mền rách.

Ông Reagan vừa vào ngồi ở chỗ thay ông Carter được ít lâu, đã bị John Hinkley gửi ngay mấy phát đạn vào bụng suýt chết. Ông Bush đang gặp đủ mọi thứ rắc rối chỉ vì muốn ngồi thêm bốn năm ở chức vụ hiện nay.

Tại sao lại muốn làm Tổng thống Hoa Kỳ?

Tôi rất hiểu nếu người ta muốn làm hôn quân hay bạo chúa. Nhưng tại sao lại tổng thống Hoa Kỳ? Đây là công việc không ngon lành chút nào cả. Khó khăn thì có cả triệu thứ, mà giải pháp thì dường như không có một cái nào cả.

Ông Yeltsin khi còn đứng ngoài, thì chê ông Gorbachev đủ điều, nhìn đâu cũng thấy sai lầm, tưởng như chừng nào ông nhẩy vào được, thì mọi chuyện sẽ suông sẻ ngay. Ông Yeltsin làm tổng thống Nga vừa được hơn một năm. Ông đã làm xong được những gì hay cái mớ bòng bong chỉ càng ngày càng rối càng nát thêm?

Bởi thế, ông ứng cử viên nào tuyên bố sẽ giải quyết xong mọi khó khăn của nước Mỹ ngày nay thì ông ta chỉ là một tay nói phét. Không ai giải quyết được chuyện của nước Mỹ này cả.

Ông ta nên thành thật một chút mà hứa rằng sẽ cố gắng để không đưa nước Mỹ xuống hố

cũng đã là hung hãn lắm rồi. Ông ta nên nhìn nhận rằng ông sẽ không bao giờ quân bình được ngân sách liên bang. Ông cũng nên thú nhận rằng ông sẽ tìm cách tăng thuế lên cái ào trong khi vẫn hô hào giảm thuế. Ông phải chấp nhận sự thật là ông sẽ không bao giờ đánh thắng được các ông vua bạch phiến ở Trung Mỹ và Nam Mỹ mặc dù ông có thể thắng Cộng sản Nicaragua và A Phú Hãn. Ông phải thú thật là ông sẽ không thể ngăn chặn đổ máu và bạo động ở Trung Đông, ở Phi Châu, ở Nam Tư và ở các nước cộng hòa trước đây thuộc Liên bang Xô-viết. Ông sẽ không tài nào lấp được cái hố ngăn cách giữa người da trắng và người da đen ở nước Mỹ, giữa những nước giầu và các nước nghèo của thế giới thứ ba. Ông sẽ không bao giờ phá được cái vòng luẩn quẩn ác nghiệt của nạn nghèo đói và tội ác trong các đô thị Mỹ.

Giỏi cách mấy ông cũng sẽ không thể vừa theo đuổi, cổ võ cho, đường lối thị trường tự do, mà lại cắt giảm được mức chênh lệch mậu dịch giữa Hoa Kỳ và Nhật Bản. Ông sẽ không bao giờ biến được nước Nga và Hoa lục thành những nước bạn đồng minh của Mỹ. Ông sẽ không bao giờ cải thiện được hình ảnh người Mỹ ở ngoại quốc. Và ông sẽ không thể chỉ ngồi vào tòa Bạch Ốc là mọi khó khăn kinh tế của nước Mỹ sẽ biến mất sau một đêm.

Nhưng hình như tất cả các ứng cử viên ngấp nghé chức tổng thống Mỹ đều nói lên toàn những cam kết ngược lại với những điều kể trên.

Tại sao các ông này không lương thiện mà nói thẳng rằng các ông cần việc làm. Cái job này trả 200 ngàn một năm, lại kèm theo một đống quyền lợi khác ở bên cạnh. Thí dụ bảo hiểm sức khỏe, chi phí di chuyển (xe limousine, trực thăng, phản lực cơ Air Force One...) nhà ở không mất tiền, lại không phải rửa chén sau mỗi bữa ăn. Cứ coi là làm tổng thống thì được hưởng bằng ấy thứ đi, nhưng có bõ không? Có đáng những cái đau đầu mà công việc mang lại không? Tại sao lại đem tâm để hình hài sai khiến như thế? Tại sao không làm như ông Tú Hải Vân... ta trồng cỏ đầy vườn, vãi hoa đầy đất, gọi hè đồng pha nước dưới hiên mai?

Có các vàng tôi cũng không dọn vào căn nhà ở đại lộ Pennsylvania.

... Bạn nói cái gì mà nho xanh không xứng miệng người phong lưu? Nho xanh, nho chín gì cũng không thích. Cho ông Bush và ông Clinton ăn nho với nhau.

BÙI BẢO TRÚC

Một tác phẩm nghệ thuật
cho giới thẩm âm
Một món quà hiếm quý
cho những người yêu nhạc

KHÚC NGUYỆT QUỲNH

Mười hai ca khúc nghệ thuật của Phạm Duy, Dương Thiệu Tước, Vũ Thành, Phạm Đình Chương, Văn Phụng, Lê Hữu Mục, Lê Uyên Phương, E. Granados, F. Bazin và M. Mounot... với hòa âm của Duy Cường

Qua tiếng hát tuyệt vời

QUỲNH GIAO

Xin liên lạc:
4960 Almaden Expwy # 191, San Jose, CA 95118
Hoặc hỏi mua tại những Trung Tâm văn, nhạc, thanh lịch

Giá phân phối: 15 Mỹ Kim. Gửi tận nhà tại Hoa Kỳ 17 Mỹ kim, ngoài Hoa Kỳ: 19 Mỹ kim.

MẬT VỤ ĐÔNG ĐỨC STASI VÀ NỖI ĐAU CỦA LƯƠNG TÂM NƯỚC ĐỨC THỐNG NHẤT

THẾ GIANG

*** Hồ sơ mật vụ Stasi nếu trải ra, dài 100 km**
*** Stasi: một thảm kịch con người**
*** Vua trần Nhân Tôn: đút Stasi vào bếp lửa!**

Stasi là một danh từ riêng của tiếng Đức, một chữ Đức viết tắt, chỉ lực lượng mật vụ của nhà nước Đông Đức cũ. Cho đến hôm nay, nó đã được quốc tế hóa, thành sở hữu chung của nhân loại. Báo Pháp ở Pháp, báo Anh, báo Mỹ, báo Thụy Điển, Ý, Hy Lạp... ở đâu, giữa bất kỳ ngôn ngữ nào, nó cũng đứng độc lập, một mình, không cần thông dịch viên, một lời chú giải.

Mới hôm qua, tin vắn bên lề cuộc họp trù bị của ban tổ chức Thế vận hội Tây Ban Nha, giữa những "Honda, Suzuki, Yakimoto" của một ông Nhật, tôi cũng nghe bật ra tiếng "Stasi." Quả thật, họ đang bàn về Stasi, về tệ nạn mật vụ hoành hành trong giới thể thao Đông Đức.

Hồ sơ, nếu trải ra, dài 100 km

Stasi, thiên sử mật vụ của nhà nước Đông Đức cũ được in ấn trên khổ giấy thông thường, khổ giấy làm giấy viết thư, tập vở học trò, hôn thú, văn tự mua bán nhà cửa... nếu trải ra, sẽ có chiều dài khoảng 100 km.

Một trăm km hồ sơ chỉ điểm cho 18 triệu công dân, hay như cách tính của máy Computer, cứ mỗi gia đình bốn người chia nhau một trang. Từ bác sĩ, kỹ sư, giáo sư, sinh viên, vận động viên thể thao, nghệ sĩ, linh mục, cho tới những đứa trẻ mới cắp sách đến trường... không từ ai. Đi chưa hết 1/10 chiều dài, danh sách chỉ điểm viên đã đụng đến toàn bộ thượng, hạ tầng cấu trúc của xã hội.

Bộ máy của chính quyền cũ, khỏi nói tới, lần đầu tiên được bầu cử, ứng cử tự do, cử tri bên Đông Đức đã bỏ phiếu cho chính trị gia gốc đối lập, nhà hoạt động tôn giáo, chiến sĩ đấu tranh không mệt mỏi cho nhân quyền Lothar Demecier -- chỉ ít tháng sau, bà con chưng hửng: ông đương kim Thủ tướng, đã từng là chỉ điểm viên.

Không chỉ mình ông, mà liên tiếp, năm, sáu ông bà bộ trưởng trong chính phủ mới đã từ chức vì dính líu đến đến Stasi, cả chục vị Thượng, Hạ nghị sĩ đã "hưu non" vì lỡ có "bí danh," cả trăm khoa học gia tên tuổi đã lẳng lặng giã từ nhiệm sở, đồng nghiệp, không một cái bắt tay, lời giải thích, rồi hàng ngàn, hàng ngàn những công nhân, thư ký, nhân viên hành chính bình thường được yêu cầu đi kiếm việc làm ở chỗ khác...

Đấy là cái nhìn đại khái, lướt trên bề mặt xã hội, đi vào tố chất, thành quả của chế độ: sau cuộc thống nhất, trong số hàng trăm cầu thủ bóng đá của Đông Đức, chỉ có ba cầu thủ tài năng nhất được các Câu lạc bộ ở Tây Đức và Ý mua, thì hết hai người

từng là chỉ điểm viên. Lục lại hàng tá các huy chương vàng, kỷ lục thế giới về điền kinh, bơi lội, bên cạnh những phát hiện đã sử dụng chất kích thích, ít nhiều đều có dấu chân, vết tay của mật vụ.

"Mật vụ văn hóa"

Lãnh vực văn hóa, chuyện cũng không kém đau lòng: Trong những nhà làm phim, những ca sĩ, nhà soạn nhạc, chỉ huy dàn nhạc danh tiếng, dù đã leo tường tìm tự do, hay kẹt lại bên kia bức màn sắt, kẻ ít người nhiều đều đã từng thưa gửi với mật vụ. Berton Bretch, kịch tác gia lừng danh, một thời là phát ngôn viên cho đám trầm tư của nhân loại cũng không thoát khỏi lưới trời.

Bốn mươi năm xây dựng CNXH, cỗ máy công nghiệp cổ lỗ Đông Đức đã chạy hết tốc lực của cuồng bạo, hậu quả là môi trường sống bị phá hủy hoàn toàn. Người ta ước tính, cứ mỗi hai Đức mã bỏ ra để xây cất nhà máy, đường sá, thì mất một, cho việc tẩy rửa sinh môi. Phí tổn lên đến hàng chục tỉ đô la.

Thiên nhiên, hễ có tiền, có thời gian, tái tạo được, nhưng còn con người, lấy gì để tẩy rửa sự nhiễm độc về con người đây? Không biết vứt bỏ, như người ta quyết định, sẽ vứt bỏ toàn bộ xe hơi chạy máy hai thì phả khói độc, của Đông Đức sản xuất.

Stasi không còn là chuyện mật vụ, trinh thám gián điệp li kỳ kiểu điệp viên 007. Nó là thảm kịch con người. Họ không phải là những kẻ thích đấm đá, phiêu lưu mạo hiểm, được tuyển chọn, đào tạo để rình mò ám hại người khác, họ là những bác sĩ đỡ đẻ, thầy tu, nhà thơ, nhà giáo, các bậc cha mẹ, và những đứa con... Nhìn lên bảng lược đồ những chỗ đứng của họ trong xã hội: bất cứ ai đứng ở ngã ba ngã tư đường, chỗ giao điểm người với người, đều bị mật vụ đến thì thầm. Nhà nghiên cứu khoa học muốn được yên thân để làm việc, phải gật đầu. Ông nhà văn muốn được in sách, thôi thì... Nhà truyền đạo muốn được hành lễ, thời "Amen. Xin Chúa tha lỗi cho con..." Mỗi người phải thỏa hiệp, để tồn tại.

Hồ sơ mật vụ của họ không có lương. Những báo cáo của họ phần lớn không có gì độc hại. Làm, như một thủ tục tôn giáo. Bọn trùm mật vụ, những đứa bầy ra trò chơi cũng không lấy làm buồn. Thế là được rồi. Mỗi người một vụ án; anh biết sợ, biết tự kiểm soát mình là tốt, còn những đứa khác, lần lượt tớ sẽ cho nó một vụ án riêng.

Trò thỏa hiệp, đổi chác của chính trị

Sống, là thọ án. Đó là nguyên tắc xây dựng, bảo vệ chế độ của bất cứ quốc gia cộng sản nào.

Hai năm rưỡi đã qua, hồ sơ mới mở 1/10. Nếu mở nhanh, mở hết, thì đó chính là cách đánh sụp nước Đức về mặt văn hóa, nhân bản. Giới chính trị Đức biết điều đó nên thận trọng, từ từ. Họ chỉ công bố những gì có lợi cho mục đích trước mắt: hai tháng trước, một dân biểu, một bộ trưởng trong chính quyền tiểu bang của đảng CDV bị khui có dính với Stasi, phải từ chức, thì cuối tuần vừa rồi, hai vị dân biểu của đảng đối lập SPD rũ áo từ quan. Một trò mặc cả, đánh đổi.

Cuộc đổi chác chỉ rộ lên, sôi động, vào những dịp tranh cử. Người thắng thì vui, kẻ thua thì buồn; buồn nhất, sợ nhất, chính là đám đông nạn nhân của một thời Stasi.

Người ta sử dụng hồ sơ mật vụ như một thứ chiến cụ, một thứ chó dữ. Xong cuộc bầu bán, con thú dữ Stasi lại thuần hóa, ngoan ngoãn đút đầu vào sợi xích cho bà con dắt đi dạo. Tốc độ bình thường, 10 km trong hai năm. Tháng vừa rồi, một ông dân biểu bị tố có dính đến Stasi đã treo cổ tự tử.

Hồ sơ còn 90 cây số chiều dài, sẽ còn bao nhiêu con người mất việc, tránh đồng loại, tự tử? Khi màn đêm buông xuống, cả miền Đông Đức cũ thiếp vào nỗi lo sợ; rồi sáng sớm, trước giờ đi làm, họ đổ xô đi mua báo, xem tên mình có bị yết trong danh sách mật vụ hay không.

Người Đức có thói quen tận dụng. Trong thế chiến thứ II, tóc tù nhân đã được dùng để bện thừng, dệt thảm, da làm ví, mỡ làm xà phòng. Tận dụng cho hết, hồ sơ Stasi sẽ cho lợi lộc nhiều gấp bội. Điều đáng buồn, lần này nạn nhân không phải Do Thái, Ba Lan, Nga hay Tiệp, mà nồi da xáo thịt Đức với nhau.

Stasi: sản phẩm đặc thù của chế độ Cộng sản

Stasi là vấn nạn chung của tất cả các quốc gia cộng sản. Cuối tuần qua, được ông Thủ tướng Deszenskis gật đầu, ông Bộ trưởng nội vụ Ba Lan đã cho phân phát danh sách những người từng dính líu đến mật vụ thời cộng sản. Tổng thống Lech Walesa đã triệu tập quốc hội họp khẩn cấp, biểu quyết, và đã sa thải ông Thủ tướng vô ý thức. Ông Walesa đã hành động đúng. Đúng nhất, có lẽ là ông Vaclav Havel. Từng là nạn nhân tù tội của mật vụ Tiệp, khi lên làm Tổng thống, ông đã ra lệnh niêm phong hồ sơ danh sách chỉ điểm mật vụ. Nhà thơ họ thường biết cách giải quyết cho nó văn hóa, ổn thỏa, tốt đẹp những chuyện về con người.

Cũng chả có gì mới, cái cách giải quyết đó. Bẩy, tám thế kỷ về trước, đuổi xong giặc Nguyên, vua Trần Nhân Tôn cũng vớ được cái tráp, trong đó có "báu vật Stasi." Ông triệu tập quần thần lại, cười cười, hỏi ý, rồi đút tráp vào bếp lửa. Giặc đến có vài tháng mà cây dại đã lên, chúng ta sống với cộng sản thấm thoát đã 3/4 kiếp người, chuyện chắc cả ngàn cái tráp chứa mới hết. Mai mốt tình cờ vớ được, nên làm gì với nó? Đốt quách. Nhé (?) Hay là...?

THẾ GIANG

VAI TRÒ CỦA ĐỨC QUỐC TRONG CỘNG ĐỒNG ÂU CHÂU

NGUYỄN HỮU

Theo nhận xét của nhiều phân tách gia chính trị quốc tế, Đức Quốc rồi đây sẽ là quốc gia lãnh đạo toàn thể Âu Châu. Để hỗ trợ cho nhận xét trên, họ đã đưa ra một số những lập luận sau đây xem ra có thể là rất vững chắc:

Tại Tây Âu

Kể từ ngày tuyên bố thống nhất vào ngày 3 tháng Mười năm 1990, Đức Quốc đã nổi bật trên đại lục Âu Châu với tính cách một quốc gia đứng hàng đầu về dân số cũng như về tài nguyên kinh tế phong phú. Thêm vào đó, nhờ vị trí địa dư đặc biệt, Đức Quốc đã trở thành như một cột trụ cho các mối bang giao của Âu Châu. Đức Quốc còn là một hội viên có thế lực nhất của Khối Thị Trường Chung Âu Châu (EC) và chỉ thua sút một số quốc gia như Anh và Pháp ở chỗ không có võ khí hạch tâm mà thôi.

Tuy nhiên, nói về các loại võ khí này, cả Anh và Pháp đều nhìn nhận rằng những kho võ khí hạch tâm nhỏ nhoi của họ chỉ có một ảnh hưởng rất hạn chế. Trong khi Anh Quốc tỏ vẻ không tin tưởng mấy về sự thống nhất của Âu Châu thì Pháp lại tỏ ra quá yếu kém để có thể lãnh vai trò lãnh đạo được. Về phía Hoa Kỳ, trong hiện tại, mối bận tâm chính yếu của họ là khối NATO và trong tương lai, họ sẽ chỉ coi Âu Châu như một đối thủ để cạnh tranh về kinh tế mà thôi. Như vậy, trên chính trường Âu Châu, chỉ còn một Đức Quốc mà thôi.

Kể từ khi Đức Quốc bị chia cắt, các đồng minh Tây Phương đều chủ trương rồi ra sẽ thống nhất lại quốc gia này nhưng họ không hy vọng sự thống nhất này có thể thực hiện được dễ dàng. Nhưng đến khi họ thấy thanh niên Đức phá đổ bức tường Bá Linh vào tháng Mười Một năm 1989, lúc đó mọi người mới nhận thấy rằng sự thống nhất nước Đức là điều không thể cưỡng lại được.

Tại Đông Âu

Sau khi chế độ Cộng Sản hoàn toàn sụp đổ tại Đông Âu, hàng triệu người dân nơi đây đều hướng nhìn vào Đức Quốc với tất cả niềm hy vọng.

Mặc dầu nền văn hóa của Hoa Kỳ -- kể cả âm nhạc, phim chiếu bóng, thời trang và thuốc lá -- đối với người dân Đông Âu có vẻ là rất hấp dẫn trong nhiều thập niên qua, ảnh hưởng của Đức Quốc trong vùng này, đặc biệt tại Tiệp Khắc và Ba Lan, đã lan tràn mạnh mẽ qua những cuộc tiếp xúc riêng tư, các vụ đầu tư về thương mại và đời sống trí thức.

Về điểm này, ông Otto Wolff Von Amerongen, Chủ Tịch của Ủy Ban Đông Âu, một nhóm kỹ nghệ đã từng giúp các thương gia Đức giao thương với Đông Âu, đã nói: "Đó là một thị trường thiên nhiên của chúng tôi. Thị trường này rất tốn kém cho chúng tôi nhưng rốt cuộc có lẽ sẽ đem chúng tôi đến một vị thế giống như hồi trước Đệ Nhất Thế Chiến. Tại sao không?"

Vấn đề ngôn ngữ

Khi những người Đông Âu gặp các nhà du lịch Tây phương, đa số những người này lại là người Đức. Khi những người Đông Âu kiếm được việc làm trong các công ty ngoại quốc thì chủ nhân của họ phần lớn cũng lại là người Đức. Và khi người Đông Âu tìm cách bành trướng phạm vi trí thức của họ, đa số lại học tiếng Đức và đọc sách Đức.

Ông Heinrich Machowski, một phân tách gia tại Viện Sưu tầm Kinh tế Đức quốc ở Bá Linh, cho biết "Không còn là điều đáng ngạc nhiên khi thấy Đức Quốc sẽ trở thành một người bạn quan trọng nhất của Đông Âu. Hãy nhìn vào địa lý, lịch sử và ngôn ngữ. Các kỹ thuật gia ưu tú của vùng Đông Âu thảy đều nói tiếng Đức cả."

Trong số khoảng 18 triệu người trên thế giới đang học Đức ngữ, đã có 12 triệu thuộc khối Đông Âu cũ. Tại Tiệp Khắc, nơi mà học sinh đã lựa chọn lần đầu tiên các lớp học ngôn ngữ của chính họ, phân nửa đã chọn Đức ngữ. Có khoảng 30% chọn Anh ngữ và chỉ có 10% còn giữ lấy tiếng Nga mà trước kia được coi là bắt buộc.

Tại Ba Lan, nơi mà Đức ngữ rất ít được dạy dưới thời Cộng Sản, nay đã chiếm tới 30% số ngoại ngữ.

Được biết Viện Goethe đã mở nhiều chi nhánh trên khắp vùng Đông Âu và ngân sách của Đức Quốc dành cho những chương trình nhằm khuyến khích học Đức ngữ tại ngoại quốc đã tăng gấp bốn lần từ năm 1989.

Cuộc tấn công của cơ quan truyền thông

Hệ thống truyền thanh quốc ngoại của chính phủ là Deutsche Welle mới đây vừa loan báo "một hoạt động tấn công của báo chí và văn hóa vào vùng Trung, Đông và Nam Âu Châu." Giám Đốc của cơ quan này là ông Diter Weirich, đã gọi Đức Quốc là một nhịp cầu về truyền thông và văn hóa quan trọng nhất giữa Đông và Tây.

Các giới chức thẩm quyền của Đức cho biết mối liên hệ giữa việc học ngôn ngữ và ảnh hưởng kinh tế được thực hiện một cách trực tiếp. Họ đã len lỏi vào các đại học ngoại quốc để tìm kiếm nhân tài và tìm cách đưa những thanh niên xuất sắc này vào các chương trình huấn luyện để sau đó đưa họ đến phục vụ tại các cơ quan quản trị địa phương và đặc trách các cuộc kinh doanh hỗn hợp.

Khi xí nghiệp chế tạo cơ khí Carl Schenck AG, với số công nhân là 4,700 người, thiết lập một chi nhánh tại thủ đô Prague của Tiệp Khắc thì công ty này đã đề cử một người Đức, mẹ là người Tiệp Khắc, làm giám đốc. Chỉ nội trong vài tháng, chi nhánh này đã tiết kiệm được 30% sở phí nhờ áp dụng những phương pháp cải thiện đã được phát triển phối hợp với một viện sưu tầm của Tiệp Khắc. Không có trở ngại nào về vấn đề ngôn ngữ và cũng không có khoảng cách văn hóa nào đáng kể cả.

Mặc dầu ngân khoản đầu tư lớn nhất của Đức Quốc đã được đổ vào vùng cựu Đông Đức, các xí nghiệp của Đức, lớn cũng như nhỏ, ít ra cũng đã ký thác một phần tương lai của họ vào phần còn lại của Đông Âu -- đặc biệt tại ba lân quốc gần nhất của Đức Quốc là Tiệp Khắc, Hung Gia Lợi và Ba Lan. Một phần ba mậu dịch giữa Đông và Tây Âu, theo một bản nghiên cứu của Liên Hiệp Quốc, được đặt cơ sở tại Đức Quốc.

Một động lực thúc đẩy đầu tư của Đức Quốc là yếu tố lịch sử. Nhiều công ty Đức đang phục hồi những mối liên hệ đã có từ thời Đế Quốc Áo - Hung trước thời Đệ Nhất Thế Chiến ít lâu. Nhiều giám đốc người Đức cho biết những sự di chuyển của họ sang Đông Âu bắt nguồn từ hệ thống kinh tế căn bản. Vì lương bổng và các sắc thuế đã tăng gia và người công nhân Đức lại muốn giảm bớt số giờ làm việc hàng tuần -- đã được coi là ít nhất trên thế giới rồi -- nên các công ty Đức cần phải đi tìm nhiều cơ hội thuận lợi hơn ở bên ngoài.

Trong vài năm nữa, công ty Volkswagen, xưởng chế tạo xe hơi lớn nhất Âu Châu, sẽ bỏ phân nửa vốn đầu tư của họ vào các quốc gia bên ngoài Đức Quốc -- nhất là vào những cơ xưởng tại Tiệp Khắc, Tây Ban Nha, và Bồ Đào Nha.

Không giống như Đông Đức, Tiệp Khắc sẽ còn phải một thời gian lâu nữa mới đạt được một mức độ lương bổng như tại Tây Đức. Vả lại, kinh doanh tại Tiệp Khắc còn dễ hơn là ở Đông Đức, nơi mà có nhiều khiếu nại về tài sản (do những người đòi quyền sở hữu trong thời thống trị của Cộng Sản) đến nỗi không còn lối thoát nào nữa.

Những khó khăn của Đức Quốc

Phải nói rằng tiền bạc hiện nắm một vai trò trọng đại để quyết định sự thành công hay thất bại của Đức Quốc. Khi chấp nhận để Đông Đức sáp nhập vào Tây Đức, tạo thành một Đức Quốc thống nhất, chính quyền của tân quốc gia này đã phải chi tiêu những ngân khoản hết sức lớn lao. Một số những chi phí này thuộc lãnh vực đối ngoại như việc giúp quân đội Xô Viết triệt thoái và yểm trợ những nền dân chủ mới còn quá yếu kém của Đông Âu. Tuy nhiên Đức Quốc đã phải chi phí nhiều nhất tại quốc nội để vượt qua được những trở ngại về kinh tế và về tình trạng băng hoại của xã hội Đông Đức. Được biết có tới một phần tư ngân sách liên bang đã được đem ra chi tiêu trong vùng này.

Một vài chi phí khác tương đối nhỏ hơn, tỉ như ngân khoản $200 triệu Mỹ Kim để điều hành những hồ sơ mật của cơ quan mật vụ Đông Đức liên quan đến các nạn nhân. Một vài ngân khoản khác thật vĩ đại nhằm xây cất một hệ thống chuyên chở tối tân hay phục hồi một số sinh môi đã bị ô nhiễm nặng nề đến nỗi có thể gây nguy hại đến tình trạng sức khỏe của người dân.

Vào tháng Giêng năm nay, nạn thất nghiệp tại miền Đông nước Đức đã từ 12 tăng vọt lên 17% trong ba tháng. Có tới hàng ngàn công nhân chỉ làm việc trong điều kiện bán thời gian.

Đến đây, câu hỏi được đặt ra là liệu chính phủ liên bang có đủ sức cáng đáng được gánh nặng này không? Mọi người đều tỏ ra lo ngại vì bắt đầu từ tháng Giêng, mức độ lạm phát tại cựu lãnh thổ Tây Đức đã lên tới 4% trong khi nạn thất nghiệp là 7%. Những con số nêu trên, tuy là thấp đối với nhiều quốc gia khác nhưng đặc biệt đối với Đức Quốc, tình hình này được coi là đáng để báo nguy và lo ngại.

Nhìn vào hiện trạng này, nhiều phân tách gia chính trị trên thế giới cũng tỏ ra thắc mắc không biết, trong những ngày sắp tới, giới lãnh đạo của Đức Quốc có đủ tài năng để vừa xây dựng một tân quốc gia thống nhất hùng mạnh vừa nắm giữ vai trò lãnh đạo Tây Âu và Đông Âu một cách có hiệu quả không. Không ai dám nghĩ đến những ngày đen tối của Đức Quốc vào thập niên 40, và mọi người đều nghĩ rằng sớm chầy quốc gia này sẽ vượt được hết những trở ngại trên con đường "tái lập quốc" và lãnh đạo Âu Châu.

(NGUYỄN HỮU viết theo các tài liệu của Marc Fisher và Henry Trewhitt)

CHIẾN TRANH NHÀ ĐẤT

HỨA TRÚC

*** Đổi nhà ra mặt tiền là có tiền.**
*** Đòi nhà bị Nhà nước quản lý.**
*** Nghề kinh doanh địa ốc bung mạnh.**
*** Chỉ có Nhà Nước "trơ mỏ": không ai đóng thuế cả!**

Làn sóng di dân tự phát của dân miền Bắc đổ xô vào các tỉnh phía Nam đã làm cho các giới chức địa phương đau đầu. Từng xóm, từng thôn, dân miền Bắc tom góp tất cả những gì có thể mang theo, bồng bế chồng chất lên những chiếc xe ca bao thuê, trực chỉ thẳng tới vùng đất mà những người trinh sát cùng làng đã đi tiền trạm trước đó nghiên cứu. Họ có thể đổ bộ đến Xuyên Mộc (tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu) hoặc vùng Bù Đăng, Chơn Thành (tỉnh Sông Bé), những vùng đất rộng người thưa hoặc còn hoang hóa, chủ yếu là tìm vùng đất mới còn tốt để khai khẩn, tiếp tục cái nghiệp dĩ canh nông mà đất đai cằn cỗi ở quê cũ phía Bắc đã khiến cho họ càng ngày càng xác xơ.

Saigon: đất hứa

Nhưng nếu mơ ước của người dân quê miền Bắc là được ấm no bằng sức lực mồ hôi của mình ở vùng đất màu mỡ phương Nam, thì mơ ước của một số thị dân ở Hà Nội và các thành phố lớn khác ở miền Bắc là được sống, công tác và làm ăn tại thành phố Sài Gòn, một thành phố lớn nhứt của cả nước, nơi mà mọi ngành kinh tế đều phát triển, nơi có nhiều cơ sở đầu tư của ngoại quốc, nơi được coi là *đất hứa* cho những ai ôm ấp hy vọng làm giàu, tương tự như nước Mỹ trong lòng những người vượt biên trước đây. Những người có địa vị, máu mặt, hoặc có khá tiền của tìm đủ mọi cách để nhập cư thành phố Saigon. Làn sóng di dân thứ hai này không ồ ạt, tập thể như những người nông dân, nhưng âm ỉ kéo dài từ năm này qua năm khác mặc cho mọi ngăn chặn của giới hữu trách.

Dân số thành phố hiện nay ước lượng xấp xỉ 4.5 triệu người, một con số cao hơn nhiều so với thống kê chính thức, một con số không bao giờ có thể chính xác được vì những dòng người đến và đi liên tục. Thành phố ngày càng trở nên chật hẹp, và bắt đầu từ cuối năm 1989, một cuộc chiến tranh mới đã được bắt đầu tại thành phố: cuộc *chiến tranh nhà đất.*

Nhà có mặt tiền là có tiền!

Mở đầu cuộc chiến tranh này là *chiến dịch mặt tiền.* Nhà ở mặt tiền các đường phố lớn thì mới có giá trị, do vậy các cán bộ có chức quyền của địa phương từ phường, quận cho đến cấp lớn hơn đều tìm đủ mọi cách để đổi nhà ra mặt tiền. Họ sử dụng đủ mọi thứ biện pháp "ma giáo" hầu đạt được mục tiêu, trong mấy năm qua báo chí địa phương đã khui ra không ít vụ. Kế tiếp là những người bị *phân loại sai* trong chiến dịch đánh tư sản mại bản (năm 1978) cũng đâm đơn xin lại nhà đã bị Nhà Nước quản lý. Nhà của những người này đa số là nhà mặt tiền kinh doanh buôn bán. Không ít người được Nhà Nước trả lại nhà, phát sinh thêm tranh chấp khác giữa người đang cư trú -- vốn là cán bộ công nhân viên được nhà nước cấp nhà -- và người vừa được Nhà Nước trả lại quyền sở hữu.

Trong mấy năm qua, thành phố mở thêm một số đường mới nhằm giải tỏa lưu thông ngày càng bế tắc. Quận 11 thì có đường Lãnh Binh Thăng, Quận 10 thì có đường Trường Sơn, Quận Bình Thạnh thì mở đường Bùi Đình Túy, Đinh Bộ Lĩnh, v.v... Việc mở đường mới đã tạo cho một số mảnh đất ao tù, căn nhà

lụp xụp trước đây bỗng nhiên có giá một cách bất ngờ vì may mắn nó nằm trên *mặt tiền* của con đường vừa mở hoặc sắp mở.

Dân tính kiểu dân,
lính tính kiểu lính

Phe quân sự cũng nhảy vào cuộc chiến tranh nhà đất. Đất khu vành đai an toàn của sân bay Tân Sơn Nhất do quân đội quản lý một sớm một chiều bỗng trở thành khu gia cư sầm uất. Do quyền quản lý còn nằm trong tay, nhân chủ trương giảm bớt đất quân sự không cần thiết, quân đội vừa cấp đất cho người của mình vừa bán đất cho các cơ quan, tư nhân, trước khi chính quyền thành phố kịp trở tay. Do đó khi nhận bàn giao, thành phố ôm lấy mớ bòng bong: đất đai quy hoạch lộn xộn, nhà cửa xây dựng lung tung, điện câu mắc bừa bãi. Khu vực này được mô tả: nhà không số, người không hộ khẩu, điện không điện kế... tệ nạn xã hội (trộm cắp, buôn lậu, đĩ điếm, bia ôm, cũng đua nhau phát triển.

Phe quân sự còn thắng thêm một trận nữa: khu vực đất quân sự trên đường "3 tháng 2" (Trần Quốc Toản cũ) từ Công trường Dân chủ đến đường Lý Thường Kiệt (Nguyễn Văn Thoại cũ) trước đây là những bức tường cao sừng sững, nay bỗng nhiên như có phép lạ biến thành một khu phố lầu cao ba bốn từng sừng sững, chạy dài theo mặt tiền đường, nhanh chóng trở thành một khu thương mại sầm uất. Đất và nhà ở đây rất có giá (đất 4 x 20 m: 40 lượng trở lên. Đất và Nhà từ 200 đến 300 lượng). Đó là chưa kể đến các khu đất quân sự khác ở Tân Bình, Gò Vấp, Thủ Đức cũng đã nhanh chóng biến thành khu dân cư sầm uất.

Nghề mới: môi giới địa ốc

Trước sự bùng nổ của cuộc chiến tranh nhà đất như đã phác họa ở trên thì tất nhiên cũng bùng nổ các dịch vụ ăn theo như cò mồi, làm giấy tờ mua bán, chạy chọt thủ tục. Nhưng một dịch vụ đúng nghĩa cũng đã ra đời: *nghề kinh doanh địa ốc*. Ngoài một số Công ty của Nhà nước, các tư nhân -- thậm chí một số Việt kiều -- đã đầu tư rất nhiều tiền của trong lãnh vực này. Nhờ luật lệ về nhà đất đã thoáng hơn trước, đồng thời Nhà nước còn lúng túng trước mô hình làm ăn mới mẻ này, nên nhiều người đã thành công lớn vì không phải đóng thuế cho Nhà nước.

Giá nhà đất mỗi ngày một tăng cao vì nhu cầu quá lớn, năm trước năm sau đã có thể gấp đôi nên kinh doanh địa ốc trong lúc này quả là béo bở, nhưng đòi hỏi người kinh doanh phải có vốn lớn, nhạy bén với tình hình, có người thân thuộc nằm trong các cơ quan nhà đất, qui hoạch của Nhà nước và nhiều khi phải biết liều lĩnh.

Nhật báo *Sài Gòn Giải Phóng*, hằng tuần vào ngày thứ Bẩy dành hẳn một trang lớn để đăng quảng cáo, rao vặt bán nhà đất là một minh họa cụ thể cho việc kinh doanh địa ốc của tư nhân, đồng thời cũng cho ta một khái niệm về cuộc chiến tranh nhà đất như đã mô tả. Sau đây là một số giá cả về nhà cửa trích từ các rao vặt đăng trên báo SGGP để bạn tham khảo

Quận	Rộng	Dài	Giá (lượng vàng)	Ghi chú
1. Biệt thự				
1. Đặng Tất	8m	22m	245	7 phòng ngủ, sân, garage
1 Điện Biên Phủ	16m	17m	300	Có sân, ga-ra
3 Hoàng Hoa Thám	11	25	220	Có sân, ga-ra
II. Nhà đất				
1 Võ Thị Sáu	5	27	180	Một lầu đúc
1 Thạch T Thanh	3,5	19	57	
1 Nguyễn Trãi	6	18	102	
III Nhà trong hẻm				
1. Cống Quỳnh	3	19	26	Nhà trệt
3 Trần Quốc Toản	3,2	21	28	gác suốt
4 Tôn Đản	3,5	15	14,5	nhà ngói

Trên đây chỉ là một số đặc trưng để tham khảo. Giá cả biến thiên từ vài chỉ vàng một căn nhà lụp xụp ở vùng đầm lầy ngoại thành, đôi ba cây ở các khu lao động quận 4 cho đến

DU TỬ LÊ

Gửi nx. hồng, hs. thông, nm.giác, đq. toàn, pq. bảo, nx. hoàng và t.

THƠ TÌNH NĂM HAI NGÀN

huyền thoại buông màn. Cổ tích chôn
chị Hằng, tảng đá: ai là trăng?
cây đa, chú Cuội, và con thỏ
là bốn? Hay là một chữ không?

buổi sáng phi thuyền đáp sao Kim
chiều, tôi ngồi quán nhớ mông mênh
tối nay hàng triệu ngôi sao mọc
em ở nơi nào trong không gian?

nhân loại sẽ dời lên Thổ tinh
kẻ về sao Hỏa. Kẻ sao Hôm
mẹ về sao Vệ. Cha sao Mộc
tôi chọn khô theo quả đất dòn

khi chết thành ma? Giờ cũng vậy
chỉ như mặt khác tấm gương soi
sống đây. Sống đấy mà đâu hiểu
vạn kiếp trong cùng một kiếp thôi

chẳng còn. Chẳng còn. Chẳng còn chi
chỉ còn bí mật của trang thơ
em đem hạt lệ gieo lên luống
ruộng khổ tôi cầy ven hư vô

tưởng tĩnh, ai ngờ động nháng sao
em về ẩm ướt khắp chiêm bao
nguồn thiêng ở phút đầu sông tặng
thác đổ. Ghềnh neo trời. Nao nao

tôi mời em vào thế giới riêng
thế giới không người. Thế giới chim
ném đi ước lệ, quăng quần áo
tươi tốt nào hơn em khỏa thân

địa đàng bôi xóa tự nghìn xưa
tôi có em, đâu cần E-Và
đâu cần trái táo và con rắn
cám dỗ tinh ròng như nhụy hoa

em sẽ quây quần với các con
tha hồ dựng núi, đào nhiều sông
tha hồ bảo nắng hay mưa xuống
nhân loại sau này khởi tự em

đứng trước bậc thềm tân thế kỷ
tôi viết thơ tình: hiu-quạnh-kinh
ngày mai ai cũng là thi sĩ
tìm thấy vầng trăng thật: của mình

houston, 7-92

500-600 lượng vàng ở những biệt thự trên đường Điện Biên Phủ, Nam Kỳ Khởi Nghĩa... Thượng vàng hạ cám tùy theo túi tiền bạn ạ.

Sống chết mặc bay

Cũng như mọi cuộc chiến tranh khác, chiến tranh nhà đất cũng để lại những hệ lụy: sự phát triển nhanh chóng của các khu gia cư không đồng bộ với các dịch vụ phục vụ: điện, nước, cống rãnh, đường xá, tệ hơn cả là vấn đề môi trường. Sự phát triển một cách vô tổ chức như thế sẽ đưa thành phố đi về đâu? Câu hỏi đó không hề làm phiền lòng những người đang tham gia vào cuộc chiến tranh này một cách hăng hái với ý nghĩ duy nhất là tranh thủ những gì có lợi nhất cho mình.

HỨA TRÚC

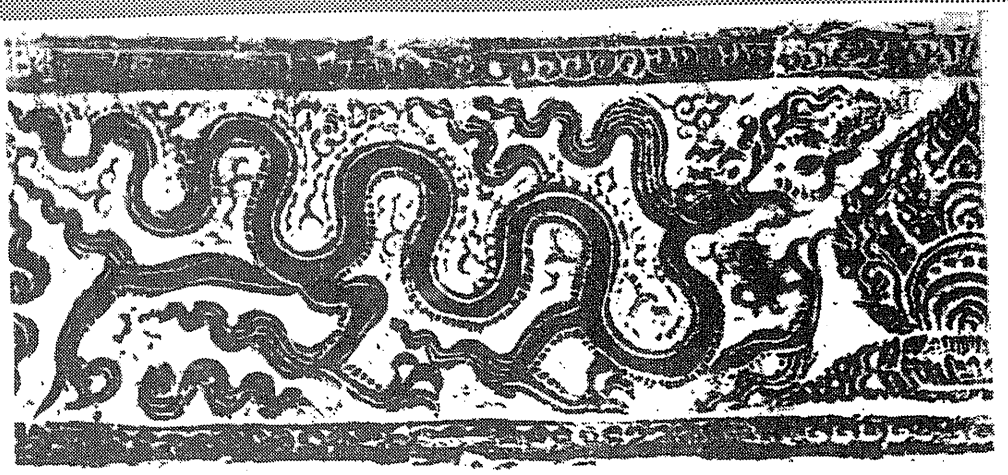

Rồng trên bệ tượng Phật, chùa Phật Tích, Hà Bắc, 1057.

TỪ CON SẤU, CON CÙ CỦA NGƯỜI VIỆT CỔ ĐẾN CON RỒNG TRONG MỸ THUẬT TRUYỀN THỐNG VIỆT NAM

LÊ VĂN HẢO và HUỲNH HỮU ỦY

Căn cứ vào huyền thoại Lạc Long Quân - Âu Cơ và phong tục lâu đời xâm mình bằng hình rồng của người Việt xưa, từ thời đại dựng nước cho mãi đến đời Trần (thế kỷ XIII-XIV), chúng ta hoàn toàn có thể chia sẻ với người Việt Nam ở mọi thời đại niềm tự hào về dân tộc Việt Nam là con Rồng cháu Tiên, xuất phát từ cặp vợ chồng khởi nguyên của nòi giống Việt Nam là mẹ Âu -- cha Rồng.

Có thể xem bố Rồng hay vua Rồng, là vị anh hùng khai sáng văn hoá lớn nhất của huyền thoại Việt Nam, từ biển tới, từ sông lên, diệt Ngư tinh, Hồ tinh, Mộc tinh, khai sáng miền châu thổ sông Hồng, dọn đường cho con cháu là các vua Hùng và nhân dân Việt cổ xây dựng nền *văn minh châu thổ sông Hồng*. Bố Rồng cũng là vị anh hùng khai sáng văn hóa đầu tiên chống sự xâm lăng lấn từ phương Bắc, bảo vệ lãnh thổ cho con cháu dựng nước, dựng nền văn hóa. Có vua Rồng là anh hùng văn hóa, có vua Hùng là anh hùng chính trị, có ông Gióng là anh hùng trận mạc, người Việt cổ đã sẵn sàng bước lên vũ đài lịch sử, xây dựng nên Nhà nước đầu tiên và hiên ngang làm chủ một phương ở miền Đông Nam Á thời cổ đại.

Rõ ràng huyền thoại mẹ Âu - cha Rồng và ý nghĩa biểu dương cội nguồn nòi giống đã góp phần cho nhân dân Việt cổ tập hợp lực lượng chiến đấu và chiến thắng trong quá trình dựng nước và giữ nước. Nhưng tại sao cho đến nay, chúng ta vẫn chưa tìm thấy hình tượng con Rồng trên những hiện vật của văn hóa - văn minh Việt cổ ở thời dại dựng nước, thời đại Hùng Vương, thời đại Văn Lang - Âu Lạc?

Trong bộ sách *Hùng Vương dựng nước* (4 tập) của Viện Khảo cổ học Hà Nội, nhiều nhà nghiên cứu đã xem xét những hoa văn hình con bò sát có chân, đuôi dài, có vẩy và đôi khi có tóc trên một vài di chỉ đồ đồng Đông Sơn, nhưng chưa khẳng định được dứt khoát con Rồng Việt Nam vốn xuất phát từ một con vật cụ thể nào, mà chỉ nói chung chung rằng đó có thể là *con Giao Long, con Thuồng Luồng, Con Giải, con Cá Sấu* hoặc *Con Rắn khổng lồ*. *Từ điển Việt Nam* (Văn Tân chủ biên, 1967) thì lại khẳng định: tô tem (vật tổ) của người Việt

nguyên thủy là con cá sấu. Đinh Gia Khánh và Chu Xuân Diên trong bộ sách *Văn học dân gian Việt Nam* thì nói rõ hơn: lân trùng (rắn có vảy) hay long giao là một loài cá sấu. Con Rồng chính là con cá sấu vẽ nên. Như vậy, giữa con cá sấu và con rồng có mối quan hệ như thế nào? Gần đây, nhà nghiên cứu Nguyễn Minh Hiệu, bằng những cứ liệu văn học dân gian, ngôn ngữ học, khảo cổ học và dân tộc học đã cố gắng chứng minh rằng *nguồn gốc của con Rồng chính là con cá sấu, mà con cá sấu lại là vật tổ chủ yếu của người Việt cổ cách đây trên dưới 4000 năm* (1). Đây là một luận điểm quan trọng đối với những nhà nghiên cứu lịch sử văn hóa - nghệ thuật Việt Nam, và là một trong những lý giải có sức thuyết phục trong vấn đề tìm hiểu nguồn gốc con Rồng, một hình tượng quán xuyến trong tiến trình mỹ thuật cổ truyền từ thời đại Lý, Trần đến các thời Lê, Nguyễn.

Trán bia Lê Hiển Tông (khu Lam Sơn, 1505)

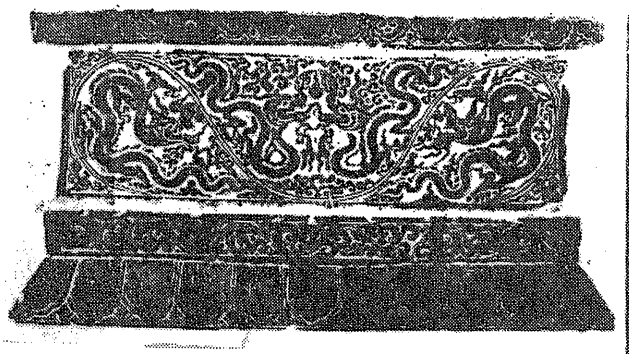

Rồng trên bệ tượng Phật, chùa Mễ Sở, Hải Hưng, 1573

Rồng ngay giữa trán bia lăng Lê Lợi.

Vậy thì con cá sấu đã xuất hiện như thế nào và đã trải qua những biến đổi ra sao trong nền văn minh Việt cổ và trong truyền thống văn hóa, nghệ thuật Việt Nam?

Những phát hiện khảo cổ học trong những năm gần đây đã cho chúng ta thấy hình tượng con cá sấu trên nhiều di chỉ đồ đồng Đông Sơn thuộc nền văn minh sông Hồng của thời đại dựng nước.

Hình cá sấu Đào Thịnh (trái), Đông Sơn (hai hình giữa) và Ninh Bình (phải).

Trên thạp đồng Đào Thịnh, giữa hình những con thuyền có khắc họa hình những con cá sấu; trên qua đồng Núi Voi cũng có khắc hình cá sấu.

Trên một lưỡi giáo và một dao găm đồng tìm được ở di chỉ Đông Sơn nổi tiếng (Thanh Hóa) thấy có hình ảnh của hai đôi cá sấu với nét khắc chìm khá sâu: một cặp cá sấu già với

các chân vẽ rõ ràng, đang hé miệng, đuôi cuộn, và một cặp cá sấu khác được cách điệu hóa đang lao đi dưới nước như hai mũi tên.

Trên một vòng đồng cũng tìm thấy tại di chỉ Đông Sơn, có chạm khắc hình những con cá sấu chạy vòng quanh ở vành ngoài cùng. Nhà nghiên cứu Nguyễn Minh Hiệu đã nhấn mạnh rằng những chiếc thạp đồng, lưỡi giáo đồng và chiếc vòng đồng có chạm khắc hình tượng con cá sấu đều thuộc loại hiện vật đặc biệt, có lẽ là những báu vật được chế tác riêng cho các vua Hùng và các Lạc Hầu, Lạc Tướng. Trên một chiếc trống đồng Đông Sơn loại I, thấy chạm khắc rất đẹp hình sáu con cá sấu mõm nhọn, đuôi cuộn vòng lên, ở tư thế lao về phía trước. Chiếc trống độc đáo này tìm thấy ở Hòa Bình (Hà Sơn Bình) trong nhà họ Đinh (họ lớn nhất trong sáu dòng họ lang đạo của người Mường xưa), có lẽ thuộc loại "trống rồng trống khú" mà mấy ngàn năm trước đây là hiện vật cao quý dành riêng cho các lãnh tụ (thủ lãnh bộ lạc) của đất nước Văn Lang - Âu Lạc.

Trong tiếng Mường và trong văn học dân gian Mường, hai từ *Rồng* và *Khú* thường đi đôi với nhau (người Mường đọc là *Rôông và Khù).* Ví dụ: *Nòi nhà Lang là dòng máu chó, Nòi nhà khó là dòng máu khú máu Rồng* (tục ngữ), hoặc: *Nhà ông cun Đủ đạo Đà, có trống rồng trống khú* (truyện thơ Mường); *Con khú làm chồng, con rồng làm nhân ngãi* (Sử thi Đẻ đất Đẻ nước).

Cặp từ Rồng - Khú làm ta liên tưởng đến sấu, bởi vì theo những qui luật ngữ âm học của tiếng Việt - Mường thì /u/ dễ chuyển hóa thành /âu/, /kh/ thành /c/

con tru - con trâu, nước su - nước sâu

Cân khi cân khèng (Mường) -- Cây si cây sanh (Việt)

Trây khù (Mường) -- Trái sấu (Việt)

Khù: núi (Mường) -- Cù: núi (Việt) như *Cù mẹ,* cù con, Cù Đinh, Cù Mông, cù lao v.v...

Và như thế thì *con khú, con rồng* (con khù, con rôông) dễ dàng chuyển thành con sấu, con rồng. Con khú (khù) Mường chính là con sấu Việt. Ở miền Trung và miền Nam, người Việt vẫn dùng từ cổ *Cù* để chỉ con cá sấu, ví dụ: hiện tượng *cù dậy,* từ ngữ *con cù mọc sừng,* câu ca dao: *Kìa xem con cù nó mọc sừng, Nó hóa cái gạc nó vẫy vùng làm mưa.* Nguyễn Minh Hiệu đã chứng minh *khú, khù, cù* trong tiếng Việt - Mường cổ, tiếng Mường hiện đại và tiếng Việt bình dân chính là những dạng cổ của từ *sấu.* Con cá sấu đã trở thành con rồng qua hiện tượng tiếp biến văn hóa trong lịch sử.

Tiếp xúc với con rồng Hán và con Makara Ấn Độ, con sấu của người Việt cổ đã biến thành con rồng trong ngôn ngữ cận-hiện đại và mỹ thuật truyền thống Việt Nam. Chúng ta có con *rồng*

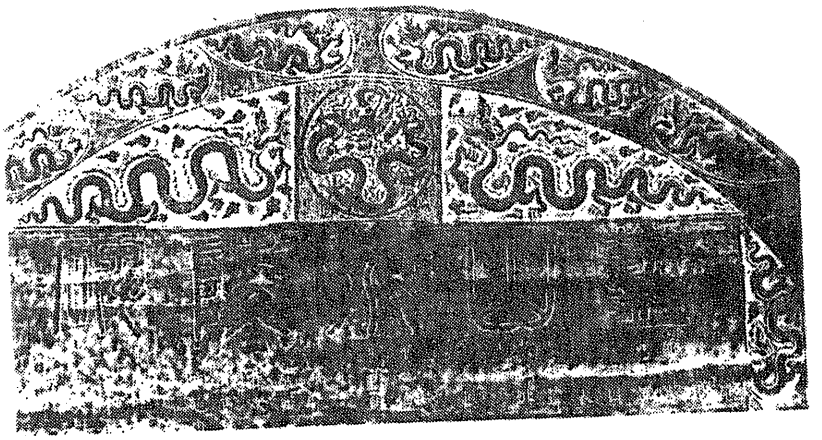

Rồng trên trán bia lăng Lê Lợi (Lam Sơn, Thanh Hoá, 1443)

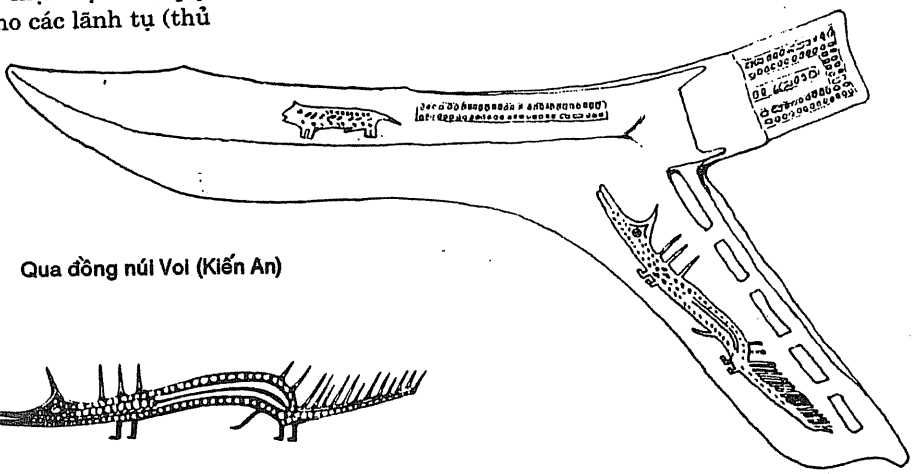

Qua đồng núi Voi (Kiến An)

Cá sấu trên qua đồng núi Voi.

thời Lý được thể hiện thành một con vật mình dài, tròn như rắn, uốn quanh nhiều vòng rất uyển chuyển mềm mại, với những thành phần cấu tạo tượng trưng cho nguồn nước và mây mưa, phù hợp với giấc mơ thường xuyên của nhân dân một đất nước chuyên canh lúa nước, lúc nào cũng cầu cho trời đất được mưa thuận gió hoà, lúc nào cũng:

Trông trời trông đất trông mây
Trông mưa trông gió trông ngày trông đêm

Với dáng vẻ uốn lượn sinh động ấy, giữa những đám mây cũng lượn sóng nhẹ nhàng, theo học giả Trung Quốc Từ Tùng Thạch, chính là kiểu văn dạng của chữ *Lôi* cổ tự: một ký hiệu về các hiện tượng mưa, gió, sấm, chớp (2). Điều này hoàn toàn phù hợp với sự tưởng tượng của nhân dân ta thời cổ, về những vị thần mưa, thần nước, chính là biểu tượng sức mạnh của thiên nhiên đang hỗ trợ cho con người trong cuộc sống canh tác, cấy cày. Chúng ta càng sẽ hết sức thú vị khi các tài liệu khảo cổ học gần đây đã chứng minh được rằng nền văn minh lúa nước của tổ tiên chúng ta, giữa các cư dân khác ở vùng Đông Nam Á đã có một nguồn gốc rất sâu xa: đã biết trồng cây, mài đá làm đồ dùng, làm đồ gốm trước người Trung Hoa, Ấn Độ và cả Cận Đông hàng mấy ngàn năm (3). Và như thế, chúng ta cũng có thể tiến đến gần với sự quả quyết: Con Rồng chính là sản phẩm văn hóa của cư dân Việt cổ.

Rồng trên bệ đá tròn, tháp Chương Sơn, Nam Hà, 1105.

Sau con rồng uyển chuyển mềm mại thời Lý, chúng ta có con rồng thời Trần với thân hình chắc nịch, khỏe và hiện thực với cặp sừng và đôi tai làm tăng thêm vẻ uy nghi, đường bệ. Đến con rồng thời Lê với vẻ dữ tợn, đầu to, có chạc, có sống lưng, vẩy lưng và lông gáy tua tủa, chân xòe năm ngón, móng quặp lại tượng trưng của vương quyền. Kế tục truyền thống các con Rồng Lý, Trần, Lê, con rồng Nguyễn mang sừng dài có chạc, mắt lồi, vẩy mọc khắp mình, râu và bờm xồm xoàm, vây lưng chạy dọc dài suốt mình từ cổ xuống đuôi, móng sắc nhọn, đuôi xoáy hình trôn ốc, là con rồng đã đến mức tận cùng trên con đường phong kiến hóa. Biểu tượng này của uy quyền giai cấp thống trị hoàn toàn xa lạ với con cá sấu dân dã trong mỹ thuật thời đại dựng nước.

Từ con cá sấu Việt cổ, con khú Mường, con cù dân gian

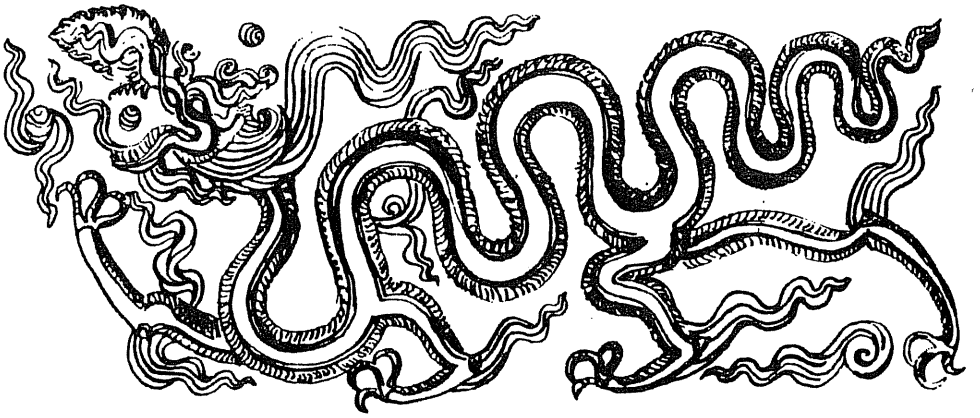

Con rồng thời Lý (bản vẽ Trần Tuy).

Việt đến con rồng truyền thống là cả một chặng đường biến hóa dài hàng ngàn năm. Khởi đầu từ con cá sấu nguyên mẫu của vật tổ rồng, bố rồng, vua rồng Lạc, thủy tổ của dân tộc Việt Nam để trở thành hình tượng con rồng tượng trưng cho quyền uy của vua chúa thời đại phong kiến, bên cạnh con rồng dân gian của đình chùa miếu vũ, với các mô-típ quen thuộc: *hai rồng chầu mặt trăng, hai rồng giành khối ngọc, rồng chầu mặt trời, rồng ngậm chữ thọ, rồng ẩn trong mây, cá rồng giỡn nước...* (4) góp phần làm cho nghệ thuật trang trí kiến trúc, nghệ thuật điêu khắc và nghệ thuật hội họa truyền thống thêm phong phú và sinh động, bằng một hình tượng tiêu biểu cho tính chất cao quý, phóng khoáng, hùng tráng và đầy khí thế vươn lên: hình tượng thiên biến vạn hóa của con rồng Việt Nam.

Rồng thời Nguyễn, (mỹ thuật Huế).

(1) Nguyễn Minh Hiệu. *Từ hình tượng thực của con rồng Việt Nam thuở ban đầu đến tên gọi Lạc Long Quân trong tiếng Việt.* Khảo Cổ Học, số 2-1983.

(2) Anh Trú trích dẫn, trong *Hình tượng con Rồng trong nghệ thuật tạo hình Việt Nam,* tạp chí Mỹ Thuật Tháng Chín. 1970.

(3) Wilhelm G. Solheim II, New light on a forgotten past, *National Geographic,* số tháng 3. 1972. Dẫn lại trong *Mỹ Thuật cổ truyền Việt Nam* của Nguyễn Khắc Ngữ, tủ sách Nghiên Cứu Sử Địa, Montreal, 1981.

(4) Xem thêm Huỳnh Hữu Ủy, *Khảo về tứ linh Lân, Long, Qui, Phụng trong Mỹ thuật cổ Việt Nam.* Tập san *Văn Lang,* số 3. 1992.

NGƯỜI VIỆT TRONG NƯỚC

BẦU CỬ QUỐC HỘI LÀM DÂN SAIGON VẤT VẢ

Ngày Chủ Nhật 19 tháng Bảy 1992, Cộng Sản Việt Nam tổ chức bầu cử Quốc hội khóa 9.

Đài BBC trong chương trình "Tạp chí Đông Nam Á" đã bình luận về cuộc bầu cử này qua việc trích dịch bài nhận định của Tạp chí Kinh Tế Viễn Đông số ra ngày 9 tháng Bảy 92 như sau: "Các cử tri Việt Nam cho rằng sẽ không có gì bất ngờ xảy ra trong buộc bầu cử Quốc hội được tổ chức vào ngày 19 tháng Bảy, vì tuy rằng luật bầu cử được Quốc hội cũ cho phép các ứng cử viên độc lập được ra tranh cử, nhưng tất cả các đơn ứng cử đều bị bác vì không hội đủ điều kiện. Được biết trên toàn quốc có 32 người nộp đơn (ứng cử độc lập) nhưng không ai hội đủ điều kiện nghiêm ngặt qui định. Các quan sát viên theo dõi tình hình Việt Nam cho rằng các điều kiện đó khiến cho đảng Cộng sản đang cầm quyền có nhiều cách ngăn chặn các ứng cử viên có triển vọng gây nhiều phiền toái cho các lãnh tụ trong nước. Trước kia quốc hội CS Việt Nam vẫn bị coi là hình thức để chấp thuận các quyết định của Đảng và Chính phủ, nhưng gần đây càng ngày càng trở thành diễn đàn để các đại biểu công kích các chính sách không được lòng dân hay các viên chức tham nhũng.

Trong số 11 ứng viên nộp đơn tại Sài Gòn thì năm người đã rút đơn vì lý do sức khỏe và thiếu thì giờ chuẩn bị. Theo tờ Sài gòn Giải Phóng, một người bị bác đơn vì sống ở hải ngoại, còn năm người bị bác đơn vì chỉ được vài phiếu tín nhiệm tại các đơn vị họ muốn đại diện..."

Điều nực cười là chính các ứng cử viên không dễ thích ứng với quan niệm mới. Cho đến nay vẫn có một số ứng viên chưa hình dung ra chương trình hành động của mình trên cương vị đại biểu Quốc hội, và chưa phác họa được dự định nào cụ thể.

Nỗi khổ của người dân Sài Gòn trong mùa bầu cử ở Việt Nam

Sinh hoạt của người dân Sài Gòn gần đây có dễ chịu hơn đôi chút về mặt "họp hành." Mỗi buổi tối, người dân ít còn phải "đi họp" — họp hội nọ, hội kia, họp tổ dân phố, hàng trăm thứ họp.

Bây giờ mùa bầu cử đến, cái khổ ngày xưa lại trở về: họp. Trước hết là họp để được nghe tán hươu tán vượn về những anh, chị do cái gọi là "Mặt Trận Tổ Quốc" đề nghị ứng cử. Sau khi đã được các cơ quan, đoàn thể của Đảng đồng ý về danh sách đó, lại phải họp để "mạn đàm, tiếp xúc" với các anh, chị ứng cử viên.

Khổng Tử, hình trên bìa cuốn "Khổng Tử" của nguyễn Hiến Lê, nhà xuất bản Văn Nghệ.

KHỔNG PHU TỬ DƯỚI NHÃN QUAN ÂU MỸ

ĐÀM TRUNG PHÁP

Từ trên hai ngàn năm nay, người Trung Hoa và các dân tộc Á Châu khác chịu ảnh hưởng của văn hóa Trung Hoa như Việt Nam, Nhật Bản, và Triều Tiên đã sống trong một trật tự xã hội do triết lý Khổng giáo ấn định. Nền triết lý nhân bản này nhấn mạnh sự giao hảo giữa con người và con người và dậy dỗ con người cung cách sống trong đạo lý, hòa hợp, và thái bình. Vì những công đức vĩ đại đó, người Trung Hoa đã tôn vinh Khổng Phu Tử là *Vạn Thế Sư Biểu* và *Chí Thánh Tiên Sư*, những danh dự tuyệt vời đã làm lu mờ cả những thánh nhân và minh quân đã ra đời trước ngài như Phục Hy, Thần Nông, Nghiêu, Thuấn, Văn Vương, và Vũ Vương.

Cũng như các dân tộc Việt Nam và Triều Tiên, người Nhật Bản rất tôn sùng Khổng Phu Tử. Sử gia Nhật Bản Kojima Kenkichiro (1866-1931) đã ca ngợi Đức Khổng là vị hiền triết vĩ đại nhất của nhân loại và khẳng định rằng ngài là thánh nhân của Á Đông và nếu ai phạm đến danh dự ngài tức là phạm đến danh dự của cả Á Đông chứ không phải chỉ riêng nước Tàu.

Tuy nhiên, chúng ta ít khi nghe đến thế giới Âu Mỹ nghĩ gì về thánh nhân họ Khổng. Theo lời học giả Li-fu Chen, tác giả tập khảo luận *Why Confucius Has Been Reverenced As The Model Teacher Of All Ages* (St John's University Press, New York, 1976), các nghiên cứu gia Tây phương gồm các sắc dân Anh, Đức, Mỹ, Nga, và Pháp đã viết về thân thế và sự nghiệp của Khổng Tử kể từ năm 1688 trở đi. Một vài tác phẩm viết sớm nhất về vị Vạn Thế Sư Biểu được học giả Li-fu Chen cho là quan trọng được liệt kê sau đây: *Confucius und seine Lehre* (do Von Der Gabelentz viết năm 1888 tại Đức Quốc), *The Great Teacher* (do G.G. Alexander viết năm 1890 tại Anh Quốc), và *Confucianism and Taoism* (do R. K. Douglas viết năm 1895 tại Anh Quốc).

Tóm lại, thế giới bên ngoài mới chỉ chánh thức biết đến vị "Thầy Học Mười Ngàn Thế Hệ" của chúng ta kể từ cuối thế kỷ 17 trở đi. Giới trí thức Âu Mỹ khi nghiên cứu về Khổng giáo thường dùng phương tiện phiên dịch Tứ Thư và Ngũ Kinh sang ngôn ngữ của họ, hoặc viết về cuộc đời của Khổng Tử như một hiền triết bậc nhất của nhân loại, hoặc so sánh triết lý Khổng

Tử với các nền triết lý nhân bản khác trên thế giới.

Theo sử gia lừng danh của Hoa Kỳ, Will Durant (1885-1981) trong cuốn *The Age of Voltaire* của ông thì triết gia Francois Marie Arouet Voltaire (1694-1778) của nước Pháp đã vô cùng ngưỡng mộ hiền triết họ Khổng và đã có công truyền bá nền văn minh Khổng học vào giới trí thức Pháp Quốc thời đó. Triết gia, kiêm văn hào, kiêm bách khoa tự điển gia Voltaire đã đọc nhiều về nền văn minh Trung Hoa và đã ca ngợi Trung Hoa là quốc gia cổ nhất, đông dân nhất, và được cai trị hoàn hảo nhất trên trái dất này. Điều mà Voltaire ngưỡng mộ nhất về Khổng giáo chính là quan niệm *đạo đức có thể khả thi mà không phải tùy thuộc vào một tôn giáo siêu nhiên.* Vẫn theo lời sử gia Durant, Voltaire và một vài triết gia người Pháp khác nữa đã sẵn sàng phong thánh (canonize) cho Khổng Phu Tử, nhà hiền triết "đã dạy cho dân chúng những nguyên lý đạo đức năm trăm năm trước khi Thiên Chúa giáo ra đời."

Triết gia kiêm toán học gia Gottfried Whilhelm von Leibniz (1646-1716) lấy lừng của Đức Quốc -- người đã từng dùng toán học và siêu hình học để chứng minh Thượng Đế chính là Đấng vô cùng đã tạo ra vũ trụ -- rất cảm phục lý thuyết về vũ trụ mà *Kinh Dịch* đã làm sáng tỏ. Leibniz nhận thấy vũ trụ quan trong *Kinh Dịch* hoàn toàn phù hợp với thực thể của vũ trụ trong đó tất cả mọi vật đều chuyển động và biến đổi không ngừng. Trong cuốn sách viết bằng tiếng La Tinh tựa đề *Novissima Sinaica* xuất bản năm 1697, nhà thông thái người Đức này đã đề nghị thế giới Tây phương nên mở cửa ra để đón lấy những luồng gió triết lý Á Đông đầy nhân tính và bắt đầu một cuộc trao đổi văn hóa giữa Đông và Tây. Leibniz cũng nhận xét thêm rằng về khoa học thì Trung Hoa thua Âu Châu, nhưng Trung Hoa đã vượt hẳn mọi nơi về phương diện an dân do vườn hoa Khổng giáo đem lại. Một thế kỷ sau đó, đại văn hòa kiêm bác học gia Johann Wolfgang Goethe (1749-1832) cũng rất chú trọng đến nền văn hóa Khổng học và ái mộ vẻ đẹp thanh thoát của các bài thơ Tàu. Được sự hưởng ứng và cổ động của hai vĩ nhân Leibniz và Goethe, Đức Quốc đã trở thành trọng tâm của các công trình nghiên cứu về văn hóa Á Châu tại Âu Châu.

Trong lịch sử cận đại của Hoa Kỳ, có lẽ cố Ngoại Trưởng John Foster Dulles (1888-1959) là người Mỹ đầu tiên chánh thức tỏ lòng ái mộ Khổng Phu Tử. Ông Dulles giữa thập niên 1950 đã khẳng định rằng một trong những mục tiêu ngoại giao của Hoa Kỳ là phải bảo toàn nền văn hóa Trung Hoa mà tinh túy là Khổng giáo. Lúc đó ông Dulles cũng nói lên manh tâm của chế độ Mao Trạch Đông muốn hủy diệt Khổng giáo và thay vào đó bằng giáo điều Mác-Lê. Quả thực, chế độ Mao đã đả kích, triệt hạ Khổng giáo và ca ngợi công đức của Tần Thủy Hoàng!

Do bản chất thực tiễn và tinh thần dân chủ thấm nhuần vào tim óc, các nhà giáo dục Mỹ ngưỡng mộ quan niệm giảng dạy và học hỏi của Khổng Phu Tử, nhất là các quan niệm sau đây: (1) Giáo huấn không phân biệt giai cấp. Khổng Tử có một niềm tin vững mạnh vào sự bình đẳng và *bản chất có thể dạy dỗ được* của tất cả mọi người. Ngài nói: "Trong giáo dục, không hề có phân biệt giai cấp... Từ người môn sinh chỉ có thể mang đến cho ta một chút thịt khô làm quà cho đến những môn sinh giàu có, ta chưa hề từ chối giáo huấn một ai" *(Luận Ngữ,* Thiên 15). Việc làm đầy nhân nghĩa này của ngài đã là căn nguyên cho nền giáo dục đại chúng của nhân loại. Ngài cũng chủ trương một học đường lúc nào cửa cũng mở để đón nhận học trò, và điều kiện duy nhất để được nhập học là phải có lòng hiếu học. Trong mọi đệ tử, ngài đều tìm thấy một tiềm năng học vấn, và ngài nhất quyết giúp mọi môn sinh trở thành con người toàn diện. Hiện nay, một trong những trọng trách của giáo chức Hoa Kỳ là phải có *ước vọng cao* (high expectations) cho từng học sinh và phải tin tưởng *học trò nào cũng có thể học được* (every student can learn). Đó chính là những điều mà Khổng Tử đã làm 25 thế kỷ về trước để xây dựng lại một nước Trung Hoa đang phân hóa và bạc nhược. (2) Giáo dục đồng nghĩa với phong cách xử thế. Đối với Đức Khổng, kiến thức đồng nghĩa với sự thông thái về cách xử thế, một đức tính cần thiết để mang lại một đời sống tốt đẹp cho cá nhân và cho xã hội. Quả thực, mục đích chính yếu của nền giáo dục Cửa Khổng Sân Trình là huấn luyện cho con người cách xử thế để có thể sống hòa hợp với đồng loại, bất kể ở gần hay xa, cao hơn hay thấp hơn mình trong giai tầng xã hội. Trách nhiệm của ông thày không phải chỉ để truyền bá kiến thức mà còn phải có một tiêu chuẩn lý tưởng về đạo đức còn có thể trau giồi tư cách cho học trò mình. Trong sách *Trung Dung,* Khổng Tử viết: "Trí, nhân, và dũng là ba đức tính có thể ràng buộc con người khắp nơi vào với nhau." Trước ngưỡng cửa của thế kỷ 21, triết lý giáo dục nhân bản cao thượng này đang vang lên như một sứ điệp thiêng liêng cho các xã hội tân tiến đang bị các tệ đoan vật chất đe dọa và đang tìm cách dạy dỗ thanh thiếu niên trở về với bản chất thiện tâm (character education). (3) Cá nhân hóa phương thức giảng huấn. Các xã hội tân tiến ngày nay đều đồng ý là muốn thăng tiến giáo dục, phương thức giảng huấn cần phải được cá nhân hóa (individualized education) để giúp tất cả mọi học trò thành công. Khổng Tử đã nói cùng các môn sinh: "Đối với những người có tư chất từ

bậc trung trở lên thì mới có thể nói đến những điều cao xa; đối với những người có tư chất từ bậc trung trở xuống thì không thể nói những điều cao xa" *(Luận Ngữ,* Thiên 6). Riêng đối với những người có tư chất đặc biệt, tự mình phải học mà lãnh hội lấy, chứ không phải giảng rõ ra nhiều lời. Học giả Dương Quảng Hàm trong cuốn *Việt Nam Văn Học Sử Yếu* (xuất bản năm 1941) đã nói như sau về khoa sư phạm của Ông Thày Mười Ngàn Thế Hệ: "Trong các lời khuyên dạy, chuyện trò, Ngài tỏ ra là một ông thày hiểu thấu tâm lý học trò và khéo làm cho lời dạy bảo của mình thích hợp với trình độ cảnh ngộ của mọi người." Phương cách giảng huấn nhân bản tuyệt luân này có thể được coi là tiền thân của các chương trình học đặc biệt căn cứ vào từng khả năng cá biệt của từng học trò mà ngày nay học đường Hoa Kỳ mệnh danh là *independent study, self-paced instruction, gifted and talented program, laureate program,* vân vân. (4) Suy tư chín chắn. Cả nước Mỹ ngày nay đều ao ước các học sinh, các sinh viên có được khả năng suy tư chín chắn (critical thinking skills) để thấu đáo việc học. Khổng Tử đã luôn luôn đòi hỏi các môn sinh của ngài làm việc đó. Ngài dạy điều gì cũng để cho học trò phải cố sức suy nghĩ tìm tòi lấy, khi nào xem chừng đã gần hiểu được thì ngài mới chỉ bảo cho. Ngài nói với các học trò của ngài: "Vật có bốn góc, bảo cho biết một góc mà không suy ra ba góc kia, thì không dạy nữa." *(Luận Ngữ,* Thiên 7) và "Học mà không nghĩ thì mờ tối mà chẳng hiểu gì, nghĩ mà không học thì khó học, mất công không" *(Luận Ngữ,* Thiên 2). Ngài cũng luôn luôn đòi hỏi các môn sinh phải có một sự thành tín trí thức: "khi biết điều gì, thì nói là mình biết. Khi không biết điều gì, thì công nhận là mình không biết. Đó là kiến thức vậy. *(Luận Ngữ,* Thiên 2).

Dưới nhãn quan Âu Mỹ, Khổng Phu Tử là một hiền triết vĩ đại và một nhà giáo dục vượt thời gian và vượt không gian. Không ai có thể phủ nhận được những tương đồng thần kỳ giữa những điều mà ngài thực hiện 25 thế kỷ về trước và những trọng tâm giáo dục hiện đại trên khắp thế giới. Sự thực hiển nhiên này chỉ làm tăng thêm uy danh cho tước vị cao quý *Vạn Thế Sư Biểu* mà người đời đã dùng để tôn vinh ngài.

ĐÀM TRUNG PHÁP

Giáo sư Đàm Trung Pháp hiện dạy ngữ học và phụ trách chương trình ngôn ngữ quốc tế tại đại học Texas Woman's University, thành phố Dallas, Texas.

Bác Sĩ

TRƯƠNG NGỌC TÍCH

Tốt nghiệp Y Khoa Tổng Quát - Chuyên Khoa Phục Hồi

- **Y Khoa Tổng Quát**
- **Chuyên trị Phục Hồi:** ** Bệnh kinh niên bô lão * Bệnh đau cấp tính và kinh niên * Tai nạn xe cộ và tai nạn nghề nghiệp * Bệnh trẻ em tàn tật*
- **Châm Cứu**

NHẬN MEDICARE - MEDICAID - BẢO HIỂM

Phòng Mạch: 5101 Ross Ave., Dallas, Texas 75206 *(cạnh Dallas Memorial Hospital)* **(214) 824-1230**

Giờ làm việc: Thứ Hai - Thứ Tư & Thứ Sáu: Từ 9 giờ sáng đến 6 giờ chiều
Thứ Ba: Từ 10 giờ sáng đến 6 giờ chiều
Thứ Năm: Từ 9 giờ sáng đến 1 giờ trưa
Thứ Bảy: Từ 9 giờ sáng đến 2 giờ chiều

Phòng Mạch: 3602 W. Walnut., Garland, Texas 75042 **(214) 272-0186**

Giờ làm việc: Thứ Tư: Từ 6 giờ chiều đến 8 giờ tối
Chủ Nhật: Từ 10 giờ sáng đến 12 giờ trưa

Điện Thoại Khẩn Cấp: (214) 341-5012

SÁCH MỚI VĂN NGHỆ

❖

- **KHỔNG TỬ** (Sách viết sau 75, mới in ở Mỹ) **12MK**
  Nguyễn Hiến Lê
- **TRUYỆN MIỀN NAM TẬP I** **6MK**
  (trong bộ Văn Học Miền Nam)
  Võ Phiến
- **TÌM PHẬT Ở ĐÂU?** (sách mới tái bản) **7MK**
  Minh Tâm
- **TRUYỆN THẬT NGẮN** (sáng tác mới) **6MK**
  Võ Phiến
- **THƠ MIỀN NAM TẬP I** **6MK**
  (trong bộ Văn Học Miền Nam)
  Võ Phiến
- **KINH DỊCH** (sách viết sau 75, mới in ở Mỹ) **20MK**
  Nguyễn Hiến Lê dịch, giải
- **HỒI KÍ TẬP II** (trọn bộ 3 cuốn đã in đủ) **15MK**
  Nguyễn Hiến Lê

Ngoài nước Mỹ thêm 1MK cho sách 12MK. Trên 12MK thêm 2MK cước phí
Xin liên lạc lấy thư mục. Văn Nghệ còn hơn 200 tựa sách đã xuất bản và phát hành.

VĂN NGHỆ

P.O. Box 2301
Westminster, CA 92683
Phone: (714) 527-5761

7

Người tình tuyệt vời
Trăm năm tình ái
Tình người vời vợi
Trăm lối nghìn nơi.

Người tình tuyệt vời
Thật thà gian dối
Yêu một vạn người
Như một người thôi.

Người tình tuyệt vời
Trăm năm tội lỗi
Người cũng là người
Ban phát niềm vui.

Hai mươi tuổi đời
Yêu như hổ đói
Nhưng cũng là mồi
Hiến dâng cho người.

Hai mươi tuổi trời
Yêu không kịp nói
Bẩy mươi tuổi rồi
Yêu cũng vội thôi!

Người tình tuyệt vời
Từ đầu từ cuối
Thắng bại chẳng đòi
Mất còn chẳng ai.

Người tình tuyệt vời
Đường tình đi mãi
Thất tình ngày rày
Thỏa tình ngày mơi.

8

Ăn cho vừa
Chơi cho thật
Sống cho thẳng
Chết cho ngay
Yêu cho lâu
Ghét cho mau
Khóc cho đầy
Cười cho rõ
Há há há
Ha ha ha!

Nhớ ơn người
Quên thù ai
Nhớ nỗi buồn
Quên niềm vui
Nhớ tình này
Quên tình khác
Nhớ mình còn
Quên mình luôn
Ha ha ha
Ha ha ha!

9

Vượt chín tầng mây tới Thiên Đường này
Tìm em chín nắng và chín mưa bay
Thấy em khỏa thân đứng bên Ngọc Hoàng
Nữ thánh nam thần, đèn đóm sáng choang.
Làn gió trần gian thoát lên tầng trời
Làm cho huyên náo một cõi Thiên Thai
Gió tôi lên thì tắt đi đèm đóm
Mới hay Thiên Đường kia cũng tối om.
Chín vạc dầu sôi đường vào Địa Ngục
Gặp em bội tình, tội gốc em mang
Em chọn nhục hình, giàn thiêu lửa đốt
Lửa cháy ngụt ngàn quỷ sứ la vang
Khổ lụy tận cùng là thoát đau thương
Tưởng Địa Ngục đen, ngục sáng hơn đèn.
Tìm em cao thấp chỉ là ảo vọng
Thôi! Ở lưng chừng
Nhớ nhau mà sống.

10

Tròn như viên đạn đồng đen
Đã khô vết máu
Quên miền chiến tranh.

Tròn như trái đất yên lành
Muôn loài như một
Cõi sinh vẹn toàn.

Tròn như tim trẻ miên man
Trái tim trăm tuổi
Mới hoàn cơ duyên.

Tròn em tung tóe cánh tiên
Chim không mỏi cánh
Triền miên phận mình.

Tròn như lời hứa chung tình
Chưa tròn nhân quả
Tái sinh còn nhiều.

Paris
Đêm Hạ 1992

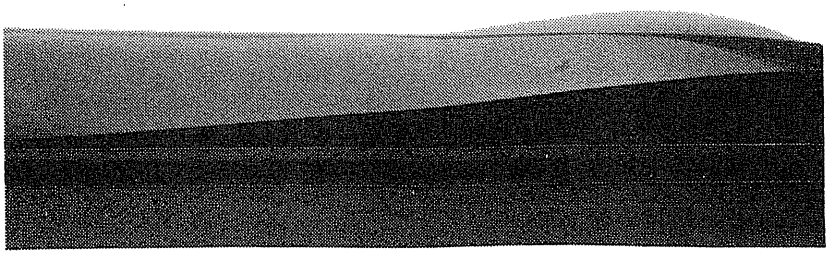

CÁI CHẾT CỦA MỘT NHÀ VĂN

TRẦN THỊ NGH.

Thụ dẫn tôi đi loanh quanh qua mấy con đường chính của thị xã cùng với túi xách lỉnh kỉnh. Không khí Tết tối mồng bốn ở một thành phố miền biển, xem nào, tôi cố ý soi mói cái nơi tôi có thể sẽ định cư lâu dài với người bạn đời là Thụ. Đường phố, nhà cửa, ngân hàng, khách sạn, hiệu ăn, rạp hát và những đám đông còn vui Tết - chưa thấy biển. Hai người tìm chỗ ăn tối. Thụ có những cố gắng còn dài hơi. Tôi đang bị thuyết phục và quan sát một cách hấp tấp.

"Em thấy sao? Thành phố đẹp chớ? Mỳ thánh ở hiệu này thuộc loại khá. Rồi em sẽ biết cà phê Tư Râu, phở Hiệp Lợi, bún bò xe lửa và bánh mì cà ri với giá lý tưởng".

"Ngoài các món ăn ra?"

"Khí hậu, nhịp sống".

Dĩ nhiên Thụ đã nói rất nhiều và nhiều lần về những thứ này. Khí hậu miền biển rất tốt cho sức khỏe của em và con, nhịp sống thong thả làm em bớt nóng tính, vả lại anh thấy em cũng nên tập xa dần cái thành phố ồn ào của em -- trong đó có một đám bạn bè lúc nào cũng rủ em vượt biên. Vậy còn môi trường văn minh, văn hóa? Vấn đề giáo dục con cái? Gia đình em? Và ngay cả chính em với những tiện lợi tối đa thuộc khả năng chuyên môn, chưa kể những thói quen khó thay đổi? Thụ khẳng định, em phải hy sinh. Tôi bắt đầu la lối, tại sao em, tại sao phải là em? Cuối cùng mọi chuyện lại đâu vào đấy, và chúng tôi tiếp tục giữ vững lập trường riêng cho đến khi "đứa con của chúng ta" đã được ba tuổi rưỡi. Thụ đề nghị một lần tham quan miền biển, tôi đồng ý trong tinh thần dân chủ.

Đêm đầu tiên ở thành phố lạ, tôi khó ngủ vì nhớ con. Trời lạnh nhưng tôi thấy ớn cái chăn đắp ở khách sạn. Một ngày đường hơn 400 cây số trên cái xe lửa loại "tàu thường, ghế cứng" giá ba đồng 55 xu, cái bụng lơ lửng vì tô mỳ thánh hai đồng ở hiệu mỳ Chú Xín, không khí khách sạn ban đêm... những cái này làm tôi đuối.

Cũng hai cái giường phủ drap phẳng phiu, bàn viết, tủ đứng, nhà tắm chung với nhà cầu, bàn rửa mặt, vòi nước... Chỉ thiếu máy lạnh, giấy vệ sinh, xà bông, đồ gạt tàn thuốc, nước uống đựng trong chai. Như tất cả những khách sạn

Trần Thị NgH. đã viết nhiều truyện ngắn nổi tiếng từ trước 1975, đăng trên các tạp chí Văn, Bách Khoa,... Hiện sống ở Saigon, dạy học và viết văn.

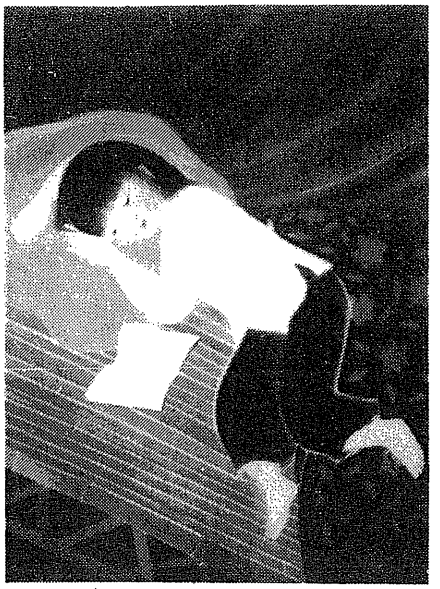

Tranh lụa Nguyễn Thị Hợp.

TIẾNG VIỆT NGÀY NAY

THÁI BẰNG

Tiếng Việt ngày nay là một trong những ngôn ngữ quan trọng trong vùng Đông Nam Á, được trên 70 triệu người sử dụng. Con số này gồm có hơn 67 triệu người Kinh (sắc tộc Việt), chừng ba triệu người thuộc 54 sắc tộc ít người sống rải rác trên các miền Cao Nguyên trong nước như Nùng, Thổ, Mán, Dao, Nhắng, Thái, Lô lô, Ra-đê, Ba-na, Sê-đăng, vân vân... và hơn hai chục triệu người vì lý do này hay lý do khác đã rời khỏi Việt Nam sinh sống ở nhiều nước trên khắp các lục địa Âu, Mỹ, Á, Úc, Phi. Thêm vào đó, cũng nên kể một số người ngoại quốc học và dùng tiếng Việt để giao dịch với người Việt hoặc nghiên cứu và tìm hiểu văn hóa, đất nước Việt Nam như những người Miên, Lào, Hoa, Pháp, Mỹ, Nga...

Tiếng Việt ngày nay còn là một thứ ngôn ngữ có tính chất hiện đại, có thể diễn đạt được mọi vấn đề phức tạp của đời sống chính trị và xã hội, mọi tư tưởng cao siêu của triết học và mọi khía cạnh kinh tế của khoa học kỹ thuật.

Sơ lược diễn trình phát triển của tiếng Việt từ đầu thế kỷ XX đến nay

Nghiên cứu quá trình phát triển của một ngôn ngữ là một công việc phức tạp đòi hỏi nhiều tài liệu để dẫn chứng.

Ngôn ngữ phát triển tùy theo nhu cầu diễn đạt ý kiến của nhân dân.

Khi có chiến tranh thì những từ ngữ quân sự xuất hiện nhiều hơn những từ ngữ khác. Khi khoa học kỹ thuật phát triển thì nhiều thuật ngữ khoa học kỹ thuật được đưa ra thử thách. Cũng có khi loại từ ngữ này được đem thí nghiệm song song với các loại từ ngữ khác trong khi từ ngữ văn học được các nhà văn, nhà báo dùng chung với tất cả các loại từ ngữ khác từ hành chính, chính trị, quân sự, đến kinh tế xã hội, cần thiết cho việc diễn tả những ý kiến trong các tác phẩm của họ.

Công việc nghiên cứu sâu rộng quá trình phát triển của tiếng Việt là phần vụ của các nhà ngôn ngữ học, và nhất là các nhà lịch sử ngôn ngữ. Trong bài viết này, chúng tôi chỉ dựa vào những biến chuyển của lịch sử nước nhà trong một thời kỳ nhất định để giải thích sự phát triển của nó.

Cho đến đầu thế kỷ XX, tiếng Việt vẫn chỉ là thứ ngôn ngữ được người Việt sử dụng trong cuộc sống hàng ngày. Một phần vì người dân Việt lúc đó ít có cơ hội tiếp xúc với thế giới bên ngoài; phần khác vì những chế độ cai trị nước Việt Nam trong nhiều năm, của Trung Hoa trước kia và của Pháp sau này,

đã kìm hãm, nếu không muốn nói là cố tình triệt tiêu việc dùng tiếng Việt.

Cho đến lúc đó, dù đã xuất hiện hàng ngàn năm, tiếng Việt vẫn ở trong tình trạng thô sơ khiến cho hai nhà ngôn ngữ học G. Grammont và Lê Quang Trinh (1) đã phải thốt lên rằng tiếng Việt không có loại từ, cũng không có cấu trúc ngữ pháp, người ta muốn dùng thế nào thì dùng, tùy tiện khi cần thiết.

Trong những năm 10 của thế kỷ chúng ta, các nhà trí thức tiến bộ sáng lập Đông Kinh Nghĩa Thục ở Hà Nội, bắt đầu dạy tiếng Việt cho các thanh niên hồi đó để phổ biến các kiến thức văn hóa và khoa học tiên tiến và tuyên truyền chủ nghĩa yêu nước, ngõ hầu lôi kéo quốc dân ra khỏi cảnh u mê đen tối. Lác đác đó đây, báo chí, mặc dầu đều do người Pháp chủ trương, cũng đã góp phần vào công việc ấy: *Lục tỉnh Tân văn* ở miền Nam, *Đông Dương Tạp chí, Nam Phong Tạp chí* ở miền Bắc. Rồi từ đó, tiếng Việt dưới hai dạng thức nói và viết, đã có trớn để phát triển.

Trong khoảng những năm từ 1929 đến 1940, báo chí xuất hiện đều và mỗi ngày một nhiều ở khắp ba miền đất nước: *Tiếng Dân* ở Trung, *Phong Hóa, Ngày Nay, Đông Tây, Hà thành Ngọ báo, Phụ nữ Thời Đàm, An Nam tạp chí, Hữu Thanh, Tiểu Thuyết Thứ Bảy, Tri Tân, Thanh Nghị* ở Bắc, *Phụ Nữ Tân Văn, Thần Chung, Thời Cuộc...* ở Nam.

Dân chúng làm quen dần dần với các từ ngữ thuộc mọi ngành qua các sách báo và trường học. Có thể nói là trong khoảng thời gian này, từ vựng văn học phát triển mạnh mẽ hơn cả. Người ta đua nhau đọc tiểu thuyết, làm quen với các thể văn mới, thể thơ mới. Thuật ngữ khoa học bắt đầu được chú ý nhưng chưa có nhiều. Cuốn *Danh từ khoa học* của Hoàng Xuân Hãn ra kịp thời nhưng mới chỉ đủ dùng cho cấp trung học. Từ ngữ chính trị cũng bắt đầu xuất hiện nhưng chưa được chính xác cho lắm.

Năm 1945, Cộng sản nắm chính quyền và một năm sau, cuộc chiến tranh Việt-Pháp bùng nổ. Chính quyền Hà Nội rút ra chiến khu. Dân chúng sống trong cảnh phập phồng lo âu. Tuy có sách báo xuất bản ở nhiều địa phương nhưng sự đi lại khó khăn vì chính sách tiêu thổ kháng chiến nên người dân ít được trau dồi về văn hóa và cũng vì thế tiếng Việt ít được bồi đắp thêm

Dần dần, nước Việt Nam chia thành hai khu vực: *nông thôn* do Cộng sản kiểm soát và *thành thị* với một chính quyền quốc gia mới thành lập. Khu vực thứ hai này, mỗi ngày mỗi mở rộng thêm cả ở Nam lẫn Bắc. Báo chí lại xuất hiện; ngành xuất bản lại hoạt động. Rồi có thêm truyền thanh và chiếu bóng tiếp tay đem lại những hiểu biết mới cho dân chúng.

Giữa năm 1954, với Hiệp định Giơ neo, nước Việt Nam bị chia thành hai miền rõ rệt, từ vĩ tuyến 17 trở ra là miền Bắc thuộc Cộng sản và từ vĩ tuyến đó trở vào là miền Nam thuộc chính quyền quốc gia.

Tiếp đó, chiến tranh giữa hai miền Nam Bắc xảy ra và kéo dài trên 20 năm; nếp sống của người dân cũng như tiếng Việt ở mỗi miền phát triển một cách riêng biệt hẳn. Miền Bắc rập khuôn của chủ nghĩa xã hội (cộng sản) nên tiếng Việt mang nhiều từ ngữ với sắc thái Cộng sản.

Ở miền Nam, dưới chính thể Cộng Hòa, những tự do căn bản được công bố và thi hành đã đem lại tự do cho sự phát triển của tiếng Việt.

Các ngành truyền thông đại chúng từ báo chí, xuất bản, phim ảnh đến truyền thanh rồi truyền hình đua nhau phục vụ. Các nhà giáo, nhà văn ra sức phiên dịch sách ngoại đủ loại hoặc soạn thảo những tác phẩm theo ý muốn và sở thích của mọi trình độ khiến cho số người đọc mỗi ngày một tăng thêm. Nhờ đó, tiếng Việt được sử dụng rộng rãi và từ vựng của nó được gia tăng mạnh mẽ.

Năm 1975, Cộng sản tràn xuống miền Nam. Tiếng Việt lại một lần nữa có những biến động.

Với chế độ mới, nhiều từ ngữ ở miền Bắc được đưa vào sử dụng ở miền Nam tạo ra một sự cạnh tranh giữa hai khối lượng từ vựng của tiếng Việt được phát triển riêng rẽ từ trước.

Nhà cầm quyền mới, thông qua số đông đảo cán bộ và viên chức, thường đưa ra sử dụng những từ ngữ mới mà họ cho là cần thiết để dân chúng quen dần. Chúng tôi sẽ nói chi tiết hơn ở phần dưới.

Cũng từ 1975, một số đông đảo người Việt không muốn sống dưới chế độ Cộng sản đã tìm cách vượt biên đi sinh sống ở các nước ngoài, tạo thành một cộng đồng hải ngoại mà chúng tôi sẽ nói thêm ở một phần nhận xét sau.

Những vay mượn của tiếng Việt

Vay mượn từ ngữ nước ngoài để làm giàu thêm vốn từ của nước mình là một hiện tượng phổ biến đối với mọi ngôn ngữ. Đó là kết quả của sự giao lưu văn hóa, chính trị, kinh tế, khoa học kỹ thuật giữa các nước.

Trung Hoa và Pháp là hai nước có quan hệ trực tiếp với Việt Nam trong một thời gian dài.

Nước ta bị Trung Hoa đô hộ trên một ngàn năm. Trung Hoa là một nước đông dân, có một nền văn hóa lâu đời, cho nên tiếng Hán đã thâm nhập vào đời sống của nhân dân ta một cách sâu rộng khiến cho các vua chúa và giới trí thức ta, mặc dầu nước được độc lập, vẫn dùng tiếng Hán trong công việc giáo dục, thi cử, trước tác và mọi công văn giấy tờ. Tuy nhiên, tiếng Việt, với sức sống tiềm tàng của nó, vẫn duy trì nhiệm vụ trong cuộc sống hàng ngày của dân chúng và không bị

Hán hóa. Ngược lại, nó còn Việt hóa nhiều từ tố, từ ngữ, cụm từ và cả nhiều thành ngữ Hán, làm phong phú thêm từ vựng của chúng ta.

Theo các nhà ngôn ngữ học trong nước cũng như ngoài nước thì tính đến nay có đến 60% từ ngữ Hán trong vốn từ tiếng Việt. Mặc dầu có người sử dụng tiếng Việt muốn loại dần những từ Hán ra khỏi tiếng nói của mình nhưng người ta vẫn thấy còn nhiều từ Hán trong các câu nói hàng ngày hoặc câu viết trên sách báo tiếng Việt. Chúng ta hãy xem những thí dụ dưới đây, được thu thập một cách ngẫu nhiên, thì đủ rõ:

- Trên báo chí:

Quốc vương Thái Lan chỉ định Tân thủ tướng.

hoặc:

Hạ viện Hoa Kỳ chấp thuận nghị quyết lên án *Hoa lục sách nhiễu ký giả ngoại quốc.*

Và đây là một câu nói của một cán bộ miền Bắc mới vào Nam:

Được *phái* vào *Nam công tác,* tôi đã có dịp đi *tham quan* nhiều *cơ sở sản xuất* và *tham gia* nhiều cuộc *thảo luận* về việc *thành lập* các *hợp tác xã* và *công ty quốc doanh.*

(Những chữ in nghiêng là từ ngữ Hán).

Người ta thường dùng những cách sau đây:

- chuyển thẳng những từ và thành ngữ Hán vào tiếng Việt như: ngục, tiền, mâu thuẫn, quân sự, hợp tác xã, bách chiến bách thắng, tiền hậu bất nhất, bất đắc kỳ tử.

- Dùng những từ tố Hán ghép thành từ ngữ Việt như: ám ảnh, náo động, tiểu đoàn, đại đội...

- Ghép một từ tố Hán với một từ tố Việt để tạo ra từ mới như: nhân *dịp, kỳ* lạ, máy *điện, bất* thình lình... (những chữ in nghiêng là từ Hán).

Sau một thời gian được độc lập trong vài trăm năm, nước ta lại bị người Pháp cai trị gần một thế kỷ. Với sự tiếp xúc mới này, tiếng Việt đã có thêm một số từ ngữ dùng để gọi các thức ăn hoặc các đồ dùng mà đến lúc đó chúng ta chưa có. Thí dụ:

- Thức ăn uống: Su hào (chou rave), Su-lơ (chou fleur), pa-tê (paté), giăm-bông (jambon), cà-phê (café), phô mai hay phó-mát (fromage), cà-rốt (carotte), xâm banh (rượu champagne), bia hay la-de (bière)...

- Đồ dùng: bù-loong (boulon), lắc lê (la clé), sơ-mi (chemise), may-ô (maillot), mù-xoa (mouchoir), lúp (kính loupe), tách (tasse), xoong (casserole), xà bông hay xà phòng (savon)...

- Vật liệu và máy móc: xi-măng (ciment), tà-vẹt (traverse), lốp (enveloppe), săm (chambre), ra-đa (radar), nhà ga (gare), ga-ra (garage)...

Ngoài những vay mượn từ ngữ gốc Hán và gốc Pháp, chúng ta còn vay mượn một số từ ngữ của các nước khác như Club (câu lạc bộ) của Anh, men-sơ-vích, bôn-sơ-vích của Nga vân vân... nhưng số lượng

TỪ NGUYÊN

Chuyện Bé Kim

CHUYỆN BÉ KIM là một tập truyện gồm nhiều truyện nhỏ, mô tả tâm tình của một em bé, sống trong khung cảnh đầm ấm của gia đình Việt Nam ở hải ngoại. Loạt truyện có tính cách giáo dục, tô đậm những tình cảm thắm thiết trong gia tộc hay những mối giây tinh thần giữa thầy trò, bạn hữu...

Nếu bạn đọc không tìm thấy tại nhà sách Việt Nam nơi mình ở, xin liên lạc thẳng với Măng Non. c/o VIDI Posfach 104122 4600 DORTMUND 1, BRD hay Từ Nguyên 53 Rue Amiral Mouchez 75013 PARIS FRANCE. (Chi phiếu xin đề M. TRAN)

loại này rất ít ỏi.

Một số thí dụ về những thay đổi trong tiếng Việt từ đầu thế kỷ XX

Như đã trình bày ở trên, chúng tôi không có ý định sắp xếp theo một trình tự hẳn hoi cho các mặt của sự phát triển tiếng Việt. Trong phần này, chúng tôi chỉ đưa ra một số thí dụ về những đổi thay của tiếng nước ta từ đầu thế kỷ XX đến nay để làm rõ thêm những ý kiến đã được nêu ra trong phần nói về quá trình phát triển của nó.

Mỗi khi có chuyện thay đổi chế độ, công việc đầu tiên của các nhà cầm quyền mới là sửa đổi hoặc thay thế những cơ cấu tổ chức của chế độ cũ bằng những cơ quan mới theo chủ trương của họ. Từ đầu thế kỷ XX đến nay, nước ta đã trải qua nhiều chế độ khác nhau nên nhiều tên gọi các cơ quan và chức vụ dưới các chế độ cũ đã lần lượt rơi vào dĩ vãng và trở thành những từ cổ hoặc từ lịch sử như: Xứ bảo hộ, xứ thuộc địa, phủ toàn quyền, phủ thống sứ, tòa khâm sứ, tòa đốc lý, tòa công sứ, thượng thư, (tả, hữu) tham tri, (tả, hữu) thị lang, khâm sai, tổng đốc, tuần phủ, tuần vũ, đốc phủ sứ, án sát, bố chính, tri phủ, tri huyện, tri châu, tham tá, đốc học, kiểm học, giáo thụ, huấn đạo, thông phán, thông ngôn, lục sự, thừa phái, nghị sĩ, tổng nha, chánh (phó) tổng, lý trưởng, trưởng bạ, hương cả, trương tuần, tiên (thứ) chỉ, kỳ mục, cửu (bát, thất...) phẩm, bá hộ, vân vân...

Với tổ chức chính quyền mới, chúng ta thấy có: Hội đồng Nhà nước, Hội đồng Chính phủ, Bộ Chính Trị, Ủy Ban nhân dân, Hội đồng nhân dân, thành ủy, tỉnh ủy, quận ủy, phường ủy, xã ủy...

Một số từ dùng với nghĩa trước kia nay đã thay đổi. Từ "chủ nhiệm" trước kia dùng để gọi chủ nhân của một tờ báo hay tạp chí, nay được dùng để gọi người cầm đầu một hợp tác xã (chủ nhiệm hợp tác xã may mặc, chủ nhiệm hợp tác xã mua bán, chủ nhiệm hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp...) hoặc người đứng đầu một ủy ban Nhà nước (chủ nhiệm Ủy ban khoa học Nhà nước, chủ nhiệm Ủy ban công tác dân tộc...) hoặc một giáo chức phụ trách một lớp học (giáo viên chủ nhiệm lớp bảy, lớp tám v.v...)

Một cơ quan báo chí (do Nhà nước chỉ huy) nay chỉ có tổng biên tập là người chịu trách nhiệm với chính phủ trong công việc điều hành tòa báo đó.

Từ "công ty" trước đây dùng để chỉ một cơ sở do nhiều cá nhân hùn vốn và góp sức nay dùng để gọi một cơ sở do Nhà nước thiết lập và cấp vốn như công ty cầu đường, công ty hợp doanh, công ty quốc doanh, công ty thu mua nông lâm sản...

Trong lãnh vực chính trị, nhiều từ ngữ không có trong vốn từ tiếng Việt đã lần lượt xuất hiện trong đời sống hàng ngày của dân chúng: chính thể, chế độ, dân chủ, cộng hòa, độc lập, tổng khởi nghĩa, tuyên truyền, truyền đơn, mít-tinh, biểu tình tuần hành, biểu ngữ, biểu quyết, khai hội, giải phóng, trường kỳ...

Về quân sự, nhất là trong thời kỳ chiến tranh, từ ngữ quân sự phát triển mạnh mẽ. Người ta có thể liệt kê thành hệ thống như: quân cảng, quân cảnh, quân chính, quân công, quân chủng (binh chủng), quân dịch (nay là nghĩa vụ quân sự), quân dụng, quân giới, quân hàm, quân nhu, quân pháp, quân phục, quân số, quân trang, quân y...

Ngoài ra, còn có những từ ngữ mô tả những công tác hoặc động tác quân sự như chỉ huy, tham mưu, bắn lén, bắn tỉa, đột kích, phục kích, tác chiến, trợ chiến, hậu cần, càn quét (tảo thanh) lùng sục, ruồng bố (bố ráp), xung kích, xung phong...

Hàng loạt từ ngữ khác xuất hiện để phản ánh các cách đấu tranh chính trị và quân sự như: vạch trần, bóc trần (âm mưu) lột mặt nạ, vạch mặt, đập tan luận điệu, phá tan (kế hoạch) bẻ gãy, quét sạch, dập tắt (cuộc bạo loạn), chọc thủng (vòng vây, đánh dập đầu, chặt (mắt xích bao vây), trút lửa, chia lửa, tiễu trừ, gột rửa, tẩy não, v.v...

Trong đời sống hàng ngày, số lượng từ ngữ mới cũng tăng lên nhanh và nhiều. Hàng loạt từ về quan hệ xã hội: đoàn thể, xóm giềng, đã xuất hiện: đoàn kết, chia rẽ, tập thể, tầng lớp, đẳng cấp, bè cánh, bè phái, bè lũ...

Về phẩm chất, có những từ: hăng say, tích cực, anh dũng, ngoan cường, trung hậu, đảm đang, trung kiên, nòng cốt, đầy hứa hẹn...

Về thói hư tật xấu, có: vị kỷ, tha hóa, hủ hóa, buông thả, vô tổ chức, vô kỷ luật, vô chính trị, lừng khừng, giao động, sa ngã, sa đọa, mất tinh thần, hoang mang, ngoan cố, phản động, tiêu cực...

Một số từ khái quát ra đời: *chất đốt* chỉ chung cả rơm rạ, than, củi, dầu lửa, xăng; *sức kéo* chỉ chung cả trâu bò, lừa, ngựa, voi và các loại máy dùng để kéo; *phân bón* chỉ chung các loại phân. Trong lãnh vực khoa học và kỹ thuật, tiếng Việt đã có một bước tiến nhảy vọt mặc dầu nước ta phải qua nhiều biến động chính trị và sống trong tình trạng chiến tranh suốt một thời gian khá dài. Lý do là vì các nhà chuyên môn về khoa học và kỹ thuật cũng như các giáo chức liên quan đến các ngành này đã ra sức vừa dạy học vừa nghiên cứu sâu rộng ngành chuyên môn của mình, lại vừa xây dựng thuật ngữ chuyên ngành rồi đem phổ biến cho quốc dân biết. Do đó, từ cuốn "Danh từ khoa học" của Hoàng Xuân Hãn ra đời trong thập niên 40 với số lượng từ ngữ chỉ đủ dùng cho cấp trung học, vốn từ về khoa học và kỹ thuật của chúng ta ngày nay, theo một nhà ngôn ngữ học ở miền Bắc,

đã "lên đến 900,000 thuật ngữ và sẽ còn tăng lên nhiều trong những năm tới."

Số lượng đó quả là khổng lồ và chắc chắn là có nhiều thuật ngữ còn ở trong vòng sưu tầm và lưu trữ chứ chưa được đưa ra thử thách.

Trong bài này, chúng tôi không muốn đưa ra những thí dụ như vừa làm ở những đoạn trên, phần vì không có nhiều tài liệu, phần khác vì không muốn làm bạn đọc phát chán trước những từ ngữ mới lạ và khó nhớ.

Vài nhận xét về tiếng Việt ngày nay

Nhận xét đầu tiên là trong 17 năm vừa qua, nhà cầm quyền miền Bắc đã đem một số từ ngữ được dùng ở ngoài đó vào Nam để pha trộn vào vốn từ ở đây. Phương pháp thường làm là áp đặt việc sử dụng qua đội quân đông đảo gồm cán bộ và viên chức để dân chúng quen dần.

Ta hãy lấy vài từ mới được đem dùng làm thí dụ. Từ "đăng ký" rõ rệt là một từ gốc Hán. Không biết người Trung Hoa dùng nó như thế nào và trong những trường hợp nào. Nhưng ở miền Nam Việt Nam, ngay từ khi Cộng sản nắm chính quyền, nó đã và đang được dùng nhiều trong lãnh vực hành chánh để gọi việc ghi tên tham dự một chuyện gì đó như: đăng ký mua gạo, đăng ký mua thực phẩm, đăng ký mua vé xe lửa, đăng ký nhập học, đăng ký kết hôn, đăng ký nghĩa vụ quân sự, vân vân...

Một từ khác, từ "đúng đắn" thay cho "đứng đắn" đã có trước đây từ lâu, song từ mới sửa chữa này không được nhiều người hưởng ứng.

Theo sau là một loạt những từ Hán đã được quen dùng bằng những từ tương đương hoàn toàn Việt: sân bay, máy bay, máy bay lên thẳng, máy bay ném bom, vùng trời, vùng biển, tên lửa, tàu ngầm... thay cho: phi trường, phi cơ, phi cơ trực thăng, oanh tạc cơ, không phận, hải phận, hỏa tiễn, tiềm thủy đĩnh...

Một từ ngữ mới xuất hiện vài năm gần đây cũng không được hoan nghênh lắm. Đó là từ "nghe nhìn" (trung tâm nghe nhìn) thay cho từ "thính thị" (trung tâm thính thị) đã có trước đây ở miền Nam. Cách ghép một từ Hán vào một từ Việt thường làm người đọc khó chịu. Những từ kể trên mới chỉ được dùng trong một phạm vi hạn hẹp nên không mấy người chú ý hoặc bàn tán.

Một từ khác thường được dùng cũng không làm hài lòng nhiều người: từ "hải quan."

Nó là một từ Hán trong đó từ tố "hải" có nghĩa là "biển" được nhà cầm quyền Cộng sản dùng để gọi cơ quan thu thuế ở mọi nơi, trên biển, trên sông, ở những trạm trên bộ và ngay cả

Trân trọng giới thiệu

Dĩa Nhạc COMPACT DISC

đã phát hành tháng 6/92

- Âm thanh trung thực và sống động của dàn nhạc hoà tấu trong một chương trình nhạc giá trị của LÊ VĂN KHOA TRẦN CHÚC và BAN HỢP XƯỚNG NGÀN KHƠI và giọng ca của: KIM TƯỚC, MAI HƯƠNG, BÍCH LIÊN, NGUYỄN THÀNH VÂN, MỘNG THỦY

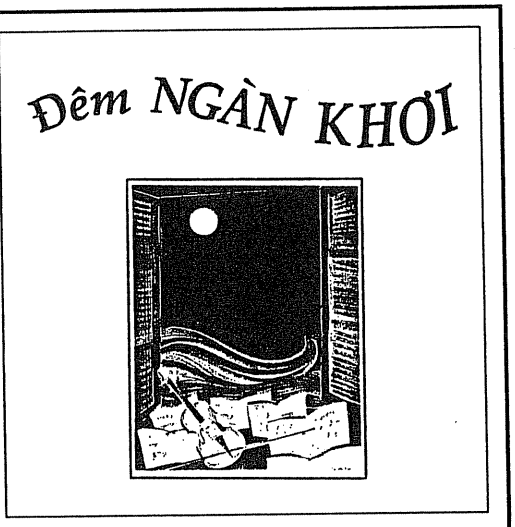

Đã có bán tại các Trung tâm Băng Nhạc Sách Báo: Hải Âu, Tú Quỳnh, Tự Lực, Văn Khoa v.v...

Lần đầu tiên:

- Tác phẩm bất hủ HỘI TRÙNG DƯƠNG của cố nhạc sĩ PHẠM ĐÌNH CHƯƠNG và ca khúc mở đầu tổ khúc BẦY CHIM BỎ XỨ của nhạc sĩ PHẠM DUY được trình bày hợp xướng với phụ hoạ của dàn nhạc đại hoà tấu Hoa Kỳ.
- DÂN CA BA MIỀN được trình bày bốn giọng (tứ ca) và phụ hoạ bởi dàn nhạc Tây phương.
- Những bản tình ca bất diệt của Việt Nam qua các giọng đơn ca truyền cảm: TÌNH CA, NHẶT CÁNH SAO RƠI, ÁO ANH SÚT CHỈ ĐƯỜNG TÀ, NGÀN NĂM MÂY BAY, MÙA THU CHO EM...
- Những bản hợp ca ba giọng êm đềm, vui tươi: GIỌT MƯA TRÊN LÁ, VÓ CÂU MUÔN DẶM.

Ban HỢP XƯỚNG NGÀN KHƠI và Dàn Nhạc ANGELES SYMPHONY ORCHESTRA.
Liên lạc: Ban HỢP XƯỚNG NGÀN KHƠI, 14265 Brookhurst St., Garden Grove, CA 92643. (714) 531-2773

ở sân bay Tân Sơn Nhứt chẳng có liên quan gì đến "biển" cả.

Một nhận xét là một số từ nhân xưng mà chúng ta thường dùng để phân định thứ bậc trong một gia tộc như ông, bà, cha, mẹ, bác, chú, cô, dì, anh, chị, em... nay đã bị lạm dụng quá nhiều. Những người sử dụng chúng thường coi những người được đối xử như người thân thích trong họ hàng cốt để biểu lộ tình thân như người trong một gia tộc.

Tiếng "bác" nay thường dùng để gọi những lãnh tụ lớn như Bác Hồ, Bác Tôn... còn những người khác dù lớn tuổi bao nhiêu cũng chỉ được gọi là "chú," nếu không muốn dùng từ thông thường là "đồng chí."

Vì từ đó bị dùng gượng ép như vậy nên nhiều khi người đối thoại không biết xử trí ra sao khi đứng trước trường hợp cả hai cha con cùng nói chuyện với mình đều gọi mình là "chú."

Từ "chú" được dùng nhiều để gọi "bộ đội" và "công an" (chú bộ đội, chú công an) mặc dầu tuổi của những người này so với tuổi của người đối thoại chỉ đáng đứng vào hàng con cháu, có khi còn ít tuổi hơn con cháu nữa.

Một nhận xét quan trọng đáng được chúng ta chú ý là sau biến cố 1975, chúng ta thấy có hai vùng nói tiếng Việt riêng rẽ với những điểm mạnh và điểm yếu khác nhau: vùng trong nước và vùng hải ngoại.

Vùng trong nước bây giờ là cả nước Việt Nam, có một số dân đông đảo, gần 70 triệu người và trong tương lai còn tăng thêm nhiều nữa. Tuy có nhiều phương ngôn khác nhau nhưng về lâu về dài, các phương ngôn đó pha trộn với nhau và có thể trở thành một tiếng nói chung cho cả nước.

Vùng hải ngoại tuy ít lại phức tạp hơn. Nó chỉ gồm vỏn vẹn trên hai triệu người, ở rải rác trên khắp các lục địa với những phần tử nói các phương ngôn khác nhau. So với số dân trong nước, số dân hải ngoại chỉ là tỷ lệ 1/34 nhưng lại gồm nhiều thành phần ưu tú, thường được tiếp xúc với các nền văn minh tiến bộ nhất trên thế giới. Họ tự do nói, tự do viết và đôi khi dùng tiếng mẹ đẻ ít hơn là tiếng bản địa của nơi họ cư ngụ. Nhưng họ lại là những phần tử cần thiết cho tương lai của dân tộc.

Họ có thể đóng góp một phần không nhỏ vào việc làm phong phú tiếng nói dân tộc bằng những thuật ngữ khoa học và kỹ thuật rút ra từ những hiểu biết về những nền văn minh tiên tiến ấy không phải chỉ cho riêng họ mà cho những thế hệ mai sau ở chính ngay trong nước. Họ cũng sẽ là những người hướng dẫn đắc lực cho những thế hệ này để xây dựng một nước Việt Nam phú cường.

*

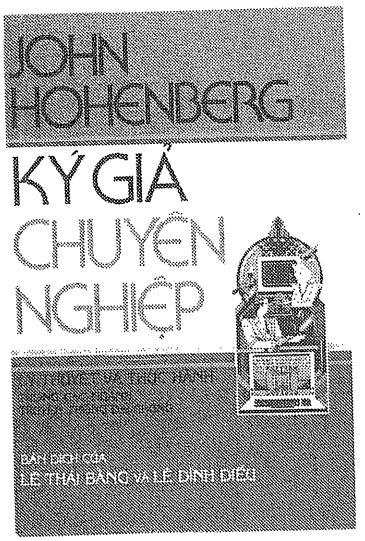

Tìm đọc: *Ký Giả Chuyên Nghiệp*, do Lê Thái Bằng và Lê Đình Điểu dịch từ bản Anh ngữ *The Professional Journalist* của John Hohenberg, là một bộ sách giáo khoa căn bản nhằm đào tạo các phóng viên, biên tập viên, ký mục gia và bình luận gia cho các ngành báo chí, truyền thanh và truyền hình. (Có thể mua tại các nhà sách. 636 trang. Giá $19.50).

Người ta thường quan niệm rằng ngôn ngữ của một dân tộc là của toàn dân. Nó không phải là một tác phẩm của các nhà ngôn ngữ học, cũng không phải là công trình riêng của những nhà làm từ điển, và cũng lại không phải là đặc quyền của một nhóm người hay một giai cấp nào trong xã hội. Vì thế, mỗi người dân phải có bổn phận bảo tồn và làm phong phú tiếng nói của nước mình bằng cách sử dụng cho đúng những từ ngữ thích hợp với cuộc sống và loại trừ những từ ngữ không chính xác, không tao nhã. Nó cũng ví như cái cây phải được chăm sóc, vun tưới, tỉa tót luôn luôn thì mới được tươi tắn, đẹp đẽ.

Kẻ viết bài này mong muốn khỏi phải thấy cái cảnh hai người Việt, một ở quốc nội, một ở hải ngoại, cùng dùng tiếng mẹ đẻ để nói chuyện với nhau, lại phải bỡ ngỡ không hiểu ý kiến của nhau vì ý nghĩa của lời nói khác nhau. Và cũng hy vọng rằng trong một tương lai tiếng Việt sẽ được thống nhất để đồng bào bất kỳ sinh sống ở nơi nào đều hiểu nhau và thương yêu nhau trong một tinh thần cởi mở và xây dựng.

THÁI BẰNG

LTS.- Thái Bằng, nhà báo lão thành, 80 tuổi, họ Lê, vừa từ Việt Nam sang Mỹ đoàn tụ với con cháu. Ông đã vào nghề báo từ năm 1951 ở Hà Nội, trong vai trò phóng viên và biên tập viên của Việt Tấn Xã (trực thuộc Pháp Tấn Xã, AFP). Di cư vào Nam năm 1954, ông đã lần lượt làm tham vụ báo chí Phủ Tổng thống, Phụ tá Tổng giám đốc Việt Tấn Xã, giảng viên ban Báo chí học, Viện đại học Đalat, giáo sư báo chí học Viện Đại học Vạn Hạnh. Tác phẩm đã xuất bản: Quyển Sách *(Saigon, 1955?),* Ký Giả Chuyên Nghiệp *(dịch cùng Lê Đình Điểu, Saigon 1973. Tái bản ở California 1986).*

CỘNG ĐỒNG VIỆT NAM Ở ORANGE COUNTY ĐỔ NHỚT ĐI ĐÂU?

PHAN N. HUYÊN

Khoa học và kỹ thuật đã đóng góp rất nhiều trong việc cải thiện đời sống vật chất của con người, cũng như tạo dựng một giai đoạn văn minh vượt bực vào thế kỷ XX này. Thế nhưng, sự lạm dụng nền khoa học và kỹ thuật đó cũng làm thiệt hại không ít đến sinh môi. Mưa acid, lỗ hổng ozone, không khí và nước ô nhiễm, v.v., là cặn bã của các quốc gia trên thế giới. Thêm vào đó, phế thải nhớt xe bừa bãi cũng là một trong những vấn đề đang xẩy ra trên toàn nước Mỹ và có ảnh hưởng lớn đến sinh môi và sức khỏe công cộng.

Hằng năm, California phế thải khoảng 63 triệu gallons nhớt cũ, trong đó 70% thay nhớt tại nhà. Đa số những người thay nhớt tại nhà phế thải nhớt xe không đúng cách.

Ở Orange County, với sinh hoạt kinh tế phồn thịnh, khoảng 6 triệu gallons nhớt cũ phải thay và phế thải hàng năm. Cộng đồng Việt Nam là một trong những cộng đồng đang lớn mạnh, có lẽ cũng có phần trách nhiệm không nhỏ trong vấn đề sinh môi này.

Cộng đồng Việt Nam tại Orange County

Orange County được thành lập từ ngày 11 tháng Ba năm 1889, trên một khoảnh đất 798 dặm vuông. Dân số hiện nay là 2.4 triệu người. Thống kê năm 1990 cho thấy một trong những khuynh hướng ở Orange County là càng ngày cộng đồng các sắc dân thiểu số càng phát triển mạnh thêm. Cộng đồng người Việt Nam ở Orange County có khoảng ít nhất là 100,000 người [LTS: Theo kết quả kiểm kê dân số 1990, có 140,000 người]. Đa số sống ở hai thị xã Garden Grove và Westminster (Maharaj, 1991). Ông thị trưởng Westminster công nhận rằng có đến 25% dân số ở tỉnh ông là người gốc Việt Nam. Việc chính thức công nhận tên "Little Saigon" ngày 7 tháng Sáu năm 1988 là một lý do nữa khiến cho cộng đồng Việt Nam ở Orange County thêm khởi sắc.

Thị trường nhớt cũ

Mỗi năm, dân Mỹ trên toàn quốc mua và phế thải khoảng 1.2 tỉ *(billion)* gallons dầu nhớt *(Alford et al., 1989)*, trong đó có 88% dầu máy, 9% dầu hộp số, 3% mỡ bò và linh tinh *(Fadill, 1989)*. *Khoảng 480 triệu gallons thất thoát trong khi xe chạy hoặc rỉ ra đường. Trong khi còn lại 720 triệu gallons có thể được phục hồi, nhưng chỉ có 300 triệu gallons được tái sử dụng. Khoảng 420 triệu gallons phế thải không đúng cách.*

Ở California, nhớt cũ được coi như là một loại hazardous waste (phế liệu gây hại). Luật SB 86 cấm bất cứ ai phế thải nhớt cũ bừa bãi. Thí dụ như đổ lên mặt đất, đổ vào ống cống, hoặc làm nhiên liệu để đốt. Năm 1990, 45% nhớt cũ được phục hồi và tái sử dụng trong Tiểu bang. Mặc dầu vậy, sự tái sử dụng vẫn chưa đạt đến mức độ cao, nghĩa là nhớt cũ mới chỉ được biến chế thành nhiên liệu hoặc nhựa trải đường chứ chưa được phục hồi thành nhớt xe.

Sự cấu tạo của nhớt xe

Nhớt xe gồm phần chính là dầu gốc *(base oil)* pha với một vài thứ dầu phụ *(additives)*. Nói chung, nhớt xe được lấy ra từ dầu thô *(crude oil)* nhưng chỉ có một phần nhỏ (1.5%) trong dầu thô có thể làm ra nhớt mà thôi. Nhớt lúc đầu được dùng để chống ma-xát, chống hao mòn, giữ máy cho sạch và nguội. Nhiệt độ cao trong máy xe lâu ngày hủy hoại tính nhờn của nhớt làm cho *piston* bị dính lại, đầu máy bị mòn mau hơn hoặc hư hại sớm hơn.

Trước năm 1947 Hội Các Kỹ Sư Xe Hơi (SAE: Society of Automobile Engineers) phân loại nhớt xe tùy theo tính nhờn của chúng như OW, 5W, 10W, 20W, 20, 30, 40, 50 *(Kovitch, 1987)*. "W" thay cho chữ Winter nghĩa là dầu có thể dùng trong mùa đông ở nhiệt độ thấp. Ngày nay, nhớt được pha với nhiều dầu phụ để

dùng cho các thời tiết khác nhau, hoặc dùng cho các đầu máy khác nhau như đầu máy dầu, đầu máy xăng, đầu máy xe *truck*, hoặc những đầu máy xe nhỏ và nhẹ mới chế tạo sau này.

Dầu phụ là những chất hóa học được thêm 10 đến 20% vào nhớt để làm cho nhớt thích ứng với các môi trường khác nhau. Đại loại có 11 chất sau đây: (1) chất chống oxít hóa để giữ cho nhớt lâu bị hư; (2) chất tẩy để giữ cho mặt máy bên trong được sạch; (3) chất hòa để giữ các chất bẩn trong nhớt lênh đênh mà không bám vào mặt trong của máy; (4) chất kiềm để chống acid; (5) chất chống rỉ sét; (6) chất chống mòn; (7) chất giữ tính nhờn ở nhiệt độ cao; (8) chất giảm ma-xát; (9) chất giữ tính thông *(pour point)* của nhớt; (10) chất chống nổi bọt; và (11) chất mầu mật để giữ nhớt trông hấp dẫn *(Watson et al., 1984)*.

Thay nhớt xe

Đa số các hãng chế tạo khuyên các chủ xe nên thay nhớt mỗi 3,000 miles hoặc mỗi ba tháng một lần vì thường vào thời gian đó nhớt xe bị bẩn hoặc mất tính hữu dụng của chúng. Năm 1988, trên toàn nước Mỹ có khoảng 183 triệu xe chạy trên các công lộ; trong đó 78% do tư nhân làm chủ *(Edmond, 1989)*. Chủ xe trung bình dùng 12 gallons nhớt mỗi lần thay nhớt xe và thay khoảng 2.94 lần một năm. Một bản nghiên cứu khác cho thấy tuổi xe trên đường phố nước Mỹ trung bình là 7.5 tuổi, và mỗi chiếc xe chạy trung bình 10,000 miles một năm *(Fadil, 1989)*.

Thay nhớt xe tại nhà

Người thay nhớt tại nhà thường được gọi là *do-it-yourselfers*. Năm 1981, cuộc thăm dò toàn quốc cho thấy 55% các chủ xe đã thay nhớt tại nhà ít nhất là một lần trong năm đó. Theo cơ quan bảo vệ sinh môi Hoa Kỳ (U.S.EPA) thì mỗi năm hơn 200 triệu gallons nhớ cũ phế thải bởi *do-it-yourselfers* trong đó chỉ chưa tới 10% là được phục hồi mà thôi. Số còn lại 40% được đổ lên mặt đất, 21% được bỏ vô thùng rác, 4% được đốt, và 25% được phế thải một cách nào đó.

Người Việt Nam ở Orange County bỏ nhớt đi đâu?

Trong khoảng thời gian từ 11 tháng Giêng 1991 đến 8 tháng Hai 1991, một cuộc thăm dò được mở ra để phỏng vấn 100 chủ xe đi chợ ở hai địa điểm *parking lots* (bãi đậu xe) khoảng 13900 và 14300 trên đường Brookhurst. Câu hỏi đặt ra thật vắn tắt: Ông/Bà có thay nhớt tại nhà không? Khoảng bao lâu thì Ông/Bà lại thay nhớt một lần? Thay nhớt rồi Ông/Bà bỏ nhớt cũ đi đâu?

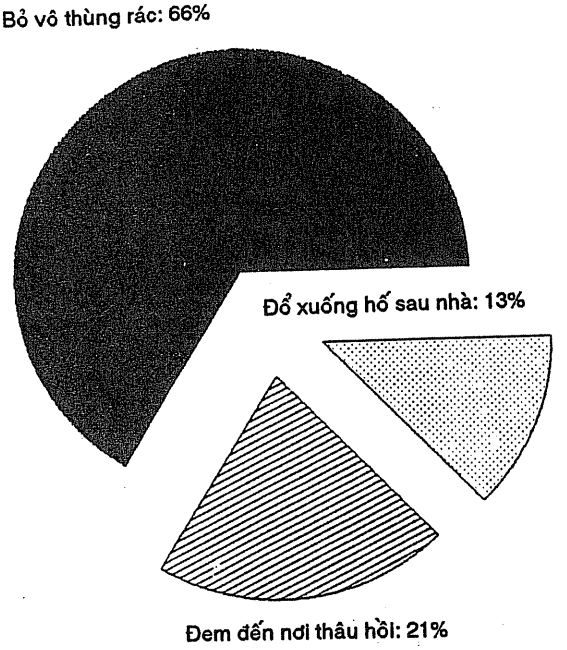

66% người Việt Nam, thuộc loại "khéo tay hay làm" (do it yourselfers), thay nhớt xe lấy và đem nhớt cũ đổ thùng rác! Chỉ một thiểu số đem đến chỗ tái chế biến..

Kết quả cuộc thăm dò cho thấy: 62% thay nhớt tại nhà và 38% đưa xe đến tiệm *(Phan, 1991)*. Những người thay nhớt ở tiệm thường thay nhớt sớm hơn những người thay nhớt tại nhà. Trong số những người thay nhớt tại nhà, 55% bỏ nhớt vào thùng rác, 13% đổ nhớt xuống hố, và 21% đem nhớt đến các nơi thâu hồi nhớt xe.

Nhớt cũ và vấn đề sức khỏe công cộng

Nhớt xe trong khi dùng thường tích lũy những cặn bẩn nguy hiểm như: polynuclear aromatic hydrocarbons (anthracene, chrysene, benzo(a)pyrene, perylene, coronene, v.v.), các thứ kim loại (chì, cadmium, arsenic, chromium, v.v.), và chất chlorine.

Ảnh hưởng của nhớt và chất polynuclear aromatics (PNAs): Cũng như các sản phẩm khác của dầu hỏa, nhớt thường làm cho da ta ngứa ngáy khó chịu có khi bị nứt và nhiễm trùng. Các chất PNAs được tạo ra khi các chất hữu cơ như dầu nhớt bị đốt cháy không hoàn toàn. Những chất này còn có thể biến hóa thêm thành những chất gây ra ung thư da.

Người ta cũng nhận thấy trong phòng thí nghiệm rằng: nhớt xe dùng trong xe máy dầu *(diesel)* và nhớt xe sử dụng trong khoảng 3000 dặm trở lại không có khả năng gây ung thư như nhớt xe dùng từ 6000 đến 12000 dặm trở lên *(Hewstone et al, 1988)*.

Ảnh hưởng của kim loại: Nhớt cũ thường chứa nhiều chất kim loại. Nhiều nhất là lead, zinc, calcium, barium, và magnesium. Độ lượng của kim loại thường tăng theo với tỉ lệ thời gian tùy theo loại nhớt và loại máy xe. Kim loại trong nhớt cũ có thể rất nguy hại cho các sinh vật và sức khỏe công cộng, nếu nhớt cũ không được phế thải đúng cách *(Vazquez-Duhalt, 1989)*. Kim loại trong đất có thể đi vào cơ thể côn trùng và làm mồi giết hại chim chóc. Kim loại cũng có thể ngấm vào nước và làm ô nhiễm các mạch nước, trong khi hơn 60% nước dùng ở Orange County là nước giếng. Kim loại ở độ cao, nhất là chất chì và nhôm có thể làm nguy hại não, đặc biệt là của trẻ con.

Ảnh hưởng của Polychlorinated biphenyls và dioxins: Dung lượng chất chlorine trong nhớt thường ở vào khoảng 50 đến 500 ppm. Chlorine ở trong nhớt cũ có thể là không mấy nguy hại. Dung lượng chlorine thường được dùng để đo lường sự hiện diện của chất polychlorinated biphenyls (PCBs) rất nguy hiểm cho sinh môi và sức khỏe công cộng.

Ở Hoa Kỳ, PCBs bắt đầu được dùng từ năm 1929 trong các loại đồ điện như *transformers, capacitors* và trong các chất lỏng như các loại mực, sơn, hoặc dầu. Đến năm 1979, PCBs bị cấm ngặt, không được bán ra thị trường. PCBs là một chất dầu nhờn nặng màu hơi vàng. Phó sản rất độc của PCBs thông thường là *dioxins* và *furans*. Các hóa chất này chỉ được tiêu diệt ở nhiệt độ cao hơn 1470 độ F. Trong thập niên 1960, PCBs được tìm thấy trong dây thực phẩm và tích lũy trong cơ thể rất nhiều sinh vật kể cả trong sữa vú của các bà mẹ đang nuôi con. *(Leach, 1990)*.

Hiện nay, chất PCBs vẫn còn là mối lo ngại cho sức khỏe công cộng. Lý do thứ nhất, một số lượng rất cao sản phẩm này được dùng từ năm 1929 đến 1979 vẫn còn trong những đồ dùng cũ. Lý do thứ hai, như trên đã nói một số lớn hóa chất này đã nhiễm vào dây thực phẩm *(food chain)* và tích lũy trong cơ thể nhiều sinh vật, kể cả cá mắm, chim chóc, và các giống vật khác. Một khi tích lũy trong cơ thể sinh hóa, hóa chất này tiếp tục chuyền từ sinh vật này đến sinh vật khác hoặc tích lũy cả trong cơ thể con người và gây ra ung thư gan, cật, não bộ và hệ thống thần kinh.

Sự phục hồi nhớt cũ

Sự phục hồi nhớt cũ giúp ta sử dụng lại được những nguyên liệu tốt và đồng thời giúp ta loại bỏ được những thiệt hại cho sinh môi và cho sức khỏe công cộng. Ở Orange County, sự phế thải nhớt cũ một cách bừa bãi có thể gây nguy hại cho những mạch nước mà 60 phần trăm nước chúng ta đang dùng được bơm lên từ đấy. Nhãn hiệu sau đây thường thấy ở các cây xăng hoặc tiệm sửa xe:

Used oil is generally classified as a harzardous waste in California. Do not dispose of used oil in garbage, sewers, or onto ground. To find out how to properly recycle used oil in your area, call (800) 553-2963. DCL-390.

Hiện nay, nhớt cũ được thâu hồi ở các cây xăng và các tiệm sửa xe với lệ phí khoảng 25 cents một gallon. Nhớt cũ cũng có thể được phế thải ở các địa điểm thu hồi của tỉnh hoặc của County. Ở Orange County, hai địa điểm sau đã được mở để thâu hồi các hóa chất, kể cả nhớt cũ: 1131 Blue Gum St., Anaheim và 17121 Nichols St., Huntington Beach. Muốn biết thêm chi tiết, hãy gọi về Orange County Hazardous Materials hotline số (714) 744-0516.

Kết luận

Dầu nhớt đã trở thành một yếu tố quan trọng cho nền văn minh hiện đại. Tuy nhiên, trong khi dùng, nhớt cũ thường tích lũy những cặn bẩn có hại cho môi sinh và sức khỏe công cộng. Người ta phải khẳng định rằng: thứ nhất, phục hồi nhớt cũ chẳng những tiết kiệm được nguyên liệu tốt mà còn bảo vệ được sức khỏe con người và sinh môi. Thứ hai, bất cứ một chương trình phục hồi nào cũng phải được điều nghiên sao cho cân bằng giữa sự tiện lợi công cộng và sự lợi ích cho công ty thâu hồi.

Trong cuộc thăm dò đầu năm 1991, kết quả cho thấy 62 phần trăm người Việt Nam ở Orange County thay nhớt xe ở nhà. Trong số đó chỉ có 21 phần trăm đem nhớt cũ đến các trung tâm thâu hồi; 79 phần trăm kia phế thải không đúng cách. Kết quả này cũng có thể so sánh với kết quả được Tiểu Bang tường trình vào năm 1988 rằng: hơn một nửa số dầu cũ ở California được phế thải không đúng cách.

Cuộc thăm dò và bài nghiên cứu này chứng minh rằng: thứ nhất, nhớt cũ do những người thay nhớt ở nhà phế thải ra phải được thu hồi lại để tránh ô nhiễm sinh môi và thiệt hại cho sức khỏe công cộng; thứ hai, phục hồi nhớt cũ thành nhớt mới là một chương trình hữu ích và tiết kiệm cho tài nguyên quốc gia.

PHAN N. HUYEN

Tài liệu tham khảo

Alford, Michael R., and Robert P. Ouellete. 1989. Recycling Automotive Oil. *HazMat World* 2 (11):48-56.

Brinckman, Donald. 1990. Used Oil: A Hidden Hazard. *Environmental Waste Management Magazine* 8(11):13-14

Brinkman, D.W., M. Gottlieb, and K. Koelbel. 1982. Used Motor Oil Poses Environmental Problem. *Oil & Gas Journal, 80(32):163-165.*

Corn, Jack W. 1990. Motor Oils Need Emphasis on Quality. The Oil Daily: Lubricants Outlook, 25 January.

Emond, Mark. 1989. Why Quick Lube Outlets Are Grabbing Market Share. *National Petroleum News* (Supplement to NPN) 81(9):13-19.

Fadil, Frank A. 1989. Quick Lube: How Fast is Quick? *National Petroleum News* (Supplement to NPN) 81(9):20-27.

Hewstone, R.K., and G.T. Spiess. 1988. Handling, Re-use and Disposal of Used Lubricating Oils. *Petroleum Review* 42(494):61-65.

Kalnes, T.N., K.J. Youtsey, R.B. James, and D.R. Hedden. 1989. Recycling Waste Lube Oils for Profit. *Hazardous Waste & Hazardous Materials* 6(1):51-67.

Kovitch, George H. 1987. Crankcase Oil Service and Viscosity Classifications. *Lubrication Engineering* 43(6):447-449.

Ladov, Edwin N. 1986. Evaluating and Communicating the Carcinogenic Hazards of Petroleum Derived Lubricant Base Oil and Products. *Lubrication Engineering* 42(5):272-277.

Leach, H. James. 1990. PCBs: A Regulatory Road Map. *Environmental Waste Management* 8(1):8-11.

Maharaj, Davan. 1991. '80s Saw a Boom in O.C. Viet Populace. *Los Angeles Times,* 11 May.

Phan, H.N. 1991. *Alternative Disposal Methods for Used Engine Oil among the Vietnamese Community in Central Orange County, California.* M.S. Thesis, California State University, Fullerton, California.

Vazquez-Duhalt, R. 1989. Environmental Impact of Used Motor Oil. *The Science of the Total Environment* 79(1989):1-23.

Watson, Roger W., and Thomas F. McDonnell, Jr. 1984. *Additives - The Right Stuff for Automotive Engine Oils.* Dearborn, Michigan: Society of Automotive Engineers, Inc.

Bác Sĩ

Đoàn Đức Ban, M.D.

TRUNG TÂM CHUYÊN KHOA BỆNH PHỤ NỮ
WOMEN'S HEALTH CENTER
15663 BROOKHURST STREET
WESTMINSTER, CA 92683
Đ.T.: (714) 839-4988

Tốt nghiệp Y Khoa tại Louisiana State University School of Medicine
Tốt nghiệp Chuyên khoa Sản **Phụ Khoa và Hiếm Muộn** tại Charity Hospital, New Orleans,LSU Medical Center
Hội Viên Y Sĩ Đoàn Hoa Kỳ (A.M.A.)
Hội Viên Hội Chuyên Khoa Sản Phụ Khoa Hoa Kỳ (A.C.O.G)
Hội Viên Hội Sản Phụ Khoa Orange County (OC Society of OB-Gyn)

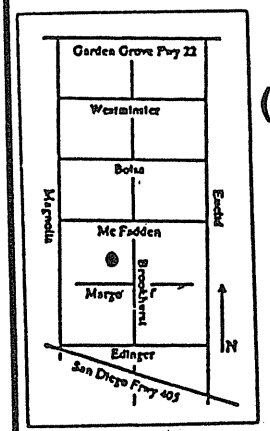

Xin khám bệnh theo hẹn
Điện thoại:
(714) 839-4988
Thứ Hai tới thứ Sáu:
9:30AM - 6:00PM
Thứ Bảy:
9:30AM - 2:30PM

Nhận Medical và Bảo Hiểm

Hướng Dẫn:

* Phòng ngừa và truy tầm các bệnh ung thư của phụ nữ
* Các phương pháp ngừa thai
* Dinh dưỡng

Chuyên Trị:

* Các bệnh phụ nữ, sinh lý, Premenstrual Syndrome (PMS), Hiếm muộn
* Săn sóc Thai kỳ, Đỡ đẻ, Giải phẫu sanh sản (Obstetrical Surgery)
* Chuyên giải phẫu các bệnh Phụ Nữ và Hiếm Muộn (Gynecological Surgery)

BƯỚC VÀO THẾ KỶ 21 KHÔNG THỂ KHÔNG CÓ ĐIỆN TOÁN

PHAN SINH

Trong không khí thân mật và "ấm áp" (trời Nam Cali cuối tuần qua nóng tới 90 độ F), tại phòng Sinh hoạt Thế Kỷ đường Moran, từ 2 giờ tới 6 giờ chiều Chủ Nhật 5 tháng Sáu, 1992, gần 30 người đến nghe và thảo luận với ông Đỗ Thông Minh về việc "phiên dịch thuật ngữ điện toán."

Học ở Nhật, biết chữ Hán, dịch dễ dàng

Du học Nhật Bản từ năm 1970, ông Đỗ Thông Minh hiện làm chủ một cơ sở dịch vụ sách báo và tạp hóa tại thủ đô Tokyo — "Mekong Center" — đồng thời là dịch giả và soạn giả nhiều bộ sách và từ điển các tiếng Việt, Nhật, Hán, Anh...

Ở tuổi 40, với dáng người tầm thước, phong thái sôi nổi, ít ai nghĩ rằng chàng thanh niên họ Đỗ này là tác giả của hàng chục công trình nghiên cứu công phu, nghiêm túc mà nhiều vị cao niên cũng chưa thành tựu được.

Trước một cử tọa phần lớn đã đứng tuổi, trình bày một đề tài liên quan đến Khoa học hiện đại (điện toán), ông Đỗ Thông Minh đã chinh phục được cảm tình và sự ủng hộ của người tham dự: mọi người đều ghi tên và địa chỉ để được liên lạc với soạn giả họ Đỗ; có vị còn tặng luôn hai cuốn sách về thuật ngữ khoa học mới mang ra từ trong nước; và nhiều vị tình nguyện đọc bản thảo cuốn "Thuật ngữ điện toán Anh-Việt, Việt Anh" mà ông Đỗ Thông Minh dự trù hoàn tất vào tháng Chín năm 1993.

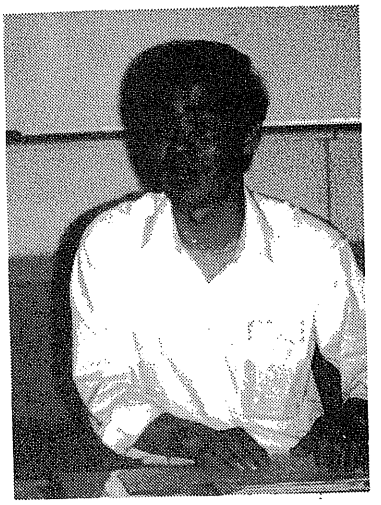

Soạn giả tự điển Đỗ Thông Minh

Làm đẹp và làm giàu Việt ngữ

Cuốn sách nói trên cũng chính là đề tài của buổi nói chuyện — và đây là một trong nhiều buổi ông Đỗ Thông Minh thực hiện ở nhiều nơi trên thế giới.

Ghi nhận những công trình sáng tạo và chế biến mặt chữ Việt trên máy điện toán của nhiều người, suốt một thập niên vừa qua, ông Minh cho rằng "máy điện toán đã làm đẹp chữ Việt." "Nay là lúc phải làm giàu cho ngôn ngữ dân tộc ta." Ông Minh nhấn mạnh điểm này khi dẫn nhập vào phần chính của buổi nói chuyện, chứng minh những lợi ích của việc phiên dịch các thuật ngữ khoa học kỹ thuật và khoa học nhân văn nói chung, và điện toán nói riêng.

Ông Minh đưa ra phương pháp phiên dịch mà ông đã và đang áp dụng, để bảo đảm những yếu tính của việc san định chữ và nghĩa (tính khoa học, tính dân tộc và tính đại chúng). Phương pháp phiên dịch của ông có ba điểm: căn cứ trên sách Anh-Anh để hiểu rõ ý nghĩa, căn cứ trên sách Việt để tận dụng những từ đã có, và căn cứ trên sách Anh-Hán, Anh-Nhật, Anh-Pháp v.v., để tìm thuật ngữ thích dụng nhất.

Học chữ Hán để hiểu tiếng Việt hơn

Nhắc lại một nhận định chung của nhiều học giả về việc có rất nhiều từ ngữ gốc Hán trong kho ngữ vựng tiếng Việt, ông Đỗ Thông Minh, tác giả cuốn "Giải tự 2,111 chữ Hán," cho rằng "chúng ta nên học chữ Hán để làm giầu và làm sáng tiếng Việt."

Theo ông Minh, chữ Hán không phải là thứ chữ cổ, mà là một sinh ngữ đang được một tỷ người ở Hoa lục, cùng hàng chục triệu người ở khắp nơi trên thế giới, dùng hàng ngày.

Ông cũng nhận định rằng Việt Nam cùng với các nước Đông và Đông Nam Á như Nhật, Hàn, Đài Loan, Hong Kong, Tân Gia ba, đều có chung

ĐỖ THÔNG MINH

- Du học Nhật Bản năm 1970
- Sáng lập viên Tổ chức Người Việt Tự Do ở Nhật Bản năm 1975.
- Trong Ban Biên Tập báo Người Việt Tự Do năm 1975-1982.
- Chủ biên Hệ Tư Tưởng Việt Đạo / Nhân Bản năm 1977-1978
- Chủ bút báo Kháng Chiến năm 1982-1983.
- Chủ biên Hệ Tư Tưởng Việt Đạo/Nhân bản năm 1977-1978
- Sáng lập viên Mặt Trận QGTNGPVN năm 1981, rút lui năm 1984, từ đó đặt trọng tâm vào các hoạt động văn hóa.
- Thành lập Mekong Center (dịch vụ và tạp hóa) năm 1985.
- Thành lập Nhà Xuất Bản Tân Văn năm 1986.
- Thực hiện thành công việc xếp chữ đa ngôn ngữ Anh - Việt - Pháp - Hán - Nôm... cùng lúc trên máy điện toán năm 1990. Góp phần làm đẹp chữ Việt.
- Viết các bài biên khảo và đi nói chuyện nhiều nơi về phiên dịch thuật ngữ và xếp chữ đa ngôn ngữ từ năm 1990.
- Viết "Thư Đông Kinh"... trên báo Phụ Nữ Diễn Đàn, Thằng Mõ, Mõ San Francisco, Thời Sự... Hoa Từ từ năm 1991.
-Soạn giả các tài liệu và từ điển học chữ Hán bằng Nhật - Việt - Anh từ năm 1984.
- Soạn giải tự 2.111 chữ Hán bằng Nhật - Việt - Anh năm 1990.
- Hiện chủ phiên dịch từ đối chiếu các thuật ngữ Anh - Việt... (đặc biệt về điện toán và điện tử) - Góp phần làm giàu tiếng Việt.
- Hiện đồng biên soạn nhiều tự điển và sách về điện toán và điện tử.

Địa chỉ liên lạc của ông Đỗ Thông Minh: T 140 Tokyo-TO, ShinaGawa, Yashio 5-12-69-115 JAPAN. Điện thoại và điện thư: 03-3799-1763.

lịch sử Hán hoá. Điều đáng buồn là trong lúc các nước kia đã hoặc sắp trở thành những "con rồng châu Á," thì Việt Nam vẫn là một nước thuộc loại chậm tiến.

Việc nhà nước Cộng sản cuối thập niên 70 thực hiện chính sách "xua đuổi người Hoa" đã làm cho công tác nghiên cứu và xuất bản sách chữ Hán bị trở ngại rất lớn: các nhà in của người Việt Nam không có chữ Hán.

Thậm chí, ông Minh cho biết, mới đây Hà Nội cho in một cuốn từ điển Hán Việt chỉ có chữ La-tinh-hóa, không có một chữ Hán (chinese character) nào!

Máy ít, sách nhiều

Vẫn theo sự tìm hiểu của ông Minh, ở trong nước hiện nay ngành điện toán rất "phát triển" hiểu theo nghĩa có nhiều người học và nhiều sách, báo về điện toán, nhưng không có máy để thực hành cũng như không ứng dụng điện toán vào các ngành nghề khác.

Theo ông Minh, hiện ở Việt Nam đã có gần 50 cuốn sách viết về điện tử và điện toán, bốn tờ báo chuyên về điện toán (mà trong nước gọi là "tin học").

Ông Minh cho biết "ảnh hưởng văn hóa Pháp hiện đang mạnh ở Việt Nam." Thí dụ điển hình là từ "tin học," dịch từ tiếng Pháp "informatique," (tương đương với tiếng Mỹ computer science"). Bệnh AIDS ở Việt Nam gọi theo Pháp là bệnh SIDA.

Sự khác biệt giữa hai nguồn văn hóa Pháp, Mỹ, như thí dụ kể trên, chỉ là một điểm nhỏ trong bài toán người Việt ở nhiều nơi trên thế giới sẽ không hiểu nhau nữa, vì mỗi người định cư ở một quốc gia sẽ chịu ảnh hưởng văn hóa, ngôn ngữ của quốc gia đó.

Đó cũng là lý do thúc đẩy ông Đỗ Thông Minh dấn thân vào công cuộc "chuẩn hóa" những thuật ngữ điện toán nói riêng và ngôn ngữ Việt nói chung.

Trong phần thảo luận, ngoại trừ một vài dị biệt về chi tiết thực hiện, hầu hết tham dự viên đều đồng ý với ông Đỗ Thông Minh về nhu cầu làm sáng và làm giầu tiếng Việt.

Ở một vùng có hơn 100,000 người Việt cư ngụ, trong đó hàng ngàn người đã hoặc đang học ngành điện toán, mà buổi nói chuyện về "thuật ngữ điện toán" chỉ quy tụ được gần 30 người, lại phần lớn là người cao niên, điều đó chứng tỏ, vấn đề ở đây là "bảo tồn văn hóa Việt Nam" cho hôm nay ở hải ngoại, và mai sau ở trong nước. Đó là một trong số nhiều nhận định của các tham dự viên.

Ông Trần Huy Bích, tiến sĩ Giáo dục, người hằng quan tâm đến các vấn đề văn hóa trong cộng đồng, kêu gọi mọi người tiếp tay ông Đỗ Thông Minh trong công tác "khó khăn mà bạc bẽo" là soạn từ điển "thuật ngữ điện toán."

Ông Bích cũng đề nghị với đại diện báo *Thế Kỷ 21* và báo *Người Việt* là "dùng hai diễn đàn này để phổ biến tin tức về các công cuộc nghiên cứu, biên soạn sách tiếng Việt nói chung, và từ điển thuật ngữ điện toán nói riêng."

Ông Đỗ Hữu Thuận, nhân dịp này, cũng nhắc lại một dự án do *Thế Kỷ 21* đề ra từ năm 1991, là dự án soạn Từ điển Bách khoa, "hình như đã chìm xuồng."

(Theo toà soạn *Thế Kỷ 21* cho biết dự án Từ điển Bách Khoa hiện do nhóm cựu giáo sư Văn hóa vụ, Trường Võ Bị Đà Lạt, tiếp tục thực hiện).

KẾ HOẠCH HOÁ GIA ĐÌNH Ở TRUNG QUỐC

Nếu ngày xưa, dân số là niềm hãnh diện của người dân Trung Quốc — ai mà không một lần nghe nói câu "Ở đâu có khói ở đó có người Tàu" — và là nỗi đe dọa đối với các nước láng giềng của họ thì ngày nay, dưới chế độ Cộng sản, nó là nỗi lo âu của nhà cầm quyền và là cơn ác mộng của phụ nữ nước "Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa".

Thủ tướng Trung Quốc Lý Bằng vừa tuyên bố rằng nếu theo đúng kế hoạch năm năm lần thứ tám về dân số thì Trung Quốc sẽ đạt tới mức 1.3 tỷ người vào cuối thế kỷ 20, một con số đủ làm rợn gáy bất cứ ai quan tâm tới sức chứa của địa cầu. Ấy là "nếu theo đúng kế hoạch" thôi, chứ nếu kế hoạch trên mà "vỡ" thì thật là một đại họa!

Thực tế hàng chục năm qua đã chứng minh rằng không khi nào người dân Trung Quốc chịu "sanh đẻ theo kế hoạch" do nhà nước đề ra. Nếu so với chỉ tiêu được hoạch định từ đầu thập niên 80 cho năm 2000 thì đã có 100 triệu người nữa so với cuộc điều tra dân số năm 1990. Tính trung bình, hàng năm Trung Quốc nuôi thêm 16 triệu miệng ăn, nghĩa là mỗi ngày có khoảng... 63,000 nhi đồng mở mắt chào đời. Đó là chỉ tính những người có tên tuổi trên giấy trắng mực đen, còn hàng chục triệu người khác đã ra đời, đang sinh sống nhưng... chưa bao giờ xuất hiện trên danh sách thống kê của nhà nước.

Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) từng nêu đích danh những làng ở Trung Quốc, nơi mà số trẻ em thực tế nhiều gấp đôi số trẻ em có đăng ký chích ngừa. Quỹ Nhi đồng Liên Hiệp Quốc cũng tuyên bố rằng mỗi năm có khoảng 9 triệu trẻ Trung Quốc được bí mật nuôi giấu vì mẹ chúng "đẻ chui." Khoảng 70 triệu người sống lang thang khắp nước đã hạ sinh ít nhất 500,000 đứa bé mà không hề khai báo. Đa số những người sống lang thang đó đang tìm việc làm, nhưng cũng có không ít những người bỏ xứ ra đi để lánh mặt cán bộ kế hoạch hóa gia đình ở địa phương.

Quan niệm "nhất nam viết hữu thập nữ viết vô" (có một trai cũng là có, có mười gái cũng là không) và chính sách mỗi gia đình chỉ có một con, khiến người phụ nữ nói riêng, và người dân Trung Quốc nói chung, phải chấp nhận mọi hoàn cảnh đau lòng nếu đứa con đầu là gái. Một phụ nữ đã bỏ đứa con gái đầu lòng ở lại quê nhà, lên Bắc Kinh sống lẩn lút để chờ ngày "đẻ chui" đứa thứ hai. Để được vào bệnh viện, bà ta đã giả mạo hồ sơ của phòng kế hoạch hóa gia đình. Bất cứ một dấu vết nào cho thấy đây là lần mang thai thứ nhì, bà ta bị bắt buộc phải phá thai hoặc bị tước mất đứa con ngay sau khi sanh. May mắn thay, bà sanh được một đứa con trai; nhưng khi về lại quê nhà, nó sẽ không được đăng ký hộ khẩu, không được cấp phiếu gạo và không được đi học, trừ khi bà chịu đóng tiền phạt: khoảng 10% mức thu nhập mỗi năm và đóng suốt 14 năm. Nếu đứa bé đó lại là gái, chắc chắn bà ta sẽ phải phiêu lưu thêm lần nữa!

Những người sống kiểu gạo chợ, nước sông ngày càng tăng gây khó khăn cho nhà nước không ít; cán bộ phụ trách kế hoạch hóa gia đình không thể nào "nắm" được số phụ nữ trong hạn tuổi sinh đẻ, cũng như chu kỳ kinh nguyệt của họ. Nhà nước bèn đề ra một loạt những biện pháp mới bao gồm phạt vạ việc giả mạo khai sanh, rút giấy phép buôn bán hoặc giấy chứng nhận làm việc tại Bắc Kinh, nếu các nữ công nhân tạm tuyển từ chối phá thai.

Những luật lệ khắc nghiệt về hạn chế dân số của nhà cầm quyền Trung Cộng đã đưa đến nhiều thảm cảnh rùng rợn! Một người đàn ông ở Thượng Hải đã hủy hoại thân thể đứa con gái với hy vọng rằng tình trạng què quặt của nó sẽ cho phép ông ta có thêm đứa con nữa, có thể là con trai. Ở Tân Cương, một người đàn ông bị xử tử hình về tội sát nhân: khi vợ ông ta có bầu lần thứ ba, chánh quyền địa phương áp dụng chính sách bắt ông nộp phạt. Sau hồi cãi cọ, ông ta đã nổi điên lên, đâm chết chủ tịch xã và hai người con trai, đâm vợ y trọng thương. Ở Sơn Tây, một bác sĩ cũng đã lãnh hai năm tù vì dám tháo vòng xoắn ngừa thai cho các bà, đã bị đặt vào tử cung ngay sau lần sanh thứ

nhất.

Năm ngoái, tờ Independent ở Anh đã đăng một bài ghi lại những câu chuyện thương tâm về vấn đề áp dụng kiểm soát sanh đẻ ở Trung Quốc. Tác giả có lẽ là một phụ nữ Trung Quốc, kể về một đêm bố ráp tại một ngôi làng nọ, những phụ nữ mang bầu gần ngày sinh nở bị kéo tuột ra khỏi nhà và bị buộc phải sanh non, những ngôi nhà bị giựt sập nếu chủ nhà chống đối, về cái gọi là "trung tâm phá thai" với những chiếc cầu tiêu đẫm máu, những thùng rác ngập đầy xác hài nhi, về số tiền thưởng 3000 nhân dân tệ cho người nào chịu phá thai. Bài báo đã khiến Ủy ban Kế hoạch hóa Gia đình phải mở cuộc điều tra. Phát ngôn viên của Ủy ban xác nhận cuộc điều tra nhưng y nói rằng đó là những biện pháp đối phó với nạn đẻ nhiều. Theo y, số tiền thưởng 3000 là vô lý, và y phủ nhận sự kiện Trung Quốc lập những "trung tâm phá thai."

Trung Quốc có 2000 huyện, mỗi huyện có 500,000 dân, nếu mỗi tỉnh chỉ xảy ra một trường hợp thi hành bạo lực như trên thì mỗi năm phải xảy ra 2000 trường hợp! Nói một cách chính thức, chủ yếu là thuyết phục và giáo dục. Bộ máy tuyên truyền của nhà nước luôn lập đi lập lại một luận điệu vững chắc rằng có con là hành vi phản xã hội, cũng như hút thuốc ở các nước phương Tây vậy.

Chính sách hạn chế sinh đẻ không kêu gọi sự tự nguyện cũng không cưỡng ép mà căn cứ trên sự khuyến khích hoặc chế tài về kinh tế. Thí dụ như một cặp vợ chồng có thể bị truất tên khỏi danh sách xin cấp nhà hoặc phải đóng tiền phạt nếu có hơn một đứa con. Tuy nhiên, những cải cách kinh tế trong 10 năm qua đã cho thấy có nhiều người có thể đủ sức đóng tiền phạt. Ngoài ra cũng có một số ngoại lệ. Những cặp vợ chồng ở thành phố được phép có đứa con thứ hai nếu đứa đầu bị tật nguyền và bệnh không có tính di truyền, nếu chồng hoặc vợ là con một hoặc người có một con kết hôn với người chưa có con, hoặc vợ chồng hiếm muộn đã nuôi con nuôi và sau đó người vợ có bầu.

Những sắc dân thiểu số được phép có hai con, nhưng thông thường họ "vượt chỉ tiêu nhà nước giao cho." Cuộc điều tra dân số năm 1990 cho thấy họ tăng 35% so với năm 1982. Ước vọng có con trai của người Trung Quốc đã dẫn đến sự mất thăng bằng về phái tính. Trong lứa tuổi lên 7, tỷ lệ trai so với gái là 130/100. Những đứa bé gái không-chờ-đợi, sau khi ra đời hoặc bị giết chết ngay lập tức hoặc bị cha mẹ bỏ rơi. Mỗi năm, có khoảng 100 bé gái bị bỏ rơi và được đưa vào cơ quan Bảo vệ Nhi đồng Bắc Kinh, nơi chăm sóc trẻ em tàn tật. Xét cho cùng, chúng cũng thuộc loại tàn tật: tàn tật về phái tính. Chúng không phải là con trai.

TRUNG TÂM SẢN PHỤ KHOA

CO D.L. PHAM M.D., Inc.

9637 BOLSA AVE,
WESTMINSTER, CA 92683
(714) 531-2091

VĂN PHÒNG CÓ TRANG BỊ MÁY FETAL MONITOR ULTRA SOUND TỐI TÂN ĐỂ THEO DÕI THAI KỲ

FOUNTAIN VALLEY MEDICAL PARK
11180 WARNER, STE # 159
FOUNTAIN VALLEY, CA 92708
(714) 549-0326

Bác Sĩ
PHẠM ĐĂNG LONG CƠ, M.D., F.A.C.O.G.

- Diplomate American Board of Obstertrics and Gynecology
- Tốt Nghiệp Chuyên Môn Sản Phụ Khoa Hoa Kỳ Tại Lomlinda University, School of Medicine California
- Giáo Sư Đại Học U.C. Irvine, OB-GYN Department

CHUYÊN TRỊ

- Các chứng rối loạn sinh lý
- Thăm thai và đích thân đỡ đẻ
- Nhận cho đẻ tự nhiên nếu kỳ trước đã bị mổ đẻ (Previous Cesarian)
- Bệnh hiếm muộn và giải phẫu chữa trị hiếm muộn, cấy tinh trùng, sinh trai hay gái theo ý muốn
- Kinh nguyệt bất thường, truy tầm và điều trị Ung thư vú, tử cung và buồng trứng
- Giải phẫu cột hoặc đốt ống dẫn trùng
- Giải phẫu Bướu, Sa tử cung và Buồng trứng
- Giải phẫu thẩm mỹ, sửa âm đạo

VĂN PHÒNG CÓ TRANG BỊ MÁY MÓC TỐI TÂN (LOW DOSE MAMMAGRAM) VÀ MÁY ULTRA SOUND ĐỂ QUÝ VỊ PHỤ NỮ TRUY TẦM VÀ ĐIỀU TRỊ UNG THƯ VÚ VÀ TỬ CUNG TRƯỚC KHI PHÁT HIỆN

GIỜ LÀM VIỆC
Thứ Hai đến thứ Sáu:
9:00 AM - 6:00 PM
Thứ Bảy: 9:00 AM - 2:00 PM

Bác Sĩ
BÙI THỊ LÃM THÚY, M.D.

CHUYÊN TRỊ

- Khám bệnh tổng quát phụ nữ
- Kinh nguyệt bất thường, bệnh huyết trắng
- Kế hoạch hóa gia đình
- Truy tầm ung thư vú và tử cung
- Thăm thai theo dõi thai kỳ
- Nhiễm trùng đường tiểu
- Huyết áp cao, nhức mỏi
- Nhức đầu, mất ngủ
- Thần kinh suy nhược, chán nản buồn phiền.

XIN KHÁM BỆNH THEO HẸN

VẤN ĐỀ TÌNH DỤC TRÊN BÌNH DIỆN TOÀN CẦU

Theo một báo cáo của Tổ Chức Y Tế Quốc Tế (World Health Organization, WHO) được công bố ngày 24 tháng Sáu vừa qua tại Geneva, giao cấu (sexual intercourse) đã xảy ra trên 100 triệu lần mỗi ngày, trên khắp thế giới và kết quả là đã có ngót một triệu vụ thụ thai và khoảng 350,000 vụ truyền nhiễm về bệnh tình.

Tổ chức nói trên đã công bố những con số lấy ra từ một tài liệu dày 170 trang, được mô tả là cuộc nghiên cứu quốc tế bao quát nhất, từ trước đến nay về y tế sinh sản. Bản nghiên cứu đã được thiết lập dựa trên những tin tức do nhiều viện y tế trên khắp thế giới cung cấp.

Theo bản nghiên cứu, đã có khoảng từ 36 đến 53 triệu vụ phá thai xảy ra trên khắp thế giới mỗi ngày. Con số những vụ phá thai bất hợp pháp từ 15 đến 22 triệu và đã có nhiều trường hợp thật nguy hiểm đến tánh mạng. Có khoảng 500 phụ nữ chết mỗi ngày trên thế giới vì các cuộc phá thai vụng về.

Bản tường trình cũng tính toán rằng khoảng 1/4 nhân dân thế giới sống trong những quốc gia mà phá thai bị cấm đoán. Hai mươi lăm quốc gia trong đó các đạo luật về phá thai được coi là cởi mở nhất mới chỉ gồm 40% nhân dân mà thôi.

Bản nghiên cứu cũng vạch rõ rằng những đạo luật tự do không nhất thiết khuyến khích các vụ phá thai. Điển hình về điểm này là tại Hòa Lan, tỷ lệ phá thai rất thấp. Trái với điều mà nhiều người tin tưởng, đa số những phụ nữ muốn phá thai lại là những người đã có gia đình hay đã có những mối liên hệ vợ chồng vững chắc và có nhiều con cái.

Theo một báo cáo của tổ chức "Y Tế Sinh Sản, bí quyết dẫn tới một tương lai xán lạn hơn" (Reproductive Health, a Key to a Brighter Future), việc sử dụng thuốc ngừa thai trong mấy thập niên vừa qua đã tăng gia mau lẹ, nhờ đó người phụ nữ có thể kiểm soát được cơ thể cũng như đời sống của họ.

Ngoài ra, bản báo cáo còn cho biết có khoảng 381 triệu người đã sử dụng thuốc ngừa thai tại các quốc gia thuộc Thế Giới Đệ Tam trong những năm từ 1985 đến 1990, từ 1960 đến 1965 chỉ hơn 31 triệu.

Tổ chức WHO cho biết, thuốc ngừa thai được sử dụng trong 70% tất cả những cuộc "làm tình".

Phụ nữ trong các quốc gia đang mở mang đã có trung bình là 3.9 đứa con trong thời kỳ từ 1985 đến 1990, so với 6.1 trong khoảng thời gian từ 1965 đến 1970.

Bác sĩ Fathalla cho biết con số 1 triệu vụ thụ thai được tính từ các dữ kiện y tế về số trẻ sinh ra còn sống trên khắp thế giới, con số 100 triệu vụ giao cấu được tính dựa trên một tỷ lệ kết tinh có hiệu quả (fecundity ratio) 1 trên 100 xuất phát từ những bản thống kê đã được chấp nhận từ lâu và bao gồm cả những vụ giao cấu trong đó có đương sự đã sử dụng thuốc ngừa thai.

Bản báo cáo cũng cho biết hình thức ngừa thai rộng lớn nhất là làm cho người phụ nữ tuyệt sinh (không sinh sản được). Hình thức này lên tới 26% những phương thức ngừa thai. Theo sau đó là phương thức tuyệt sinh dành cho nam giới là 19%, trong khi loại thuốc ngừa thai uống chỉ có 15%.

Tại các quốc gia kỹ nghệ, việc sử dụng bọc cao su (condoms) cao hơn tại Thế Giới Đệ Tam rất nhiều. Bọc cao su rất thịnh hành tại Nhật Bổn và số này bằng 70% của tất cả những phương tiện ngừa thai.

Trên toàn thế giới, có tới 300 triệu cặp vợ chồng chưa hiểu biết gì về kế hoạch gia đình và trong số 910,000 trường hợp thụ thai xảy ra mỗi ngày, khoảng phân nửa đã không được dự trù trước. Người Phi Châu trong vùng Hạ - Saraha là những người biết ít nhất đến các dịch vụ kế hoạch gia đình.

Tuyệt sinh có thể do nguyên nhân vì các bệnh phong tình, vì không có triệu chứng rõ rệt, nên tại các quốc gia đang mở mang thường không được điều trị. Trên khắp thế giới, mỗi năm có tới 250 triệu vụ bệnh tật do "sex" truyền nhiễm sang.

Bản báo cáo cũng ước tính rằng trên khắp thế giới, có tới trên 60 triệu cặp vợ chồng không có con.

NGUYỄN HỮU
(Theo tài liệu của *Chronicle Wire Services*)

NHÂN VIỆT NAM THÀNH LẬP KHU CHẾ XUẤT SAIGON

TÌM HIỂU SỰ HÌNH THÀNH, PHÁT TRIỂN, VÀ ẢNH HƯỞNG CỦA ĐẶC KHU KINH TẾ TẠI TRUNG QUỐC

TRÙNG DƯƠNG NGUYỄN THỊ THÁI

Việt Nam tuyên bố thành lập khu chế xuất Sài Gòn

Vào thượng tuần tháng Năm năm 1991, một phái đoàn Việt Nam Cộng Sản (VNCS) gồm 13 người do Nguyễn Công Ái cầm đầu họp báo tại Câu Lạc Bộ Báo Chí Ngoại Quốc ở Vọng Các tuyên bố chương trình thiết lập khu chế xuất (KCX) đầu tiên tại Việt Nam. Dự án thiết lập khu chế xuất này được phổ biến tới giới đầu tư ngoại quốc dưới danh xưng "Sài Gòn Export Processing Zone", gọi tắt là SEPZONE, là một khu vực chuyên sản xuất hàng hóa (manufacturing) để xuất cảng.

"Khu chế xuất Sài Gòn tọa lạc tại một nơi rất thuận tiện cho vấn đề vận chuyển: nó nằm trên vòng đai xa lộ thành phố dẫn tới một nhà ga tên gọi Sóng Thần (?), chỉ cách Quốc Lộ 1, trục lộ chính Bắc Nam của quốc gia, có hai cây số", bản thông cáo phổ biến tại Câu Lạc Bộ Báo Chí Ngoại Quốc và được tờ *Bangkok Post* tường thuật trong số báo ra ngày 10 tháng Năm 1991.

"Khu chế xuất Sài Gòn sẽ có đường dẫn tới một hải cảng mới tên gọi là hải cảng Sài Gòn cách đó 14.5 cây số và tới hải cảng Bến Nghé cách đó 22 cây số. Trong khi đó phi trường Tân Sơn Nhất ở cách khu này 25 cây số", tờ *Post* cho biết. Theo đó, giới đầu tư ngoại quốc cũng sẽ được phép khai thác 1,000 mẫu đất tại vùng Cát Lái. Vùng này cũng sẽ được nối liền với KCX Sài Gòn bằng một hệ thống đường sá trong tương lai.

Phái đoàn VNCS cũng cho biết là một kế hoạch cung cấp điện lực sẽ được thực hiện nằm trong hệ thống chính của quốc gia nhằm bảo đảm nguồn điện không bị gián đoạn. Đồng thời một hệ thống dẫn thủy có khả năng cung cấp tới 10,000 mét khối nước mỗi ngày cũng sẽ được thiết lập vào khoảng hai cây số cách khu chế xuất Sài Gòn. Phái đoàn VNCS cũng cho biết là ngoài hệ thống điện thoại viễn liên và bưu điện, một hệ thống vibaowave cũng sẽ được thiết lập nối liền KCX Sài Gòn với tổng đài tại thành phố Sài Gòn nhằm bảo đảm việc vận chuyển tin tức.

Giới đầu tư ngoại quốc chỉ có thể thuê đất đai với một thời khoảng là 50 năm, có thể trả bằng hai cách: hoặc trả một lúc hoặc trả mỗi năm. Giá thuê nếu có tăng sẽ không quá 10 phần trăm mỗi năm. Phái đoàn VNCS cũng nhấn mạnh là KCX Sài Gòn chỉ chấp nhận cho đầu tư vào những kỹ nghệ không ô nhiễm, đòi hỏi nhiều nhân công, kỹ thuật và đồ trang bị tân tiến (high technology and equipment), và sử dụng tài nguyên bản xứ. Giới đầu tư ngoại quốc có thể hoặc hợp doanh với thương gia địa phương, hoặc đầu tư khai thác với 100 phần trăm vốn liếng của họ và tự làm chủ lấy.

Một số những ưu đãi dành cho giới đầu tư ngoại quốc mà phái đoàn VNCS đưa ra để chiêu dụ giới tư bản gồm những hứa hẹn sẽ không tịch thu và quốc hữu hóa các xí nghiệp do vốn ngoại quốc đầu tư khai thác; nền hành chánh nhậm lẹ và thuận tiện; thủ tục đơn giản và nhanh chóng trong các vấn đề nhập cư, nhập cảng và xuất cảng hàng hóa, quan thuế, nhập cảng nhiên liệu, đồ phụ tùng để dùng vào việc sản xuất sẽ không bị thuế; xuất cảng hàng hóa đã hoàn tất không bị thuế; tiền lời của công ty không bị thuế hoặc giảm thuế; điều kiện đặc biệt dành cho thuế đánh trên tiền

lời chuyển ra ngoài; tự do tuyển dụng và thuê mướn nhân công; và những ưu đãi đã được các khu chế xuất khác trên thế giới sử dụng để lôi cuốn giới đầu tư quốc tế.

Theo một chuyên viên kinh tế trước của Việt Nam Cộng Hòa (VNCH) nay cố vấn chính quyền cộng sản trong việc thành lập KCX Sài Gòn với tư cách Việt kiều thì KCX này sẽ được thành lập tại chính nơi (Tân Thuận Đông, Huyện Nhà Bè) mà trước kia, vào năm 1974, chính phủ VNCH đã xúc tiến thành lập, đã xây cất một số cơ sở, song phải ngưng vì biến cố 30 tháng Tư, 1975.

Cho tới nay, giữa năm 1992, kể từ khi phái đoàn VNCS họp báo tại Vọng Các tháng Năm 1991, không rõ kế hoạch thành lập KCX Sài Gòn đã tới đâu, có lẽ là vẫn dậm chân tại chỗ, như hầu hết những kế hoạch phát triển kinh tế khác của chế độ Hà Nội, vì chánh sách phong tỏa kinh tế của Hoa Kỳ một phần, và vì nhu cầu bám víu vào quyền lực và chủ nghĩa cộng sản đã lỗi thời của giới cầm quyền Việt Nam một phần khác.

Nếu việc thành lập KCX tại những quốc gia không cộng sản mà còn gây nên những ảnh hưởng bất lợi về xã hội và có thể cả về kinh tế một khi giới đầu tư ngoại quốc rút đi vì nơi khác cung cấp những ưu đãi đặc biệt hơn (xin xem phần trình bày bên dưới, "Khu chế xuất: một kiểu mẫu phát triển kinh tế"), việc thành lập những khu tương tự tại những nước cộng sản còn có những ảnh hưởng bất lợi về phương diện chính trị -- loại ảnh hưởng mà Trung Quốc đang phải chống đỡ và có nhiều triển vọng thất bại.

Mục đích của bài viết này là nhằm giúp độc giả Việt trong và ngoài nước hiểu thế nào là khu chế xuất nói chung và đặc khu kinh tế (ĐKKT) của Trung Quốc nói riêng, cũng như những thành quả đã đạt được của ĐKKT và những vấn đề Bắc Kinh đang phải đương đầu do ảnh hưởng của những ĐKKT này tạo ra.

Khu chế xuất: một kiểu mẫu phát triển kinh tế

Khu chế xuất, còn được gọi là khu mậu dịch tự do (Free trade zone), đầu tiên được thành lập tại Phi trường Quốc tế Shannon của Ái Nhĩ Lan (ANL) vào năm 1956. Do nhu cầu cần ngoại tệ để cứu vãn tình trạng kinh tế khủng hoảng, ANL thiết lập một KCX chuyên về sản xuất hàng hóa để xuất cảng nhằm thu ngoại tệ để tài trợ những chương trình phát triển khác. Để lôi cuốn giới kinh doanh trong và ngoài nước đổ vốn thiết lập những cơ sở sản xuất tại KCX, ANL cung cấp những điều kiện đầu tư dễ dãi. Sự thành công của KCX Shannon đã lôi kéo sự chú ý của nhiều quốc gia đang mở mang lúc bấy giờ. Tại Á Châu, Nam Hàn và Đài Loan là hai nước đi tiên phong trong việc áp dụng kiểu mẫu KCX và đã thành công, lôi cuốn các quốc gia khác tại Á Châu thi đua thiết lập các KCX tương tự. Vào năm 1980, hơn 80 KCX đã được thiết lập tại khoảng 30 quốc gia với khoảng 40 khu tương tự đang ở trong thời kỳ xây cất và trang bị. Khoảng trên nửa số KCX đang hoạt động nằm trong khu vực Á Châu.

Theo Richard S. Thomas, tác giả cuốn biên khảo nhan đề *Freeports and Free Trade Zones* (1956), KCX, hoặc khu mậu dịch tự do, là "một khu vực biệt lập và có kiểm soát, được thiết lập tại một hải cảng hoặc kề cận một hải cảng, không dân cư, được trang bị với những hạ tầng cơ sở cần thiết cho việc cất, tháo gỡ và chuyển vận hàng hóa, với trạm cung cấp nhiên liệu và bến đậu cho tầu thuyền, kho chứa hàng hóa, và đường bộ cũng như đường thủy để vận chuyển hàng hóa; một khu vực tại đó hàng hóa được tiếp nhận, tồn trữ, chế biến vô thùng và xuất cảng mà không phải trả thuế và chịu sự kiểm soát của quan thuế".

Tóm lại, một KCX đúng nghĩa có năm đặc tính chung. Trước hết, KCX được khai triển dựa trên nền kinh tế thị trường. Thứ hai, KCX đòi hỏi chính quyền của quốc gia tại đó nó được thành lập một số vốn đầu tư đáng kể để thiết lập những cơ sở hạ tầng như đường sá, cầu cống, trụ sở, điện nước, v.v..., và chuyên về sản xuất hàng hóa để xuất cảng, đặc biệt là những KCX được thành lập tại Á Châu. Thứ ba, vì nhằm vào việc sản xuất cho thị trường tiêu thụ quốc tế, KCX thường cung ứng nhiều đặc ân đầu tư để lôi cuốn tư bản ngoại quốc. Do đấy, đặc tính thứ tư của KCX là lôi cuốn giới đầu tư ngoại quốc, kiếm ngoại tệ, và cung cấp công ăn việc làm cho nhân công bản xứ. Và cuối cùng, KCX còn là nơi để du nhập kỹ thuật đặng dùng vào việc đẩy mạnh hơn nữa công cuộc phát triển kinh tế địa phương.

Tại Á Châu, những KCX đầu tiên được thành lập vào cuối thập niên 1960 và đầu thập niên 1970 tại Nam Hàn và Đài Loan như một kế hoạch "phát triển kinh tế bằng xuất cảng" (export-oriented development strategy) để thay thế cho chính sách "sản xuất hàng hóa tiêu dùng thay vì nhập cảng" (import-substitute policy) đã trở nên mất hiệu quả (2). Một số trong những KCX đầu tiên này tại Á Châu đã thành công, khiến cho nhiều quốc gia khác trong vùng cũng noi theo. Chẳng bao lâu Mã Lai thiết lập hết KCX này tới KCX khác, tổng cộng cả thảy tới bảy KCX, từ 1971 tới 1977. Phi Luật Tân lập KCX đầu tiên vào năm 1972, rồi lập thêm hai khu nữa vào năm 1979. Trong khi đó, vào năm 1978 Nam Dương biến nguyên hòn đảo Batam rộng tới 160 dặm vuông đối diện với Singapore ở phía bắc, thành một KCX, sau khi đã thành lập một KCX tại Jakarta năm năm

trước đó. Thái Lan cũng thành lập một KCX vào năm 1980. Ấn Độ mở một KCX từ năm 1965, song không thành công. Sự thất bại của Ấn Độ không hề làm Tích Lan kế cận nản lòng. Tích Lan dự trù thành lập ba KCX vào năm 1973, tuy nhiên chỉ có một khu là hoạt động, với chỉ có 39 trong số 158 dự án kinh doanh là thực sự hoạt động.

Vốn đầu tư vào việc thiết lập KCX rất cao, đã vậy không phải KCX nào cũng thành công như các KCX của Nam Hàn và Đài Loan (trong riêng thập niên 1970, số ngoại tệ của Đài Loan thu từ mấy KCX chiếm nửa số ngoại tệ thu nhập từ các dịch vụ xuất cảng khác; trong khi Đại Hàn thu về khoảng 848 triệu Mỹ Kim cũng vào khoảng thời gian đó). Chẳng hạn như các KCX tại Penang của Mã Lai được thành lập với tổng cộng 350 triệu Mỹ Kim, tổng số nhân công được mướn là 55,000 người, tính trung bình chính phủ Mã đã phải tiêu mất 6,000 MK để tạo nên một việc làm. KCX Bataan tại Phi Luật Tân được xây cất với ngân khoản 88 triệu MK nhưng chỉ tạo được 6,200 việc làm vào năm 1975, tính ra mỗi một việc làm được tạo ra với giá là 14,000 MK. Trong khi đó, KCX Masan của Đại Hàn tốn 118 triệu MK để xây cất và đã đẻ ra 30,000 việc làm, mỗi việc làm như vậy tốn 5,000 MK.

Chưa kể những kỹ thuật được nhập cảng vào các KCX thường là những kỹ thuật thấp kém, đòi hỏi nhiều nhân công, như là áo quần và vải vóc, chế biến thực phẩm, đồ chơi và tiểu công nghệ, cùng ráp nối các dụng cụ điện tử, là những loại kỹ thuật không giúp ích bao nhiêu trong việc phát triển nền kỹ nghệ địa phương. Không những thế, các KCX có khuynh hướng tạo nên "một quốc gia trong một quốc gia" là nơi các nhà đầu tư ngoại quốc được hưởng những biệt đãi mà các xí nghiệp bản xứ không được hưởng. Đã vậy, đa số doanh nhân ngoại quốc vốn chỉ quan tâm đến làm lợi, ít khi chịu quan tâm đến những gì có thể xảy ra cho nền kinh tế địa phương và số phận của giới công nhân. Đây là một vấn đề mà những KCX lớn có thể phải đương đầu bởi vì khi một KCX cỡ lớn được thành lập, nó thường thu hút lao động quanh vùng. Nhiều nông dân bỏ đất đai xin làm việc tại các hãng xưởng trong KCX. Dần dà, cả một vùng bị lệ thuộc vào KCX. Khi các hãng ngoại quốc rút lui vì có KCX khác mới thành lập cung cấp nhiều biệt đãi hơn, nền kinh tế của cả vùng có thể bị ảnh hưởng trầm trọng vì đám công nhân bỗng bị thất nghiệp. Đấy là chưa kể những ngược đãi mà đám nhân công, với đa số là những thiếu nữ còn rất trẻ, phải chịu đựng mà một số tài liệu đã đề cập tới.

Khi các viên chức tỉnh Quảng Đông nghiên cứu về kiểu mẫu KCX, họ dường như đã chỉ chú ý đến những KCX thành công của Đài Loan vì những tài liệu có sẵn bằng tiếng Trung Hoa. Quả vậy, ba KCX của Đài Loan xem ra đã đạt được những mục tiêu phát triển kinh tế. Trong năm năm đầu sau khi thành lập, các KCX Cao Hùng, Nam Tư và Đài Trung tại Đài Loan đã lôi cuốn đầu tư trực tiếp của ngoại quốc ngang bằng khoản tiền 12 triệu MK chính quyền đầu tư vào việc xây cất từ năm 1965 tới 1970. Vào năm 1980 có cả thảy 293 hãng ngoại quốc đầu tư khoảng 300 triệu MK, 13 lần hơn số vốn do chính quyền đổ vào để xây cất các cơ sở hạ tầng. Thêm vào đó, những KCX này đã đem về cho Đài Loan một số ngoại tệ trị giá 2.6 tỉ MK từ năm 1966 tới 1980 sau khi đã trừ đi những tốn kém tại địa phương và trị giá đồ nhập cảng. Trong khi đó, 81,000 nhân công Đài Loan làm việc tại các KCX, chiếm vào khoảng 2.9 phần trăm khối lao động kỹ nghệ toàn quốc.

Mặc dù những khó khăn trong vấn đề du nhập kỹ thuật và những ảnh hưởng bất lợi về phương diện xã hội tại Đài Loan cũng như các quốc gia có thiết lập KCX, điều khiến các viên chức tỉnh Quảng Đông quan tâm là chính sách đẩy mạnh xuất cảng do Đài Loan chủ trương qua việc thành lập các KCX vào cuối thập niên 1960 và thập niên 1980 đã đưa đến sự phồn thịnh chưa từng thấy trước kia tại hòn đảo về phía Đông Nam Trung Hoa Lục Địa.

Quan niệm của người Trung Hoa về trinh tiết của phụ nữ

Một cuộc nghiên cứu về tình dục trong số những cặp vợ chồng sinh sống trong các vùng đô thị tại Trung Cộng cho thấy gần 3/4 những người được hỏi ý kiến, tin rằng trinh tiết là một "tài nguyên" quý giá nhất của người phụ nữ.

Tuy nhiên, chỉ có khoảng phân nửa đàn ông và trên 62% phụ nữ nói rằng con người không nên có "sex" trước hôn nhân.

Có khoảng 29% đàn ông và 23% đàn bà trong số 2,000 người được hỏi ý kiến, đã nhìn nhận rằng họ đã có những liên hệ tình dục ngoại hôn (extramarital sex). Hầu hết những người được phỏng vấn đều nghĩ rằng giáo dục sinh lý rất cần thiết tại lục địa Trung Hoa.

Trong nhiều cuộc nghiên cứu trước đây do một số các học giả Trung Hoa tổ chức cho thấy rằng những thái độ "thanh cao" đã thay đổi.

Một cuộc nghiên cứu do ông Liu Dalin của Trung Tâm Xã Hội Khảo Cứu về Sex tại Thượng Hải, tổ chức cho thấy rằng 86% dung thứ vấn đề sex trong giai đoạn tiền hôn nhân và 69% không phản đối những tình sự ngoại hôn. (Theo Reuters)

mặc dù Đài Loan đồng thời cũng đã phải chi tiêu nặng về quốc phòng. Không những tổng sản lượng quốc gia của Đài Loan đã tăng từ 8.3 phần trăm trong thập niên 1950 đến 9.1 phần trăm vào thập niên 1960, kế tiếp là 10 phần trăm và hơn thế nữa vào thập niên 1970, lợi tức mỗi đầu người đã tăng gấp năm lần tính tới năm 1983, với 3,000 MK, so với lợi tức mỗi đầu người của Hoa Lục là 335 MK. Vào đầu thập niên 1980, Đài Loan trở thành một trong những quốc gia kỹ nghệ hóa mới (Newly-industrialized countries) xếp ngang hàng với Nam Hàn, Hồng Kông, và Singapore, là những nước đã được nhiều sách biên khảo đề cập tới, phân tích sự thành công của họ và gọi họ là "những con rồng nhỏ". Đài Loan, vào năm Trung Quốc bắt đầu chính sách mở cửa vào năm 1979, đã sẵn sàng để chuyển sang phát triển về các ngành kỹ thuật tối tân (high technology) và dịch vụ.

Cũng như Hồng Kông, nơi mà kinh tế đã phát triển và mức sống gia tăng khiến lương nhân công cũng gia tăng và nhiều kỹ nghệ đã ngó quanh vùng tìm xem nơi nào nhân công còn rẻ để chuyển xí nghiệp tới đó đặng sản xuất còn có lợi, Đài Loan cũng đang tìm thứ thị trường lao động rẻ đó để tiếp tục sản xuất hàng hóa mà không phải trả lương nhân công cao cũng như tiền đất đai, công xưởng đắt đỏ. Việc tìm kiếm nhân công rẻ của cả Hồng Kông lẫn Đài Loan đã trùng hợp với việc các viên chức Trung Quốc tại miền Nam Trung Hoa ngóng ra ngoài tìm một kiểu mẫu phát triển và vốn đầu tư.

Từ khu chế xuất tới vùng kinh tế đặc biệt Trung Quốc

Vào năm 1979, sau khi thất bại trong chương trình hiện đại hóa Trung Hoa mà chỉ dựa vào khả năng và tài nguyên nội địa và sau nhiều vật lộn ý thức hệ, giới lãnh đạo Cộng Hòa Nhân Dân Trung Quốc quyết định mở cửa đón đầu tư ngoại quốc. Chính sách cởi mở chấm dứt thời kỳ Trung Quốc bế quan tỏa cảng kể từ khi thành lập chế độ cộng sản vào năm 1949. Mục tiêu của chính sách cởi mở là lôi cuốn đầu tư ngoại quốc vào Hoa Lục để từ đó học hỏi và du nhập kỹ thuật sản xuất và quản lý tân tiến để hiện đại hóa nông nghiệp, kỹ nghệ, khoa học và kỹ thuật, và quốc phòng -- một chương trình có tên gọi là Bốn Hiện Đại Hóa.

Trong khuôn khổ chính sách mới này, các chính quyền địa phương được hưởng một số quyền tự quyết trong việc phát triển kinh tế làm sao cho phù hợp với tài nguyên và nhu cầu địa phương. Đồng thời, các xí nghiệp quốc doanh cũng được khuyến khích hợp doanh với các nhà đầu tư ngoại quốc như đã được ấn định trong Luật của Cộng Hòa Nhân Dân Trung Quốc Về Hợp Doanh Giữa Người Trung Hoa và Ngoại Quốc được ban hành vào ngày 1 tháng Bảy, 1979, để học hỏi kỹ thuật tân tiến và lề lối quản trị tây phương. Vào giữa thập niên 1980, ngay cả xí nghiệp hoàn toàn do ngoại kiều làm chủ cũng được phép thiết lập tại một vài nơi tại Hoa Lục như được ấn định trong luật về Những Xí Nghiệp Hoàn Toàn Do Ngoại Kiều Làm Chủ, ban hành vào ngày 12 tháng Tư, 1986.

Lợi dụng chính sách cởi mở của Bắc Kinh, vào cuối thập niên 1970 các viên chức thuộc Bộ Vận Tải của tỉnh Quảng Đông đưa ra sáng kiến thiết lập một KCX tại hải cảng Shekou thuộc tỉnh Quảng Đông nằm về phía Tây Bắc của New Territories của Hồng Kông. Mục đích là để khai thác nguồn đầu tư và tài nguyên của Hồng Kông và Macao nằm về phía Tây Nam của hải cảng Shekou vốn đã có sẵn những tiện nghi cần thiết.

Tuy nhiên, khi dự án KCX Shekou được trình lên giới lãnh đạo tỉnh, nó được khai triển rộng ra vì các viên chức tỉnh muốn đề nghị lên Bắc Kinh xin cho toàn tỉnh Quảng Đông được hưởng chế độ biệt đãi để phát triển kinh tế, viện lý lẽ là Quảng Đông nằm ở một vị trí thuận lợi và dân chúng trong tỉnh lại có liên hệ với nhiều người đồng hương đã ăn nên làm ra tại Hồng Kông và Macao cũng như ở hải ngoại, chắc chắn thế nào cũng lôi cuốn được một số đầu tư ngoại quốc đáng kể. Đề án đó được đệ trình thẳng lên Đặng Tiểu Bình vào tháng Tư năm 1979. Họ Đặng thỏa thuận, nhưng chỉ cho phép thành lập những "vùng đặc biệt" giống như của Đài Loan. Vào tháng Bảy cùng năm, sau khi một phái đoàn Bắc Kinh về Quảng Đông điều tra, Bắc Kinh chính thức cho phép hai tỉnh Quảng Đông và Phúc Kiến được thiết lập những "vùng sản xuất đặc biệt" tại Thẩm Quyến (với một diện tích lớn nhất trong tất cả các vùng được hưởng đặc ân phát triển mà không chịu sự kiểm soát trực tiếp của Bắc Kinh, nằm sát biên giới phía bắc Hồng Kông, chỉ mất vào khoảng nửa giờ xe điện), Chu Hải (sát biên giới Macao), và Sơn Đầu (tây bắc của Thẩm Quyến) trong tỉnh Quảng Đông, và Hạ Môn thuộc tỉnh Phúc Kiến (nằm đối diện với Đài Loan).

Tên đặc khu kinh tế chỉ bắt đầu được sử dụng vào tháng Chín năm 1979 để phân biệt đây là những vùng được thiết lập hoàn toàn vì nhu cầu kinh tế, chứ không có tính cách chính trị. (Có lẽ Trung Quốc đã không để ý tới kinh nghiệm của những nước quanh vùng, đặc biệt trường hợp Nam Hàn: khi kinh tế phát triển, mức sống cao, con người ta mới thảnh thơi để bắt đầu đòi hỏi những đặc quyền chính trị. Để trấn an lương tâm, các ủy viên chính trị tỉnh Quảng Đông phải lục tìm trong những bài vở của Lê Nin, cha đẻ của nguyên Liên Bang Xô Viết, và cũng để giúp cho cán bộ dễ ăn nói với dân chúng. Họ moi ra

được trong đống tài liệu do Lê Nin soạn cái gọi là Chính Sách Kinh Tế Mới áp dụng vào đầu thập niên 1920 nhằm lợi dụng tư bản tây phương để củng cố chế độ cộng sản. Những tranh biện có tính cách ý thức hệ này trở thành gay go khi những tệ trạng nảy sinh do sự hiện diện của những ĐKKT, như tham nhũng, buôn lậu hàng hóa tại Thẩm Quyến để đưa vào nội địa bán chợ đen. Đã có lúc sự sống còn của kiểu mẫu ĐKKT đã bị trực tiếp đe dọa vì những phản đối của phe bảo thủ.

Mãi tới giữa thập niên 1980 cuộc đụng độ giữa giới thủ cựu và thành phần ủng hộ cải cách kinh tế với chủ trương duy trì và phát triển các ĐKKT mới tạm ngưng khi Đặng Tiểu Bình tuyên bố trong dịp tham quan ĐKKT Thẩm Quyến và Chu Hải là bốn ĐKKT tại tỉnh Quảng Đông và Phúc Kiến là tượng trưng của "bốn cửa sổ" mở ra thế giới bên ngoài để thu thập kinh nghiệm (đã hẳn là cả ngoại tệ) để giúp cho công cuộc xây dựng nền xã hội chủ nghĩa kiểu Trung Hoa. Sự thừa nhận tính cách quan trọng của các ĐKKT của họ Đặng đã hàm ý là việc thành lập các ĐKKT là đúng với đường lối Bắc Kinh.

Trong bốn ĐKKT được thiết lập từ năm 1979 và ĐKKT thứ năm được thiết lập trên toàn đảo Hải Nam vào năm 1988, công trình xây dựng ĐKKT Thẩm Quyến là tốn kém nhất vì lớn nhất và nhiều tham vọng hơn cả, mất tổng cộng 7.63 tỉ nguyên (nguyên là đơn vị tiền tệ của Trung Quốc, tính ra, theo thời giá vào năm 1990, cứ 5.2 nguyên trị giá một Mỹ Kim. Thời giá vào cuối thập niên 1970 và đầu 1980 dường như cao hơn). Tiền đầu tư vào công tác xây dựng hạ tầng cơ sở cho ĐKKT Thẩm Quyến là do tiền đóng góp của chính quyền tỉnh Quảng Đông một phần, phần khác là của các bộ phận chính quyền các tỉnh khác. Riêng Bắc Kinh đã tài trợ khoảng nửa số tiền để thiết lập ĐKKT Thẩm Quyến. Sở dĩ các chính quyền địa phương đã đóng góp vào việc xây dựng Thẩm Quyến là để qua đó họ có thể gửi nhân viên, có khi cả xí nghiệp tới Thẩm Quyến để hợp doanh với Hoa Kiều và ngoại kiều để học hỏi và du nhập kỹ thuật sản xuất và quản trị tân tiến đặng đem về áp dụng tại địa phương của mình.

Trong khi đó, ĐKKT Chu Hải, nằm phía Bắc một Macao tài trợ bởi kỹ nghệ cờ bạc, nên nhắm vào kỹ nghệ du lịch, với một số kỹ nghệ sản xuất nhẹ. Sơn Đầu chuyên về cải cách và là thí điểm nông nghiệp và chăn nuôi. Hạ Môn tuy gần Đài Loan và chuyên về kỹ nghệ nhẹ, song vì Trung Quốc và Đài Loan chưa chính thức liên hệ, cho nên nhiều dịch vụ thương mại thường phải qua ngã Hồng Kông và Hải Nam, vì được thiết lập sau cùng và vì xa xôi, nên nhiều dự án lớn cho tới gần đây chỉ hiện diện trên giấy tờ vì không có vốn để thiết lập và trang bị hạ tầng cơ sở. Trường hợp của ĐKKT Hải Nam có lẽ cũng tương tự như của khu chế xuất Sài Gòn bây giờ, nghĩa là thiếu vốn để xây dựng hạ tầng cơ sở cần thiết, bên cạnh những cản trở chính trị, nội cũng như ngoại, đặc thù của Việt Nam.

Để lôi cuốn giới đầu tư ngoại quốc vào khai thác hoặc hợp doanh với các công ty Trung Quốc hoặc bỏ vốn 100 phần trăm tại các ĐKKT, những ưu đãi được đưa ra gồm có: thuế đánh trên tiền lời của công ty được ấn định là 15 phần trăm, thay vì là 33 phần trăm như trong lục địa, và miễn thuế này trong một số năm được ấn định tùy từng trường hợp đầu tư; tiền thuế đất và dịch vụ rẻ (so với Hồng Kông), và miễn cho những dự án đầu tư với kỹ thuật tân tiến mà không nhắm vào lấy lời; nhân công rẻ, mặc dù cao hơn tại những nơi khác trong nội địa và chưa chắc đã rẻ hơn so với một số các KCX khác trong vùng; được tự do hơn trong vấn đề quản trị nhân công hơn là trong nội địa; miễn thuế xuất cảng trên những hàng hóa tái xuất cảng; được phép bán một phần hàng hóa sản xuất trên thị trường nội địa và dùng tài nguyên chuyển ra từ trong nội địa, được phép mượn tiền bằng ngoại tệ tại Ngân Hàng Trung Quốc, được phép chuyển tiền lời sau khi trừ thuế ra ngoài qua nhà băng này hoặc những nhà băng ngoại quốc đã được phép hoạt động trong khuôn khổ luật định tại ĐKKT.

Đối với các chính quyền tại những ĐKKT, Bắc Kinh cho phép họ được hưởng những đặc quyền mà các tỉnh khác không có, như cho phép ngoại kiều được hưởng quyền làm chủ xí nghiệp của mình hoặc sở hữu cổ phần trong những xí nghiệp hợp doanh; quyền giữ lại 100 phần trăm số ngoại tệ thu hoạch được để dùng vào việc phát triển thêm thay vì phải nạp tới 80 phần trăm cho trung ương như tại những nơi khác; được quyền chấp thuận đầu tư ngoại quốc và sử dụng tín dụng ngân hàng để tài trợ những dự án đầu tư lên tới 30 đến 50 triệu Mỹ Kim; và được phép cải cách hệ thống điều hành nền kinh tế, kể cả việc hủy bỏ chương trình hoạch định kinh tế và để cho nguyên tắc thị trường chi phối, phân biệt giữa điều hành chính trị và điều hành kinh tế không để cho chính trị xen vào kinh tế, giảm sự kiểm soát trên những hoạt động kinh tế và giá cả; và thay thế nguyên tắc bình đẳng do Mao Trạch Đông chủ xướng qua những khẩu hiệu như "bát cơm bằng sắt" (nghĩa là không ai có thể đập bể) và "mọi người cùng ăn chung một nồi" (nghĩa là không ai được quyền hưởng thành quả kinh tế hơn ai) bằng khế ước mướn nhân công và hệ thống trả lương theo khả năng.

So với kiểu mẫu khu chế xuất, ĐKKT của Trung Quốc có nhiều khác biệt, mặc dù xuất thân từ kiểu mẫu trên. ĐKKT không hẳn chỉ sản xuất để xuất

cảng, mà còn bao gồm những sinh hoạt kinh tế khác như sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi, du lịch, xây cất, kể cả các khu gia cư, và có cả trung tâm dành cho việc nghiên cứu và phát triển. Ngoài ra, để lôi cuốn tư bản ngoại quốc vốn đầu tư vào Trung Hoa là để nhắm vào cái thị trường béo bở trên một tỉ nhân mạng, Bắc Kinh, giới chức Quảng Đông, cũng cho phép họ được bán một phần số hàng sản xuất tại các ĐKKT và Hoa Lục chiếm tới 70 phần trăm. Tình trạng đa số hàng hóa nhập nội thay vì xuất cảng đã được cải tổ đôi chút, khi Bắc Kinh ra lệnh các ĐKKT phải xuất cảng 60 phần trăm số hàng hóa sản xuất, số còn lại được phép cho bán trong nội địa.

Ảnh hưởng của đặc khu kinh tế tại Trung Quốc

Sự hiện diện của những ĐKKT đã đưa đến hậu quả là đời sống tại những vùng này cao vượt hẳn mức sống tại Hoa Lục. Chẳng hạn như vào năm 1989, tại ĐKKT Chu Hải, một ĐKKT nhỏ nhất trong số năm ĐKKT, mà lợi tức tính trên mỗi đầu người đã đạt tới 917 MK một năm, so với 245 MK lợi tức trung bình tại nội địa, như vậy là vượt cả chỉ tiêu 800 MK Đặng Tiểu Bình đặt ra cho toàn quốc vào năm 2000. Tại Thẩm Quyến, theo một cuộc nghiên cứu vào năm 1988, Thẩm Quyến đã đô thị hóa nhanh chóng chưa từng thấy: trong vòng chưa đầy 10 năm, dân số đã gia tăng tới bảy lần, từ loe ngoe có 5,000 chuyên về nông nghiệp lên tới cả trên 100,000, với số dân sống bằng nông nghiệp giảm từ một phần năm xuống một phần bảy và số người làm việc trong các xưởng sản xuất và dịch vụ tăng tới chín lần hơn. Trong khi đó, lợi tức mỗi đầu người tăng gấp ba trong vòng có bảy năm, và cao nhất so với các nơi khác, kể cả so với những ĐKKT khác. Tác giả của bài khảo cứu trên đã lạc quan cho rằng có thể đem áp dụng kiểu mẫu phát triển của Thẩm Quyến vào những vùng khác tại Trung Quốc để nâng cao mức sống của người dân. Tuy nhiên, vấn đề đặt ra là liệu các vùng khác có được cái địa thế thuận lợi kề cận với Hồng Kông như của Thẩm Quyến, cũng như vai trò tiên phong trong việc phát triển kinh tế, do đấy Thẩm Quyến được thừa hưởng những đặc ân và vốn liếng đầu tư vào hạ tầng cơ sở của trung ương cũng như các tỉnh khác để phát triển, những đặc ân giờ đã trở nên khan hiếm vì những tỉnh và thành phố khác đã ráo riết cạnh tranh với những ĐKKT này.

Quả vậy, tới giữa thập niên 1980, khi mà những ĐKKT vẫn còn đang trên đường phát triển, các vùng khác trong Hoa Lục, nhất là những tỉnh nằm dọc theo bờ biển phía đông, đã ráo riết đòi Bắc Kinh cho được hưởng những đặc quyền đặc lợi như các ĐKKT. Vào năm 1984 và 1985, Bắc Kinh tuyên bố thành lập 14 tỉnh và ba vùng đồng bằng phì nhiêu với một số những đặc ân kinh tế như của các ĐKKT. Rồi vì hàng năm có hàng triệu người Trung Hoa từ những tỉnh kém mở mang đã đòi Bắc Kinh cho hưởng những đặc quyền đặc lợi vốn chỉ những ĐKKT mới có và được phép tiếp xúc thẳng với các nhà đầu tư ngoại quốc thay vì phải đi qua trung ương. Orville Schell, trong cuốn "To Get Rich Is Glorious-China in the 80s" xuất bản vào năm 1985, đã mô tả khá linh động cảnh rộn ràng "trăm hoa (kinh tế) đua nở" để thu hút tư bản ngoại quốc của các thành phố, tỉnh và vùng như sau:

"Đột nhiên hầu như mỗi một thành phố tại Hoa Lục đều tổ chức các cuộc hội thảo đầu tư và mời giới thương gia khắp thế giới tới dự. Vào tháng Tư năm 1984, các viên chức tại thành phố Bắc Kinh tuyên bố là họ đang tìm 150 triệu Mỹ kim vốn ngoại quốc để phát triển 120 kỹ nghệ, hoặc hợp doanh với xí nghiệp bản xứ hoặc 100 phần trăm vốn ngoại kiều.

"Cũng trong cùng tháng, tỉnh Sơn Tây tổ chức một buổi

Giặt đồ không cần bột giặt

Một công ty tại Florida vừa chế tạo một máy giặt có thể giặt sạch quần áo, không phải dùng đến bột giặt mà chỉ dùng nước lạnh, rồi tái dụng (recycle) nước dơ này, thay vì xả đi.

Bí quyết của loại máy mới này là khí "ozone", một phân tử gồm ba nguyên tử ốc-xy. Khí "ozone" từ lâu nay đã được dùng để khử trùng nước, tẩy mùi hôi và diệt trùng để thực phẩm có thể giữ được lâu dài.

Ông Charles W. Pearsall, giám đốc công ty 03 Tech Inc. tại Fort Pierce, Florida cho biết, máy giặt được chế tạo để sử dụng đặc biệt tại các cơ sở có đông người như khách sạn, viện dưỡng lão và các trại giam. Hai hệ thống thương mại hiện đang hoạt động, một tại một khách sạn và một tại một nhà tù.

Một máy phát điện "ozone" bơm khí này vào trong nước đang được dùng để giặt đồ. Khí ozone phá vỡ các phân tử hữu cơ làm thành các chất dơ bẩn, giúp cho máy có thể dùng sức mạnh của nước để tẩy sạch đi. Chất nhơ được lọc ra khỏi nước, rồi nước được bơm lại trong thùng chứa trong máy để được dùng lại.

Ông Pearsall cho biết hệ thống cần nước lạnh hơn là nước nóng, vì những phân tử ozone sẽ ở trong nhiệt độ thấp lâu hơn trước khi tan rã. Nước có thể dùng lại hàng trăm lần mới cần phải thay nước mới. (Theo NYT)

hội thảo với các doanh nhân ngoại quốc trong đó một số giao kèo trị giá 20 triệu đã được ký kết với các hãng ngoại quốc. Vào tháng Sáu cùng năm, giới hữu trách tại tỉnh Hồ Bắc, một khu vực kỹ nghệ lớn nhất thuộc miền trung Trung Quốc, đã tổ chức một hội nghị tại Vũ Hán, thủ đô của Hồ Bắc, với sự tham dự của các thương gia ngoại quốc để mời họ bỏ vốn đầu tư vào cả trăm dự án địa phương. Hội nghị này là một trong những nỗ lực của Hồ Bắc để tìm một tỷ Mỹ kim đặng tài trợ chương trình hiện đại hóa khoảng 2,000 xí nghiệp then chốt trong vòng 15 năm tới.

"Ngay cả vùng tự trị xa xôi Ninh Hạ Hội, một vùng thiểu số thuộc tây bắc Trung Hoa bao vây bởi đất đai hơn là sông ngòi, mà cũng tuyên bố sẽ tổ chức một cuộc hội thảo quốc tế và rằng chính quyền địa phương sẽ miễn thuế đánh vào tiền lời cho tất cả các nhà đầu tư ngoại quốc trong năm năm đầu, tiếp theo là năm năm với 50 phần trăm thuế mà thôi".

Chính trong bối cảnh đó mà các ĐKKT mất dần tính chất đặc biệt, bị đặt vào thế không những một số quyền lợi đã bị tước đoạt, như phải nạp 80 phần trăm số ngoại tệ thu được cho trung ương, mà còn phải cạnh tranh với những vùng mới mở khác nơi mà nhiên liệu không những sẵn mà nhân công cũng còn rẻ hơn là nhân công ở những ĐKKT, nhất là tại Thẩm Quyến.

Do tình trạng kinh tế trăm hoa đua nở tại các địa phương ảnh hưởng bởi sự phát triển của những ĐKKT mà trung ương mất dần khả năng kiểm soát. Khi Bắc Kinh, để hoãn bớt nhịp độ phát triển thái quá cũng như nạn lạm phát mỗi lúc một gia tăng, đã áp dụng chính sách thắt lưng buộc bụng vào tháng Chín năm 1988. Kết quả của chính sách này là sự bất mãn trong dân chúng, mối lo ngại của giới sinh viên về tương lai của chính họ, bên cạnh sự tiếp xúc và tiêm nhiễm ảnh hưởng của những tư tưởng tự do du nhập vào Trung Hoa theo chân của giới doanh nhân ngoại quốc, tất cả đã đưa đến phong trào đòi dân chủ, với kết quả là vụ thảm sát tại quảng trường Thiên An Môn.

Những nỗ lực tập trung quyền bính của Bắc Kinh chỉ khiến cho các địa phương, vốn đã nếm phần nào mùi tự trị dù chỉ là tự trị về kinh tế, càng trở nên đề kháng hơn. Thêm vào đó là những thay đổi từ Đông Âu đã khiến cho các giới chức địa phương càng cố cầm cự, thủ lợi cho địa phương mình, trong khi chờ đợi một thay đổi lớn ở trung ương. Trước tình trạng đó, Bắc Kinh lúng túng trong thế tiến thoái lưỡng nan không biết phải đối phó làm sao, nhất là đối với sự hiện diện của những ĐKKT đang có khuynh hướng phát triển tự ý thay mặt chỉ thị của trung ương, mà nếu các ĐKKT tự tung tự tác thì các tỉnh, vùng khác cũng sẽ thừa nước đục thả câu để bảo vệ quyền lợi của địa phương mình. Tình trạng đó đã được chính một viên chức cao cấp trong Hoa Lục nhận định trong một bài báo ký bút hiệu Yan Shi đăng trên tờ *Far Eastern Economic Review* số ra ngày 27 tháng Mười Hai, 1990, trước khi Liên Xô sụp đổ.

"Một mặt, rõ ràng là Bắc Kinh không muốn áp dụng chính sách khắc nghiệt đối với nền kinh tế tại các ĐKKT, song một mặt khác, họ cũng không muốn những ĐKKT đi quá trớn vì sợ mất quyền kiểm soát và tạo một ảo tưởng là Bắc Kinh chấp nhận cởi mở tới mức đó. Bắc Kinh hiện ở trong một thế tiến thoái lưỡng nan: nếu họ chống lại một cách cứng ngắc những thay đổi, họ sợ sẽ trở thành một Nam Tư; thế nhưng nếu họ đẩy mạnh chương trình cải cách, họ có thể trở thành một Ba Lan. Đối với nhiều quan sát viên và thương gia ở Hồng Kông thì trừ phi những ĐKKT được trao cho quyền tự trị lớn hơn, tương lai kinh tế của chúng sẽ tàn lụi".

Kết luận

Khi Trung Quốc thiết lập những ĐKKT, họ tưởng sẽ có thể thu hẹp những ảnh hưởng ngoại lai vào những khu vực này, đồng thời dùng những ĐKKT như một hệ thống thu hút tư bản, kỹ thuật, lề lối quản trị tân tiến của ngoại quốc. Để bảo đảm chủ trương này, cũng như để ngăn hàng hóa sản xuất

The Company You Keep®

NEW YORK LIFE

Pascal Dung Gia Nguyen
Agent
New York Life Insurance Company
17330 Brookhurst St. #330
Fountain Valley, CA 92708
Bus. 714 962-4440 #21 Fax 714 964-0545
Pager 714 568-5006

Registered Representative
for NYLIFE Securities Inc.
1 City Blvd. West, #1121
Orange, CA 92668

The Company You Keep®

NEW YORK LIFE

Phạm Hồng Ngọc
Agent
Chuyên môn:
- Bảo Hiểm Nhân Thọ
- Bảo Hiểm Tàn Phế
- Bảo Hiểm Sức Khoẻ

New York Life Insurance Company
17330 Brookhurst Street, Suite 330
Fountain Valley, CA 92708
Bus. 714-962-4440 #16
Fax: 714-964-0545
Pager: 714-565-8853

tại Thẩm Quyến không lọt được vào Hoa Lục, vào năm 1982, 1983 một hàng rào cao dài tới 82 cây số đã được thiết lập giữa Thẩm Quyến và nội địa. Mặc dù vậy, sự phát triển kinh tế và mức sống cao của Thẩm Quyến đã khiến những tỉnh và vùng khác trong Hoa Lục ghen tương và đòi được hưởng những đặc quyền đặc lợi như của những ĐKKT. Bây giờ thì cả nước Trung Hoa đã mở bung, mỗi vùng theo đuổi quyền lợi riêng của mình, bất chấp nỗ lực của trung ương đòi tập trung quyền hành. Những biến cố tại Đông Âu và gần đây tại Liên Xô đã chỉ khiến các địa phương thêm cố thủ để chờ thời, vì biết sớm muộn gì Bắc Kinh cũng phải hoặc thay đổi hoặc sụp đổ khi những nhà lãnh đạo lớn tuổi cùng thế hệ với Đặng Tiểu Bình qua đời.

Chế độ cộng sản chỉ tồn tại như khi bế quan tỏa cảng. Khi đã mở cửa, dân chúng sẽ có dịp tiêm nhiễm ảnh hưởng từ bên ngoài và khi đời sống của họ ít bị bận rộn với việc làm sao có cái ăn, những đòi hỏi quyền lợi chính trị sẽ tiếp nối. Tại Việt Nam, khi miền Bắc được mở cửa cho nhìn thấy miền Nam, dù chiến tranh, song vẫn có vẻ thịnh vượng, thái độ dân miền Bắc đã đổi thay từ đó. Chính sách "đổi mới" cởi mở bắt đầu từ năm 1984 chỉ đưa sự thay đổi thái độ năm 1975 đi xa hơn khi người dân hai miền có dịp tiếp xúc với thế giới bên ngoài và được thấy những thành công của người Việt hải ngoại, để từ đó nhận ra rằng không phải tại dân tộc Việt kém mà tại chế độ chẳng ra chi. Nay Việt Nam dự tính thiết lập một khu chế xuất, người Việt hải ngoại nên cầu cho dự tính đó sớm thành công (mặc dù đào đâu ra tiền để xây dựng cơ sở hạ tầng cho KCX Sài Gòn lại là một vấn đề khác) vì như trường hợp ĐKKT của Trung Quốc, KCX Sài Gòn sẽ là nơi mà từ đó chế độ Hà Nội sẽ bị chôn vùi sớm hơn.

Chú thích:

(1) Bài viết này được rút ra từ luận án cao học "China's Special Economic Zones, 1980-1990; Development, Evolution, and Implication". Luận án này được thành hình là do chương trình học bổng Fulbright của Quốc hội Hoa Kỳ tài trợ vào năm 1990-91 tại Hồng Kông.

(2) Trong thời kỳ một số kỹ nghệ trong nước còn phôi thai và cần được nuôi dưỡng bảo bọc, nhiều quốc gia đang mở mang chủ trương chính sách "thay thế hàng nhập cảng" bằng cách cấm nhập cảng một số hàng hóa để tránh cho nền kỹ nghệ bản xứ khỏi bị đẩy vào thế phải cạnh tranh và thường là thua hàng ngoại hóa vốn phẩm chất cao. Chính sách này dần dần đến chỗ, vì không phải cạnh tranh với hàng ngoại hóa, các kỹ nghệ bản xứ cảm thấy không cần phải cải tiến, để tự rơi vào tình trạng làm lấy lệ, không còn bận tâm đến nhu cầu của giới tiêu thụ.

TRỤNG DƯƠNG
NGUYỄN THỊ THÁI

PHÒNG MẠCH BÁC SĨ

VƯƠNG ĐỨC HẬU M.D., F.A.C.O.G., INC.

DIPLOMATE AMERICAN BOARD OF OB & GYN

* *Bác Sĩ Chuyên Môn Sản Phụ Khoa Việt Nam Board Certified và hành nghề đầu tiên tại California*
* *Giáo sư Đại Học U.C. Irvine, OB-GYN Department*
* *Assistant Clinical Professor tại U.C.I. Medical Center, Khu Sản Phụ Khoa*

14536 BROOKHURST ST., PHÒNG 101 (GÓC HAZARD) WESTMINSTER, CA 92683

CHUYÊN MÔN CHỮA TRỊ

PHỤ KHOA
* Bệnh Đàn Bà - Huyết trắng - Khám bệnh tổng quát phụ nữ
* Kế hoạch hóa gia đình, cột hoặc đốt ống dẫn trứng.
* Sexual Dysfunction. Nhiễm trùng đường tiểu, đau khi có kinh nguyệt
* Kinh nguyệt bất thường, Chảy máu bất thường.
* Bệnh hiếm muộn và giải phẫu bằng tia Laser tối tân
* Giải phẫu bướu tử cung; Sa tử cung; Tử cung và buồng trứng
* Truy tầm ung thư vú
* Giải phẫu sửa nhỏ âm đạo theo ý muốn.

SẢN KHOA
* Đỡ đẻ và giải phẫu sanh đẻ
* Giải phẫu cột ống dẫn trứng sau khi sanh
* Văn phòng có trang bị máy Fetal Monitor Ultrasound tối tân để theo dõi thai nhi.

Điện Thoại
(714) 531-5505
XIN VUI LÒNG LẤY HẸN

NGƯỜI TÌNH KHÔNG CÓ THẬT

SEAN FRENCH

Tám năm trước, Marguerite Duras, nhà văn nữ Pháp, đã cho ra mắt một cuốn "tự truyện," kể lại lúc bà được biết mùi ân ái lần đầu, trong một bối cảnh Việt Nam đầy màu sắc, dưới thời Pháp thuộc sắp tàn.

Theo lời bà, thì năm lên mười lăm tuổi rưỡi, bà có "bắt bồ" với một "thanh niên" Tàu giàu có, 32 tuổi, khoảng một năm cho tới khi chàng bị cha bắt lấy vợ... xẩm.

Nếu đó là chuyện thật, điều mà tôi nghi ngờ, thì nó để minh chứng đời sống bắt chước nghệ thuật... dở. Cuốn phim của đạo diễn Jean-Jacques Arnaud, dựa trên truyện *Người Tình* của M. Duras, là một sản phẩm vô cùng lộng lẫy. Những thành tựu với hai phim đầu, "The Name of the Rose" (Tên của đóa hồng) và "The Bear" (Con gấu) đã giúp ông đòi được một ngân khoản khá lớn và phim ghi được phần ngoại cảnh ngay tại Sài Gòn và các vùng lân cận, kết quả đôi khi là những màn phim đẹp tuyệt, chẳng hạn như cảnh qua phà (bắc) trên sông Cửu Long: lồng trong một khung đơn độc là ba thành phần với chất liệu khác biệt nhau: màu xanh biếc nên thơ của cây cỏ miền hậu giang mầu mỡ, thân hình "măng non" của Jane March trong chiếc áo vải đơn sơ, và cái sườn xe nhà bóng loáng của người tình tương lai của cô.

Cuốn phim đầy ắp những hình ảnh chi tiết, nhờ bàn tay trìu mến của thu hình viên Robert Fraisse thu lượm vào ống kính, mặc dù vậy nó vẫn lơ lơ lửng lửng, không thực. "Người Tình" không phải là một cuốn phim nói về tính mơ mộng của tuổi niên thiếu, mà chỉ là giấc mơ thuần túy. Các sự việc trong phim không mang một ý nghĩa nào khác ngoài sự góp mặt, làm nền cho giấc mơ yêu đương táo bạo trong đầu người thiếu nữ. Cái nước Việt của ông tây Arnaud và bà đầm Duras chẳng phải là một nơi để có chiến tranh và những con người sinh sống bình thường, nó chỉ là tờ thực đơn của những miếng tình Á đông mộng tưởng. Người khách trú, do Tony Leung đóng, không phải là một nhân vật, mà chỉ là sự kết hợp các thứ được trưng ra để chứng minh cho sự hiện hữu: hộp đựng thuốc lá, cái "suit" trắng, chiếc xe nhà và thân hình xanh yếu của chàng.

Cái vật tình (hay một mớ những vật tình) đã được sùng bái tới mức tối đa chính là nữ tài tử Jane March trong vai "Cô Gái," từ đôi hài gấm, tới cái thân hình đồng nữ lõa thể của cô, đã được rọi đèn, sử dụng, thu hình đủ cách đủ kiểu mà trí óc con người có thể -- hoặc không thể -- tưởng tượng nổi, bởi lẽ những cái được cho thấy trên màn ảnh khó xui khiến người xem nghĩ tới chuyện mai hậu rất tầm thường là sự thụ thai. Cái thế giới của cơn mê tình ái này là thế giới không hậu quả, không có điều gì khác ngoài những thành phần đã tạo dựng ra nó, kể cả cái dở của phim, Jane March chưa có đủ kỹ thuật để đáp ứng với những câu đối thoại dài hơn một, hoặc hai tiếng, tuy nhiên ta có thể cho là nó thích hợp với vai tuồng của cô, mà nét chính là sự "non dại."

Không có khôi hài trong phim "Người Tình," không có sự hướng tới một thế giới bên ngoài nào khác hơn "giấc mơ nồng cháy giữa ban ngày" trong đầu của cô gái. Tôi nghĩ đây chỉ là một phim dâm, hiểu theo nghĩa thông thường của từ này, là nó nông cạn và... "hấp dẫn."

NĐT *dịch*

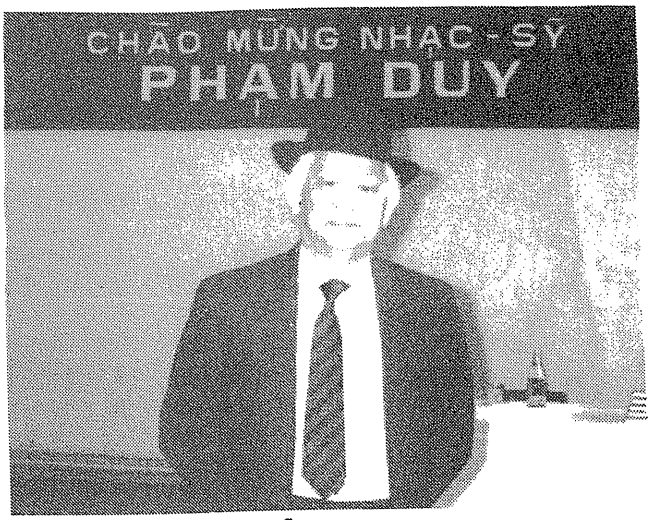

Phạm Duy trên đường lưu diễn.

PHẠM DUY: MAI SAU DÙ CÓ BAO GIỜ

NGÔ VĂN NAM
(Nhật Bản)

Mai sau dù có bao giờ
Đốt lò hương ấy so tơ phím này

Một vài câu Kiều để khẽ ngâm trong những khi tâm hồn cao hứng, có lẽ là lối tiêu khiển kín đáo của đông đảo dân ta kể từ khi tác phẩm của Nguyễn Du ra đời, đó là chưa kể đến Bói Kiều, Ru Kiều, tán tỉnh, châm chọc nhau cũng bằng Kiều. Bài Đoạn Trường của Nguyễn Du là một di sản không thể nào phai trong ký ức dân tộc.

Những thập niên gần đây, do ảnh hưởng của Tây phương, thơ ca ào ạt biến dạng, giải trí âm nhạc ra đời dần dần lấn át vai trò của những câu vè câu đối, những điệu hò lơi lả. Phạm Duy đã có mặt ngay sau buổi giao thời này, để trở thành người tiền phong của tân nhạc Việt Nam. Tuy nhiên, chúng ta vẫn luôn luôn tìm thấy từ nhạc tính mới mẻ và sáng tạo của ông tràn đầy những đường nét trữ tình dân tộc; Ân hay hiện, cố tình hay tự nhiên, dầu ở trạng thái nào, nhạc ông luôn duyên dáng, để lại âm hưởng sâu đậm trong lòng người. Và có thể nói rằng 50 năm trở lại đây, thay vì một vài câu Kiều, đã bắt đầu những thế hệ hát lên từ đồng lúa, nương dâu, bưng biền hay biển cả những câu ca phần nhiều do Phạm Duy sáng tác. Nhạc ông lần hồi mà nhanh chóng tạo nên kỷ niệm cho rất đông đôi lứa, cho hầu hết con người, từ vị trí của một hiện tượng tài năng đặc biệt lúc đầu đời, ông đã trở thành biểu tượng sáng chói cho nền tân nhạc nửa thế kỷ vừa qua. Nêu lên ví dụ của Nguyễn Du, người viết không có ý định so sánh, chỉ muốn nhấn mạnh rằng: *tác phẩm nào gần gũi và vinh danh được tình tự dân tộc mới hằng sống và bất hủ.*

Phạm Duy còn là người đã bền bỉ với nghệ thuật trong một giai đoạn đầy biến động của đất nước. Ông may mắn chăng? Chỉ có chính Phạm Duy mới đủ thẩm quyền trả lời. Nhưng chắc chắn nhất, được nghe nhạc ông là một hạnh phúc. Bởi những rung động có được từ tác phẩm, chẳng phải tìm kiếm xa xôi, vẫn luôn luôn phảng phất một chân

dung nào đó của thời đại, hoặc ít ra đó là đề tài đang gây chấn động trong dư luận. Trên mọi hướng sáng tác, ông có mặt, xung kích, và làm nên những tác phẩm điển hình. Cũng có khi, thoát lách ra khỏi hấp lực của cuộc đời, chỉ thuần túy bằng cảm tính, nhạc ông vẫn tạo nên cảm thông và sự chia sẻ "hữu tình" nào đó với thính giả.

Phạm Duy gần với người nghe, *khóc cười theo vận nước nổi trôi* có lẽ còn do tính chất khốc liệt của thời đại. Một khi mà tâm hồn ít được dịp trống trải, thảnh thơi lâu dài để ngập sâu trong những ảo tưởng, huyền hoặc như sự tha hóa của nghệ thuật Tây phương. Con người luôn phải đối diện với thực tế, người nghệ sĩ cũng phải từ chân đứng của cuộc đời để tạo những thăng hoa qua tác phẩm. Đạn bom, hầm hố, tham tàn, vô minh... dồn dập trên đất nước điêu linh, có lẽ là lý do để ông đã không đủ thời giờ cho những bài giao hưởng diễn tả ý tứ được bay bổng hơn.

Bây giờ là lúc Phạm Duy trầm mình, lội ngược về những xa xưa của dân tộc, của đời ông, không phải bằng "tay đàn chân nải" nữa, nhưng mà trên đôi cánh điện tử. Lại là một cuộc mạo hiểm, so ra cũng chẳng khác lắm khi ông soạn "Con Đường Cái Quan" vào cuối thập niên 50, nghĩa là bằng nhạc lý Tây, diễn tình ý Ta. Dường như lúc nào ông cũng chơi bạo, chơi trội, có thể gọi là một "độc cô cầu bại" trên con đường dân nhạc Việt Nam 50 năm vừa qua.

Tin ông đến Đông Kinh làm nên một cơn sốt, một *Phạm Duy fever* hâm hấp trong lòng người mộ điệu. Mũ dạ đen *God Father*, dáng đi nhanh nhẹn, ăn to nói lớn, trà xanh, cá sống; vài chầu tẩm quất, ông phấn chấn thấy rõ khi được ghé lại Nhật Bản lần thứ bẩy. Ấn tượng đầu tiên được ghi nhận là tính Phóng Dật. *Dật* chứ không *Đãng*. Một cốc nước, cành hoa, cơn ngủ gật của hành khách trên xe điện, hoặc góc phố im lặng đi qua đủ trở thành đề tài suy nghiệm cho tâm hồn phong phú và mẫn cảm của ông. *Tôi làm nhạc như mình hít thở, cần gì phải bậm môi nghiến lợi.* Đây có lẽ là chìa khóa mở ra kho tàng sáng tác đồ sộ của Phạm Duy.

Sáng nào ông cũng vậy, ông dậy sớm, luyện múa cho buổi trình diễn. Không quen, có người sẽ cho là huê dạng. Nhưng nghĩ lại, buổi nhạc thoại không có phần "đệm" đó, sự truyền đạt chắc chắn sẽ sút giảm. Qua đó chúng ta cũng thấy rằng: trong triết lý sống "Dịch", ông sẵn sàng cởi bỏ tất cả, nhưng với tác phẩm, ông hết lòng nâng niu. Từ văn, đến nhạc ít khi ông hằn học, chỉ thỉnh thoảng thì: *ĐM mày là ba thằng tướng cướp* còn không, rất mực trong sáng và chân thành.

Đêm 21 tháng Tư tại hội trường Minemachi, với số lượng thính giả chọn lọc, sau lời giới thiệu của nhà báo Từ Ân, Phạm Duy bước ra tươi cười, tự nhiên, trước khi vào chủ đề, ông nhấn mạnh: *nhạc tôi còn là bài học cho những người lãnh đạo đất nước.* Nghe ông nói, người ta không khỏi liên tưởng đến buổi suy tàn của cái thuở: *Ru với gió, mơ theo trăng và vơ vẩn cùng mây* để sau đó phải ôm đầu khóc hận trong một nền văn nghệ *lấy cán bút làm đòn xoay chế độ;* thời đại hôm nay, khi bóng tối bạo lực đã lui bước trước bình minh dân chủ, hơn ai hết Phạm Duy vẫn còn đó *thâm tím, kiên gan* để giống giả báo lên lời dẫn nhập đầu tiên cho sứ mệnh cảm hóa của nghệ thuật.

Xin được bỏ qua trong bài viết này những chi tiết tổ chức đêm 21 tháng Tư, cũng như nội dung có tính phân tách lược truyện của Trường Ca Con Đường Cái Quan và Tổ Khúc Bầy Chim Bỏ Xứ, chỉ muốn ghi lại đây những cảm nghĩ đã lấn lướt trong lòng người viết khi nghe hai tác phẩm này vào dịp tác giả ghé bến Phù Tang.

Con Đường Cái Quan được Phạm Duy nuôi ý từ năm 1954, sau vài năm bỏ dở, viết xong vào 1960. Bằng những nét nhạc dân ca ba miền, gói trong lời nhạc có tính tự thuật tả chân của một lữ khách, muốn đi suốt con đường Xuyên Việt hầu kêu gọi lòng người trước khi thống nhất đất nước. Trường Ca có thể được diễn tả bằng ca khúc riêng lẻ hoặc toàn bài. Công phu hơn thì trở thành nhạc cảnh hoặc nhạc kịch theo ý của tác giả lúc ấy.

Ba mươi năm sau, chất nhạc tươi khỏe của một Phạm Duy từ thập niên 50 được trau chuốt lại lần nữa qua nghệ thuật hòa âm phối khí không kém phần sung mãn của Duy Cường. Với sự trợ giúp ruột thịt và quí báu này, tác phẩm được dựng lại không lời để nói lên vạn lời một cách dễ dàng và đồng điệu hơn. Dĩ nhiên sẽ không tránh khỏi thiếu sót trong tính chất đặc thù về âm sắc của những nhạc khí được chọn và nhất là sự "vĩ đại" thường thấy của một giàn symphony. Để bù lại, phần phối khí rất kỹ càng, bám sát nhạc đề bên cạnh lối hòa âm mạch lạc những uyển chuyển đã giúp cho trí tưởng của người nghe được xa hơn, "ngược dòng lịch sử" được sâu hơn. Đối với người Việt Nam, thử thách này của Phạm Duy được coi là thành công.

Người nghe có thể tìm thấy từ "trường khúc" đó nhiều đoạn nhạc rất thân thiết và quen thuộc. Giọng ru thuở nhỏ, câu hò trên sông, đêm trăng giã gạo... từ đó mà nhìn thấu được kỷ niệm. Một đoạn nhạc, qua bao đổi đời, thủy chung vẫn là hiện thân của mỗi vùng đất quê hương.

Ông Doãn Quốc Sỹ trong "Ba Sinh Hương Lửa" có chương nói về "Tiếng hát từ lòng đất" rất cảm động đến nỗi mà Võ Đình, bạn ông, đọc đến đó phải *gấp sách lại, cả đêm không ngủ.* Một lần nữa, Phạm Duy lại cho ta cảm giác *cả đêm không ngủ* đó khi nhạc ông gợi nhớ rưng

rưng.

Người ta có thể nhân danh chủ nghĩa, nhân danh lý tưởng để tương tàn, phân hóa, nhưng có gì khác nhau đâu khi tất cả đều rung động bởi một câu ca dao ru con *Đồng Đăng có phố Kỳ Lừa,* đều man man cảm hoài cho lòng dạ ra đi của nàng Huyền Trân đời Trần: *mộng ngoài biên giới mơ hồ, chẳng ngăn được sóng vỗ bờ,* và cũng chẳng có một bác nông phu *mình đồng da sắt, vài ngàn năm đứng trên đất nghèo* nào lại không nặng nợ ân tình với những chày, những cối làm nên xóm làng, sự nghiệp.

Chính quyền Hà Nội sợ phổ biến nhạc Phạm Duy là vì vậy, bởi nghe rồi, hết căm thù, hết giai cấp, Đảng tiêu tan thành trì, lấy gì mà sống sót.

Nếu nói Con Đường Cái Quan là Trường Ca khơi dậy tình tự dân tộc thì Tổ Khúc Bầy Chim Bỏ Xứ là tác phẩm mang nhiều thông điệp mà Phạm Duy muốn nhắn gửi *trên khắp dương gian.* Thai nghén từ tháng 4/75, cuộc lữ được tiên tri và chuyển kiếp vào những cánh chim. Sau 15 năm lưu lạc, tác phẩm hoàn thành khi *tường ô nhục đã tan tành* và *chốn quê hương, xuân cũng mon men,* ông làm mọi người xúc động khi tâm sự rằng: *Nghệ sĩ là phải biết nói lên.* 50 năm làm âm nhạc, trong rồi ngoài quê hương nghiêng ngửa, đã bao lần ông thốt lên những hỷ nộ ái ố của lòng mình với muôn vàn khách đồng điệu. Vinh quang có, ngộ nhận có: ông bằng lòng với tất cả để chỉ đánh đổi lấy một duyên kiếp hát rong. Đã có lúc tưởng như sụm xuống, tiêu tùng trong tâm thức lưu đày cùng cực:

Ta đứng đâu đây, đàn mốc trên tay

Nghe đất lung lay, đàn đứt tung dây

Giờ đây, tại một địa danh tuy vẫn còn xa quê hương: *Nghệ sĩ là phải biết nói lên,* 72 tuổi, ông vẫn đầy đủ phong vận để dong ruổi cùng nghệ thuật và con người.

Tôi hát cho vũ trụ đong đưa, vũ trụ đong đưa, tôi hát cho vũ trụ đứng lại, khi cuồng dật, cao hứng là vậy. Còn khi sáng tác, cho một tổ khúc 18 bài: mười năm viết, năm năm thu thanh, tẩn mẩn đếm lại tên tuổi của các loài chim từ bé đến lớn, hiền có dữ có, thật có, huyền sử có, cho tái sinh từ tro tàn để "hoàn mỹ âm dương". Tổ khúc có bố cục chặt chẽ với ba phần: Mở, Thân và Kết Luận rằng:

Để thấy giang sơn không là riêng rẽ

Của lũ chim nào là chốn vui chung.

Xong kết luận cho cuộc đời, Phạm Duy kết luận cho chính mình. Đoạn cuối bài 18, tương phản với động tính của toàn tổ khúc, xuất thần với ý nhạc rất Nguyễn Chí Thiện mà cũng rất Tô Đông Pha:

Chim Quyên về đậu ở thôn Đoài

Trong phận mình ở cõi tử sinh

Buồn với vui bằng tâm hồn chân chính

Bầu trời này hay thế giới mông mênh

Thì cũng chỉ ca một bản Xuân Tình

Ở chốn trần gian hoặc ở vô hình.

Nghe như một đồng vọng từ Quê Hương tỏa lên Vô Lượng. Ở đó thôi còn biên giới. Người nghệ sĩ *sống sót trở về chèo thuyền trên bến.* Bờ nào cũng là Bát Nhã.

Để người được mãi, đi trong một duyên tình dài.

Ba mươi năm trước, Phạm Duy đã kết thúc Con Đường Cái Quan bằng câu hát như thế. Bây giờ vẫn vậy:

Ta còn nhiều phen hát tình yêu

Chúng ta sung sướng vì "nhan sắc" và khí độ của Phạm Duy vẫn còn đó, mặc bao uy hiếp của thời gian. Có tình yêu là có ông, có ta, gắn bó.

Mai sau dù có bao giờ

200 năm sau, vẫn còn rất nhiều người nhớ Thúy Kiều mà thương khóc Tố Như, thì huống chi chỉ mười mấy năm xa xứ. Tác phẩm của Phạm Duy chưa được công khai. Sáu mươi lăm triệu người trong kia còn bị cấm. Nhưng đêm đêm, đó đây, tràn ngập trong và ngoài quê hương, bằng vạn lối giao tình, nhạc ông được hát lên, vời vợi, góp phần vào cuộc chuyển mình sẽ đến của đất nước.

Năm trước, khi nhạc sĩ Phạm Đình Chương tạ thế, ký giả Bê Tê đã làm mọi người xót xa khi nghĩ đến món nợ to lớn đối với tác giả bài hát Ly Rượu Mừng. Nếu thêm một Phạm Duy nữa, thôi chẳng còn ai trả nổi.

toridomo mo
ne itteruru ka
yogo no umi

Chim đã ngủ, biển nước chìm vào lặng im. Thơ haiku của Lộ Thông vô tình làm nhói lên niềm lữ, một đồng nghĩa với nỗi cô đơn của người nghệ sĩ sau khi sinh xong tác phẩm.

Chim đã ngủ, chim đã ngủ... lữ khách... chợt nghĩ đến mình, đến bạn bè, đến hết thảy những lứa đời lận đận; trong nỗi thương cảm không tên dâng lên nghèn nghẹn đó mới thấy ấm áp và quí báu làm sao câu kết cao vút của một bài ca

Ta còn nhiều phen hát tình yêu

NGÔ VĂN NAM

Viết tặng những anh chị em đã thâu đêm suốt sáng để tổ chức ngày Quốc Khánh 1992.

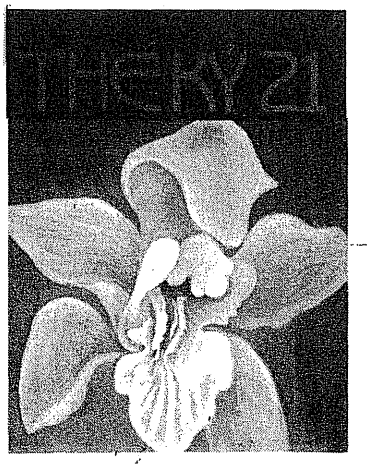

QUỲNH GIAO VÀ KHÚC NGUYỆT QUỲNH

Nguyệt Quỳnh -- một đêm trăng sáng ở phương Đông phải là một đêm rất sâu, bầu trời không một áng mây và hương hoa quỳnh phảng phất.

Trong sự tĩnh mịch mơ màng ấy, có nỗi cô đơn của một con người nhỏ nhoi trong một không gian rộng lớn, từ đó cất lên một tiếng hát khởi đầu như làn gió thoáng qua mặt hồ phẳng lặng. Trong tiếng hát già dặn của Quỳnh Giao nghe như có chút trẻ thơ, như giọng cười trong vắt ngày nào trong một khu vườn của một Sài Gòn thật xa.

Một chút ngập ngừng giữa quá khứ và hôm nay, những kỷ niệm nói về một thời đã khuất nhưng như gần gũi trong gang tấc. Trong *Khúc Nguyệt Quỳnh,* Quỳnh Giao đã trình bày nhạc của các tác giả Phạm Đình Chương, Dương Thiệu Tước, Văn Phụng, Vũ Thành, Lê Hữu Mục... hầu hết những nhạc phẩm ra đời trong thập niên 60 và ba nhạc phẩm ngoại quốc lời Việt.

Đó là những ca khúc nghệ thuật cổ điển, hay bán cổ điển Tây phương, và những tuyệt phẩm của các tác giả đã có công đầu xây dựng một nền tân nhạc Việt Nam trong thời phôi thai, nhưng là những tác phẩm nghệ thuật sẽ còn sống mãi trong tâm hồn người thưởng ngoạn.

Nghe Quỳnh Giao *nhớ* về *trăng Saigon,* nghe Quỳnh Giao gọi những ngày tháng cũ của *kỷ niệm,* hay *Nhớ Bạn* và *Hẹn một ngày về*... réo rắt, kêu gọi... Người ca sĩ trước hết chọn nhạc cho riêng mình, cho tâm hồn mình. Người trình diễn và tác phẩm kết hợp như những tâm hồn đồng điệu, thông cảm, ăn ý với nhau. Quỳnh Giao trân trọng với những lời hát của mình, diễn đạt hết tất cả tình ý, rung động của người nhạc sĩ... Vũ Thành, một nhạc sĩ tài hoa đã mệnh một, ít khi thỏa mãn với những người đã trình bày nhạc phẩm của mình, đã công nhận Quỳnh Giao là một ca sĩ trình bày những nhạc phẩm của ông một cách nghiêm túc nhất.

Nghe Quỳnh Giao hát bài *Kỷ niệm* của Phạm Duy, Mai Hương, một ca sĩ đồng thời với Quỳnh Giao, đã nói rằng mình đã lặng người đi vì Quỳnh Giao hát hay quá. Tiếng "hay" cũng như tiếng "đẹp" không đủ để diễn tả mỗi mức độ của nghệ thuật mà đó chỉ là những tĩnh từ ước lệ, nhưng rõ ràng Quỳnh Giao đã, với tất cả tâm hồn, chuyên chở những rung động của Phạm Duy đến người nghe.

Cũng như Quỳnh Giao đã đưa thơ Du Tử Lê cùng với nhạc Phạm Đình Chương gợi lại cho ta những kỷ niệm ngày nào của những ánh trăng và những con đường Saigon qua tâm trạng thao thức đêm nay của những kẻ tha hương bỗng nhớ đến quê nhà đến ray rứt.

Trong *Hẹn một ngày về,* một nhạc phẩm hiếm hoi của một nhạc sĩ đi qua lãnh vực sáng tác rất nhanh, Lê Hữu Mục, đã được Quỳnh Giao diễn đạt với tất cả tấm lòng nghĩ về Huế, nơi thuở ấu thơ của cô đi qua vội vàng chỉ có để lại những dấu vết rất mơ hồ. Người nghe cảm nhận được tất cả nỗi bùi ngùi, thương tiếc xa xôi mà nhạc sĩ đã viết cho Huế.

Cái réo rắt, rộn ràng của những khúc nhạc vui... không làm cho tôi nhớ đến Quỳnh Giao bằng những xót xa thương nhớ, hoài nhiệm mà Quỳnh Giao đã diễn tả.

Tôi muốn nghe Quỳnh Giao trong một đêm thật yên lặng, một đêm thật sâu...

*
* *

Bốn mươi năm, hay hơn một chút, tôi vẫn còn nhớ cái hình ảnh của một ngày Huế mùa đông, cô chiêu Đoan Trang và cậu ấm Minh mặc áo tang ngồi trên chiếc xe tay đi từ Bộ Học (Thành nội) xuống Ba Phủ (Vỹ Dạ) trong ngày tang lễ của thân sinh, ông Ưng Quả, Giám Đốc Học Chánh Trung Việt. Ngày ấy người viết bài này là một cậu học sinh lớp nhì trường Thượng Tứ, đi chân đất trong đám mấy nghìn học sinh tiễn đưa linh cữu của vị thầy khả kính.

Gặp lại Quỳnh Giao một ngày ở Đài Phát Thanh Quân Đội hai mươi lăm năm sau, khi Quỳnh Giao đã bước qua tuổi thiếu nữ và giọng hát của cô đã có chỗ đứng vững vàng bên cạnh Mai Hương, Kim Tước, là những ca sĩ đã hát cùng cô trong các chương trình nhạc của các anh Anh Ngọc, Văn Phụng, Hoàng Trọng... tôi vẫn thấy Quỳnh Giao mặc một chiếc áo trắng.

Bây giờ ở phương trời lưu lạc, qua bao nhiêu đổi thay đến ngỡ ngàng, Quỳnh Giao vẫn còn giọng hát ấy. Một thiếu nữ hỏi rằng "Quỳnh Giao có phải là nhà văn đã viết *Hải Âu Phi Xứ* không."

Không, Quỳnh Giao là một ca sĩ Việt Nam của một thời và phải nói là riêng của một số người. "Một tuyệt tác chưa hẳn là một tác phẩm phổ thông trong quần chúng."

H.Ph.

SASHA ALEXEEV

BÍCH HUYỀN

Tôi thích nghe tiếng dương cầm, nhất là trong những khúc nhạc tình êm mướt như nhung. Thích nghe và nhìn cùng một lúc, để vừa lắng theo âm thanh vừa cảm theo phong thái người nghệ sĩ trình diễn và không khí của thính phòng. Tôi đã được nghe tiếng đàn mượt mà của Quỳnh Giao, tiếng đàn thác đổ của Nghiêm Phú Phi, tiếng đàn lả lướt của Nguyễn Hiền... Tôi cũng đã nhiều lần được nghe tiếng đàn của những tài năng trẻ. Trong những đoản khúc hay trường ca cổ điển. Trong những tác phẩm Việt Nam — với một lịch sử dù chỉ vỏn vẹn nửa thế kỷ.

Hôm nay, tôi được nghe, và nhìn thấy, một người Nga trẻ tuổi trình tấu những bản nhạc Việt trên dương cầm.

Sasha Alexeev từ căn phòng nhỏ bên hông hội trường (cũng nhỏ!) bước ra. Chào khán giả xong, anh cởi áo khoác đen — một ngoại lệ, và được mọi người thông cảm: trời nóng quá, có lẽ do ảnh hưởng của trận động đất vài ngày trước (?).

Trên 100 khán giả đã rất lịch sự, yên lặng chịu đựng cái nóng, lắng nghe tiếng đàn. Mở đầu là "Kiếp nào có yêu nhau" của Phạm Duy. Với phong cách hoà âm riêng, quả thật tiếng đàn Sasha có đem lại những âm sắc độc đáo, mới lạ, cho một nhạc phẩm mà hầu như người Việt Nam nào cũng có thể hát theo với tiếng đàn. Thánh thót của âm thanh, dặt dìu của tiết tấu, có lẽ đã giúp người nghe chìm được vào một thoáng mát mơ hồ, tưởng tượng, để chỉ thấy cái nóng hiện hữu qua những cái phe phẩy của tờ chương trình, rải rác trong thính phòng.

Suốt phần đầu của chương trình, mang tên "Mưa nhung", những giọt âm thanh hiu hắt nhỏ xuống, đưa mỗi người về một vùng trời kỷ niệm của mình. "Bài không tên số 3" của Vũ Thành An, "Diễm xưa" của Trịnh Công Sơn, "Nước mắt rơi" của Phạm Duy. Toàn là tình khúc — những tiếng lòng của hạnh phúc thoáng qua, sót sa còn lại. Người nhạc sĩ trẻ gốc Nga, với mười ngón tay "bắt được của trời", đã làm bật dậy trong lòng người nghe cả một vùng kỷ niệm, phảng phất hương dây hoàng lan mọc cuối vườn. Riêng bài "Thiên thai" của Văn Cao, Sasha kéo những âm điệu du dương của một Việt Nam tiền chiến đi...nhanh quá, "Đông Âu" quá. Trong bản này, Văn Cao đã biến mất tiêu, chỉ còn lại Sasha Alexeev.

Sasha quả thật thành công nhiều hơn trong hai nhạc phẩm do chính anh sáng tác, được trình tấu trong phần hai của chương trình chiều thứ Bẩy 11 tháng Bẩy của Hội Văn học Nghệ thuật Việt Mỹ. Với hai bài, "Ai khúc" và "Luân khúc Rong ca", Sasha bơi lội vẫy vùng trong sông hồ đã tưới mát hàng chục thế kỷ âm nhạc Tây phương.

Phần cuối, với bốn tình khúc mà hết ba là của Trịnh Công Sơn ("Ru em từng ngón xuân nồng," "Tình Sầu," "Nghe những tàn phai") — còn một bản là "Bài không tên cuối cùng" của Vũ Thành An, Sasha lại cho thấy một phong cách khác, như một nhà phê bình đã nhận xét: "tiến tới một kích thước lớn lao hơn nữa, mang vào muôn ngàn mầu sắc của trường phái ấn tượng." Đây là bốn bài trong cuốn băng mới sắp ra của Sasha mang tên "Giao cảm," cũng là nhạc Việt đàn Nga. Sasha Alexeev là hiện thân của một nhịp cầu nối hai bờ vực văn hoá. Làm được việc này, Sasha không thể khác hơn một dương cầm thủ đã chạm tay vào phím đàn từ thuở lên năm, và ở tuổi hai mươi đã tốt nghiệp nhạc viện cả ở Nga và ở Mỹ.

Cám ơn Sasha đã cho tôi một chiều "mưa nhung" giữa mùa nắng gắt.

Ngày hội ngộ cựu tù ở Los Angeles

Cũng như năm trước,"Ngày Hội ngộ cựu Tù nhân Chính trị Việt Nam" do Trung tâm Sinh hoạt cựu Tù nhân Chính trị thuộc Liên Hiệp Cộng Đồng Việt Nam Los Angeles (UVCC) tổ chức diễn ra từ 11 giờ sáng cho đến 4 giờ chiều ngày 8 tháng Tám năm 1992 tại Rosemead Community Recreation Center, 3936 North Muscatel Avenue, Rosemead, California 91770.

Đây là dịp để những cựu tù nhân chính trị và gia đình có dịp gặp gỡ, hàn huyên, trao đổi những kỷ niệm vui buồn và những kinh nghiệm sống trên vùng đất mới, hướng về tương lai. Chương trình gồm có: chào mừng, hội ngộ, văn nghệ giúp vui với ban nhạc nổi tiếng và 20 ca sĩ góp mặt, triển lãm sách báo của cựu tù nhân chính trị VN, bữa ăn trưa và giải khát miễn phí, tham dự cuộc xổ số để lấy quà hữu dụng do các mạnh thường quân tặng. Ngoài ra, còn có buổi phát Giải thưởng Khuyến học cho con em cựu tù nhân chính trị.

NHỮNG NẾP NHĂN

ERICA JONG

Gửi Naomi Lazard

Erica Jong (1942-), nhà thơ và tiểu thuyết gia Mỹ nổi tiếng. Bà đã cho in hai tập thơ Fruits & Vegetables và Half-Lives trước khi xuất bản quyển tiểu thuyết gây chấn động một thời, Fear of Flying, vào năm 1973. Tiểu thuyết erotic này viết về đời sống tình dục đầy bất hạnh của một phụ nữ xinh đẹp đã gây khá nhiều tranh luận, trở thành best-seller và là sách gối đầu giường của vô số độc giả Mỹ trong nhiều năm liền. Những tác phẩm khác của Jong gồm có: How to save your own life (1977), Parachutes and Kisses (1984), Serenissima (1987)... Về thơ, bà còn có tập Ordinary Miracles (1983), và gần đây nhất, là tuyển tập thơ Becoming Light (1991), tập hợp những bài thơ đắc ý của bà đã sáng tác trong suốt 30 năm qua.

Bài thơ Wrinkles sau đây được trích dịch từ tập thơ Dearest Man-in-the-Moon, xuất bản năm 1975.

Những người bạn của tôi đều mỏi mệt
Những người có gia đình thì mỏi mệt
Vì có gia đình.
Những người độc thân thì mỏi mệt
Vì sống một mình.

Họ nhìn những nếp nhăn của họ
Những người độc thân đổ thừa những nếp nhăn
Cho việc sống lẻ loi.
Những người có gia đình đổ thừa những nếp nhăn
Cho đời sống hôn nhân.

Họ có rất ít nếp nhăn
Ngay cả nếu gộp chung họ với nhau,
Họ cũng vẫn có rất ít nếp nhăn.
Nhưng tôi không thể thuyết phục họ
cùng nhau
nhìn vào những nếp nhăn được.
Và tôi cũng không thể làm cho họ tin là
chuyện có gia đình
hoặc độc thân
không dính líu gì đến những nếp nhăn cả.

Mỗi người nhìn thấy cái rãnh hằn sâu và cay đắng,
Một khe nứt San Andreas ngang vầng trán.
"Đó chỉ là vấn đề thời gian
trước cơn địa chấn".
Họ trao đổi nhau họ tên các nhà phẫu thuật thẩm mỹ
như những công thức món ăn.

Những người bạn của tôi đều mỏi mệt.
Những người có con thì mệt mỏi
vì chuyện con cái.
Những người không có con thì mệt mỏi
vì chuyện không con.

Họ yêu những nếp nhăn của họ.
Giá như họ có thể che giấu đi
những nếp nhăn hằn sâu hơn.

Đôi khi tôi nghĩ
(Nhưng không dám nói cho họ biết)
rằng khi mà khuôn mặt được bỏ mặc để đào huyệt của nó,
thì sức sống sẽ biết ơn
mà dồn đổ tới.

PHẠM VIỆT CƯỜNG dịch

Sơn dầu Nguyên Khai.

VỀ

PHẠM DUY

1

Thinh Không!
Trống trải mênh mông
Rộng rãi vô cùng
Cao thấp vô lường
À à a a bống
Đầy ắp sinh trùng
Tất cả là tôi
Mà cũng là chung.

Thinh Không!
Vắng vẻ trầm ngâm
Lặng lẽ âm thầm
Yên tĩnh vô cùng
À à a a bống
Rộn rã tưng bừng
Nhất nhất trùng trùng
Nhưng cũng là không

2

Tôi nằm võng
Võng đưa võng đưa.
Tôi nằm võng
Võng đưa võng đưa.

Ha! Trần gian lạc thú
Ha! Tiên cảnh phiêu du
Cõi tử, cõi sinh
Cõi tình, cõi hận
Núi đợi, vực chờ
Niềm vui, nỗi khổ.

Tôi nằm võng
Võng đưa võng đưa.
Tôi nằm võng
Võng đưa võng đưa.

Tôi nằm đó
Nằm im mọi chỗ

3

Một vườn hồng
Một vườn hồng
Một vườn hồng
Chao ôi! Rất nhiều gai chông!

Một cuộc tình
Một cuộc tình
Một cuộc tình
Thật bền! Rồi cũng chênh vênh!

Một giọt lệ
Một giọt lệ
Một giọt lệ
Mặn nhạt, đau thương, hạnh phúc!

Một cuộc đời
Một cuộc đời
Một cuộc đời
Ừ! Chỉ cần thế thôi!

4

Một loài hoa không tên
Không sắc không hương
Mà như lòng tôi
Lộng lẫy thơm lừng
Tỏa ra bốn hướng

Một ngọn suối không tên
Bé nhỏ, ngoan hiền
Mà như lòng tôi
Nổi sóng lên đường
Thành bốn trùng dương

5

Bội bạc, dối trá cả rồi
Người người hung dữ
trừ tôi.
Hận thù, giết chóc bời bời
Rồi người chết hết
còn tôi.
Lối cũ mỏi mòn năm tháng
Ngăn che người vắng tiếng cười
Muốn tới được bờ sông giác
An nhiên hát nhỏ
cùng tôi.

Tôi là tôi, tôi cũng là em
Em là tôi, em cũng là anh
Là Xuân con bướm hút nhụy xuân tình
Là gió xuân hồng, là cơn xuân vũ
Là ý thơ nồng trang giấy xuân thư.

6

Trong chiều lên
Có loài người và cây cỏ
Hát êm.
Ta tìm em
Và gặp em.

1 Ta lôi em về
2 Ta kéo em đi
3 Nâng em lên Trời
4 Đem xuống âm ty
5 Chôn em trong lòng
6 Xong lấy em ra.

Trong chiều lên
Có loài người và cây cỏ
Hát êm.
Ta chưa ôm em
Thì mất em.

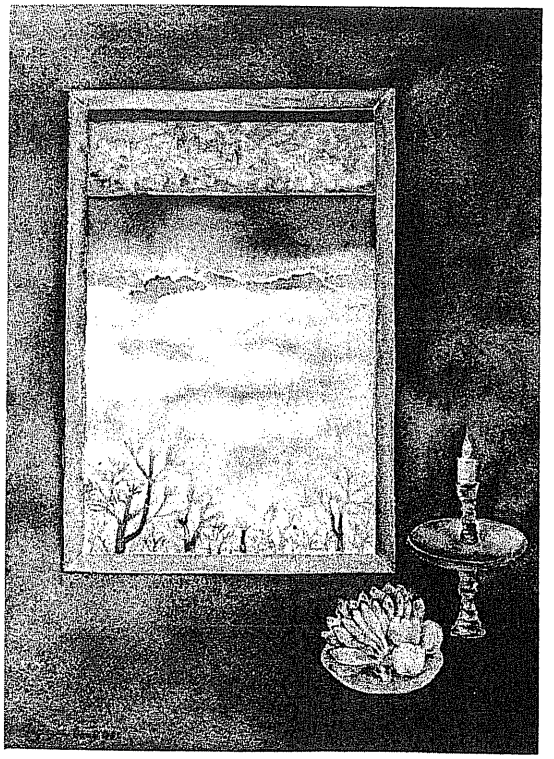

Mầu nước Nguyễn Đồng.

khác của những thành phố khác tôi đã từng biết qua (cố ý hoặc không xếp đặt trước) -- cái mà Thụ gọi là một nét trong quá trình bản thân của tôi những ngày chưa gặp Thụ, rõ ràng lần này tôi đã bước vào khách sạn với rất nhiều tình cảm đặc biệt, lạ lẫm trước hết có thể vì tính cách quốc doanh lành mạnh của khách sạn, sau đó, Thụ. Tôi đã qua một đêm ở khách sạn quốc doanh với người bạn đời. Quá trình bản thân bước qua một khúc quanh. Dù sao, sau đêm khó ngủ ở khách sạn, tôi đề nghị về ở nhà tập thể của Thụ, nơi cơ quan Thụ làm việc. Tôi sợ những cố gắng quá sức.

Bắt đầu cuộc tham quan ngay buổi sáng đã ổn định chỗ ở, Thụ đưa tôi đến hiệu phở Hiệp Lợi, tiếp theo cà phê Tư Râu, một chiếc xe đạp mượn của người bạn cùng phòng để đèo nhau đi khảo sát thị xã ngày mùng 5 Tết, một vòng dọc theo bờ biển để đánh giá trình độ ghế bố, thức uống, bãi cát, gió và màu xanh của trời nước, ghé thăm gia đình một cặp vợ chồng nghệ sĩ mắc bệnh mê trẻ con, ăn trưa ở một hiệu ăn có giá trị tinh thần lẫn vật chất, tiếp tục tham quan các cơ sở văn hóa của thị xã trong đó có ngôi trường có thể tôi sẽ về dạy môn sinh ngữ... Em thấy sao? Được chứ? Toàn thị xã đang có chương trình quy hoạch tổng thể. Em nhăn nhó vì những đống gạch lổn ngổn nhưng trong tương lai nơi này sẽ trở thành thành phố đẹp nhất nước. Thói quen ư? Em dễ có thói quen nên cũng dễ từ bỏ để làm quen với những thói quen mới. Em thích văn minh -- văn hóa -- văn nghệ? Anh sẽ tạo điều kiện cho em sinh hoạt trong giới đó. Trước mắt, anh sẽ đưa em đến thăm ngay một nhà văn lớn của chế độ cũ. Hoàn toàn không có ý đồ gì, ngoại trừ giúp em an tâm, nếu em tự cho rằng em cũng là một người viết trong làng văn Sài Gòn ngày trước.

Ngôi nhà nhỏ, cũ, thấp, tối, nằm trong con hẻm ngắn đâm ngang một đường lớn của thị xã. Trước sân có một ít cây lá. Bình hoa glaieul đỏ trên cái bàn thấp trong phòng khách. Một người đàn bà thò đầu ra từ cửa sau của nhà bếp, lưỡng lự, cuối cùng bước ra với một vẻ mặt cố ý nghiêm trang. Tôi nhận ra ngay khuôn mặt đã được nghe mô tả, hoặc nhìn thấy ở đâu đó trong một tạp chí, một bìa báo -- Mái tóc dày, dài, phủ trước ngực, đôi mắt kẻ chì đen kéo dài hai bên đuôi, mí tô xanh. Rõ ràng là đôi mắt đã được khai thác trong rất nhiều tác phẩm của chính tác giả. Tôi cố tìm một cách tự giới thiệu giản dị.

"Tôi ở Sài Gòn ra đây chơi, sẵn ghé thăm chị. Tôi chỉ Thụ, đây là nhà tôi, anh ấy công tác tại đây".

Nhà văn lớn nhìn tôi bằng đôi mắt đẹp của bà, lạnh lùng:

"Ở Sài Gòn ai đã chỉ cho chị biết chỗ ở của tôi? Không, không còn nhà văn nào cả, tôi đã khai tử tôi rồi".

Giọng nói kịch, bóng bẩy. Thấy gay cấn, tôi khuyến khích:

"Chị sợ không? Tự nhiên có người lạ mặt đến thăm, chị sợ không?"

"Sợ? Tại sao lại sợ? Tôi chỉ sợ tôi thôi".

Đúng nhãn hiệu cầu chứng, không còn nghi ngờ gì nữa. Thái độ siêu hình, tự chối bỏ, đồng thời tư duy về cái tôi. Thụ ngồi đối diện hai nhà nghệ sĩ, cười mỉm. Tôi định bỏ cuộc, dù đã đến đây với lòng thành.

"Tôi ghé thăm chị, đơn giản vậy thôi. Nếu chị không thích, chúng tôi xin phép chào chị về".

Nhà văn lớn vẫn ngồi yên, không có dấu hiệu tiễn đưa, tiếp tục:

"Từ hơn ba năm nay tôi không tiếp bất cứ một người quen nào cả. Kể cả những lần về Sài Gòn. Ai đã chỉ cho chị chỗ ở của tôi? Anh đây làm việc ở cơ quan nào vậy?"

Thụ làm bộ nghiêm trang:

"Tôi công tác ở Ủy Ban Thanh tra".

Tôi ngạc nhiên nhìn Thụ, chưa hiểu. Nhà văn lớn mở to đôi mắt đẹp.

"Ở Ủy Ban Thanh tra? Sao tôi không được biết anh nhỉ?"

Tôi không nhịn cười được, ngó Thụ.

"Thụ, tại sao lại Ủy Ban Thanh tra?"

Thụ châm chọc:

"Thấy câu chuyện giữa chị và nhà tôi trầm trọng, có chất trinh thám nên tôi nghĩ tốt hơn tôi nên..."

Không nên đùa dai. Câu chuyện có thể còn tiếp tục với nhiều chi tiết hào hứng, với sự sẵn lòng ngấm ngầm của nhà văn lớn. Tôi đột ngột đứng dậy, bóng bẩy và kịch:

"Xin phép chị chúng tôi về -- Nếu chị đã tự khai tử, cứ coi lần viếng thăm của chúng tôi như một cuộc tảo mộ".

"Phí lắm, tôi thấy rằng phí lắm. Thành thật tiếc cho anh chị".

Thụ dẫn xe đạp ra cổng ngoài. Tôi tưởng mình dẫn được một tràng cười dòn sau lưng Thụ, khi nhà văn lớn chưa kịp khuất sau cánh cửa khép.

Vòng trở lại biển, chiều đã sẩm. Tôi tự nhiên buồn rũ, hết muốn cựa quậy, Thụ đánh hơi thấy dấu hiệu không tốt, ngoái nhìn ra yên sau:

"Sao vậy? Sao bỗng dưng tắt máy vậy? Nói gì đi chứ, nhà nghệ sĩ?"

"Một ngày quá sức".

"Bị ám vì cuộc gặp gỡ vừa rồi chăng?"

Thụ đưa tay chỉ mấy chiếc ghế bố kê dưới gốc dừa ngoài bãi cát.

"Nhà văn lớn chắc chắn đã có ngồi đây tìm nguồn cảm hứng. Thụ nhẹ giọng, em đang trầm trọng phải không?"

"Không, em nghĩ sống như bà ấy cực quá. Lúc nào cũng phải tìm cho mình một thái độ".

"Không - có - thái - độ - nào - cả như thái độ của anh, em cũng không chịu. Giới nghệ sĩ của em phức tạp lắm. Anh cưới em có lẽ vì em đơn giản nhất trong số những người anh biết".

Mấy ngày phép đã tiêu quá nửa. Thụ thực hiện đúng chương trình tham quan, đầy đủ như những bài thuyết trình của Thụ mà tôi nghe nhiều lần. Nghĩa là một cuộc tham quan dồi dào về lương thực, thực phẩm (với giá lý tưởng) những buổi gặp mặt (vừa phải) với những người bạn (có trình độ) của Thụ, nhà trẻ, mẫu giáo, trường học, nhà thương, đài truyền hình, Đại học Hải sản, Hòn Chồng và nước dừa 8 hào một ly cối bự có đá, những bài hát êm đềm của Chương, trước sân, sau bữa cơm thân mật gia đình... Mọi thứ. Thụ đã dồn cứng tôi trong ao ước của anh. Câu chuyện với nhà văn lớn đè nặng tôi nhưng đồng thời cũng mở ra cho tôi nhiều ngõ ngách mới lạ. Tôi loay hoay tìm cách định nghĩa hạnh phúc, hôn nhân, mường tượng thử những điều tôi sẽ làm trong những ngày sắp tới. Xem sao, cái phòng kế hoạch thống kê Sở X. Bắt đầu. Buổi sáng thức dậy chuẩn bị phần ăn trưa trong lon guigoz, đưa con vào trường theo lộ trình có gánh xôi ở góc đường Huỳnh Văn Bánh dù con rất ớn xôi thiếu đường cát trắng. Ngày đầu năm đi làm lại sau thời gian nghỉ Tết cộng thêm mấy ngày phép ở miền biển, phòng làm việc dài thòn với 17 khuôn mặt quen thuộc, những con số thống kê tổng hợp... Bắt đầu lại. Rà máy cho nóng, hâm sôi nhiệt tình công tác, cải tiến phương pháp làm việc, dũng cảm nhận mọi khó khăn, phấn đấu khắc phục hoàn thành vượt mức kế hoạch nhà nước. Bắt đầu -- Dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Ban Giám Đốc, sự quan tâm của Thành ủy và Ủy ban. Bắt đầu -- Dựa trên năm mục tiêu cơ bản của ngành, triển khai phong trào năm dứt điểm, tình hình hoạt động tháng đầu tiên của năm mới, nhận định đánh giá... nào, bắt đầu... Chiều đón con về nhà (mặt mũi lem luốc, chai nước không nắp, kẹp tóc mất). Tắm con, tắm mẹ, ăn cơm -- Lãnh guốc về vẽ. Vẽ, vẽ, vẽ. Con khóc, mẹ ngó con nè, mẹ đừng ngó chiếc guốc. Mẹ vẽ guốc kiếm tiền cho con ăn xôi. Không, con không ăn xôi. Vẽ, vẽ, vẽ -- khói bay mịt. Trông em giống thợ điện không Thụ? Cây bút nóng đỏ, dí liên tục trên guốc gỗ. Thụ đã viết thư động viên trí thức yêu nước tại chỗ: kể từ ngày biết em làm nghề vẽ guốc, anh sinh ra cái thói quen ngó gót chân các cô. Ngoài này phong trào guốc vẽ chưa lên nhưng cũng loáng thoáng có người mang. Đánh giá chung, đa số thuộc loại trí thức tiểu tư sản. Các công trình nghệ thuật của em loại đó, có thể gọi là phục vụ quần chúng. Loại quần chúng có trình độ...

Vẫn cái giọng châm chọc.

Và bắt đầu lại, một ngày nữa. Thỉnh thoảng một buổi họp mặt có nhạc nhẹ, đậu phọng da cá, trà quốc doanh giữa các nhà trí thức yêu nước. Lại đánh giá tình hình chung, thông báo một vài trường hợp vượt biên tới nơi tới chốn, học hỏi kinh nghiệm những trường hợp thất bại... vân... vân... Đại khái một loại sinh hoạt có cá tính và chủ đề hẳn hoi. Một anh sẽ độc tấu Tây ban cầm, một chị sẽ hát nhạc Liên Xô lời Việt với phần đệm dương cầm của một tay ngang nào đó (có thể là em, nghe Thụ). Vậy đó, có ồn ào lắm không? Một sự hòa hợp không lấy gì làm nhịp nhàng giữa phòng Thống kê kế hoạch, những đôi guốc vẽ mù mịt khói gỗ cháy và nhạc nhẹ của những nhà trí thức yêu nước. Mệt thiệt. Sắp hết những ngày nghỉ phép. Bắt đầu lại. Sự làm dáng trong văn chương giống như một sự nhăn mặt. Còn làm dáng trong đời sống? Một sự dẫy chết.

Hai người đi bộ từ phố Độc Lập ra nhà ga lúc ba giờ sáng. Thụ kéo tôi ra giữa đường nhựa. Tiếng giày khua lớn qua những con phố còn im ngủ, tiếng chó sủa rộ, hơi thở mát tận trong ngực.

"Về Sài Gòn ráng may cho anh vài cái quần xà lỏn. Kẹt quá, em".

"Người nghệ sĩ không có chức năng may quần xà lỏn".

"Em vẫn tưởng em là cây bút trẻ đang lên và gặp anh trên đường đi xuống?"

Tôi giả giọng thảm thiết.

"Không! Không còn cây bút nào trong em nữa -- Có chăng chỉ là cây bút điện dí trên guốc gỗ".

Trong cái toa xe lửa tối om và chật cứng người, tôi chen tìm một chỗ ngồi. Thụ đứng lại ngoài cổng rào. Ánh điện yếu của nhà ga soi không rõ màu áo len của Thụ. Tì khung cửa sổ này, tôi bắt đầu viết lá thư tình đầu tiên cho người bạn đời. Anh yêu, cuộc trăng mật vừa qua có hao tốn sức khỏe, thì giờ, tiền bạc và tình cảm -- tuy nhiên... ■

Nhà sách Hoa Kỳ chở sách sang bán tại Việt Nam

Tờ báo chuyên về thương mại "Journal of Commerce", hôm 24 tháng Sáu, cho biết nhà "Powell's Books Inc." ở Portland, Oregon, có kế hoạch gởi bằng đường thủy, một khối lượng sách cũ quan trọng sang Việt Nam, gồm các sách về thương mại, computer và kỹ thuật, các tạp chí và tiểu thuyết, được ước lượng trị giá chung là 50,000 đô la. Tuy rằng các công ty Hoa Kỳ đã có thể bán sách sang Việt Nam, từ năm 1988, theo Đạo luật Tự do Mậu dịch Tư tưởng (Free Trade in Ideas Act), nhưng chuyến tầu này, được coi là chuyến tầu thương mại đầu tiên chở sách của Hoa Kỳ sang bán tại Việt Nam, kể từ khi lệnh cấm vận được Hoa Kỳ áp dụng đối với toàn Việt Nam từ năm 1975.

CHẲNG LẼ NÀO

Chẳng lẽ đâu hơi gió ngoài hiên
Lại là tiếng hát
Khi chúng tôi lớn tiếng bông đùa
Năm tháng đó. Các em ơi!
Chẳng lẽ đâu những giọt mưa nghiêng dài trên tóc
Lại là run run ngón tay thon nốt nhạc
Khi chúng tôi giáo mác phấn son
tô mặt vẽ hề khua chiêng đánh trống
Đồi núi xanh non từng khép mở một lần
Hơn một lần những mắt môi run
vui mừng nhắc đến
Chẳng lẽ đâu chỉ là kỷ niệm
Bây giờ ngoài hiên mưa mưa mưa
Khi chúng tôi thắp lên những ngọn nến tàn thế kỷ
Ngồi tụm năm, tụm bẩy hàng giờ
Hàng tháng, hàng năm
Ngắm gió.
Con đường dài lê thê bóng đổ
Đàn vượn già núp dưới trăng hú lúa
Khỉ từng bầy vũ hội đón đêm xa
Chẳng lẽ nào một khắc vừa qua,
một thế kỷ bao nhiêu niên đại
Khi các anh đội sừng mang vẩy
lầm lũi lao vào lòng nhân loại bình yên
Giấc mộng của loài khủng long tuyệt diệu
Trong giấc mơ này trợn mắt ốc sên
Ngắm tuyết.
Chẳng lẽ nào bên kia chân trời
chỉ là cái chết
Khi các anh hàng một xếp dài
Dạo chơi quanh muôn ngàn cửa huyệt
Khi các anh sặc cười sai khiến âm binh
Khi đó, lẽ đâu lại là cổ tích.
Chẳng lẽ nào khi bé con tạ ơn mở trứng
Hé nhìn vui giọt lệ mời mong mỏi
Khi các anh lao đầu dựng lũy nhọn tương lai
Với tóc. Và răng. Và những ngón chân đen
lầm lũi
Con đường mờ cỏ lau tóc búi
Bụi chân trời khập khiễng núi rừng xa
Chẳng lẽ tháng năm lại trắng như tờ
Chẳng lẽ nào các anh chưa một lần tính sổ
Chẳng lẽ nào chúng tôi không một điều gì để xóa
Mà có khi đêm mồ hôi giấc mộng dầm dề,
chẳng lẽ,
Những điều gì tôi viết
Lại là thơ.
Mà có khi nhìn sâu vào mắt em,
trẻ nhỏ
Trời xanh. Như chẳng chứa điều gì trong đó
Nhưng chẳng lẽ nào chẳng có gì hơn
Chẳng biết.
Trò chơi nầy
Không biết gì hết thẩy
Khi các anh và chúng tôi chơi trò kéo co
Kéo những tháng năm dài, những chân trời
những niềm hy vọng, những tiếng hát vui
Ngả nghiêng say bên này, bên ấy,
Kéo tả tơi những cơn mưa phùn
cắn chặt răng kéo mãi
Bọt men mờ của thế kỷ hai mươi
nốc cạn rồi
Kéo nữa.
Hả nê no những cơn vui vội vã
Hối hả về hốt vội tiệc chiều mau
Đại thắng cười điên giọt mưa tầm tã
Đại bại tan hàng không trống không chiêng
Mở mắt trời không không nhìn thấy bến
Vời ra sông sông rộng tóc mông mênh
Chẳng lẽ chẳng ai từng đấm ngực mình
Đứng giữa trời gọi tuổi, gọi tên
Người đối diện.
Chẳng lẽ nào chỉ là một thời
của một thời điên loạn
Tay cầm trái cây xanh dâm đăng
Chẳng biết rồi sau nữa
Để tặng ai.
Ngày nắng ngày mưa của tháng năm này
Trưa sớm chiều nghiêng như một vàng bay
Lẽ nào rồi chẳng nắm lại tay
Chẳng lẽ nào khi ấy,
Khi các em tung tăng cặp mới đến trường
Non bút mực chìa cho xem nét viết
Khi các em cười đọc trọn cửu chương
Khe khẽ hát bài ca mới học
Chẳng lẽ nào, khi đứng trước mặt các em
Mà lại khóc.

PHẠM CAO DAO

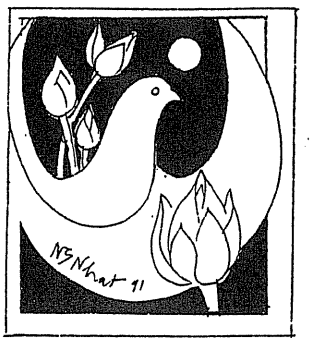

Từ thế kỷ thứ VI, tới thời Umayyad (661-750), trong hơn 100 năm, thơ Ả Rập đã bước vào thời kỳ phồn thịnh với thể thơ trữ tình QASIDA (tức thể thơ tình odes) trong đó nhịp điệu luôn luôn giữ phần quan trọng rất tiện cho ca ngâm. Song song với thể thơ tình QASIDA là thể trường thi trữ tình Muallaqat còn gọi là thể thơ "treo cao"(Anh ngữ dịch là suspended poems). Trường thi Muallaqat (số ít là Muallaqa) có nghĩa là những thi bảo được gìn giữ trân trọng "hàng cao" trong kho tàng hoặc vì người ta "nâng cao" giá trị của những thi bảo đó. Sau này có nhiều người nhầm với các bài thơ trúng giải ở Mecca do các thẩm quan chọn lựa và cho thêu bằng chữ kim tuyến trên lụa treo ở cổng Kaba.

Bẩy bài trường thi hay nhất được ghi lại trong tập thi tuyển của Hammad (mất năm 772) cho thấy Trường Thi Thất Bảo được lựa tuyển vào thời đại Abbassids dưới triều vua Mahdi (Caliph Mahdi, cũng là giáo chủ) là thời đại kế tiếp Umayyat. Thời đại Abbassids (750-1258) là thời hoàng kim của Hồi Giáo nhất là dưới triều vua Harun al Rashid (786-809) với khuynh hướng Thơ mới có ít nhiều ảnh hưởng từ Ba Tư (Ba Tư đã bị Ả Rập chiếm vào năm 642 trước thời Umayyat).

Dựa trên bản Anh ngữ của chuyên gia văn học sử Ả Rập, R.A. Nicholson (Cambridge University Press, 1929), chúng tôi phỏng dịch sau đây hai đoạn của hai trường thi, một của Imru'u'l - Qays, một của Tarafa, bản Anh ngữ của Nicholson, của H.A.R Gibb, của Kritzeck..., cũng chỉ trích đoạn và không thấy dịch giả nào dịch toàn bản trường thi.

*

Trường thi Imru'u'l- Qays

Thi hào Qays (mất năm 540) thuộc dòng vua Yemen, có biệt danh là vị hoàng tử lang thang, không thích sống trong cung điện, thường bỏ đi ngao du với các bộ lạc và các thi hữu. Bị vua cha phế bỏ và giáo chủ Mô-ha-mét sau này gọi Qays là "lãnh tụ dẫn tới lửa Địa ngục," nhưng thi tài của Qays được thừa nhận là đệ nhất của thời tiền Hồi giáo (Pre-Islamic).

Lần nao
trên đồi cao
nàng trách móc ta và thề nguyền:
"em sẽ đi ngay, không bao giờ trở lại"
êm ái quá nhỉ! nếu lòng em đã muốn giã biệt
xin cũng đừng làm anh đau đớn chua cay!
bởi đam mê còn day dứt lòng ta, sao nàng nỡ đi ngay
bởi ý muốn của em đã trở thành định luật trong trái tim này!
nỡ lòng nào, nếu em ghét bỏ ta
hãy giựt đứt áo anh, cho nó bay theo gió
ôi! cặp mắt dao cau, ôi đôi dòng suối ướt
đâm thấu tim ta, thương tích đã ngổn ngang!

Đã bao lần, ta vơ đầy châu báu bạc vàng
chốn lều son màn tía vẫn vào ra
đã bao lần, trạm canh lính gác gươm dáo vượt qua
dưới trời đêm, vòm thất tinh rực rỡ nguy nga
như dây lưng nạm vàng ngọc mở dài đông phương kiêu sa

TRƯỜNG THI THẤT BẢO Ả RẬP

LƯU VĂN VỊNH

ta từng lẻn vào,
nàng đứng bên rèm lụa
khoác mỏng manh vạt áo ngủ toàn tơ
"trời ơi! sao chàng dám liều lĩnh vào đây
tính điên rồ xưa nay xem ra còn nguyên đấy!"
ta kéo nàng đi, tấm váy thêu lượt là xóa hết dấu chân trên cát,
tới thung lũng xa, khuất hẳn khu màn tía lều son
cồn cát bao quanh, đôi ta dừng lại
ôm đầu nàng ngả giữa vòng tay,
tấm lưng ong êm ái, đôi chân mũm mĩm
dáng mặn mà, da láng mịn hồng
ngực như gương lồ lộ dưới ánh trăng vằng vặc soi trông
nàng đào tơ liễu yếu, ta nâng niu như ngọc trân châu
ăm ắp đầy thân dòng suối tiên chưa dính bụi một lần!
nàng ngả đầu, ôi bờ má tuyệt trần
cặp mắt nai tơ sợ sệt nằm cạnh gã nam nhân
trời đất ơi! cổ nàng trắng như trứng gà bóc
đầy đặn như lộc bình, chẳng một vết tàn nhang, chẳng cần vòng xuyến,
áng tóc xõa xuống, từng lọn đen mun thật dài
những lọn dừa cuồn cuộn bờ vai...

* * *

Trường thi Tarafa

Thi sĩ Tarafa (khoảng 554) thuộc bộ lạc Bakr vùng vịnh Ba Tư, có tài châm biếm và nhiều lần mang tai họa vì tài đó. Từng chăn dê và dự trận chiến Basus, được vua Hind mến chuộng một thời gian ngắn, sau cũng vì bản tính phóng túng phạm thượng nên bị hành quyết năm chưa đầy 20 tuổi.

Người có thể làm ta bất tử chăng? hay người trách ta mải mê chém giết, hoặc chạy theo lạc thú phù du,
nếu người chẳng ban cho ta
đặc ân Thần Chết tránh xa
xin hãy để ta đi gặp Diêm Vương
chia hết của cải từ bàn tay này
trước khi giã biệt thế gian hôm nay!

nhưng ngoại trừ ba báu vật ta chẳng thể chia
của tuổi xanh mộng ước bất khả lìa
dù vòng tử sinh có hiện rất sớm trên trời cao kia!

MỘT LÀ
Rượu ngon, bọt rượu đỏ hồng
nốc một hơi, cướp giựt từ đám tửu đồ ngơ ngác đứng trông!

HAI LÀ
Cưỡi lưng ô mã phi lồng
bốn vó cong lên tựa cánh cung
như chó sói đói khát run sợ vô cùng!

BA LÀ
nằm dài cả ngày trong túp lều mái lợp lông dê
ôm ấp một cô gái quê
nghe mưa rơi quyến rũ thời gian chậm chạp dầm dề.

NGUYỄN TƯỜNG PHONG

NÓI CHUYỆN VỚI ĐẦU GỐI

Dạo gần đây, lòng người đàn ông bốn mươi trong Thư như có sóng ngầm. Không phải thứ xúc động tâm lý vì ảnh hưởng đột ngột do cuộc sống, gia đình, công việc hay bạn bè ở vào một số tuổi nhất định. Cái giao động mang tính chất cá nhân, trầm lắng đố ai biết được ngoài Thư. Sự thay đổi trong lòng bắt đầu bởi ba người. Vợ Thư, Tân bạn Thư, lão Mục Tảo.

Lão Mục Tảo cũng mấp mé bẩy mươi, trình độ học vấn biết đọc biết viết, đủ để đọc kinh bổn trong nhà thờ. Lão không nghèo đâu, cả một vườn rau bát ngát ở cuối thành phố New Orleans của vợ chồng lão mang lại lợi tức nếu không hơn thì cũng chẳng kém lương một luật sư hạng khá. Một ngày, rau cỏ cắt có đến dăm ba trăm mớ, chưa kể những nông phẩm phụ thuộc như nghệ, riềng, nước rễ bí...

Hàng tuần nếu có dịp, Thư chọn một buổi chiều ghé thăm vườn rau lão Mục Tảo. Lão thích lắm, có bạn ngồi nhấm rượu trong cái chòi đơn sơ giữa cỏ cây sau cả ngày mệt nhọc từ sáng sớm. Lão Mục Tảo hài lòng với công trình này lắm. Bốn góc là bốn thân cây, kèo là những thanh gỗ chắp vá, phía trên lót hai lần ván ép, rồi mới lợp tôn nhựa. Cái chòi là chỗ rửa rau nên nằm sát con rạch to. Buổi chiều ở đây, gió mát rượi như gió ngoài đồng.

Mỗi lần thấy bóng Thư, tiếng cười khằng khặc của lão Mục Tảo vang lên từ cái nón lá chùm hụp nơi một khoảnh vườn nào đó: A ha ha! Bố nó đến rồi, giờ nhấm rượu khặc khặc... Rồi lão đứng thẳng người, tay giở nón lập khập bước về phía cái chòi nơi có Thư. Mặt lão đen sạm lên vì mưa nắng, đôi mắt hấp háy, cái mũi to, môi dầy tướng lên trông đến là thật thà: Sao bố mày đi đâu hai tuần nay? Mẹ con nó vẫn khỏe hở. Thư mến lão ở chỗ vui vẻ bộc tếch ấy, tâm hồn lão chắc cũng phẳng lì, nhẫn thín như tính tình vậy. Ở lão Mục Tảo, Thư tìm thấy hình ảnh đại đa số những người dân quê Việt Nam chân thật mà Thư muốn khám phá. Đó là lý do Thư gắn bó với vườn rau, nói thật là con người lão Mục Tảo. Nhưng nhiều đêm, sau những lần ở cái chòi trở về, chính Thư lại thao thức vì ý nghĩ không hiểu mình muốn tìm hiểu tâm hồn những người dân quê chất phác hay chính họ muốn khám phá tâm hồn những người như Thư. Dưới mắt lão Mục Tảo, ít nhiều Thư cũng thuộc loại người có ăn có học. Chả thế mà có lần lão lè nhè: Đeo... đeo mmmẹ, bố mày cứ nói những chuyện cao siêu tao đếch có hiểu, những chuyện bố mày nói chẳng giúp được gì cho công việc của kẻ chân lấm tay bùn như tao. Có cái máy bơm nước dở chứng bố mày chẳng biết gì. Cái làng này có nhiều điều phải sửa đổi, bố mày chỉ lải nhải mấy bài báo xuông thì làm cái... cái... tao xin lỗi bố mày nhé, làm cái củ cặc gì khặc khặc... có phải không nào?

À này, thế bố mày đi học những cái gì ở trường? Tao cứ tưởng những người như bố mày phải hữu ích cho chúng tao, đến mớ rau muống cũng không có mà ăn nếu chúng tao không cấy, hóa ra mất tiền toi cho đi ăn học chỉ viết được vài câu văn cám hấp thì làm chó gì hà hà. Tao nói thế có phải không nào? Ngồi nghe chuyện, Thư thấy rờn rợn, cầm chén rượu hớp một ngụm, hơi men nồng gắt chảy xuống cuống họng, ngấm vào ruột gan nhưng không xúc

động bằng những lời lẽ thật thà của lão Mục Tảo. "Bố mày tớp thêm ngụm nữa đi, dạo này chỉ xới đất gieo hạt nên hôm nay tao với bố mày phải làm hết cái chai này đã". Nói xong, lão Mục Tảo ra bờ rạch, vạch quần đái, tay lão nẩy lên vài cái rồi quay trở về cái thùng gỗ thấp ngồi xuống, nhíu mắt nhìn ra phía vườn rau bát ngát vẻ trầm ngâm: "Tao biết bố mày thèm người, đeo mẹ biết rõ chứ, muốn nói thì không có người nghe, muốn nghe thì không người nói, toàn quân giả hình thì sống thế đếch nào được".

Thư giật mình nhìn lão Mục Tảo: "Sao bố biết?" "Đeo... eo mẹ, bằng này tuổi đầu, ba chìm bẩy nổi chín cái lênh đênh rồi thì tao biết rõ cái hạng người như bố mày".

Nói đến đấy, lão Mục Tảo đứng dậy, thò tay vào một cây đà trên nóc chòi, lôi ra gói cá khô rồi thong thả ngồi xuống xé cá nhai. Lão hất một miếng cá về phía Thư, rồi bắt chéo chân khề khà: "Chúng tao chỉ không hiểu là cứ làm lụng vất vả hết đời này sang đời nọ mà nuôi những hạng như bố mày để cuối cùng vẫn cứ còn thảm cảnh". Thư than lên: "Chết, sao bố nói thế! Sao lại thảm cảnh?" "Thế theo bố mày thế nào mới là thảm cảnh? Chết dân, chết lính, nhà tan cửa nát, đói kém, dốt nát, thiếu thốn là tốt đẹp như mấy cái bài báo tung hê của bố mày à?" Lão Mục Tảo vặn ngược lại. Thư cúi đầu không nói thêm lời nào. Nhưng từ hôm ấy, Thư thấy sợ mỗi khi nghĩ đến việc cầm bút.

Thế là lão Mục Tảo làm Thư chấn động tâm thần, Thư tưởng mình là nhà văn có hạng, hóa ra dưới mắt những người như lão, họ lại là cái đa số mới chết, Thư chỉ là thứ không ra gì, cả vật chất lẫn tinh thần. Mà những loại người như Thư chỉ là lớp kem mỏng trên cái bánh lớn, được là bao trong khi đa số dân tộc mới làm thành cái bánh. Vậy mà xưa nay Thư nghĩ mình không phải tầm thường, những bài văn mình viết sẽ làm được cái gì. Cái gì đó dưới mắt lão, hay tám mươi phần trăm mọi người, với cái nhìn trần truồng của lão Mục Tảo, là cái Thư không muốn nhắc lại lần nữa.

Đấy là người thứ nhất đã ảnh hưởng đến sự thay đổi nơi Thư. Người thứ hai, sâu sắc trí tuệ hơn, là một người bạn. Tân hơn Thư những gần mươi tuổi. Tân luôn cảnh cáo Thư về những bài viết. Đại loại, bài này để đọc chơi cho vui, toàn chuyện anh hùng láo toét du côn du kề để các nhà tiểu thuyết bán sách. Hoặc bài nọ ông viết chưa đạt, hời hợt, che đậy... ông cầm bút hay ông là nhà ngoại giao thì phải xác định rõ ràng. Chính danh là tiêu chuẩn tối cần thiết cho một nhà văn có ý thức. Viết cho đầy trang giấy thiển nghĩ không phải những gì ông ưu tư. Còn gì nữa, tư tưởng ở truyện vừa đăng là con số không, chẳng có sắc thái gì đặc biệt, không đưa ra được kết luận gì, phí cả thời giờ...

Cứ thế, hết không này rồi không kia, Tân nói mãi nói mãi, có lúc Thư đã bực mình nói lẫy: "Ôi, viết mua vui cho thiên hạ

NHẤT UYÊN

CHO NGƯỜI NẰM XUỐNG

cho **Y UYÊN**

Thôi đã chiều, đừng than thở nữa!
viên đá này sẽ tròn cạnh giữa trùng khơi
thôi đừng khóc, lòng đại dương đã mặn
qua cánh đồng khô, đau thương kết tinh rồi.

Người nằm xuống thân cỏ cây mục nát!
đạn vẫn bay, và sẽ đến bao giờ?
mùa nao rồi cây vội vàng thay lá?
đồng khai quang còn lại mấy cành khô?

Buổi ban mai máu điểm lá xanh nào?
giấc đêm qua người đến thế giới nào?
"tượng đá sườn non" ngàn năm vẫn đợi
người đã đi, đã đến, đã là bao?

Rồi đất đá ôm kiếp người vùi ngủ
thiên đường trong tim mọc từng đốt xương rồng
hạt bụi trên đời, hạt bụi quay cuồng trong gió,
còn lại gì mà gọi giữa hư không?

* tác giả "Tượng Đá Sườn Non," gục ngã dưới chân núi Tà Dôn năm 26 xuân xanh (1968).

chứ có gì đâu, Nguyễn Du còn chỉ được một vài trống canh thì cỡ như mình ăn thua mẹ gì?" Tân vội nghiêm mặt nhìn Thư: "Này, tôi nói cho ông biết, khiêm tốn một cách trịch thượng, cao ngạo là đặc điểm của tài năng, ông tưởng Nguyễn Du mua vui cho thiên hạ đấy à, chỉ là cách nói của thiên tài, ông đừng hòng... Ai từng đập tan nát cái thành kiến về số mệnh con người đã mọc rễ bao đời trong dân gian, đến bây giờ đôi lúc cũng vẫn còn xót lại. Nghĩ xem "có trời mà cũng có ta" sự kiện đưa đến kết luận "xưa nay nhân định thắng thiên đã nhiều"... chính là tư tưởng đấy, Nguyễn Du có đủ tư cách lẫn tài ba để khiêm tốn kết thúc truyện Thúy Kiều cho bọn cầm bút bất tài, nhố nhăng thời ấy câm mồm. Cũng vậy, Cao Bá Quát khác gì, cũng ngứa mắt với bọn dốt văn nhưng lại thích múa may quay cuồng".

Thư ngồi cứ há mồm: "Thế à! Thế à!" nghe Tân nói, nói mãi cho đến lúc Thư nghĩ rằng ngòi bút của mình đã cùn nát, chỉ còn cách là bẻ đi quăng vào sọt rác. Mà nếu thế thì có riêng gì Thư, đa phần trong cái đội ngũ viết lách ở đây hình như giống nhau cả. Viết để mà viết. Chẳng hết lòng với những gì mình viết. Viết chơi viết bời. Viết cũng được mà không viết cũng chẳng hề chi. Chưa có ai chết hay đói khát, hoặc khá hơn hay thành thật với cuộc đời hơn vì một bài văn nhảm nhí. Lại có kẻ dùng ngòi bút như một phương tiện đánh bóng tên tuổi, chưa lý đến việc này đúng hay sai, dù là viết dăm ba câu chuyện tầm phào vô bổ.

Qua lão Mục Tảo, Thư như bị lão bắn một phát súng vào người nằm bật ra, nhưng với Tân, Thư lại như gặp một anh bác sĩ tài năng nhưng ngông cuồng, tò mò tọc mạch, muốn để yên viên đạn trong người Thư kiểu thách đố xem viên đạn có giết nổi con bệnh hay không. Màn đấu trí giữa anh bác sĩ và viên đạn làm con bệnh vã mồ hôi nhưng không thể chết được. Anh bác sĩ ngông muốn tập cho thân thể con bệnh sức đề kháng tự nhiên, để nếu lỡ sau này có bị thương, dù nặng, cũng sẽ không dễ dàng chết ngay được.

Nhưng nói những điều ấy vẫn chưa đủ, cái sâu sắc chí tình là Tân còn nhịp nhàng đưa Thư qua từng giai đoạn tự kiểm để buộc Thư phải có câu trả lời, cho chính mình. Dù Tân chẳng hề bao giờ đặt vấn đề. Đây cũng là một đề tài sinh tử. Sự kiệt lực của thể xác cho nhu cầu tất yếu lẫn tiện nghi vật chất. Chính Thư cũng nhận thấy mình bị quay cuồng giữa đời sống thực tế lắm sát phạt và lý tưởng của ý thức nội tâm. Khả năng của một ngòi bút nằm ở phần trí tuệ, gọi là tư tưởng. Kế tiếp là tính nghệ thuật. Trí tuệ đứng trên nghệ thuật vì có nghệ thuật mà thiếu tư tưởng nổi bật, ngòi bút cũng vẫn lẩn quẩn ở chỗ tầm thường. Dĩ nhiên, tư tưởng và tính nghệ thuật cùng biểu hiện mới chính là giá trị đích thực của văn chương. Thế nhưng, sự kiệt lực thể xác thường đưa đến sự kiệt quệ của trí tuệ, cốt tủy của tư tưởng. Tuy nhiên, cũng không thể lẫn lộn ở điểm tư tưởng trong văn chương khác với tư tưởng về văn chương là để kiếm tiền, hoặc để tự mãn bản ngã, cái "ego" của đa số con vật người. Điểm thiết yếu ở chỗ Tân đưa ra những cái nhìn về văn học và cái nhìn của thực tế cuộc đời với Thư.

"Ông nhìn xem, tất cả những kiệt tác, những áng văn giá trị với tư tưởng siêu việt tuyệt hảo thường bắt nguồn từ bất hạnh. Solzenitsin nổi tiếng với Quần đảo Gulag và chết tươi sau đó vì nhà văn đã thoát khỏi nỗi bất hạnh. Vũ Trọng Phụng khi chết chỉ thèm khát một miếng bí tết. Phan Nhật Nam đã từng lội bao nhiêu năm, đối mặt với chiến trường mới đủ chất liệu và tư tưởng về lính, phải vậy không?" Tân tiếp tục: "Không phải nói thế để nản chí ông, nhưng cứ suy nghĩ đi, một tác phẩm giá trị không thể viết bằng sự dễ dãi, thoải mái của cuộc sống". Thế còn gì nữa? Thư hỏi lại. "Chẳng còn gì nếu ông muốn viết chơi viết bời, viết theo kiểu lấy lòng mọi người. Nói thật, nhiều thằng tôi khinh hơn cứt, viết ra toàn những câu nịnh khéo để được chúng nó thưởng cho bằng cách xoa đầu như con nít. Ông muốn viết như thế thì mình đổi đề tài. Này, cái xe đã chữa xong chưa?" Thư trả lời Tân: "Đừng đùa chứ, cuộc đời này còn chó gì đề tài nào khác để mình phải nói. Ông cứ nói những gì cần". "A, thế ra ông không thích viết để những thằng bỏ mẹ xoa đầu, cho ăn kẹo ngọt để chúng nó tiếp tục làm trò hề với mọi người, nếu thế thì được nhưng... khó lắm". Rồi Tân cười, nụ cười thoải mái như vừa gỡ được một thông điệp quan trọng cho mọi người.

Những ngày sau đó, cái "khó lắm" mà Tân nói, đúng thật. Thư bị ngượng tay mỗi khi cầm cây bút. Khó thật, có nên viết điều này, có nên nói việc kia. Nhiều lúc, nhìn cây bút với tờ giấy Thư có cảm tưởng như bị thách đố. Thách anh đấy, viết đi, viết những gì anh nghĩ, còn anh viết gì không giống như anh đang nghĩ tôi không tuân lệnh bàn tay anh. Có lúc Thư đã thua, không ra lệnh được cho cây bút, nhất là mỗi lần cầm bút mà không thật lòng, dần dần, Thư thua hẳn, không viết nổi mỗi khi cầm bút. Thư đã thấy cái "khó lắm" bắt đầu lộ diện và suy nghĩ để tìm cách không bị ngượng tay viết nữa. Đó chính là một trong những thay đổi đang xảy ra với Thư...

Khoảng vài tuần lễ sau, gặp lại Tân, Thư than: Tôi thua, không viết nổi nữa, ông có trách nhiệm đã giết chết một ngòi bút đang lên. Tân phá ra cười ha hả: Có thế chứ, thua ngòi bút là biết tôn trọng ngòi bút, và tôi bắt đầu sợ ông... sợ tất cả những ai biết tôn trọng ngòi bút... Tân tiếp: Ông không thua đâu, ông đang chiến đấu đấy... khó lắm, tư tưởng cần cô đơn.

VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

Nhạc sĩ Hoàng Trọng đến Mỹ

Những người yêu nhạc vào lứa tuổi 50 bây giờ hẳn là sẽ rất vui mừng lại được tái ngộ với một người viết nhạc đã một thời làm ngây ngất bao nhiêu con tim với những bản tình ca trong sáng: "Mộng Lành", "Ngàn Thu Áo Tím", "Mộng Ban Đầu". Hoặc là ở một ca khúc khác, bài "Nhạc Sầu Tương Tư", tác giả đã làm bao nhiêu đôi trai gái thời đó đắm chìm đến hôn mê trong một cuộc tình tưởng như nát tan cả vũ trụ!

Nhưng nói cho cùng, nhớ Hoàng Trọng, người ta nhớ những bài Tango của ông, rất ít nhưng đậm sâu. Hãy tưởng tượng vũ trường Saigon mà thiếu vắng những bài Tango bay bướm và ray rứt, những bài Tango vừa cao sang đài các, vừa ngây thơ lãng mạn! Nhiều người có thẩm quyền trong làng ca nhạc đã phong tặng Hoàng Trọng là "Vua Tango". Người ta cũng không quên hai ca khúc đượm tình dân tộc tha thiết của ông.

Hoàng Trọng và Ban "Tiếng Tơ Đồng" là một. Trên đài truyền hình Saigon hằng tuần, khán thính giả vẫn chờ đợi các buổi phát hình của Ban Tiếng Tơ Đồng Hoàng Trọng.

Bây giờ thì Hoàng Trọng đang có mặt ở đây. Ông đã tới Hoa Kỳ trong chương trình ODP. Ông cho biết các tác phẩm của ông cũng bị cấm ở Việt Nam, nhưng về sau này vì đòi hỏi thưởng ngoạn nghệ thuật của quần chúng, chính quyền CSVN cũng phải buông thả phần nào. Trong thời gian ở lại Việt Nam, Hoàng Trọng cũng có được bốn sáng tác mới. Ông để dành ra mắt bà con vào tháng Tám.

Lại "khó lắm". Thế thì còn viết chó gì nữa. Thư nghĩ thế, tạm quên chuyện viết lách đi xem sao nhưng lòng dạ bồn chồn, chính vào những lúc không muốn viết thì cây bút lại ám ảnh, quyến rũ mời mọc nhiều nhất. bao nhiêu điều để viết, bao nhiêu ý nghĩ để gởi gấm. Thư cứ trằn trọc ưu tư, cầm bút lên lại bỏ xuống, viết vài đoạn lại xé, lại gạch nát ra.

Cứ khổ sở dằn vặt như thế đến quãng mươi hôm, vào một buổi tối thì vợ Thư bắt đầu xía vào khi thấy Thư đang ngồi ngúc nga ngúc ngắc trên bàn như đang đánh vật với ngòi bút. Cô nàng lên tiếng: "Gớm, dạo này thấy anh cứ đực ra như trẻ con ỉa đùn, sao thế?" "Có gì đâu, viết không được, không hiểu sao". Thư trả lời. Vợ Thư buột mồm: "Thì nghĩ một đàng, lại muốn viết một nẻo thì thế chứ sao?" Thư tím mặt: "Sao em bảo thế?" Vợ Thư thong thả đến ngồi bên cạnh, vòng tay ôm vai Thư, xem ra có vẻ âu yếm nhưng nụ cười cô nàng có vẻ đểu: "Em là cứ đi guốc trong bụng anh, thương anh lắm mới nói thật là thấy anh viết thì em để cho anh viết chứ anh toàn nói chuyện tốt đẹp mà anh có bao giờ làm được". Thư nghĩ bụng a thương quá, thương kiểu này có mà bỏ mẹ. Rồi cô nàng chận đầu Thư bằng cách ngả đầu lên vai anh, thỏ thẻ: "Sao anh viết khuyên người ta không gửi tiền về Việt Nam cho gia đình mà tháng nào anh cũng gửi, anh nói chuyện công chính với mọi người sao anh không nói với cô Luyện, em ruột của anh ấy... cho cô ấy bơn bớt đi một tí". Thư nổi cáu, định quăng cái bút thật mạnh vào tường, mặt không tím mà là xanh tái đi, Thư muốn tát cho vợ một cái nhưng không hiểu sao cánh tay như rũ liệt không quăng nổi cái bút, không tát nổi vợ. Thư cay cú lẫn cay đắng ngồi phồng ra, thế này là đâm tiết heo đẳng đít đây, mình đã bị lão Mục Tảo làm bị thương, Tân làm phù phép đến không cầm bút nổi nhưng cô nàng mới hạ đo ván. Làm thế nào bây giờ, viết không xong mà không viết cũng không xong. Thư đứng dậy bỏ ra ngoài sân hút thuốc.

Đêm đang xuống, cảnh vật im lìm mờ nhạt, gió mát lạnh rì rào qua cành lá giữa khoảng vườn yên tĩnh. Thư ngồi im lìm trên chiếc ghế dài với điếu thuốc. Lòng lại dậy lên như biển động giữa không gian êm ả của góc vườn về đêm. Thư nhủ thầm thế là tâm bất ổn đấy, nhưng tiên sư sao vợ mình lại kê tủ đứng giữa mồm mình thế này, mình viết cũng ra gì, khối bạn bè viết lách đều khen cả mà sao Tân thì phù phép, còn vợ mình lại ngọt nhạt. Thư miên man đốt thêm thuốc, nếu không giải quyết được thì đành là phải bẻ bút mất. Vậy ra là xưa nay những kẻ khen mình là vì thói quen, hơi tí cũng khen nhắng lên. Mà mình dại thật, cứ như trẻ con, khỉ thế! Cứ được khen là thích mới chết. Nhưng có thể những kẻ khen văn mình chẳng biết chó gì cả, mới viết vậy mà chúng nó đã khen có nghĩa là chúng nó hoặc chưa viết được những gì mà mình đang bị hành hạ hoặc là chúng nó chỉ mong muốn viết đến cái độ mà ngay lúc này mình đang muốn đạp bẹp ra cho nhão nhoét. Thôi chết rồi, thật thế rồi! Cứ xem cách chúng nó sống và những gì chúng nó viết thì phải biết là chúng nó chẳng ra gì. Chính Tân với vợ mình không muốn mình cá đối bằng đầu với cái loại không ra gì đó nên mới ưu tư đến chuyện viết lách của mình. Đến là xấu hổ rổ ruốc.

Thư phân vân bao giờ mình mới thụ đắc được những điều ấy. Lúc này, hai tiếng "Khó lắm" với khuôn mặt cười cợt của Tân như đang lởn vởn trước mặt Thư: "Ông phải nhớ rằng một

nhà văn xứng đáng phải có nguyên tắc và phải trung thành với những nguyên tắc của mình như một con chó trung thành với chủ. Có thế mới không thẹn với những gì viết ra, có thế tâm hồn mới thăng hoa, tư tưởng mới triển nở và văn chương mới ý nghĩa... Ấy là tôi chưa nói đến sự cần thiết của một tấm lòng bao dung nơi con người nhà văn, lòng nhỏ nhen giết chết tài năng và ngược lại, như bóng với hình, kém tài năng thường dẫn đến sự nhỏ nhen. Thử hỏi ông với lòng dạ như thế thì còn viết gì nữa".

Thư lại châm thêm thuốc, nhìn xuống đầu gối mình trong bóng tối nhạt nhòa. À ra thế mới phải, có thế chứ không lẽ làm nhà văn lại dễ dàng, đơn giản như mình viết vài câu chuyện nhăng nhít, nếu mình cứ tưởng bở nhận cái tước hiệu nhà văn thì hoặc mình dở hơi tưởng mình ngang hàng với những vóc dáng Nguyễn Du, Nhất Linh, với Hugo, với Steinbeck hay Thôi Hiệu. Điều này vừa láo toét vừa ngu ngốc. Hoặc là mình kéo những tài năng như Phan Nhật Nam, Nguyễn Chí Thiện, Exupery, Tolstoi, Vũ Trọng Phụng, Khái Hưng xuống ngang hàng với hình như người ta gán cho mình cái tước hiệu nhà văn hiện nay.

Không được, vô giáo dục, nhà văn cũng năm bảy đường nhà văn. Muốn mọi người gọi bằng cái tước hiệu trang trọng đó, và để thoải mái chấp nhận tước hiệu ấy, buộc là phải vươn lên, vươn lên mãi, dù hết đời chưa đạt được thì ít ra cũng xứng đáng với chính mình, đã cố gắng hết sức để khai thác khả năng riêng mà thượng đế đã ban cho, và đã làm đẹp lòng thượng đế. Đó là nguyên tắc đầu tiên cho tước hiệu cao quí Nhà Văn, bằng không, chỉ là những anh dở hơi vừa ngu vừa dốt lại thiếu tư cách. Vì nếu ai cũng xem thường hai chữ nhà văn như hiện nay thì cuối cùng, những tên đốn mạt chuyên kể chuyện đời riêng tầm thường của mình cũng sẽ tưởng mình là một nhà văn, một em gái cải lương làm mấy câu thơ cóc chết ỉ on cũng nghĩ mình là thi sĩ. Văn chương như vậy thuộc về cá nhân, là nhật ký riêng tư chỉ nên dành riêng cho tác giả vì không nói được tiếng nói của đám đông, không diễn tả trung thực được ước muốn của một tầng lớp quần chúng hay của một tập thể, chẳng hạn quân đội. Sẽ không đóng góp được tư tưởng ích lợi gì cho những vấn nạn của xã hội về dân trí, tội ác, lừa lọc, lương tâm và hàng nghìn vấn đề phức tạp khác của con người mà gia đình, học đường bất lực. Nhìn xa hơn và cao hơn không đóng góp được gì cho một dân tộc. Cũng không mang lại được gì tốt đẹp cho cuộc sống, không khai phá được những bế tắc của nhân sinh, không giải quyết được những vấn nạn của con người và do đó, không thăng hoa tâm hồn con người. Văn chương cá nhân như thế chỉ là thứ biểu hiện cho thú tính háo danh, thỏa mãn nhu cầu bậc ba "Self Esteem", phục vụ cho chính cá nhân người viết. Và thảm cảnh lại bắt đầu. Không ai sẽ tôn trọng tước hiệu nhà văn vì có những kẻ cầm bút chưa tôn trọng và hãnh diện với chính ngòi bút của mình. Không có lòng hãnh diện, sẽ không bao giờ là một nhà văn xứng đáng. Không có sứ mạng, ngòi bút là cây viết học trò, là phương tiện tầm thường của mọi người nhưng may mắn có cái đồng dạng với phương tiện chuyển đạt tư tưởng của những Nhà Văn đích thực.

Thư đứng dậy bước vào nhà, thấy thoải mái với những gì vừa nghĩ trong đầu. Hai hàng kệ sách đầy báo chí, tập san có những bài vở dưới bút hiệu Thư Sinh vẫn được cẩn thận trang trọng giữ gìn như mả tổ nằm phơi ra đến là vô duyên. Trước đây, hễ ai mà động đến thì Thư sốt ruột đến muốn điên lên, sợ nhỡ mất đi những bài viết quí giá, cả tim óc với bao thời giờ. Thư lôi hết báo chí, sách biếu cho vào hai thùng đầy. Còn tiếc à? Thư tự hỏi khi thấy mình hơi thẫn thờ trước khi trút chồng sách báo cuối cùng vào thùng. Phải chọn lựa dứt khoát.

Đang lúc còn tần ngần như thế thì vợ Thư từ phía trong bước ra, miệng cười cười. Nụ cười tươi như hoa nhưng vẫn mang vẻ đểu đểu thế nào ấy. "Anh làm gì thế?". Thư gằn giọng vẻ quyết liệt: "Quăng thùng rác". Cô nàng nhẹ nhàng đến thất ruột: "Gớm thế cơ à! Trước đây hễ ai động vào thì anh làm như đỉa phải vôi, cái gì làm anh thay đổi thế? Em đề nghị thế này khí không phải nhưng cứ để em gói đồ lặt vặt, cùng lắm để con nó xếp đồ chơi, vậy cũng mua vui được cho con nít chứ không à?" Thư cười lại, đùa lại cô nàng: "Mai em phải ra chợ mua cho anh một lố bút mới, hình như đang đại hạ giá có đồng bạc một chục cái. Nhưng giá trị không phải ở cây bút viết ra mực, quan trọng là tư tưởng viết ra như thế nào. Biết đâu một đồng bạc của em thành một tài sản không ai mua được của anh. Hà hà". Thư kết thúc câu nói bằng nụ cười của Lão Mục Tảo trước vẻ mặt ngạc nhiên của vợ.

NGUYỄN TƯỜNG PHONG
New Orleans,
March 30-1992

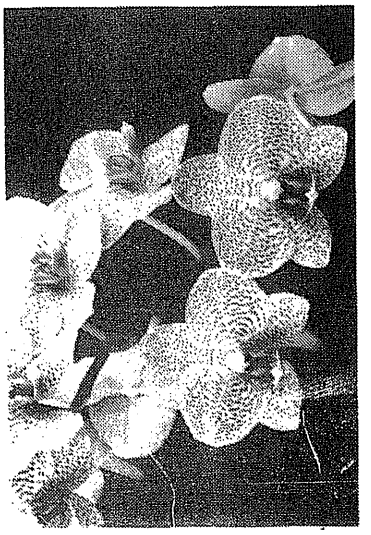

BẠCH KHUYỂN TAM TÚC

Nguyên tác: **Đại Nam hiển ứng truyện**
Tác giả: **Vô Danh**
Bản dịch của: **Phạm Xuân Hy**

Tỉnh Sơn Tây (1), huyện Lập Thạch, có hai anh em nọ, gia cảnh cực bần, ngụ cư ở dưới chân một ngọn núi, ngày ngày bán củi kiếm ăn.

Trong nhà nuôi một con chó cái, đẻ được một con chó trắng ba chân. Ai nấy đều cho là vật bất tường, khuyên hai anh em nhà ấy vứt đi, nhưng họ không nghe.

Một hôm có một người Tàu, thân hình gầy guộc như que củi, đen đủi như đất thó, đến ăn xin ở trước cửa.

Hai anh em bèn đem cơm canh ra khoản đãi.

Người Tàu ấy bảo với họ rằng:

"Ta không phải người mà là thần giữ của. Trước đây tướng nhà Minh là Mã Kỳ có chôn một ngàn cân vàng và ba ngàn cân bạc ở chỗ này, nhờ ta trông coi, hẹn là một trăm năm sẽ đến lấy, nhưng nay đã mãn hạn, mà chẳng ai nhận cả. Ta muốn bỏ mà về, nhưng tiếc huyệt vàng nhà họ Mã, không biết vào tay ai. Thấy hai anh em ngươi có lòng trọng kính ta, vậy ta tặng số của cải này, tuy thế phải có chó trắng ba chân nhiên hậu mới được."

Hai anh em bèn đem con chó trắng ba chân ra cho người Tàu coi.

Người Tàu lại nói:

"Đây là trời ban cho anh em ngươi!"

Rồi bảo giết chó lấy thịt đem ra chỗ huyệt đó mà tế. Đoạn biến mất.

Hai anh em làm theo lời dặn của người Tàu.

Bỗng thấy cửa huyệt mở toang, bên trong vàng bạc tích chứa đầy như núi. Hai anh em lấy mang về nhà.

Bấy giờ là thời Mạc Đăng Dung tiếm ngôi nhà Lê (2).

Hai anh em ấy bèn đem một trăm cân vàng và một ngàn cân bạc nhờ nội thần nhà Mạc dâng cho Mạc Đăng Dung để mừng lễ tân quân đăng cơ.

Mạc Đăng Dung rất thích, phong cho hai anh em làm quận công.

Hai anh em trở về xây dựng dinh cơ, mua sắm điền sản, phú quí ngang với bậc công hầu.

Sau đó hai năm, có năm sáu người Tàu từ Trung Quốc sang nước ta, đến đâu cũng nằm lăn ra mà gào khóc.

Hai anh em đến hỏi, thì bọn họ trả lời:

"Chúng tôi là hậu duệ của Mã Kỳ. Trước kia ông tổ chúng tôi có chôn cất kim ngân của cải ở đất này, hiện có sấm ký đây. Chẳng biết bị kẻ nào đào lấy đi hết?"

Hai anh em đáp.

"Chính chúng tôi lấy!"

Bọn người Tàu nói:

"Muốn lấy được số của cải chôn dấu ấy ắt phải có chó trắng ba chân thì mới lấy được. Các ông từ đâu mà có loại chó này?"

Hai người đáp:

"Trước kia nhà chúng tôi có con chó đẻ được con chó trắng ba chân, người ta đều cho là quái vật, muốn giết đi..."

Bọn người Tàu nói:

"Quả đúng vậy thì là trời ban cho các ông. Loại chó trắng ba chân này chỉ duy đất Quảng Tây chúng tôi mới có, nay lại sinh ra ở nhà các ông, nếu chẳng do trời thì còn gì nữa?"

Rồi lấy chó trắng mang theo đưa cho hai người coi.

Hai anh em tặng cho bọn người ấy ba chục cân vàng và một trăm cân bạc để làm lộ phí đi đường.

Bạn họ bái tạ rồi trở về nước.

Sau này khi nhà Lê lấy lại ngôi báu, hai anh em bị người trong làng tố cáo đã đem vàng lấy được dâng cho họ Mạc, triều đình bèn tịch thâu hết cả điền sản, tài hóa của hai anh em. Con cháu họ sau đều trở lại vi hàn như cũ.

Câu chuyện chó trắng ba chân, cũng như chuyện con ngựa của Tái Ông, hỏi có ai được mà chẳng đắn đo suy tính? Từ đời Trần mạt mất quyền bính, người Minh sang xâm chiếm cương thổ nước ta, hết sức cướp đoạt tài hóa, rồi tàng trữ cất giấu riêng để cho con cháu họ, vậy mà những của cải cất giấu ấy lại được nhà Mạc sử dụng trước, sau đến nhà Lê.

Tài sản của nước Nam thì tất phải thuộc quyền sở hữu của người Nam ta.

Đạo trời há có thể nói sai được sao!

Cước chú:

(1) Sơn Tây tỉnh: Tỉnh Sơn Tây đời Hùng Vương thuộc Chu Diên Phúc Lộc bộ, vua Hùng đặt quốc hiệu là Văn Lang và kiến đô ở đấy. Sang đến Tần thuộc là Tượng Quận. Hán thuộc là Giao Chỉ quận. Ngô đổi là Tân Hưng Quận. Tấn lại cải là Tân Xương. Đường trí là Phong Châu Đô Đốc phủ, thuộc Lãnh Nam đạo.

Các vua ta từ Đinh, Lê, Lý, Trần gọi Quốc Oai Thừa Tuyên. Đến đời Gia Long đổi là Sơn Tây trấn. Năm Minh Mạng thứ mười hai mới gọi là Sơn Tây tỉnh. Lập Thạch là một trong 18 huyện của tỉnh Sơn Tây, thuộc phủ Vĩnh Tường.

(2) Mạc Đăng Dung: Năm Nhâm Ngọ 1522, Mạc Đăng Dung đưa Hoàng đệ Xuân, em vua Lê Chiêu Tôn lên làm vua, tức Cung Hoàng Đế. Sáu năm sau, tức năm Đinh Hợi 1527, lại phế vua Cung Hoàng Đế, và bắt thắt cổ chết cả hai mẹ con, rồi tự làm vua.

NHÌN QUA TÌNH HÌNH TIỂU THUYẾT ĐƯƠNG ĐẠI (1975-1990) Ở TRONG NƯỚC

PHẠM PHẬT LĂNG

LTS.- Phạm Phật Lăng là bút hiệu của một nhà giáo, hiện ở Sài Gòn. Trong một thư gửi ra ngoài, ông cho biết "đã được đọc hai số báo Thế Kỷ 21," *và "muốn cộng tác."* Thế Kỷ 21 *Hân hạnh giới thiệu Phạm Phật Lăng với độc giả, qua loạt bài đi nhiều kỳ, có tựa đề chung là "Nhìn qua tình hình tiểu thuyết đương đại (1975-1990)."*

Gần đây, độc giả ở hải ngoại thỉnh thoảng cũng đọc được một vài cuốn sách in ở trong nước, hoặc tái bản ở Mỹ, Canada. Những cuốn sách đó là những "mảnh vụn" của một dòng sinh hoạt văn học trong nước, lọt ra ngoài, cũng gây tranh cãi sôi nổi. Có thể, Phạm Phật Lăng đứng ở vị trí một người "tại chỗ," nhìn được toàn cảnh của sinh hoạt, muốn đem đến cho độc giả hải ngoại những thông tin cần thiết về thực trạng văn học trong nước. Điều kiện thực tế không cho phép có được những phối kiểm để bảo đảm tính khách quan, chính xác của những thông tin này, Thế Kỷ 21 *chờ đợi hồi âm từ mọi phía.*

Sau năm 1975, tại Việt Nam xuất hiện một loạt cây viết trẻ. Thế nào là những cây viết trẻ? Họ là những người trước hoặc sau năm 1975 chỉ khoảng 20 tuổi. Họ không tham gia cả hai cuộc chiến tranh 1945-54 và 1960-75. Cho đến năm 1990 -- sau 15 năm - tuổi đời của các cây viết này trung bình là 35.

Một vài nhà văn nương theo đà không khí đổi mới, đã công bố các tác phẩm gây sự chú ý của dư luận, mặc dầu trước 1975 họ chỉ mới tập tễnh vào nghề. Đặc biệt ở Sài Gòn và Hà Nội xuất hiện những tên tuổi làm nên một giai đoạn văn học với một lực lượng đông đảo như sau:

Nguyễn Mạnh Tuấn, Trần Văn Tuấn, Nhật Tuấn, Nguyễn Đông Thức, Đào Chí Hiếu, Nguyễn Quang Lập, Trần Trung Chính, Tạ Duy Anh, Đoàn Lê, Khôi Vũ, Lê Minh Quốc, Đào Hiếu, Nguyễn Trí Huân, Nguyễn Đức Thọ, Đặng Thư Cưu, Dương Hướng, Nguyễn Khắc Trường, Nguyễn Huy Thiệp, Dương Thu Hương, Phạm Thị Hoài, Ma Văn Kháng, Bùi Chí Vinh, Đoàn Vị Thượng, Dạ Ngân, Nguyễn Nhật Ánh, Nguyễn Khắc Phục, Diệp Hồng Chương, Hồ Thị Ca, Trương Nam Hương, Nguyễn Hữu Vang, Bảo Ninh, Mường Mán, Trần Mạnh Hảo...

Vậy những đề tài mà họ viết là những gì?

Sau năm 1975, tâm lý, ước vọng, lo toan của con người cũng khác. Đầu thập niên 80 họ đã phê phán chế độ quản lý bao cấp, lỗi thời vốn làm phát sinh những hiện tượng tiêu cực, những vụ việc hối lộ, tham ô, mà nhiều tội phạm là đảng viên Cộng Sản. Rồi sự xuống cấp về tinh thần, sự phá hủy nhân tính, họ lấy những tài liệu trực tiếp của cuộc sống.

Ai chịu trách nhiệm về suy thoái đạo đức và đời sống đói khổ của nhân dân ngày nay? Đó là câu hỏi gay gắt. Văn chương của các cây viết trẻ càng ngày càng chứa đựng thực tế cuộc sống, suy ngẫm nhiều về con người, đi vào đời thường và quan tâm đến dư luận xã hội. Những tiểu thuyết do họ viết có giá trị hiện thực. Nó là cái tâm tư thực sự đã nói lên nỗi lòng xót xa của bao thế hệ thanh niên dưới chế độ Cộng sản: Con người đau khổ bị vùi dập; sự thất bại ê chề trong quá trình đấu tranh của người Cộng sản; đánh mất niềm tin, ray rứt giữa thực tế và lý tưởng; nỗi khốn cùng của con người do hoàn cảnh xã hội gây ra.

Họ thậm chí kêu gọi "Hãy trả lại quyền tư hữu cho mọi người," lên án chế độ bao cấp, tập thể hóa, lên án tư tưởng bao cấp, cường điệu quá mức khi phê phán tư tưởng tư sản. Văn chương đi vào xu thế vi mô,

NGƯỜI VIỆT HẢI NGOẠI

Khóa tu nghiệp sư phạm 1992

Nhằm mục đích trao đổi kinh nghiệm, trau giồi khả năng, kết tình thân ái và nhất là nung nấu tinh thần của quý thầy cô giáo Việt ngữ, Ban Đại diện các Trung tâm Việt ngữ Miền Nam California với sự hỗ trợ của Hội Ái hữu Cựu Giáo chức Việt Nam tại Hải ngoại, tổ chức khóa Tu nghiệp Sư phạm 1992 dành cho quý thầy cô giáo đang giảng dạy tại các Trung tâm Việt ngữ, cũng như các anh chị em thanh niên, sinh viên có ý định tham gia công tác giảng dạy Việt Ngữ trong tương lai.

Khóa Tu nghiệp Sư phạm 1992 được tổ chức dưới hình thức thuyết trình, thực tập, thảo luận, sinh hoạt và lửa trại.

Thời gian: từ 7g00 chiều thứ Sáu 14 tháng Tám 1992, đến 4g00 chiều Chủ nhật 16 tháng Tám 1992. Địa điểm: Devine Word Missionaries , 1136 Cypress Ave., Riverside, CA 92505. Địa chỉ liên lạc: Ban Tổ chức Khóa Tu nghiệp Sư phạm 92, 3558 Third St., Riverside, CA 92501.

bám sát cuộc sống, đặt con người vào tọa độ tiềm thức, vô thức.

Kịp đến năm 1986, khi chính sách mở cửa của Đảng Cộng sản Việt Nam về vấn đề văn hóa, văn nghệ được đặt ra, có sự nới lỏng, "cởi trói," của công tác quản lý, thì các cây viết trẻ nhìn chiến tranh, lúc trước kia với luận điệu tuyên truyền nay khác hẳn.

Các cây viết trẻ không còn coi chiến tranh là "thần thánh" nữa mà chiến tranh chỉ là một sự bất hạnh lớn nhất. Quá khứ là chiến tranh, tương lai cứ trôi tuột khỏi tay. Họ lên án văn học chiến tranh, cho rằng chữ nghĩa chỉ dùng cho chính sách chứ không cho con người, lên án sự dối trá, sự hứa hẹn suông...

Ngoài lực lượng trên, còn một bộ phận cây viết trẻ -- trong suốt 15 năm -- là những nhà văn "bán chữ" coi sách vở là "hàng hóa." Họ nhanh nhạy trong việc khai thác thị trường, cho ra đời những tác phẩm thuộc tuổi mới lớn, tuổi hồi xuân, tình yêu lãng mạn với lối văn dễ dãi, bịa đặt, khiên cưỡng, không có chất văn học, những "tác phẩm" rẻ tiền nhưng ăn khách, với một nội dung vô bổ, tình ái mùi mẫn, phi lý, ấu trĩ.

Những "cây viết" này xào nấu lại những cuốn của Kim Dung, Mai Thảo, Quỳnh Dao, Nhã Ca, mà câu văn (mới) chẳng theo mẹo luật. Có những cuốn sách cũ được đổi tên, thay bìa. Phải kể đến hiện tượng Liêu Quốc Nhĩ, người phóng tác những cuốn truyện tình cảm Quỳnh Dao, rồi cơn lũ kiếm hiệp, chưởng phóng tác. Những sách này lại ăn khách, dễ tiêu thụ.

Một xu hướng khác của các cây viết trẻ là dành những truyện ngắn hoặc dài để đi vào tuổi áo trắng, tuổi học trò, đời sinh viên...

Loạt bài này cũng sẽ điểm qua một số các nhà phê bình văn học Cộng sản trong 15 năm qua như GS Lê Ngọc Trà, Bùi Công Hùng, Châu Khoa, GS Trần Thanh Đạm, Ngô Thảo, Phùng Quí Nhâm, Nguyên Ngọc, Nam Hà, GS Hoàng Ngọc Hiến, GS Lê Đình Ky, Mai Văn Tạo, Trần Hữu Dung, Mai Quốc Liên...

Chúng tôi tạm xếp đặt các nhà phê bình nói trên vào hai khuynh hướng đối chọi. Một đằng là "đồng tình", một đằng "phê phán", những cây viết trẻ. Phe bảo thủ (phê phán) chủ trương văn học yêu nước phải mang định hướng XHCN; xu thế vĩ mô phải là chủ đạo. Số phận riêng của mỗi người phải gắn bó với số phận chung của dân tộc. Với họ các cây bút trẻ là những người "có vấn đề," có quan điểm đi trệch, là những người hữu khuynh...

Quan điểm "đồng tình" nói rằng các tác giả này có cảm hứng hiện thực, tự nhận thức lại mình, tìm tòi về thân phận con người, bám sát cuộc sống, rằng văn học thời chiến là văn học một chiều, nặng tính sản xuất nhỏ, thiếu tư tưởng bật thức, có tâm lý e ngại, né tránh. Phê bình không nên có giọng lạc điệu, cắt xén tác phẩm, truy chụp tác giả.

Các cây bút trẻ viết những tác phẩm có giá trị nhân bản, với nồng độ triết luận, hòa nhập với quần chúng, quan tâm đến dư luận xã hội.

Nhiệm vụ của phê bình là tìm cách giải mã văn học... Trước kia nhà văn và văn học chỉ biết quay mặt vào nhau, lo toan những điều xa lạ với số đông; tự mình tách khỏi dòng chảy cuộc sống.

Chúng tôi là người sống dưới chế độ cộng sản 17 năm qua, chỉ làm công việc thu thập và trình bày phác thảo sao cho có hệ thống những ý kiến tranh luận đánh giá của các nhà phê bình được phát biểu trong các cuộc Hội thảo Văn học tại Hà Nội, hoặc phản ảnh trên các báo *Nhân Dân, Văn Nghệ, Sàigòn Giải Phóng, Tuổi Trẻ Chủ Nhật*... Cách nhìn của chúng tôi là cách nhìn trung thực và "tại chỗ," cố gắng tránh định kiến, cốt làm sao toát lên được sự phác thảo của những diễn biến tư tưởng những nhà văn, đặc biệt nhấn mạnh vào những cây viết trẻ. Ngoài ra chúng tôi cũng trình bày, dẫn chứng ít nhiều những tác phẩm được chú ý của dư luận.

PHẠM PHẬT LÃNG

(Saigon, 1992)

TỰ DO VÀ KHỦNG BỐ TRONG MỘT CHUYẾN ĐI

TRƯƠNG VŨ

Cuối tháng Sáu vừa qua, một số thân hữu của nhà văn -- họa sĩ Võ Đình, đặc biệt là Đường Minh Hoàng, Phạm Nhuận ở Canada và Phó Ngọc Văn, Lê Văn ở Hoa Kỳ, tổ chức một cuộc triển lãm tranh và sách đánh dấu 35 năm cầm cọ, cầm bút của Võ Đình. Nhiều văn nghệ sĩ khắp nơi đã hẹn nhau cùng về Montreal, góp với Võ Đình một niềm vui đánh dấu 35 năm sống cho nghệ thuật và văn chương, và có dịp gặp gỡ nhau ở một thành phố đẹp, hiếu khách, có nhiều nét gần gũi với Sài Gòn.

Cuộc triển lãm của Võ Đình đã được chuẩn bị thật chu đáo với 35 bức tranh sơn mới nhất của ông. Bên cạnh cuộc triển lãm còn có một chương trình sinh hoạt được gọi tên *Đêm Trầm Hương* với sự hỗ trợ của những tài năng Việt Nam tại Canada.

Nhưng, một ngày trước khi nhóm văn nghệ sĩ ở Hoa Kỳ (gồm khoảng 30 người, phần đông đi từ California và Washington, D.C.) lên đường đi Canada, Ban Tổ Chức gọi điện thoại từ Canada cho biết họ đang chịu nhiều áp lực của BS Phạm Hữu Trác (Chủ tịch Hội Y Sĩ Việt Nam tại Canada và cũng là Chủ tịch Hội Y Sĩ Việt Nam Tự Do trên thế giới) và BS Lâm Thu Vân (Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị Cộng Đồng Người Việt Quốc Gia Vùng Montreal), khi hai vị này quyết định rút tên khỏi Ban Tổ Chức để phản đối sự hiện diện của các nhóm *Hợp Lưu* và *Trăm Con* tại các sinh hoạt của Võ Đình và đe dọa sẽ có biểu tình tại phòng tranh và *Đêm Trầm Hương*.

Vài ngày trước đó, các báo Việt ngữ ở nhiều nơi nhận được một bản tin gởi đi từ Canada báo động là Việt Cộng vừa tung ra chiến dịch "Bông Hồng Xám." Do đó, tình trạng được mô tả là rất căng thẳng.

Thông cảm với các khó khăn của bạn bè trong Ban Tổ Chức, tất cả các văn nghệ sĩ đến từ California và Washington DC đã quyết định không tham dự các sinh hoạt này.

Đây là một "biến cố văn nghệ" làm nổi bật lên ba vấn đề lớn của các cộng đồng Việt Nam hải ngoại:

* quyền tự do phát biểu của nhà văn.
* quyền tự do đi lại.
* quyền tự do tiếp xúc.

1. Quyền tự do phát biểu của nhà văn:

Trong chế độ Cộng sản, chuyện khủng bố người viết là chuyện thường tình. Và đó cũng là một trong những lý do khiến mọi người muốn đạp đổ chế độ hay bỏ chế độ ra đi. Nhưng đã bỏ chế độ ra đi và sống trên các nước tự do, người cầm bút Việt Nam lưu vong vẫn bị khủng bố bằng nhiều cách khác nhau. Cách khủng bố thường thấy nhất là chụp mũ Cộng sản.

Trong biến cố vừa rồi ở Canada, hai tờ tạp chí bị chụp mũ Cộng sản là tờ *Hợp Lưu* xuất bản ở California, Hoa Kỳ và tờ *Trăm Con* xuất bản ở Toronto, Canada. Lý do chính là những tạp chí này chủ trương đăng cả bài của những người trong nước. Bài vở đăng tải trên các tạp chí đó là của nhiều cá nhân khác nhau, có quá khứ khác nhau, có cách yêu nước khác nhau. Có thể có bài hay, bài dở. Có thể có những nhận định được một số thành phần độc giả cho là sai lầm. Tuy nhiên, những nhận định đúng hay sai, nếu có, ở trên những tạp chí này cũng như ở trên bất cứ tạp chí nào khác, đều sẽ phải trả một giá tương xứng về uy tín của người viết và lòng tin cậy của người đọc dành cho tạp chí đó.

Vào lúc này, từ thâm tâm của mỗi người Việt Nam đã trưởng thành trong chế độ Việt Nam Cộng Hòa không biết có bao nhiêu người tin rằng nếu cuộc tranh đấu chỉ nhân danh những người quốc gia trước 1975, thì cuộc tranh đấu đó sẽ dễ dàng thuyết phục bốn mươi triệu đồng bào miền Bắc có liên hệ chằng chịt với ba triệu người gồm đảng viên Cộng sản, bộ đội, công an? Hay, ngược lại, sự nhân danh đó sẽ chỉ làm cho họ thêm đoàn kết để chống đối, và rồi mục tiêu cao đẹp về một nước Việt Nam Tự Do, Dân Chủ sẽ không bao giờ thực hiện được?

Khi nói chuyện cứu nước, dựng nước, không ai có thể chối bỏ thực tại. Cái thực tại Việt Nam là thực tại của một đất nước thống nhất nhưng một dân tộc chia rẽ, nghèo đói, và chậm tiến. Đối với những người quốc gia trước 1975, một thực

tại khác không thể chối bỏ được là thành phần chủ lực của mình không ở trên quê hương. Nhưng cho dù những nhận định này đúng hay sai, thì vấn đề quan trọng nhất đối với một người yêu nước vẫn là làm sao để đạt đến tương lai của một nước Việt Nam Tự Do, Dân Chủ, Thịnh Vượng, mà trong đó bất cứ thứ chuyên chính nào cũng đều bị loại trừ. Quá khứ đáng được ấp ủ và yêu thương, nhưng không có nghĩa chỉ biết có quá khứ để làm thui chột mọi hy vọng cho một tương lai tốt đẹp hơn của đất nước.

2. Quyền tự do đi lại:

Các sinh hoạt như triển lãm tranh, *Đêm Trầm Hương* ở Montreal, dù có chủ đích kỷ niệm hoặc tôn vinh một cá nhân văn nghệ sĩ, cũng vẫn là những sinh hoạt công cộng. Đây không phải là sinh hoạt của một Câu Lạc Bộ tư dành riêng cho hội viên của họ. Do đó, *không ai có quyền cấm cản bất cứ một cá nhân nào đến tham dự các sinh hoạt này.*

Trong những ngày cuối tháng Sáu ở Montreal, có rất nhiều văn nghệ sĩ đến từ xa hoặc ở tại Canada, đã phải quay lưng lại với các sinh hoạt văn hóa ở đây, mặc dầu, đó là những sinh hoạt mà họ, cũng như cộng đồng nói chung, rất muốn có trong đời sống.

3. Quyền tự do tiếp xúc:

Sau vụ BS Dương Hồng Huy phải từ chức Phó Chủ Tịch Hội Y Sĩ Việt Nam vì đã tổ chức họp mặt với Trịnh Công Sơn tại nhà riêng, chuyện "gặp Trịnh Công Sơn" trở thành một sự kiện có khả năng hủy hoại uy tín của một cá nhân hay một tổ chức.

Theo Ban Tổ Chức, có người đã phao tin là phái đoàn văn nghệ sĩ từ Mỹ sang đây kỳ này chỉ nhằm mục đích gặp Trịnh Công Sơn (đang du lịch ở Canada), để "nhận chỉ thị."

Những người từ Mỹ sang đón nhận nguồn tin này như nghe một chuyện khôi hài. Tất nhiên tất cả đều đồng ý là chuyện gặp Trịnh Công Sơn hay không là tùy quyết định của mỗi cá nhân. *Không ai tự cho mình cái quyền buộc hay cản người khác gặp Trịnh Công Sơn và cũng chẳng ai cho phép người khác có được cái quyền đó.* Quan điểm này *được đặt trên căn bản tôn trọng quyền tự do tiếp xúc của mọi người và tôn trọng sự trưởng thành, sự tự tin, và lòng tự trọng của mọi người.*

Tất cả những hành động vi phạm các quyền căn bản của con người xẩy ra ở Montreal nói trên chỉ phát xuất từ một thiểu số. Nhưng cái giá mà cộng đồng phải trả lại quá cao. Đó là cái giá của một không khí mất tự do, một không khí mà mỗi cá nhân hoặc sẽ im lặng hoặc sẽ rất rụt rè khi phải phát biểu suy nghĩ thật của mình, một không khí chỉ đáng hiện hữu trong một xã hội chuyên chính và chậm tiến. Tới một lúc nào đó, cộng đồng phải can đảm trực diện với những vấn nạn này để không cho phép bất cứ một cá nhân, một đoàn thể nào được quyền lạm dụng một chiêu bài chính trị để thao túng cộng đồng. Những hành động chụp mũ, khủng bố chỉ có thể hữu hiệu nếu cộng đồng giữ thái độ chịu đựng hay làm ngơ trước những hành động đó. Để giải quyết, mỗi cá nhân phải trực diện với vấn đề, phải tìm hiểu, phán đoán, và phát biểu thẳng và thật, sự đồng ý hay chống đối, dựa trên chính lương tâm của mình và khả năng nhận định của mình.

Bất cứ ai cũng có quyền nhân danh con đường mình đã chọn để chống đối người khác, nhân danh suy nghĩ "tự cho là đúng" của mình để chống đối suy nghĩ của người khác. Nhưng tất cả sự chống đối đó phải đặt trên bình diện tôn trọng những quyền căn bản của con người, trong đó có quyền được suy nghĩ không giống người khác.

Nhân danh Tự Do để chống Cộng sản, người chống cộng phải chấp nhận quyền của những người khác được tự do thông tin và thuyết phục, kể cả người Cộng sản hay người mà mình cho là có khuynh hướng Cộng sản. Nếu không chịu chấp nhận cái giá tối thiểu này, người chống cộng tự loại mình ra khỏi tập hợp những người chống cộng vì lý tưởng Tự Do.

THÔNG CÁO
của VĂN BÚT VIỆT NAM HẢI NGOẠI

Được biết trong thời gian hai ngày 27 và 28 tháng Sáu năm 1992 vừa qua tại thành phố Montréal (Canada), các nhân sự nòng cốt trong Ban tổ chức ba buổi sinh hoạt đánh dấu 35 năm cầm bút của họa sĩ kiêm nhà văn Võ Đình đã bị áp lực từ nhiều phía để ngăn cản sự tham dự của một số anh chị cầm bút đến từ Hoa Kỳ và Toronto, đặc biệt là các anh chị chủ trương hai tờ Hợp Lưu ở California (Hoa Kỳ) và Trăm Con ở Toronto.

Nhận thấy hành động nầy đi ngược với chủ trương và tinh thần bản Hiến Chương của VĂN BÚT QUỐC TẾ mà chúng tôi là một thành viên, VĂN BÚT VIỆT NAM HẢI NGOẠI cực lực phản đối mọi thế lực cưỡng bức sự tự do sinh hoạt, tự do phát biểu tư tưởng của giới cầm bút Việt Nam tại hải ngoại.

Làm tại Montréal, ngày 6 tháng 7 năm 1992
Chủ Tịch Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại,

TRANG CHÂU

NHẬN ĐỊNH CỦA TRUNG TÂM VĂN BÚT VIỆT NAM / ONTARIO VỀ THÔNG CÁO 6.7 CỦA VĂN BÚT VIỆT NAM HẢI NGOẠI

Ban chấp hành Văn Bút VNHN do nhà văn Trang Châu làm chủ tịch, sau 10 tháng nhận nhiệm vụ, vừa phổ biến đến báo chí bản thông cáo đầu tiên, ký ngày 6 tháng Bảy 1992, liên quan đến quyền tự do phát biểu của người cầm bút.

Nội dung bản thông cáo ấy gây nên một số thắc mắc trong dư luận, đặc biệt là giữa các hội viên Văn Bút, về cả hai mặt nguyên tắc cũng như lập trường. Trung tâm Ontario, trong phiên họp ngày 17 tháng Bảy, đã thảo luận và nhận thấy cần phải đưa ra bản nhận định dưới đây.

1. Xét về nguyên tắc:

Một tổ chức có tầm vóc quốc tế như hội Văn Bút, khi công bố một tuyên cáo để phản đối, cần phải minh danh những đối tượng cụ thể, chẳng hạn như một chính quyền, một hội đoàn, một nhóm người hay một cá nhân có hành vi độc đoán, hăm dọa hoặc khống chế người cầm bút bằng bạo lực. Thông cáo của Văn Bút VNHN chỉ viết một cách mơ hồ rằng ban tổ chức "buổi sinh hoạt đánh dấu 35 năm cầm bút của họa sĩ kiêm nhà văn Võ Đình đã bị áp lực từ nhiều phía" đó chính là thái độ của đông đảo quần chúng, là phản ứng tẩy chay của đồng bào cư ngụ tại thành phố Montréal đối với một số người cầm bút đến dự buổi sinh hoạt Võ Đình.

Nhà văn phổ biến tác phẩm của mình. Độc giả đón nhận hay tẩy chay. Cả hai phía đều hành xử quyền tự do tư tưởng. Hội Văn Bút không thể bênh vực bên này mà phản đối bên kia. Huống chi việc phản đối của Văn Bút lại nhằm vào số đông quần chúng "từ nhiều phía." Chúng tôi cho rằng Văn Bút đã sử dụng tiếng nói uy tín của mình một cách không chính đáng.

Cũng trong phần đầu của bản thông cáo, Văn Bút VNHN đã tường trình một chi tiết mà chúng tôi ngờ vực tính cách trung thực của chi tiết đó. Thông cáo viết:

"... *áp lực từ nhiều phía để ngăn cản sự tham dự của một số anh chị em cầm bút đến từ Hoa Kỳ và Toronto*, đặc biệt *là các anh chị chủ trương hai tờ Hợp Lưu ở California (Hoa Kỳ) và Trăm Con ở Toronto.*"

Đoạn văn này hàm ý rằng đồng bào tẩy chay *nhiều* người cầm bút từ phương xa đến, *trong đó* có nhóm Hợp Lưu và Trăm Con. Trên thực tế, chỉ có những người chủ trương hai tờ báo *Hợp Lưu* và *Trăm Con* bị tẩy chay. Không có lý do gì để những nhà văn nhà báo khác đến thăm Montreal lại bị đồng bào tại đây phản đối. Chúng tôi đặt câu hỏi: Hải ngoại có hàng trăm tờ báo Việt ngữ, tại sao đồng bào Montreal lại chỉ phản đối hai tờ này?

2. Xét về lập trường:

Điều lệ của Văn Bút VNHN có phần mở đầu bất di bất dịch rằng:

"*Chúng tôi, những người cầm bút có lập trường Quốc gia Dân tộc...*"

Thiết nghĩ, Hiến Chương Văn Bút Quốc Tế là nền tảng về nguyên tắc. Điều lệ Văn Bút VNHN là nền tảng về thái độ chính trị. Bất cứ hội viên nào cũng cần phải dung hợp hai nền tảng đó, nhưng không thể dựa vào Hiến Chương để bỏ Điều Lệ, hoặc ngược lại, bám chặt vào Điều Lệ một cách cứng nhắc để vi phạm Hiến Chương.

Một nhà văn bị hành hung như Duyên Anh, một tòa báo bị đốt phá như *Văn Nghệ Tiền Phong*, thì dù muốn hay không, Văn Bút cũng phải lên tiếng phản đối vì đó là nguyên tắc căn bản. Nhưng một người cầm bút tị nạn, khi đã vượt ra khỏi phạm vi quốc gia dân tộc, bị đồng bào tẩy chay, phản đối hay phê bình, thì việc lên tiếng của Văn Bút hoàn toàn không có ý nghĩa.

Ở một xã hội tự do, tiêu biểu như Hoa Kỳ, nữ tài tử Jane Fonda phát biểu ý kiến chống quốc gia mình, đứng trên nguyên tắc thuần lý, đó là quyền tự do của bà, nhưng dân

chúng Mỹ và nhất là các cựu chiến binh cũng có quyền phản đối và tẩy chay thái độ chính trị ấy, thậm chí có người còn coi là phản quốc. Và khi Jane Fonda bị đông đảo quần chúng phản đối, Văn Bút Hoa Kỳ hay bất cứ tổ chức nhân quyền nào cũng không thể "cực lực phản đối" thái độ của đám đông được, bởi không thể bảo vệ quyền phát biểu của nhóm này bằng cách ngăn cản quyền phát biểu của nhóm khác.

Văn Bút VNHN sinh hoạt trong một hoàn cảnh không giống các trung tâm Văn Bút của các quốc gia khác trên toàn cầu. Nếu không có cuộc tranh chấp chính trị Quốc Cộng, đưa đến biến cố tháng 4 năm 1975, thì ngày nay đã không hề có sự hiện diện của Văn Bút VNHN. Và nếu cuộc tranh chấp Quốc Cộng không tiếp diễn, thì bản Điều Lệ đã chẳng cần phải trang trọng xác minh "lập trường Quốc gia Dân tộc" ở ngay phần mở đầu. Hay nói cách khác, nếu cuộc tranh chấp Quốc Cộng đã hoàn toàn chấm dứt, thì Văn Bút VNHN có thể đã giải tán để biến thành một thứ chi nhánh của Hội Nhà Văn trong nước.

Một người cầm bút ở hải ngoại, dù nhìn từ bất cứ góc cạnh nào, thì căn bản ông ta vẫn là một người tị nạn cộng sản, bỏ cộng sản mà đi. Nếu không, thì đã chẳng có quốc gia tự do nào đón nhận ông ta, đã chẳng có mảnh đất nào dung nạp để ông ta thoải mái viết văn, làm báo. Cho nên khi chối bỏ xuất xứ tị nạn cộng sản, thì đã là kẻ phản bội lại chính mình.

Tạp chí *Hợp Lưu*, do ông Khánh Trường chủ biên, cổ võ giao lưu văn hóa với Việt cộng trong nước. Cá nhân họa sĩ Khánh Trường đã từng triển lãm tranh tại Nhà Việt Nam, trụ sở của Hội Việt Kiều Đoàn Kết (CS) tại Paris năm 1991.

Tạp chí *Trăm Con* do bà Trần Sa chủ biên, cùng một đường lối như *Hợp Lưu*, nhưng đi xa hơn, hô hào thành lập một tập hợp mới, xóa bỏ "màu cờ sắc áo" cũ, phủ nhận mọi quá khứ, không chấp nhận cờ Quốc Gia cũng như cờ Cộng Sản. Thoạt nghe quan điểm "phủ nhận cả cờ Quốc Gia lẫn cờ Cộng Sản," người ta có cảm tưởng đó là một thái độ khách quan, nhưng thực chất, chủ trương ấy chỉ nhằm vào phía Quốc Gia mà thôi, bởi đã bao giờ cờ Cộng Sản được người người Việt hải ngoại chấp nhận đâu mà bây giờ phủ nhận! Nói thế, cũng tương tự như kêu gọi: Từ nay chúng ta hãy tìm một thứ quốc ngữ mới, không chấp nhận cả tiếng Việt lẫn tiếng... Congo! Cộng sản đang thống trị cả nước, chúng ta lấy quyền gì để phủ nhận lá cờ của họ!

Quan điểm chính trị của *Hợp Lưu* và *Trăm Con* đi ngược lại lập trường Quốc gia Dân tộc căn bản của Văn Bút VNHN ghi trong phần mở đầu của bản Điều Lệ. Nhưng có thể vì muốn tôn trọng quyền tự do phát biểu, Văn Bút đã không bày tỏ thái độ. Tuy nhiên, khi đồng bào "từ nhiều phía" có phản ứng với hai tờ báo này mà văn hữu chủ tịch Trang Châu lại đứng về phía hai tờ báo ấy để "cực lực phản đối" tiếng nói của đám đông tị nạn, chúng tôi coi đó là sự vi phạm nặng nề đối với bản Điều lệ mà ban chấp hành, hơn ai hết, có nhiệm vụ phải tôn trọng.

Chúng tôi chờ đợi văn hữu chủ tịch Trang Châu và ban chấp hành Văn Bút VNHN giải thích thêm về bản thông cáo ngày 6 tháng Bảy 1992 để trung tâm chúng tôi có thể nắm vững lập trường của ban chấp hành đương nhiệm.

Làm tại Toronto ngày 17-7-1992
T.M Ban Chấp hành Trung Tâm Văn Bút VN/Ontario

Trà Lũ Trần Trung Lương
Chủ tịch

VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

Nhà văn Nguyễn Sỹ Tế gặp gỡ thân hữu và bạn đọc

Chiều thứ Bẩy 18 tháng Bẩy 1992, tại Phòng Sinh hoạt Thế Kỷ, thị xã Westminster, Hội Văn học Nghệ thuật Việt Mỹ đã tổ chức một cuộc họp mặt, để nhà văn, nhà giáo Nguyễn Sỹ Tế có dịp gặp lại học trò cũ, bạn bè và bạn đọc.

Nhà văn Nguyễn Sỹ Tế là một trong những văn nghệ sĩ bị chính quyền CSVN giam giữ lâu năm trong các "trại cải tạo."

Ông từng là hiệu trưởng trường Trung học Trường Sơn, một tư thục nổi tiếng ở Saigòn trước năm 1975, nằm ở góc đường Hồng Thập Tự - Lê Văn Duyệt, nơi qui tụ rất nhiều nhà văn kiêm nhà giáo như Vũ Khắc Khoan, Thanh Tâm Tuyền, Nguyễn Xuân Hoàng...

Nguyễn Sỹ Tế là tác giả của nhiều bài thơ và truyện ngắn nổi tiếng, được ký dưới bút hiệu "Người Sông Thương." Ngoài ra, ông còn là tác giả của các biên khảo rất giá trị về các vấn đề văn hóa Việt Nam.

Ông bị CSVN giam giữ trong các nhà tù cải tạo 12 năm, trong đó có thời gian ông bị biệt giam suốt một năm trong xà lim tối, do đó mắt ông bị yếu hẳn. Ông cùng gia đình vừa rời khỏi Việt Nam hồi tháng Ba 1992, theo chương trình ODP. Hiện ông đang sống tại thị xã Santa Ana, California.

ĐỌC 'PULAU BIDONG MIỀN ĐẤT LẠ' CỦA VÕ KỲ ĐIỀN

NGUYỄN HỮU CHUNG

Tuy không phải là một quyển du ký như loại "Lổ Bình Sơn" nhưng "Bidong" cũng cho người đọc cảm giác và sự thích thú của một quyển du ký từ những ngày đầu ở Bạc Liêu cho tới những ngày cuối ở Mã Lai. "Miền đất lạ" không phải chỉ có đảo Bidong mà còn cả Bình Dương, Bạc Liêu, Cà Mau, những mảnh quê hương mà nhiều người trong chúng ta chưa có dịp đặt chân tới cũng có thể hình dung ra được qua ngòi viết của Võ Kỳ Điền. Riêng đảo Bidong thì tác giả đã cho phép những người không có cái khổ và cái may đặt chân đến đó, như tôi, được NHÌN THẤY nó. Cần thấy nó bởi vì mình đã nghe nói đến hàng ngàn lần, đó là nơi mà bạn bè, anh em mình và cả mấy trăm ngàn đồng bào mình đã sống như một thiên đàng và... một địa ngục. Địa ngục Bidong, những ai đã từng đặt chân đến đó sẽ tìm lại được đầy đủ kỷ niệm với Võ Kỳ Điền. Nhưng truyện của Võ Kỳ Điền thiếu tính chất du ký vì nó không có những hư cấu, không nhiều những tiêu, hành, tỏi và bột ngọt như những chuyện du ký chuyên nghiệp.

Về phương diện tả người, tuy tác giả không có ý bắt chước một Marcel Proust hay một Võ Phiến để vạch cho người đọc thấy những khía cạnh độc đáo của con người, Võ Kỳ Điền cũng có được những nhân vật độc đáo, độc đáo trong sự bình dị, trong những cử chỉ đơn giản của đời sống như sợ sệt, thương yêu, tham lam, tử tế.

Nhưng theo tôi, điều quan trọng nhất mà tác giả muốn gởi gấm trong quyển truyện nầy là tâm tình của ông, là những suy tư của ông về đời sống, về con người, về tình yêu gia đình và quê hương, về chế độ CS, cái chế độ đã buộc anh thầy giáo bỏ xứ ra đi để chỉ cần làm phu ở nước ngoài. Độc lập, Tự do, Hạnh phúc! Ông muốn nhắc nhở để hơn một triệu người VN di cư như ông, dù đã ghé đảo Bidong hay không ghé đảo Bidong, nhớ lại động lực nào đã khiến mình ra đi, tâm tình của mình khi quyết định ra đi, tâm nguyện của mình khi ra đi, những cay đắng, khổ nhục trên đường đi v.v... những điều mà đa số của hơn một triệu người kia đã quên. Đa số những người đã đặt chân đến bến bờ tự do đã ổn định đời sống, đã làm giàu, đã trở thành Việt kiều sang trọng trong những chuyến về thăm quê hương. Nhớ lại không phải để sống kham khổ mà hy sinh cho ai, cũng không phải để tìm cách trả thù những anh công an đã "đì" mình, hay những người ngoại quốc đã cướp bóc, đánh đập, hãm hiếp thân nhân mình hay gia đình mình, nhưng nhớ lại để sống cho có nhân cách và có lý tưởng. Có TRI thì phải có GIÁC. Tri mà không giác thì tâm hồn mình để đâu? Những kinh nghiệm khổ đau dưới chế độ độc tài CS, những ô nhục khi tạm trú ở các trại Mã Lai, Thái Lan, Hongkong dùng để làm gì? Chắc đã quên! Nhân cách mà mình quyết bảo tồn khi liều chết ra đi khỏi chế độ CS mình đã vất bỏ hồi nào khi mình cũng gian manh, lường gạt đồng bào như mấy ông CS, khi mình trở về vênh váo trên đường phố Saigon, lừa bịp đồng bào, chơi bời vungvít. Những nơi ăn chơi sang trọng nhất ở Saigon bây giờ là nơi gặp gỡ của cán bộ CS và Việt kiều. "Việt gian, Việt cộng, Việt kiều, Ba Việt cộng lại tiêu điều nước non".

Tôi không biết ông Võ Kỳ Điền có thành công nhẫn nhủ được gì ai không, nhưng ông viết quyển sách này để sống với tâm niệm của mình. Viết cho mình, trước hết.

Nhưng ông Võ Kỳ Điền chống Cộng một cách quá cay cú thành ra đôi khi lý luận của ông, tuy không hằn học, nhưng có phần phiến diện khi phán đoán một giai đoạn lịch sử. Có nhiều đoạn ông cũng tả cảnh dài dòng làm mất nhịp điệu của quyển sách. Những suy tư thì rất nhiều, đa số đúng tầm mức và đặt đúng khung cảnh, nhưng đôi khi cũng có cái hơi dài hoặc đặt sai khung cảnh. Nhưng điều quan trọng mà tôi không đồng ý với tác giả là ông cố ý làm ra vẻ quá thật thà, cái gì cũng không biết. Đầy dẫy khắp quyển truyện, trước một vấn đề gì ông cũng tỏ ra không biết, lý luận khờ khạo để rồi một nhân vật khác như vợ ông hay bạn ông giải thích đúng và rành mạch. Làm dáng theo lối... thơ ngây cụ!

Một điểm nữa mà tôi cũng không đồng ý với tác giả là ông cố ý viết văn theo giọng Nam Kỳ quá. Chẳng hạn như ông viết "bàn chưn" thay vì "bàn chân", chữ mà đa số dân miền Nam ở thành thị đã quen dùng. Chẳng hạn như ông viết "... nhưng trong tôi vẫn còn hoài, còn hủy hình ảnh cái chợ Phú cường...", thay vì "... trong tôi vẫn còn mãi..."

Đây là lối dùng từ ngữ để biểu lộ sắc thái địa phương, nhưng tôi thấy người ta vẫn có thể biểu lộ một sắc thái địa phương mà không cần phải dùng rặc từ ngữ địa phương. Điều đó mới tài tình hơn. Nhưng có thể tôi đã phán đoán sai khi gán chữ CỐ Ý cho ông Võ Kỳ Điền. Có thể ông là một người hạnh phúc, lớn lên học hết trung học ở quê nhà, sinh sống với gia đình, họ hàng, làng xóm, đi học đại học mấy năm ở Sài Gòn rồi lại trở về quê nhà dạy học, tiếp tục sống với gia đình, họ hàng, làng xóm, nên ông giữ nguyên được tính chất địa phương của mình.

Montréal tháng Sáu năm 1992

TÌM HIỂU

PHI CƠ CHIẾN ĐẤU PHẢN LỰC FSX

Tin từ Nagoya cho biết, Nhật Bổn vừa chế tạo cùng với công ty General Dynamics, một kiểu phi cơ chiến đấu phản lực mang danh là FSX mà họ nghĩ rằng có thể khống chế được bầu trời giống như kiểu phi cơ chiến đấu Zero đã từng làm mưa làm gió trong Đệ Nhị Thế Chiến.

Tướng Kiyoshi Matsumiya, Tư Lệnh Lực Lượng Phòng Không Tự Vệ khi đề cập đến loại phi cơ cánh quạt đã nổi tiếng, vì đã chiến thắng Hoa Kỳ trong những ngày đầu của cuộc chiến tranh tại Thái Bình Dương, đã nói "Đây sẽ là một chiến đấu cơ Zero của thời đại tân tiến."

Sự so sánh của Vị Tư Lệnh Không quân giữa phi cơ FSX và chiến đấu cơ Zero, cốt để vạch rõ triển vọng kỹ thuật của phản lực có thể là vô tình vì các giới chức Nhật Bổn thường tỏ vẻ rụt rè không muốn nhắc đến các vấn đề quân sự đã dẫn dắt Nhật Bổn đến cuộc bại trận trong Đệ Nhị Thế Chiến.

Được biết, dưới hiến pháp thời hậu chiến của Nhật do Hoa Kỳ áp đặt, quân lực của Nhật bị hạn chế để chỉ có thể đảm nhận công cuộc tự phòng thủ và bị cấm ngặt không được sử dụng võ lực để giải quyết các cuộc tranh chấp nơi hải ngoại.

Do một sự trùng ngẫu, việc Nhật loan báo chế tạo phi cơ FSX chỉ xảy ra vài ngày sau khi Quốc Hội Nhật chấp thuận việc gửi quân ra hải ngoại để tham gia vào lực lượng bảo vệ hòa bình của Liên Hiệp Quốc.

Kiểu phi cơ FSX, mũi nhọn, được trình diễn cho công chúng thấy vừa đây trông hơi khác với kiểu F-16 của Hoa Kỳ.

Được biết, năm 1987, Ngũ Giác Đài (Bộ Quốc Phòng Mỹ) đã tỏ ý muốn Đông Kinh mua các loại phản lực cơ cũ của Hoa Kỳ nhưng người Nhật đã tìm cách chế tạo phi cơ phản lực của chính họ. Ngoài ra, Tokyo cũng chấp nhận cùng phát triển phi cơ chung với Hoa Kỳ và sử dụng kỹ thuật học của Hoa Kỳ. Công Ty General Dynamics hiện đang nắm một vai trò trọng đại trong công cuộc chế tạo nói trên. Công ty này đã đóng góp từ 30 đến 40% về nhân công và vẫn giấu những nguồn ám hiệu điện toán bí mật của Hoa Kỳ để kiểm soát các phi vụ. (NH)

SÁCH BÁO TRONG THÁNG

SÁCH

KHỔNG TỬ, NGUYỄN HIẾN LÊ, Văn nghệ xuất bản. Sách dày 250 trang. Đề giá 12 MK. Nhà xuất bản Văn nghệ do ông Võ Thắng Tiết làm giám đốc đã cố gắng in những tác phẩm của Nguyễn Hiến Lê viết sau năm 1975.

Sau các cuốn Kinh Dịch, Con Đường Thiên Lý, Tôi Tập Viết Tiếng Việt, Hồi Ký I, II, III, là tác phẩm này.

Trong lời nói đầu, ông Nguyễn Hiến Lê cho rằng "từ xưa tới nay hầu hết các học giả viết về học thuyết Khổng Tử... đều *không phải là tìm hiểu Khổng Tử mà là tìm hiểu Khổng giáo....*" Theo ông Nguyễn thì người ta đã "gán cho Khổng Tử những tư tưởng của người đời sau, những tư tưởng có thể ông không bao giờ nghĩ tới, hoặc không muốn bàn tới."

Ông cho biết năm 1972, ông theo chủ trương dùng *Luận ngữ* (mà ông cho là bộ sách đáng tin nhất) mà tìm hiểu Khổng Tử để viết cuốn *Nhà giáo họ Khổng* và có ý sẽ viết tiếp hai cuốn khác là *Nhà Chính trị họ Khổng* và *Nhà Luân lý họ Khổng* nhưng vì bận việc quá, mãi đến năm 1977 ông mới lại viết về Khổng Tử được.

Ông cho rằng chưa cuốn sách nào ông viết mệt nhọc như cuốn này: sức khỏe suy yếu, bệnh đau bao tử tái đi tái lại, cảm cúm, khách khứa, trả lời thư.

Tác phẩm viết xong ngày 1 tháng Bảy 1978.

Nguyễn Hiến Lê là một người cầm bút nghiêm túc. Tác phẩm của ông được nhà xuất bản Văn Nghệ chăm sóc rất kỹ về kỹ thuật.

Một cuốn sách không thể thiếu trong tủ sách gia đình của bạn đọc.

Nhà xuất bản Văn Nghệ
P.O. Box 2301
Westminster, CA 92683
Điện thoại: (714) 527-5761

TRUYỆN MIỀN NAM, Tập I, Võ Phiến. Nhà xuất bản Văn Nghệ. Loại bỏ túi, dày 140 trang. Đề giá 6 MK. Đây là Truyện Miền Nam trong khoảng thời gian 1954-1975 với các tác giả Nhất Linh, Tuý Hồng, Văn Quang. Mỗi tác giả, người đọc sẽ được thưởng thức một bài giới thiệu của Võ Phiến và một trích văn. Với Nhất Linh, Võ Phiến giới thiệu *Khói Bếp*, với Tuý Hồng là *Lòng Thành* và Văn Quang, *Cũng Được* (tên bài này do người trích tuyển đặt tạm trong một đoạn trích từ *Người Yêu Của Lính).*

Được biết tập sách nhỏ này là một đoạn của bộ sách biên khảo lớn về hai mươi năm văn học Miền Nam 1954-1975. Tác giả cho biết "viết đến đâu ra sách liền kẻo để lâu in tốn kém, người đọc ngại đọc." (hay ngại mua?!). Liên lạc: nhà xuất bản Văn Nghệ.

CĂN BẢN XUẤT NHẬP CẢNG, KAREN OFFITZER, Vi Thuấn lược dịch, Khai Sáng xuất bản. Sách dày trên 100 trang. Đề giá 8 MK.

Nhà báo Vi Thuấn, dịch giả cuốn sách nói trên, cho biết sở dĩ ông chọn cuốn *Guide to Starting Your Own Import-Export Business* của Carol Publishing Group do Karen Offitzer biên soạn để giới thiệu vì sách viết giản dị, dễ hiểu, ngắn gọn, cung cấp đầy đủ những gì cần biết, cần làm cho người muốn bước vào ngành xuất nhập cảng. Sau cùng, đây là cuốn sách viết cho người có căn cứ tại Hoa Kỳ nên rất thích hợp với người Việt Nam tại hải ngoại.

Liên lạc
Nhà xuất bản Khai Sáng
14861 Dillow Street
Westminster, CA 92683
Điện thoại (714) 898-6018

NHỮNG NGÀY Ở VIRGINIA, Truyện ngắn VI KHUÊ, Đại Nam xuất bản. Sách dày trên 270 trang. Đề giá 12 MK.

Tuyển tập gồm 15 truyện ngắn của Vi Khuê, là tác phẩm thứ năm của bà sau Giọt lệ (1971), Cát Vàng (1985), Tặng Phẩm Tình Yêu (1990) và Ngựa Hồng Trên Đồi Cỏ (1986). Hiện bà là cây bút chủ lực của *Phụ Nữ Diễn Đàn.*

Với ba tập thơ và hai tập truyện ngắn, Vi Khuê là một trong những nhà văn nữ có một bút pháp chững chạc và ngăn nắp.Trong số 15 truyện ngắn trong tập người đọc có thể thưởng thức ba truyện Tết (Anh Về Chiều 30 Tết; Đalạt, Tết Mậu Thân; Một Lần Ăn Tết Ở Đây). Sách in đẹp, bìa do họa sĩ Đinh Cường trình bày trang nhã.

Thư mua sách xin gửi về:
Dainamco
P.O Box 4279
Glendale, CA 91202

Đính chánh

Mục Sách Báo Trong Tháng, *Thế Kỷ 21* số 39 tháng Bảy 1992, do sự sơ suất của toà soạn tên tác phẩm của nhà văn

Nguyễn Tấn Hưng đã in sai. Thay vì "Một Thoáng Hương Xưa," xin đọc là "MỘT THOÁNG TRONG MƠ," Thơ, Nhạc, Hòa âm của NGUYỄN TẤN HƯNG, Miệt Vườn xuất bản. Sách dày 124 trang.Đề giá 8 MK. Xin cáo lỗi cùng bạn đọc và tác giả Nguyễn Tấn Hưng.

Nhà thơ Hà Huyền Chi, trong phần Mở tập sách, viết "Nguyễn Tấn Hưng viết văn, Nguyễn Tấn Hưng soạn nhạc, Nguyễn Tấn Hưng làm thơ, Nguyễn Tấn Hưng chọc cười..., người sĩ quan Hải quân đã nửa đời giao duyên cùng biển cả, nửa đời gá nghĩa với văn chương. Tôi nghĩ rằng *Một Thoáng Trong Mơ* chỉ là một bến tạm trong hải trình tiến đến sự toàn bích ở cõi thơ đích thực mà thuyền trưởng Nguyễn Tấn Hưng đang giong buồm tìm gặp..."

BÁO

Hướng Việt, số 2 (các tháng Bốn, Năm và Sáu, 1992), tập san của Hội Văn Hoá Khoa Học Việt Nam, in tại Houston, với chủ biên là Nguyễn Lê Tâm.

Tuy là báo của một hội đoàn, *Hướng Việt* có một nội dung phong phú và một lượng thông tin lớn.

Hướng Việt chủ trương: "Văn hóa còn thì đất nước mới thật sự còn tồn tại. Và có lẽ chẳng một dân tộc nào có thì giờ quan tâm đến nỗi bất hạnh của một dân tộc khác. Vì thế, chúng ta cần góp phần xây dựng cộng đồng và đất nước, vì chúng ta là người Việt Nam."

Thế kỷ 21 thân ái giới thiệu *Hướng Việt* với quý độc giả. Địa chỉ liên lạc: PO Box 79105, Houston, TX 77279. ĐT: (713) 568-3663.

Tiếng Sông Hương, đặc san của nhóm "Huế," do Phương Anh Trang chủ trương biên tập. Đặc san dầy 150 trang, ấn loát mỹ thuật, nhất là những ảnh chụp có kỹ thuật cao. Bài vở xung quanh con người và vùng đất "thần kinh," trong đó rất nhiều sử liệu quý.

Không rõ đặc san ra định kỳ hay... tùy hứng, nhưng đây là một ấn phẩm đẹp và một tập tài liệu phong phú.

Liên lạc: **Tiếng Sông Hương,** 4409 Mockingbird Lane, Dallas, TX 75205.

Lê Hoa, đặc san của "Lê Tộc hội hải ngoại," dầy 64 trang, bìa lọc mầu, ấn loát công phu. Tuy là tờ báo của một họ, nhưng một số tài liệu hoặc biên khảo của **Lê Hoa** có giá trị lịch sử và văn học mà trong họ hay ngoài họ đều đọc được.

"Lê Tộc hội hải ngoại" mới thành lập gần đây, thực ra là một tiếp nối của "Lê Tộc hội" ở trong nước đã được thành lập từ nhiều thập niên trước.

Liên lạc Hội và tòa báo:
Ô. Lê Duy Hồng
10444 Flanders Pl.
San Diego, CA 92126
ĐT (619) 586-1867

Y sĩ miền Nam California, đặc san số 4, Hè 1992, của "Hội Y Sĩ Việt Nam miền Nam California," do bác sĩ Đoàn Yến làm Chủ tịch. Báo do bác sĩ Đặng Đức Nghiêm chủ biên.

Đây là một trong số ít những tờ đặc san in đẹp nhất ở hải ngoại. Được thực hiện bởi "những người áo trắng," tay quen cầm dao mổ, nhưng cũng... bấm máy computer rất nghề! (Bây giờ có lẽ ít người cầm bút để viết!)

Đặc san "Y sĩ MN Cali" dầy 104 trang, với các phần tin tức, xã luận, chuyên môn, văn học nghệ thuật, thơ... của hầu hết là các bác sĩ y khoa quen thuộc ở quận Cam -- nhiều người đã nổi tiếng trên văn đàn.

Liên lạc: PO Box 2054 (H-25) Bolsa Ave., Westminster, CA 92684.

SÁCH MỚI NHÃ CA

Hoa Phượng, Đừng Đỏ Nữa

Saigon cười một mình

Nhã Ca Hồi Ký Một Người Mất Ngày Tháng

Hoa hồng hậu cho các nhà sách. Miễn cước phí cho bạn đọc ở xa.
Chi phiếu, money order đề cho: HOA BINH, LE
12362 GAMMA St. GARDEN GROVE, CA 92640. Tel. (714) 537 6167

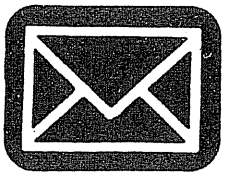

Tòa soạn và bạn đọc

●**Nguyễn Văn Ngọc** *(Connecticut):* Cám ơn ông đã viết thư cho biết địa chỉ của ông bị chúng tôi ghi sai nên báo thất lạc. Xin ông giữ lại các số báo gửi trùng, để biếu bạn bè, như đề nghị số 2 trong thư của ông. Nếu có thể, thỉnh thoảng ông cho vài hàng góp ý như thư này, chúng tôi cảm thấy được khiqch lệ nhiều. Ông cho xin ít địa chỉ của những người bạn mà ông thấy...hạp với loại báo như TK21, để chúng tôi gửi biếu và mời mua. Kính chúc vạn an.

●**BS Hoàng Ngọc Khôi** *(Toronto):* Cám ơn BS đã gửi check gia hạn báo. Nếu trả bằng tiền Canada, xin BS đề cho M. Hoàng Chiều Nhân. Ông Nhân hiện là đại diện phát hành của TK21 ở Canada. Tuy nhiên, check mà BS đã gửi, chúng tôi giải quyết được, không có vấn đề gì, xin BS yên tâm. Kính chúc BS và gia đình luôn vui.

●**Vũ Đức Bằng** *(Los Angeles):* Mừng anh và các bạn đã lập được Hội "T.R.E. Vietnam" (Teacher's Research on Education for Vietnam, Hội Giáo chức Nghiên cứu Giáo dục cho Việt Nam). Sẽ phổ biến tin vui này. Chúc Hội thành công. Thân ái.

●**Phan Đình Thìn** *(Emerainville, Pháp):* Đã nhận được tài liệu về "VN-ThinArt System 92." Sẽ giới thiệu. Có tin tức hoặc tài liệu mới, xin gửi đều đều, để TK21 phổ biến đi...năm châu bốn biển! Xin cho ý kiến về các đề nghị chuẩn hoá chữ Việt trên máy điện toán của Phạm Ngọc Lân và Lê Thọ Giáo đã đăng trên TK21. Thân chào.

●**Bùi Quang Khánh** *(Silver Spring, MD):* Cám ơn ông đã sốt sắng hưởng ứng dự án "Từ điển Bách khoa Việt Nam." Sẽ chuyển thư ông cho nhóm phụ trách. Đọc trong số này có bài về Đỗ Thông Minh, chắc ông sẽ nức lòng vì ông không "cô đơn" trên con đường nghiên cứu chữ nghĩa. Kính chào.

●**Đỗ Phương Oanh** *(Taverny, Pháp):* Đã nhận được bản tin "Phượng Ca." Không ngờ lịch sinh hoạt của các bạn phong phú đến thế! Nếu có dự tính đem những cánh Phượng sang Mỹ cho...bay lượn, xin cho biết để vận động bà con ủng hộ. Thân ái.

●**Nguyễn Quỳnh Phương** *(Ottawa):* Cám ơn đề nghị của cô (bà?) về việc trả tiền bằng C$. Chúng tôi đã nhờ giáo sư Hoàng Chiều Nhân ở Québec làm đại diện phát hành TK21 bên Canada. Từ nay, xin quý vị và các bạn gửi check bằng C$, đề cho M. Hoàng Chiều Nhân. Chúng tôi cũng đã làm xong bảng giá áp dụng cho từng quốc gia với đơn vị tiền tệ địa phương. Chúng tôi sẽ gửi báo tới Nguyễn Cao Thăng. Thành thực cáo lỗi vì đã không gửi ngay khi nhận được thư.

●**Nguyễn Văn Thái** *(Oklahoma):* Cám ơn ông đã cho cái nhãn của bưu điện để chỉnh lại nhãn của TK21. Đúng là sai một ly đi một dặm — một ly đây là ngón tay nhấn lầm nút trên keyboard, và một dặm (hay nhiều dặm?) theo số zip code từ 3 sang 5!

●**Nguyễn Thị Nga** *(Italia):* Nhận đủ các bản tin. Nhưng cái sau là "phủ định" của cái trước, nên không đi được tin nào. Cám ơn các bạn đã ủng hộ TK21. Chúng tôi xin cố gắng hơn nữa. Thân ái.

●**Nguyễn Văn Bảy** *(San Jose):* Nhận được thư vui lắm. Hơn một phần tư thế kỷ đã trôi qua kể từ những ngày cùng hoạt động ở THSVSG. Cám ơn bạn với những ủng hộ cả vật chất lẫn tinh thần. Thân ái. (LDD)

●**Tăng Fước** *(Berlin, Đức)* và **Đông Sơn** *(Bruxelles, Bỉ):* Hoan nghênh ý kiến của quý vị nhận làm đại lý phát hành cho TK21 ở địa phương. Sẽ có thư riêng để nói rõ điều kiện hai bên. Kính chào.

●**Nguyễn Nga My** *(Indianapolis):* Thư của cô lạc...ngay trong toà báo (!), nên từ tháng Hai đến nay mới xuất hiện! Xin cho biết cô muốn chúng tôi gửi cả những số cũ (từ số 33) hay bắt đầu từ số 40? Địa chỉ mới của TK21 hiện nay là PO BOX 2228-160, Westminster.

●**Lê Thị Thấm Vân** *(Milpitas):* Rất ngạc nhiên (trong thích thú và cảm động) khi nhận được phiếu với số tiền có tính cách ủng hộ. Xin chân thành cám ơn. Thân chào.

●**Cung Nguyễn** *(Baldwin Park):* Đã nhận thư góp ý về "Chữ và Nghĩa," sẽ nhờ Đồ Tĩnh giải đáp! Trước đó, có nhận một check $40.00, không rõ trả cho khoản gì, vì số tiền...lỡ cỡ! Chắc là ủng hộ? Cám ơn nhiều. Thân chào.

●**Phạm Hồng Hiển** *(Plzen, Tiệp Khắc):* Đã sửa địa chỉ mới. Nếu có gửi "Điểm Tin Báo Chí" cho TK21, xin gửi về địa chỉ mới nhé: PO BOX 2228-260. Thăm tất cả các bạn. Thân ái.

●**Lâm Đức Hợp** *(?):* S.O.S.! Xin cho biết địa chỉ mới. Không hiểu trục trặc ở "khâu" nào, mà số nhà và tỉnh có vẻ ở Đông Âu, mà quốc gia lại là Canada. Báo bị trả về mấy kỳ rồi!

●**Nguyễn Phúc Anh Lan** *(Toronto):* Báo bị trả về. Xin cho địa chỉ mới. Thân chào.

QUÝ VỊ ĐỘC GIẢ KHẮP THẾ GIỚI CÓ THỂ MUA TẠP CHÍ THẾ KỶ 21 TẠI CÁC ĐỊA ĐIỂM DƯỚI ĐÂY:

BỈ

* Đông Sơn Center
  1369 Chée De Wavre
  B. 1160 Bruxelles

CANADA

* Nhà sách Trung Việt
  6520 Darlington - Montreal
  Qué H3S2J3
  Tel. (514) 341-1740
* Vietnam Bookstore
  415 Spadina Ave.
  Toronto - Ont - M5T2G6
  Tel. (416) 595-5199
* **Hoàng Chiều Nhân**
  3895 Beriot Brossard
  Quebec, J4Z 2W8
  Tel. (514) 445-0529
  (Độc giả dài hạn có thể trả cho TK21 qua Mr. Hoàng bằng C$)

ĐỨC

* Lê Vũ
  Flattichstr. 55
  7140 Ludwigsburg
  Hoheneck

HOA KỲ

Minnesota

* Saigon Bookstore
  2950 4th Ave. S.
  Minneapolis MN 55408
  Tel. (612) 722-4360

Washington State

* Nam Phương
  1032 S. Jackson St. #B
  Seattle, WA 98104
  Tel. (206) 324-6364

Pennsylvania

* Kim Sơn
  900 South 8th St.
  Phila, PA 19147
* Nhà sách Thế Hệ
  6763 Wilson Blvd. #9
  Falls Church, VA 22044
  Tel. (703) 532-7890

New York

* Tú Quỳnh
  128 Hester St.
  New York, NY 10002

Massachusetts

* Thăng Long
  201 Adams St.
  Dorchester, MA 02122

Louisiana

* Về nguồn
  1717 Caal St. Suite 12
  New Orleans, LA 70112

Virginia

* Nhà sách Alpha
  6771 Wilson Blvd.
  Falls Church, VA 22044
  Tel. (703) 536-4008

Texas

* Mỹ Linh
  3512 Walnut
  Garland, TX 75042
  Tel. (214) 276-9852
* Ngày Nay
  8200 Wilcrest #5
  Houston, TX 77072
  Tel. (713) 568-6400
* Duyên Hải
  2200 Jefferson St. #5
  Houston, TX 77003
  Tel. (713) 224-6615
* Tân Sơn Nhất Express
  301 A S.Capitol Ave. #8
  San Jose, CA 95127
* Thiên Nga
  2929 A Milan St.
  Houston, TX 77006
  Tel. (713) 520-8013
* Văn Hóa
  2117 K Chenevert
  Houston, TX 77003
  Tel. (713) 650-1770

California

* Mây Hồng
  115 N. Fourth St. #115
  San Jose, CA 95112
  Tel. (408) 971-9808
* Cửu Long
  528 W. Alpine
  Los Angeles, CA 90012
  Tel. (213) 620-9650
* Nhà sách Toàn Thư
  79 S. 3rd
  San Jose, CA 95113
  Tel. (408) 292-2788
* Hồng Bàng
  1692 Tully Rd #16
  San Jose, CA 95129
  Tel. (408) 270-0865
* Văn Uyển
  496 S. 2nd St.
  San Jose, CA 95114
* Tự Do
  818 Tully Rd. #158 A
  San Jose, CA 95112
* Thanh Thúy Bookstore
  535 Eddy St.
  San Francisco, CA 94109
  Tel. (415) 775-6568

Little Saigon

* Tự Lực
  14138 Brookhurst St.
  Garden Grove, CA 92543
  Tel. (714) 531-5290
* Tú Quỳnh
  9581 Bolsa Ave.
  Westminster, CA 92683
  Tel. (714) 531-4284
* Văn Khoa
  9200 Bolsa Ave., Ste 123
  Westminster, CA 92683
  Tel. (714) 892-0801

NHẬT BẢN

* Mekong Center
  F140 Tokyo - To,
  Shinagawaku
  Yashio, 5-12-69-115
  Japan
* Thằng Bờm
  1 Shinowada 262
  Ichodanchi 72-918
  Yamatoshi Kanagawaken
  Japan

PHÁP

* Mme Lê Tất Luyện
  15 Place Souham
  75013 Paris
  (Độc giả dài hạn có thể trả cho TK21 qua Mme Lê bằng FF)
* Nam Á
  33, Ave. D'Ivry
  Paris 75013

ÚC

* Tòa soạn báo Việt Luận
  P.O.Box 415
  Villawood, NSW 2163
  (Độc giả dài hạn ở Úc có thể trả cho qua Việt Luận bằng A$)
* Văn Lang Publishing
  1st Floor 34 Old Town
  Plaza Bankstown
  NSW 2200 Australia
* Vietnam Lang & Cul. Pub.
  P.O.Box 133 Pascoe Vale
  South Vic. 3044 - Australia
* Saigon Bookshop
  17 Penny Arcade
  Cabramatta N.S.W. 2166
  Tel. 727-2609
* Mỹ Hóa
  3710 Springvale Rd.
  Vic. 3171
  Tel. (03) 548-2216

LIÊN HIỆP CỘNG ĐỒNG VIỆT NAM

UNIFIED VIETNAMESE COMMUNITY COUNCIL

A NON-PROFIT ORGANIZATION

PHỤC VỤ CỘNG ĐỒNG VIỆT NAM

CÁC DỊCH VỤ CHÍNH:

- Huấn nghệ.
  (Chương trình Targeted Assistance Program - TAP/RESS).
- Trung Tâm Sinh Hoạt Cựu Tù Nhân Chính Trị VN.
- Dịch vụ xã hội, văn hóa, tìm việc làm cho người tị nạn.
- Lớp Việt Ngữ.
- Ấn hành sách báo tặng đồng hương (tủ sách Liên Hiệp Cộng Đồng Việt Nam).
- Phòng đọc sách báo Việt Ngữ.
- Các dịch vụ khác . . .

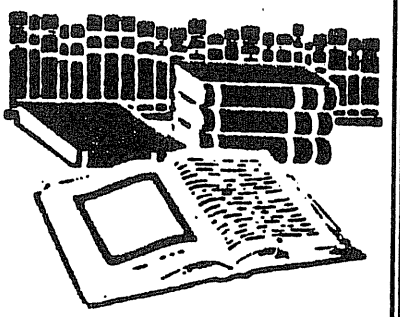

Trụ sở Trung ương
Liên Hiệp Cộng Đồng VN

709 N. Hill Street #103
Los Angeles, CA 90012
Đ.T: (213) 680-1059/ 1060

Trung Tâm Sinh Hoạt
Cựu tù nhân chính trị VN
8780 East Valley Blvd # I
Rosemead, CA 91770
Đ.T: (818) 280-7474

Trung Tâm Tìm Việc
San Fernando Valley
14545 Victory Blvd, 2nd Floor
Van Nuys, Ca 91405
Đ.T: (818) 909-0683 & 909-0684

Luật Sư

VŨ QUANG LÂM

ATTORNEY AT LAW

Với Sự Cộng Tác Của Luật Sư

JOSEPH P. DOWNS

Luật Sư tại các Tòa Án Liên Bang Hoa Kỳ,
Tòa Án Tiểu Bang California và Indiana

Phụ Trách:

- **LUẬT DI TRÚ:**
  Đoàn Tụ O.D.P., Di Dân, Nhập Quốc Tịch
- **LUẬT THƯƠNG MẠI:**
  Lập Công Ty, Tổ Hợp, Khế Ước, Thương Vụ, Xuất Nhập Cảng...
- **LUẬT ĐỊA ỐC:**
  Sang, Thuê Nhà Cửa, Cơ Sở Thương Mại
- **HOẠCH ĐỊNH TÀI SẢN:**
  Di Chúc, Thừa Kế, v.v...
- **LUẬT GIA ĐÌNH:**
  Ly Dị, Cấp Dưỡng, Phân Chia Tài Sản
- **HÌNH LUẬT:**
  Say Rượu, Lừa Gạt, Trộm Cắp, v.v...
- **KHAI KHÁNH TẬN TÀI SẢN**
- **LUẬT THUẾ VỤ:**
  Thuế Cá Nhân, Thuế Thương Mại

TAI NẠN XE CỘ

TAI NẠN NGHỀ NGHIỆP

TAI NẠN SIÊU THỊ

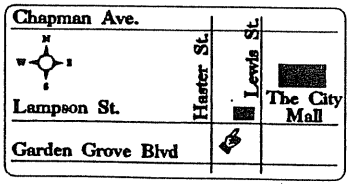

Tham Khảo Miễn Phí

QUÍ VỊ CÓ THỂ THAM KHẢO TRỰC TIẾP VỚI LUẬT SƯ

GIỜ LÀM VIỆC:
Thứ Hai - Thứ Bảy: *10 AM - 7 PM*
Chúa Nhật: *Làm việc theo hẹn*

12431 LEWIS ST., SUITE 102
GARDEN GROVE, CA 92640
(Trong khu Cityview Office Plaza)
Tel: (714) 748-4634
Fax: (714) 748-4637

VĂN PHÒNG LUẬT SƯ RUDOLPH M. MOSQUEDA & ASSOCIATES

PHỤC VỤ CỘNG ĐỒNG VIỆT NAM

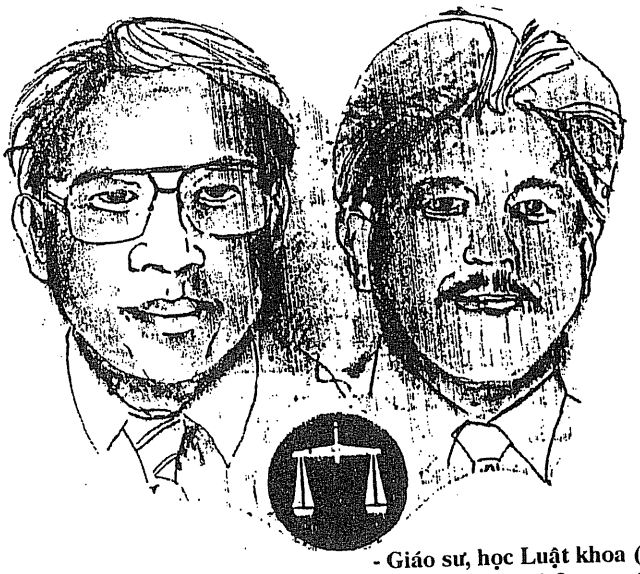

TRIỆU NGỌC TOÀN J.D.

- Tốt nghiệp Tiến sĩ Luật Khoa Hoa Kỳ (W.S.U.)
- Giáo sư, 11 năm trong hệ thống giáo dục, hành chánh Hoa Kỳ.
- Điều hành văn phòng.

L.S. RUDOLPH M. MOSQUEDA

- Giáo sư, học Luật khoa (W.S.U.)
- 6 văn phòng tại Orange County, Los Angeles.
- 5 văn phòng tại Orange County, Los Angeles
- Một Luật sư đoàn chuyên nghiệp tai nạn (P.I.)
- Uy tín nhiều năm với các cộng đồng Á Châu.

KHANH TANG

- **ĐÒI BỒI THƯỜNG TAI NẠN THƯƠNG TÍCH**
  - *** Vì Xe Cộ:**
    - Văn phòng đảm nhận kéo xe, thuê xe, báo cáo DMV.
    - Đòi bồi thường tối đa, nhanh chóng
  - *** Trượt Ngã Siêu Thị**
- **HÌNH LUẬT: Do L.S. JON ALEXANDER, ESQ.**

  Nguyên Public Defender Tòa Án Westminster với Record thành công nhiều vụ Trials đại diện thân chủ Việt Nam:
  - Lái xe say rượu, Trộm cắp siêu thị.
  - Các tội tiểu hình, Đại hình.
- **LUẬT ĐỊA ỐC:**
  - Tranh chấp chủ nhà, người thuê.
  - Hợp đồng mua bán nhà cửa.
- **KHAI KHÁNH TẬN, PHÁ SẢN**
  - Bankruptcy cá nhân, công ty, chận đứng chủ nợ phiền nhiễu.
- **DI TRÚ, ĐOÀN TỤ**
- **LUẬT THƯƠNG MẠI:**
  - Tranh chấp về khế ước
  - Cố vấn thành lập Corporations.
- **LUẬT GIA ĐÌNH:**
  - Ly dị, cấp dưỡng, chia tài sản.
- **DI CHÚC THỪA KẾ**

Xin gọi để quyền lợi pháp lý của quý vị được bảo vệ tối đa.

(714) 892-2154

• Los Angeles Office:
3699 Wilshire Blvd., lầu 8,
Suite #860
Los Angeles, CA 90010
Toll Free 1-800-331-4725

GIỜ LÀM VIỆC:
Thứ 2-7: 9AM - 7PM
Chủ Nhật: theo hẹn

• Westminster Office:
9211 Bolsa Ave., Suite # 222
Westminster, CA 92683
(Trước Siêu Thị 99)

Bác Sĩ Y Khoa

TRẦN QUỐC TOẢN, M.D.

- DIPLOMATE AMERICAN BOARD OF INTERNAL MEDICINE
- VĂN BẰNGCHUYÊN MÔN NỘI KHOA TỔNGQUÁT HOA KỲ
- NGUYÊN GIẢNG VIÊN ĐẠI HỌC Y KHOA SAIGON
- NGUYÊN GIÁO SƯ MÔN NỘI KHOA ĐẠI HỌC Y KHOA OKLAHOMA
- NGUYÊN PHÓ GIÁM ĐỐC OKLAHOMA CITY V.A. MEDICAL CENTER

Chuyên Trị:

BỆNH NỘI KHOA & BỆNH NGOÀI DA:

- **BỆNH DỊ ỨNG:** Sổ mũi, nổi mề đai, phong ngứa
- **BỆNH NGOÀI DA:** Mụn trứng cá, tàng nhan, mụn cóc, lang ben
- **BỆNH PHONG THẤP:** Đau khớp xương, đau nhức kinh niên
- **BỆNH THẦN KINH:** Mất ngủ, nhức đầu, chóng mặt, động kinh
- **BỆNH DINH DƯỠNG và BỆNH TUYẾN NỘI TIẾT:** Áp huyết cao, tiểu đường, mỡ cao trong máu, mập phì, bướu cổ
- **BỆNH TIÊU HÓA:** Loét bao tử, chai gan, sạn túi mật, trĩ, táo bón, tiêu chảy, đi tiêu ra máu
- **BỆNH TIM:** Tức ngực, hồi hộp, đau tim, tim đập sai nhịp
- **BỆNH PHỔI:** Ho kinh niên, khó thở, suyễn, sưng phổi
- **BỆNH THẬN & ĐƯỜNG TIỂU:** Nhiễm trùng, tiểu ra máu, sạn thận và đường tiểu thận suy

BỆNH LIÊN QUAN ĐẾN TUỔI GIÀ:

- Bệnh suy yếu, run rẩy
- Bệnh cứng động mạch, đứt gân máu não
- Bệnh tê liệt, bại xuội

Y KHOA PHÒNG NGỪA:

- Khám tổng quát định kỳ
- Chích ngừa cảm cúm, sưng phổi
- Chích ngừa nhập học, thi đua thể thao
- Truy tầm ung thư, máu, vú, phổi, ruột, tử cung
- Khám bệnh thử máu trước khi lập gia đình

NHẬN MEDICAL, MEDICARE, BẢO HIỂM

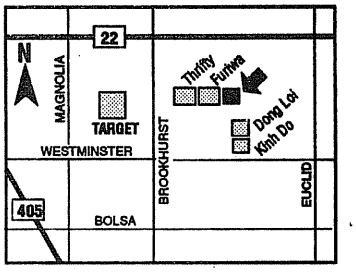

13832 BROOKHURST ST.
GARDEN GROVE, CA 92643
(Góc Brookhurst &Westminster trong khu chợ Kinh Đô cạnh Furiwa Restaurant)

(714) 636-3595

GIỜ LÀM VIỆC:
Thứ Ba - Thứ Sáu
1:30PM - 7:30PM
Thứ Bãy
9:30AM - 6PM
Chũ Nhật và Thứ Hai THEO HẸN

Xin Gọi Trước Để Lấy Hẹn

THẾ KỶ 21 HÂN HẠNH GIỚI THIỆU

KIỀU CHINH
Hanoi Saigon Hollywood

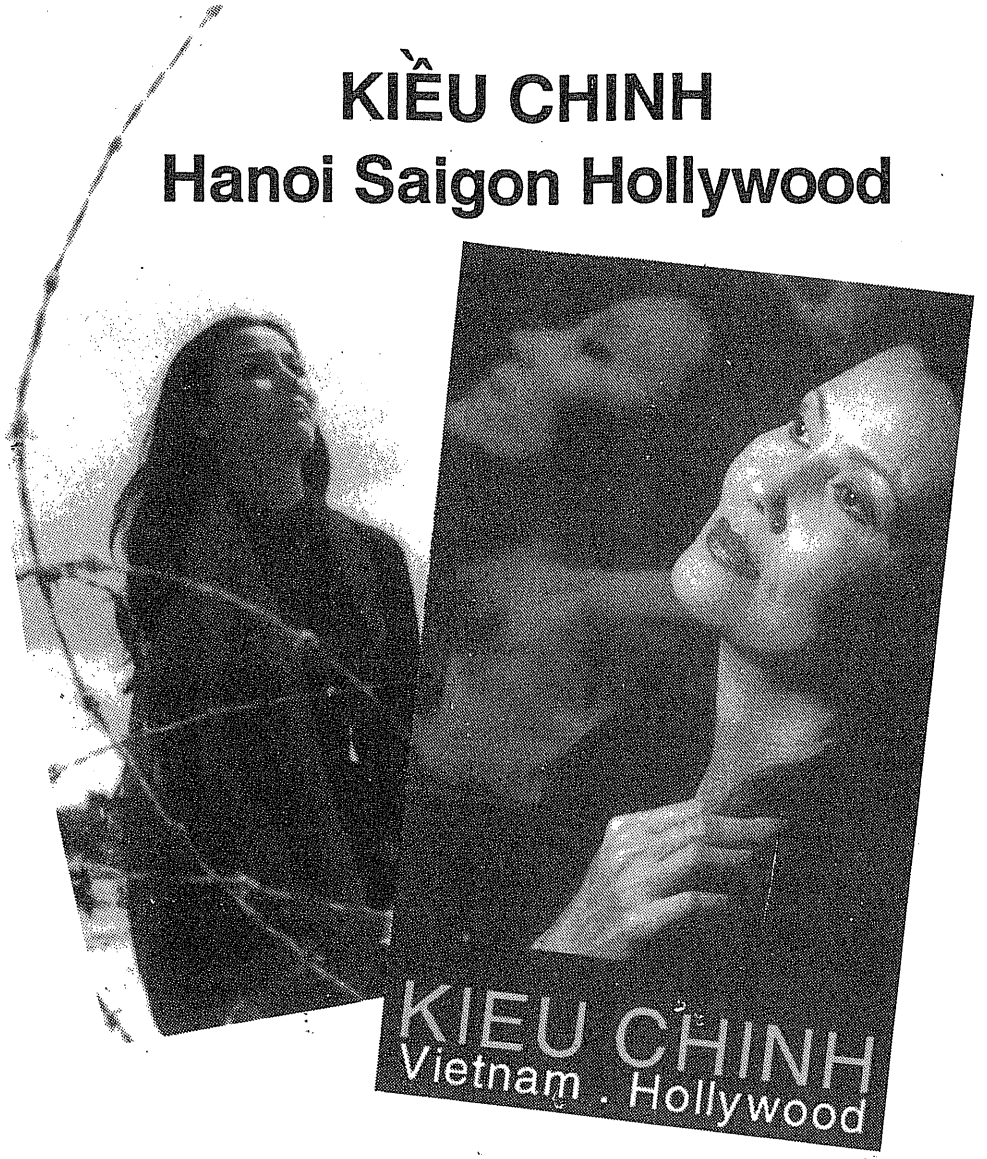

Một cuốn sách xứng đáng có trong mọi tủ sách: công trình chung của 46 nghệ sĩ Việt Nam và Hoa Kỳ, câu chuyện cuộc đời và sự nghiệp của người nữ diễn viên trong dông bão lịch sử dân tộc, được viết lại bởi NHÃ CA, ALISON LESLIE GOLD, LÊ VĂN.

Bằng kỹ thuật điện ảnh, kết hợp với nghệ thuật sân khấu, nhiếp ảnh, âm nhạc..., sách đã được thực hiện thành video, với sự góp mặt của bằng hữu khắp nơi, các tài tử điện ảnh, văn nghệ sĩ Việt Nam và quốc tế.

VIDEO KIEU CHINH VIETNAM HOLLYWOOD

Đặt mua trực tiếp bằng bưu điện. Chi phiếu hoặc money order đề cho THÂN HỮU:

4233 FARMDALE Ave., STUDIO CITY, CA 91604

Giá sách: $30.00; Video: $14.00, kể cả bưu phí. Mua cả sách và video: $40.00

AQUALITYBUILDINGCO

(714) 532-4236

Remodel Specialist
RESIDENTIAL & COMMERCIAL

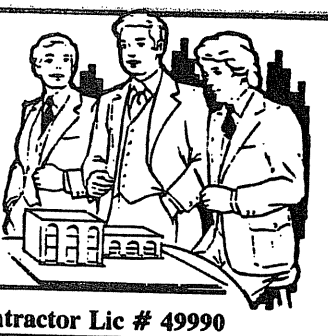

General Contractor: **ĐOÀN THANH VŨ** - Contractor Lic # 49990

312 Earlham • Orange, CA 92669

Công ty xây cất nhận vẽ họa đồ, xin giấy phép, thiết kế cho những dịch vụ thương mại hay tư gia.

ĐẶC BIỆT:

- Audio / Video Store
- Restaurant
- Hair / Nail Shop
- Medical, Dentist, Pharmacy Offices
- Kitchen / Bathroom Remodeling
- Room Addition
- Electrical / Plumbing

- **Bảo đảm đúng hẹn, công việc hoàn tất mỹ mãn như ý khách hàng**
- **Giá cả đặc biệt, bảo đảm rẻ hơn những nơi khác từ 5% - 15%**
- **Xin liên lạc để được hướng dẫn tận tình**
- **Chủ nhân với nhiều năm kinh nghiệm trực tiếp điều hành công việc**
- **Đã được sự tín nhiệm của khách hàng trong nhiều năm qua (Có giấy tờ chứng nhận để quý khách xem)**

SM Printing

FLYERS

10,000 = $130 00

Black & White
Ready Art Work

BUSINESS CARDS

1000 = $18 00

Black & White

GIÁ HẠ CHƯA TỪNG THẤY
PHẨM CHẤT CAO
PHỤC VỤ NHANH CHÓNG
ĐÚNG HẸN

NHẬN IN: Kinh, sách, quảng cáo, thực đơn, giấy tờ văn phòng v..v... Làm con dấu, và đóng sách cho các nhà in.

Có giá đặc biệt cho các hội đoàn tôn giáo và sinh viên học sinh.

Đặc Biệt Thiệp Cưới Đủ Loại, Đủ Mẫu Để Lựa Chọn

(714) 373-4555

FAX 714/373-2105

14141 BEACH BOULEVARD WESTMINSTER, CA 92683

HỒI KÝ

GIỌT NƯỚC TRONG BIỂN CẢ

của Hoàng Văn Hoan

Nguyên Phó Chủ tịch Quốc hội và cũng là tên tử tù khiếm diện của Đảng Cộng sản Việt nam.

Tiết lộ nhiều bí mật động trời như chuyện Lê Duẩn giết Đại tướng Cộng sản Nguyễn Chí Thanh, hai phe thân Tàu, thân Nga chống nhau kịch liệt trong Đảng CSVN và thêm nhiều chuyện thâm cung bí sử động trời khác và để hiểu tại sao Trung Cộng dạy cho Việt Cộng một bài học năm 1979 sau khi Hà nội xua quân xâm lăng Kampuchia.

Cuốn sách không thể thiếu trong tủ sách của người nghiên cứu chính trị và lịch sử tại hải ngoại.

SÁCH DÀY 462 TRANG — TRÌNH BÀY MỸ THUẬT.
SỐ IN CÓ HẠN, MUA NGAY KẺO HẾT.
(TÁI BẢN LẦN 2)

Liên lạc về địa chỉ:
N. TRAN
PO BOX 974
Portland, OR 97207, USA

Giá: $16.00
Ngoài Hoa Kỳ thêm $1.00

Bác Sĩ
NGUYỄN DUY CUNG
Giải Phẫu Thẩm Mỹ

PHÒNG MẠCH:
14441 Brookhurst St. #2
Garden Grove, CA 92643
(góc đường Hazard)
Liên lạc cô Xuân Uyên (714) 775-3718

Nữ Bác Sĩ Nha Khoa
Nguyễn Thị
Ngọc Sương
14265 Brookhurst Street
Garden Grove, CA 92643
Tel: (714) 531-2773

DO IT YOURSELF STORE AT EACH LOCATION — WE DISCOUNT ALL LABOR AND MATERIALS
PLUMBING T.D
State License # 363503
Cơ sở đầu tiên của người Việt Nam do một nhóm thợ nhiều năm kinh nghiệm đảm nhận
VIỆC LÀM BẢO ĐẢM
Tel: (714) 546-8409
CHUYÊN MÔN
SỬA CHỮA, THAY THẾ Ống Nước, Ống Gas, Cầu Tiêu, Bồn Tắm, Nhà Bếp, Máy Sưởi, Water Heater, Khai Thông Ống Cống.
GIÁM ĐỊNH HỆ THỐNG
NƯỚC, GAS, ỐNG CỐNG
trước khi MUA NHÀ
ĐỂ TIẾT KIỆM VÌ SỬA CHỮA
T.D. PLUMBING
T.D. PLUMBING
DO IT YOURSELF STORE AT EACH LOCATION — WE DISCOUNT ALL LABOR AND MATERIALS

Thế Kỷ 21
P.O.Box 2228-260
Westminster, CA 92683, U.S.A.
(714) 894-9021 (714) 894-5630
Fax (714) 894-2752

Ngày _____

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN

Họ Tên: _____

Địa Chỉ: _____

City: _____ State _____ Zip _____

Country: _____ Số bưu chính: _____

Xin đặt mua dài hạn báo **Thế Kỷ 21:** Điện thoại: _____

☐ 6 số báo ☐ 12 số báo ☐ 24 số báo Kể từ tháng _____ năm _____

Kèm theo đây là check/money order (trả cho: THE KY 21)

mang số tiền: $US _____ Ký tên: _____

Giá mua dài hạn:	Bulk Rate (Mỹ)	First Class (Mỹ)	Canada	Âu Châu	Á/Phi/Úc Châu
6 số báo	$ 15	$ 22	US$ 23	US$ 32	US$ 37
12 số báo	$ 28	$ 42	US$ 44	US$ 62	US$ 72
24 số báo	$ 54	$ 82	US$ 86	US$ 122	US$ 142

Thanh Lịch! Tao Nhã!

Quà Xuân tặng người thân, bạn bè:
Không gì bằng những tác phẩm văn chương và âm nhạc!
Nhà xuất bản Người Việt đã dành sẵn quý bạn 6 tác phẩm mới nhất.
Giảm giá 50% và sẽ gửi đi khắp thế giới theo yêu cầu của các bạn.
(Ngoài Hoa Kỳ thêm 1 đô la)

Xin gọi Bà **LOAN ĐỖ (714) 892-9414**

Giá: $10.00

Giá: $12.00

Giá: $12.00

Giá: $14.00

Giá: $11.00

Giá: $10.00

BULK RATE
US POSTAGE PAID
SANTA ANA, CA
PERMIT No 23

TRUNG TÂM QUANG TUYẾN
WESTMINSTER
Bác Sĩ LÊ VĂN GIAO,M.D.
ABR - FACR - FACNM

CHUYÊN KHOA QUANG TUYẾN
ĐỒNG VỊ PHÓNG XẠ
VÀ TRUY TẦM UNG THƯ NGỰC

10051 Bolsa Avenue, # A-2
Westminster, CA 92683
(Góc Bolsa và Brookhurst)

(714) 839-4311 / 839-4321

- Tốt nghiệp Y Khoa Bác Sĩ tại Đại Học Y Khoa Utah
- Cựu Nội Trú Nội thương và Ngoại thương Đại Học Y Khoa USC
- Tốt nghiệp chuyên khoa Quang Tuyến Đại Học Y Khoa USC
- Nguyên Giảng Viên và Bác Sĩ Trưởng các Bác Sĩ thường trú Đại Học Y Khoa USC
- Hậu Đại Học Đồng Vị Phóng Xạ (Nuclear Medicine) tại Đại Học Y Khoa USC
- Chuyên khoa đặc biệt về Truy Tầm và Trị Liệu Ung Thư Ngực tại UCLA
- Nguyên Bác Sĩ Trưởng Khu Quang Tuyến cho CIGNA HEALTH PLAN
- Hiện là Bác Sĩ Quang Tuyến tại nhà thương FHP và Fountain Valley

Những máy móc tối tân định các bệnh: Sản Phụ Khoa, Trẻ Em, Chứng bệnh Cấp Tính và Kinh Niên, Người Lớn.

- TRUY TẦM VÀ HỢP TÁC VỚI CÁC BÁC SĨ CHUYÊN MÔN ĐỂ TRỊ LIỆU CÁC BỆNH UNG THƯ NGỰC, CỔ TỬ CUNG, BAO TỬ, RUỘT, PHỔI, v.v...

Dùng máy Quang Tuyến tối tân bậc nhất, chuyên chỉ để chụp hình Ngực vô cùng chính xác, và giảm thiểu độ phóng xạ trên cơ thể bệnh nhân đến mức tối thiểu hầu như không đáng kể.

Giá 3.00 Mỹ Kim. Ngoài Hoa Kỳ, thêm 1.00 MK.